NĂM THỨ MƯỜI LĂM • # 180 • APRIL 2004

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002

Nhớ về Sài Gòn

DELTA ALARM SECURITY SYSTEM, INC

12912 Brookhurst St. # 375, Garden Grove, CA 92840

1-866-NEED-ADT

633-3238

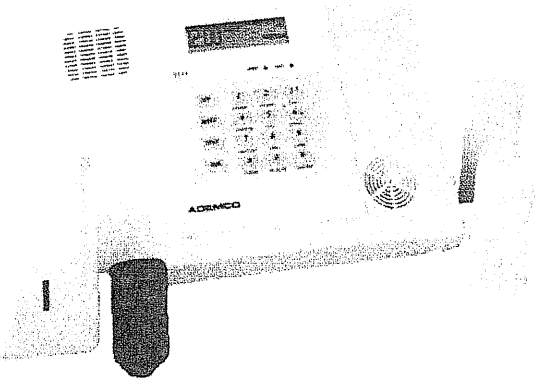

MIMI VO / Branch Manager
Direct: (562) 244-8810

Office:
714-210-4911

Fax:
714-210-5911

* Công ty Alarm Việt nam đầu tiên là đại diện cho ADT cung cấp hệ thống báo động khắp Hoa Kỳ & Châu Âu.
* Quý vị cần 1 người giữ nhà tuyệt đối trung thành và hữu hiệu.
* Quý vị cần 1 người bảo vệ an ninh cơ sở khi vắng mặt.
* Xin hãy giao phó công việc đó cho công ty DELTA / ADT 24/24 trực tiếp với sở Cảnh Sát bao gồm các trường hợp khẩn cấp: Y Tế, Hỏa Hoạn.v.v.

MIỄN PHÍ: **Hệ thống báo động không dây**
FREE: Wireless System
MIỄN PHÍ: **Định Giá**
FREE: Estimation
MIỄN PHÍ: **Thiết kế và lắp đặt**
FREE: Installation

Giảm giá bảo hiểm từ 5% - 25%

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

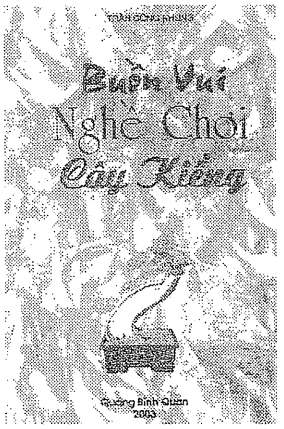

BUỒN VUI NGHỀ CHƠI CÂY KIỂNG
Biên khảo của **TRẦN CÔNG NHUNG**
Sách hướng dẫn "nghề chơi cây kiểng" một cách nhẹ nhàng thích thú. Tác giả chỉ trình bày những nỗi "vui buồn" trong những công việc như đi săn cây, làm chậu, tạo dáng cây kiểng, đi đào cây trên núi v.v... để tạo thành vườn cây kiểng, nhưng đó cũng là những bài học, ai cũng lĩnh hội được qua sách này, với rất nhiều hình ảnh minh họa màu tuyệt đẹp. Giá 20 Mỹ kim.

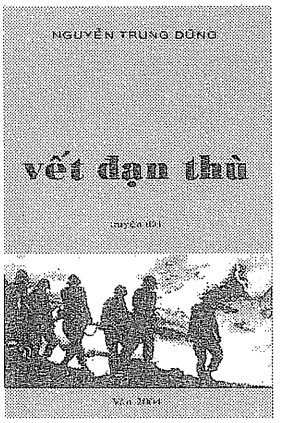

VẾT ĐẠN THÙ
Truyện dài của **NGUYÊN TRUNG DŨNG**
Tác giả là một sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, đã có sách xuất bản trước 1975 tại Việt Nam, và tiếp tục viết sau khi ra hải ngoại năm 1992. Cuốn Vết Đạn Thù, cuốn truyện dài về đề tài chiến tranh Việt Nam, xuất bản lần đầu năm 1969, sang Mỹ tác giả đã nhờ thư viện Cornell University để có một bản sao, và từ đó ông viết "bổ túc" để thành ra cuốn sách này. Giá 15 Mỹ kim.

GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU
Biên khảo của **LÊ ANH DŨNG**
Truyện Tây Du của Tàu thì người Việt Nam nào cũng biết, đó là một trường thiên tiểu thuyết vô cùng li kỳ hấp dẫn kể chuyện Tam Tạng thỉnh kinh. Thế nhưng đó cũng là một câu chuyện chứa đầy triết lý sâu sắc của Phật giáo. Cuốn "Giải mã truyện Tây Du" là một tài liệu soi rọi những mật ngữ hình nhi thượng được che giấu tài tình trong những chương hồi gay cấn, dắt ta vào huyền nghĩa ẩn áo của đạo học Đông phương. Giá 8 Mỹ kim.

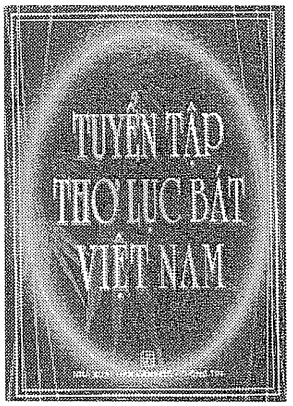

TUYỂN TẬP THƠ LỤC BÁT VIỆT NAM
Tuyển chọn bởi: **QUANG HUY, NGUYỄN BÙI VỢI, VÕ VĂN TRỰC**
Lục bát là thể thơ dễ làm nhưng rất khó hay, vị trí của nó cheo leo ở giữa một thi phẩm đầy rung cảm và một bài vè thô thiển. Nhưng đó cũng là thể thơ mang trọn tâm hồn Việt Nam. Những người biên tập sách này đã phải đọc hàng chục ngàn bài thơ lục bát từ xưa đến nay để chọn ra 166 bài của 145 tác giả. Giá 7 Mỹ kim.

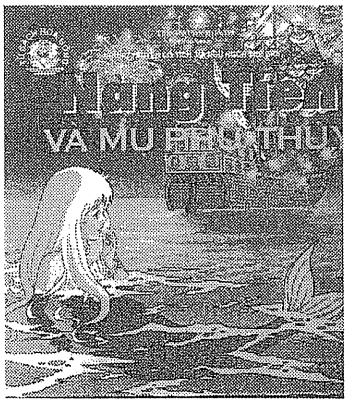

NÀNG TIÊN VÀ MỤ PHÙ THỦY
TRỊNH XUÂN HOÀNH biên soạn
Đây là sách truyện cổ tích và ngụ ngôn thế giới được dịch sang tiếng Việt, in ấn và minh họa rất mỹ thuật, không khác gì các sách truyện cho trẻ con của Pháp, Mỹ. Gồm truyện của những tác giả danh tiếng như Aderson, Grim, truyện cổ Nhật Bản v.v... Sách khổ lớn in trên giấy tốt, bìa cứng. Giá 16 Mỹ kim.

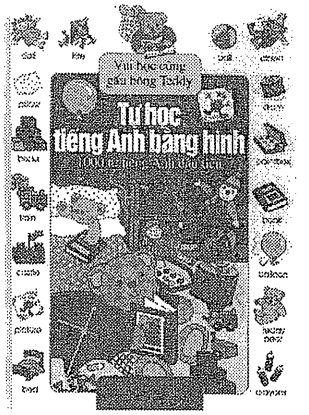

TỰ HỌC TIẾNG ANH BẰNG HÌNH
NGỌC ANH, TRẦN THU HUYỀN
dịch từ tài liệu ngoại quốc
Một tài liệu giáo dục tuyệt hảo, dạy 1000 từ tiếng Anh đầu tiên với hình vẽ linh động đầy màu sắc, mỗi từ còn có phiên âm quốc tế. Dưới mỗi trang còn có câu hỏi ôn tập rất vui để người học nhớ chữ nghĩa một cách thích thú. Sách khổ lớn, bìa cứng, in màu. Giá 16 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel.: (417) 585 - 4666, (714) 839 - 8746
Email: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky21@kicon.com (biên tập)

Tạp chí THẾ KỶ 21: Một tặng phẩm đầy ý nghĩa

PHIẾU ĐẶT MUA/GIA HẠN/TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận/Full name:_____

Địa chỉ/ Address: _____

_____

Phone/Fax/E-mail:_____

Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order #:_____

Số tiền/Amount: _____

	1 năm/1 year	2 năm/ 2 years	Ghi chú/Notes
Media Mail (AirMail)	US $50.00	US $90.00	
Hạng nhất / First class	US $64.00	US $120.00	
Canada	US $68.00	US $130.00	
Châu Âu/Europe(Air Mail)	US $88.00 $90.00 US	US $170.00 US $170.00	 Mới (New)
Châu Á, Châu Úc/Asia, Australia(Air Mail)	US $98.00 US $106.00	US $185 US $196.00	 Mới (New)

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 11 năm 2002 (Effective Nov. 1, 2002)

Suyễn, mất ngủ, đau bao tử, dị ứng mũi v.v... ĐỪNG LO đã có THUỐC CHUYÊN TRỊ RẤT HIỆU QUẢ

GẦN 40 NĂM KINH NGHIỆM PHỤC VỤ QUÍ THÂN CHỦ TRONG CÁC LÃNH VỰC

SỨC KHỎE - SỰ NGHIỆP - TÌNH YÊU THEO Ý MUỐN

Prof. PUNG NAVANN nguyên Y Sĩ riêng của Tổng Thống Cộng Hòa Cao Miên với hơn 600 loại thuốc Bào Chế Thiên Nhiên, được chế biến kỹ lưỡng theo công thức đặc biệt riêng của Prof. Pung Navann, đem về uống ngay.

** Tất cả các loại thuốc Bào Chế 100%Thiên Nhiên củaProf. Pung Navann tuyệt đối không có hóa chất, không có chất thuốc tây (như thuốc giúp ngủ hoặc thuốc an thần), không có chất thuốc cầm chừng bớt đau (như chất Aspirine, Motrine, Tylenol, Cortisone...) vì vậy, không thể nào làm cho mục xương. Tuyệt đối không có chất kích thích, không có chất làm cho bị ghiền.*

Prof. Pung Navann là người đầu tiên có các loại thuốc bào chế 100% thiên nhiên

CHUYÊN TRỊ

– Tạo cho da thịt hồng hào, tươi mát. - Bổ gan, mát gan; Bổ phổi, mát phổi.
– Đả thông kinh mạch. - Tăng cường và phục hồi sức khỏe.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa đau cổ, mỏi cổ; đau vai, mỏi vai, đau lưng, mỏi lưng, đau thắt lưng, mỏi thắt lưng, và đau dưới thắt lưng [gồm phong thấp đau nhức (Rheumatism) hoặc khớp xương sưng nhức đỏ nóng không phải vì khí hậu (Goût).]
– Chữa trị và phòng ngừa đau nhức tứ chi, đau nhức toàn cơ thể.
– Ăn ngon, Ngủ ngon, tinh thần thoải mái. - Giải trừ cơ thể bị uể oải.
– Làm cho những người tay chân bị lạnh và sợ lạnh được ấm lại như tuổi trẻ.
– Làm cho khó bị cảm. - Làm cho khỏi đổ mồ hôi tay và chân.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa các loại Nhức đầu kinh niên.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa Di tinh, mộng tinh, xuất tinh sớm, bất lực, nữ giới lãnh cảm,
* Có thuốc đặc biệt trị các bệnh phụ nữ như: Kinh nguyệt không đều, có kinh quá sớm hoặc quá trễ, hoặc khi sớm khi trễ, đường kinh quá nhiều, đường kinh qúa ít, có kinh trên 7 ngày mà chưa dứt, đau bụng khi hành kinh, ra máu giữa chu kỳ đường kinh, tắt kinh (vì không mang thai), sa tử cung.
* Trong thời gian hành kinh: 1. Vú căng chướng và đau. 2. Nhức đầu. 3. Cơ thể hoặc khớp xương đau nhức. 4. Đi cầu nhiều lần hoặc tiêu chảy. 5. Lỡ miệng. 6. Nổi mề đay phong ngứa. 7. Chóng mặt, choáng váng. 8. Tánh tình nóng nảy, quạu cọ hoặc tâm tính thay đổi (như la mắng, vui buồn vô lý).

Ngoài ra: còn có thuốc chuyên trị những triệu chứng khi sắp hoàn toàn tắt kinh (trên 40 đến trên 50 tuổi)

– Trị huyết trắng. Chữa trị cho những cô gái hoặc đàn bà âm đạo bị khô, để cho thuận lợi việc giao hợp.
– Không mệt mỏi sau khi giao hợp. - Giúp cho dương vật được cứng cáp.
– Giúp cho tuổi trẻ được sức khỏe tốt, trí nhớ tốt, đầu óc tỉnh táo và sáng suốt.
– Giúp cho người già cả (gồm Nam và Nữ) ăn ngon, ngủ ngon. Khỏe khoắn. Không sợ lạnh, làm ấm lại như tuổi trẻ và trường thọ v.v...

NGOAI RA THUỐC CÒN ĐẶC BIỆT CHUYÊN CHỮA TRỊ:

a) Các loại bệnh bao tử gồm: loét bao tử (Gastric Ulcer); loét dạ tràng (Duodenal Ulcer).
b) Các chứng ho kinh niên, đờm nhiều, nặng ngực, khó thở hoặc bệnh hen suyễn.
c) Viêm mũi kinh niên (Chronic sinusitis) hoặc dị ứng mũi kinh niên (Chronic Nasal Allergy).
d) Các loại bệnh gan.
e) Các loại mụn và nám (trên mặt, trước ngực, sau lưng hoặc các nơi khác trên cơ thể). Phần lớn đều biến mất sau một thời gian dùng thuốc.
f) Táo bón kinh niên; Trĩ nội, trĩ ngoại.
g) Bệnh tiểu đường, rất hiệu quả cho những người mới bị (Ngoại trừ bệnh nhân đã phải chích insuline)
h) Triệu chứng khô môi, khô miệng, khô cổ, viêm cổ.
i) Bệnh áp huyết thấp; bệnh áp huyết cao j) Bệnh chảy máu cam
k).Viêm đường tiểu (cả nam lẫn nữ) như: Tiểu ra máu hoặc đi tiểu thấy rát và đau, sau khi thông qua phòng lab hoá nghiệm nước tiểu phát hiện có máu trong nước tiểu - Tiểu ra thấy đục - Tiểu ra thấy sạn nhỏ màu nâu đậm. Bị mắc tiểu hoặc lúc muốn tiểu mà kèm hăm không nổi
- Viêm nhiễp hộ tuyến cấp tính hoặc chậm tính. Nhiếp hộ tuyến sưng to làm cho đi tiểu khó khăn và sau khi đi tiểu rồi còn bị nhiều thêm đôi chút.
- Gần 40 năm nghiên cứu thành công về các bệnh nan y và các bệnh bất trị; Nay Prof. Pung Navann đã nghiên cứu thành công thêm thuốc chuyên trị triệu chứng rụng tóc và mọc tóc.

Prof. Pung Navann

- Nguyên Y Sĩ riêng của Thái Tử Sisowath Monireth (cậu ruột của Quốc Vương Norodom Sihanouk) Chủ tịch Hội Đồng Tối Cao của Hoàng Cung Căm Bốt.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Thống Chế Lon Nol, Tổng Thống nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Quốc Trưởng Cheng Heng, nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Ủy viên Bộ Y Tế Nước Cộng Hòa Cao Miên.

THUỐC BÀO CHẾ THIÊN NHIÊN CỦA PROF. PUNG NAVANN
BÁN TRỰC TIẾP KHÔNG QUA MỘT TRUNG GIAN
NÀO HẾT ĐỂ TRÁNH SỰ GIẢ MẠO
Chỉ được bán tại:

14360 Brookhurst St. · Garden Grove, CA 92843 USA

Nhận gởi thuốc khắp nơi trên thế giới.
Nói bảy thứ tiếng Việt, Miên, Anh, Pháp, Bắc Kinh, Triều Châu và Quảng Đông.

Xin gọi số: Tel: (714) 531-6330

Kính gởi Bác Sĩ PUNGNAVANN:
Thưa bác sĩ, tôi tên là Trần Thị Kim Thắm, hiện cư ngụ tại thành phố Riverside. Tôi bị chứng bịnh mất ngủ, ban đêm thức nhiều lần, đã nhiều năm qua tôi ăn uống không biết ngon. Gần nhất là năm 1995, tôi lại mang thêm chứng bịnh đau bao tử, ănk hông tiêu, bị nghẹn, tôi đã đi chữa trị nhiều bác sĩ nhưng bịnh cứ trở lại mãi. Tôi được nghe danh tiếng của Bác Sĩ Pungnavann và tìm đến gặp bác sĩ. Qua hai tuần uống thuốc của bác sĩ và theo đúng lời chỉ dẫn, bệnh tình của tôi đã giảm hơn 50%, rồi 4 tuần sau đó, sức khỏe tôi đã bình phục và đến tuần thứ 5 bệnh tình tôi đã dứt hẳn, ăn ngon, ngủ yên giấc và không còn bịn nghẹn như trước nữa. Quả thật hiệu nghiệm. Gần 1 năm nay, bệnh tôi không trở lại. Tôi không biết nói gì hơn, xin thành thật cảm ơn Bác Sĩ và cầu chúc cho bác sĩ được trường cửu để cứu nhân độ thế. Kính chào Bác Sĩ.
PS: Xin Bác Sĩ phổ biến để những người có bệnh có dịp may chữa trị.
K.T.

Kính gởi Bác Sĩ Pungnavann,
Tôi Sơn Nguyễn hiện ở tiểu bang Minnesota thành phố Brooklynn Center, tôi bị bệnh phong tê thấp từ Việt Nam, sang Hoa Kỳ được 5 năm, chân tay bị đau nhức và ra mồ hôi ở tay và bàn chân. Riêng hai mắt cá chân cứ sưng lên và đỏ làm cho đau nhức không đi lại được. Tôi đã đi rất nhiều bác sĩ chữa trị nhưng không hết. Tôi nhờ bác sĩ PungNavann ở California chữa trị cho tôi, nay tôi đã lành bệnh không còn sưng và đau nhức tay chân, không còn ra mồ hôi.
Nay tôi viết mấy hàng chữ gửi đến Bác Sĩ lời cảm ơn đã giúp cho tôi được khỏi bệnh và tôi cũng xin giới thiệu với bà con nếu ai bị bệnh giống tôi nên đến Bác Sĩ PungNavann để được giúp đỡ.

Bịnh Suyễn kinh niên chú ý

Tôi tên là Dương Thu Hà hiện cư ngụ tại Dallas-Texas bị bịnh suyễn suốt hơn 30 năm nay, mấy tuần nay uống thuốc của Bác Sĩ Pung Navann bịnh tôi đã khỏi nhiều không còn khó thở và khò khè như trước. Tôi được ngủ ngon giấc không phải thức dậy bơm thuốc nữa. Tôi vui mừng lắm, viết vài dòng cảm ơn Bác Sĩ đã chữa được chứng bịnh ngặt nghèo của tôi từ mấy chục năm qua. Tiện đây tôi cũng giới thiệu đến độc giả xa gần, nếu qui vị nào có chứng bịnh kinh niên này dừng e ngại uống thử vài tuần xem sao. Sẽ thấy được kết quả và chừng đó sẽ tin là tôi nói đúng sự thật. Một lần nữa xin cảm tạ vị Bác Sĩ Pung Navann rất nhiều.
Thư này em viết cho Bác Sĩ và mong Bác Sĩ đăng lên báo để đồng bào Việt Nam ở hải ngoại được biết đến sự may mắn được hết bệnh kể từ khi uống thuốc và lòng thương người của Bác Sĩ này.

Kính gởi Bác Sĩ Pung Navann,
Tôi bị bệnh dị ứng mũi đã hơn 10 năm... Sáng nào tôi cũng bị nhảy mũi và nghẹt không thở được, đêm nào tôi cũng phải dùng thuốc xịt mũi ít nhất là hai lần mới thở được, và tôi cũng có đi khám rất nhiều Bác Sĩ Mỹ để chữa trị, nhưng bệnh mũi của tôi chỉ đỡ khi dùng thuốc, khi hết thuốc thì đâu cũng vào đó, nhưng có một ngày tôi đọc báo thấy có thân chủ viết thơ khen tặng Bác Sĩ Pung Navann - là một Bác Sĩ rất hay và trị bệnh như thần, tôi nghe vậy dành thử xem sao có câu ôphước chủ may thấyọ và tôi đến phòng mạch B.S Navann và những điều làm cho tôi vừa ý nhất là B.S Navann rất thành thật và giải thích cho tôi biết tường tận cách trị bệnh của B.S, và cho tôi biết phải uống bao nhiêu lần thuốc và cách trị liệu thế nào để bệnh dị ứng mũi của tôi khỏi hẳn. Sự thật lúc đầu tôi cũng không tin tưởng lắm nhưng tôi nghĩ tôi phải thử mới biết, thành ra tôi nghe lời theo sự chỉ dẫn của B.S Pung Navann và kết quả ngoài sức tưởng tượng của tôi... Sau khi tôi uống thuốc do B.S chỉ định thì bệnh mũi của tôi hết hẳn... và sau đó không hề tái phát. Tôi rất vui mừng và tôi có vài lời cảm ơn B.S Pung Navann và thành thật chúc B.S Navann thành công trong sự bào chế thuốc để cứu nhân độ thế.
Kính thư

Cuốn sách ai cũng cần đọc để có giải đáp tất cả các thắc mắc về Canh Dưỡng Sinh:

* *Nên hay không nên uống Canh Dưỡng Sinh? Vì sao?*
* *Nấu canh với liều lượng nào mới đúng?*
* *Các nguyên liệu nấu canh có những dược chất gì? Chữa được những bệnh nào? Ai đã khỏi bệnh? Ai bị phản ứng?*
* *Tác giả Lập Thạch Hòa hiện nay đang ở đâu?*

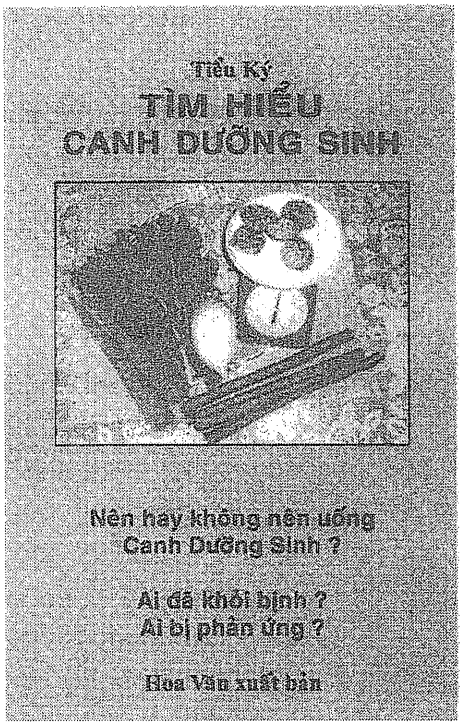

Tìm hiểu về Canh dưỡng sinh

do nhà báo Tiểu Ký,
một dược sĩ biên soạn.

Một phần sách gồm những bài *"Cơn Sốt Canh dưỡng sinh"* trên nhật báo Người Việt, đã được sửa chữa.
Có thêm phần nghiên cứu kỹ lưỡng về dược tính của củ cải, củ cà-rốt và nấm Shitake.

Phần phụ lục gồm các bài về ***Cách chữa trị và sống với bệnh nan y*** *của Chân Huyền (dịch giả các cuốn Sống Hạnh Phúc Chết Bình An, Chuyển Hóa Tâm, v.v... của Đạt Lai Lạt Ma).*

Tiền bán sách sau khi trừ chi phí sẽ được dùng vào việc tặng bữa ăn trưa cho các trẻ em mẫu giáo tại Nha Trang

Ngoài tòa báo Người Việt và các nhà sách,
quý vị có thể gửi thư mua trực tiếp tại:

Chân Huyền
10746 El Rubi circle
Fountain Valley - Ca 92708.

(Giá 5$. Nếu mua 1- 2 cuốn, xin gửi thêm 2$ tiền bưu phí.
Từ 3 - 5 cuốn : thêm 3$)

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: hình chợ Bến Thành (tư liệu)
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: **Quỳnh Thoa, Trần Triệu Hoàng**, tư liệu.

MỤC LỤC

Số 180 – Tháng Tư 2004
ĐẶC BIỆT VỀ SÀI GÒN
21. Bài thuyết trình không đọc – **Phạm Xuân Đài**
59. Mưa Sài Gòn, mưa Seattle – **Trần Mộng Tú**
61. Người họa sĩ ghi lại sinh hoạt đường phố Sài Gòn – **Hồ Thành Đức**
64. Tôi về Sài Gòn năm 2003 – **Trần Triệu Hoàng**
73. Sài Gòn trong màu cờ thể thao – **Nguyễn Chí Kham**
77. Những bước lang thang trên hè phố Sài Gòn – **Bình Nguyên Lộc**
88. Hỏi vườn dâu, đâu dòng nước cũ – **Tâm Thanh**
94. Viết về Sài Gòn: còn đó nỗi buồn – **Phạm Đỗ Chí**
97. Xây chừng – **Phan Thanh Tâm**
99. Chuyến tàu trong đêm – **Nguyễn Tường Thiết**
104. Sài Gòn cách đây một thế kỷ – **Sơn Nam**
108. Chuyện Sài Gòn ngày nay – **Liêu Tú**
110. Từ quán bar đến gái bán bar ở Sài Gòn – **Quỳnh Thoa**
113. Hình ảnh Sài Gòn xưa qua thơ văn – **Thế Kỷ 21**
119. Dịch đánh số đề ở Sài Gòn - **TS**
CÁC BÀI KHÁC
8. Iraq, một năm sau – **Xuân Quang**
12. Đổi mới "gọi là" và đổi mới "thực sự" – **Tôn Thất Thiện**
53. Những điều cần làm sáng tỏ trong biến cố kinh thành thất thủ – **Nguyễn Quốc Trị**
85. Ngày Mỹ, đêm Việt – **Võ Đình**
THƠ
30. Tháng Tư... mưa ngâu dầm dề – **Trần Hồng Châu**. 81. Thánh Gióng – **Đỗ Quang Nghĩa**. 86. Sài Gòn những con đường – **Khánh Hà**. 91. Tháng tư đen – **Hồng Khắc Kim Mai**. 101. Em, Sài Gòn – **Trần Yên Hòa**. 109. Một sớm mai tháng 8-2002, Sài Gòn – **Luân Hoán**.
MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
7. Thư Trị sự
31. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
37. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm, Từ Nguyên**
45. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Cái nào đúng?

Mong quý báo kiểm soát kỹ lại những bài đăng. Chẳng hạn trang 54, số Xuân 2004, Phạm Duy Khiêm đã có hai năm sinh khác nhau, bài thì 1908, trên ảnh thì 1907. Năm nào đúng?

Bùi Đức Thuật
(Brooklyn Park, MN)

Chúng tôi rất tiếc đã để hai con số khác nhau xuất hiện trên cùng một bài như thế, có thể gây một cảm tưởng bực bội nơi người đọc. Nhưng con số trong bài (1908) thì theo tài liệu chính thức, còn bức ảnh có ghi năm sinh 1907 thì do gia đình cung cấp. Để nguyên như vậy mà đăng lên khi chưa biết đích xác cái nào đúng, chúng tôi nghĩ cũng là một cách trình bày tài liệu, hoặc nêu một nghi vấn. Trong lịch sử, trong văn học có nhiều trường hợp sai chạy con số như thế mà cuối cùng cũng đành nêu các con số ra, chứ không thể kết luận. Riêng trường hợp này, chúng tôi hy vọng sẽ có dịp coi lại các nguồn tài liệu, để biết được con số chính xác, hoặc ít ra, biết được lý do tại sao lại có sự khác biệt như thế.

Chuyện phiếm

Ba số liên tiếp đọc trang Chuyện Phiếm của Song Thao mới thấy ông ấy viết tài. Mặc dù có lúc tác giả đề cập đến chuyện Già (tức là ám chỉ chính ông đã già), nhưng xem ra ông vẫn còn "sung" lắm, kể chuyện có duyên với nào Cởi, nào Đũa, nào Gò Bồng Đảo v.v... Viết chuyện phiếm thường dễ bị nhạt, vì nó lung tung không chủ đề rõ rệt, thế mà lôi cuốn được người đọc thì phải là tay "cứng cựa" lắm, phải có cái duyên trong lối nói và sưu tầm được lắm chi tiết vui, ngộ nghĩnh, ý nghĩa. Trang chuyện phiếm của Song Thao đang thành một khu vực đặc biệt của tờ Thế Kỷ 21, ở đó người đọc gặp một cây bút ưa "cà rỡn," cười cợt chút chút, tạo một không khí thoải mái. Nhưng không phải là không trí tuệ. Một thời gian nữa nếu Tòa báo có làm một cuộc điều tra độc giả: "Cầm tờ Thế Kỷ 21, bạn đọc mục nào đầu tiên?" thì chắc Trang Chuyện Phiếm có nhiều hy vọng đoạt giải nhất. Ít nhất có một lá phiếu đầu tiên của tôi!

P. Đ. Hùng (Internet)

Một khuynh hướng mới của báo Thế Kỷ 21

Mấy năm gần đây tôi thấy Thế Kỷ 21 sưu tầm được nhiều tài liệu về hình ảnh khá phong phú. Đó là một khuynh hướng mới rất đáng khen. Thời buổi này nói có sách, mách có... hình ảnh thì mới thuyết phục được người ta. Loạt bài báo động chuyện Trung Quốc xây đập trên thượng nguồn sông Cửu long của Ngô Thế Vinh nhờ nhiều hình ảnh của chính tác giả chụp tại chỗ đã trở nên có giá trị hơn, vì người ta biết tác giả đã lặn lội tới nơi tìm hiểu, quan sát chứ không chỉ ngồi nhà nghiên cứu. Số đặc biệt về Nhất Linh năm 2002 là một thành công lớn về tài liệu hình ảnh, chưa có một tờ báo hay cuốn sách nào về Nhất Linh cho tới nay thực hiện được: những bức ảnh vô giá chụp những nhà cách mạng Việt Nam lưu vong trên đất Tàu; bìa báo Phong Hóa, Ngày Nay, tranh trào phúng Lý Toét Xã Xệ mà tôi tưởng không còn bao giờ còn có dịp nhìn thấy được; các hình ảnh của Nhất Linh và bạn bè; tranh vẽ của Nhất Linh v.v... Thật là cả một quá khứ được dựng lại! Số về Hồ Hữu Tường tháng Sáu 2003 cũng là một cố gắng đáng khen, tuy không nhiều lắm nhưng hình ảnh xưa và nay đều đầy đủ, từ chân dung và thủ bút của nhà văn, đến bìa các tác phẩm và những tờ báo ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc, cả một bức tranh Tạ Tỵ vẽ mấy chục năm trước đang lưu lạc bên Úc cũng được tìm ra và in màu lại. Gần đây, số Xuân 2004, với những trang màu tuyệt đẹp ghi lại hình ảnh cuộc khai quật thành Thăng Long cổ và các đồ sứ ngự dụng của vua chúa từ nhà Lê đến nhà Nguyễn; tài liệu ảnh về nhà văn Phạm Duy Khiêm, đặc biệt quý là những hình chụp chung với Georges Pompidou và Léopold Senghor, chụp với ban giáo sư trường Albert Sarraut Hà Nội; số 179 vừa rồi lại tìm đâu ra được một tài liệu rất quý là tấm bản đồ của Taberd năm 1838 để minh họa cho bài viết về Hoàng Sa...

Cung cấp hình ảnh quý hiếm cho độc giả, ngoài công sưu tầm còn chứng tỏ tấm lòng của người làm báo, thiết tha với các di sản của quá khứ, bằng mọi cách tái hiện cho thời nay. Đó là một khuynh hướng mới rất tốt của Thế Kỷ 21, mong quý vị tiếp tục.

Lê Văn Thanh Hưng
(New York)

Một tuyên bố buồn cười

Đầu năm nay, trên Website của báo Tuổi Trẻ ở Sài Gòn có đưa lên một bài về Hoàng Sa của giáo sư Nguyễn Nhã, nhưng theo báo chí hải ngoại thì chỉ bốn tiếng đồng hồ sau bài ấy đã biến mất. Đối với đảng cộng sản Việt Nam, tất cả mọi chuyện phải phục vụ chính trị (tức quyền lợi của đảng), thì chắc chắn bài đó phải có gì "đụng chạm" đến họ rồi. Vừa rồi tôi có đọc bài về Hoàng Sa của Gs Nguyễn Nhã trên Thế Kỷ 21 số 179, thì đâu có thấy gì đặc biệt đụng chạm đâu, chỉ gồm một số các luận cứ chặt chẽ về sử liệu để chứng minh chủ quyền đảo Hoàng Sa là của Việt Nam. Tôi băn khoăn quá, chẳng lẽ viết bênh vực Việt Nam đến như thế mà cũng bị cấm đoán sao? Không lý nhà cầm quyền Việt Nam hiện nay vẫn còn

trung thành với văn thư của Phạm Văn Đồng ký năm 1959 theo lệnh của Hồ Chí Minh, gửi cho Chu Ân Lai công nhận chủ quyền của Trung Hoa trên các đảo Hoàng Sa và Trường Sa? Có thể CSVN coi văn thư đó cũng là một loại "tư tưởng Hồ Chí Minh" mà họ đang đề cao sau khi cộng sản quốc tế sụp đổ nên phải trung thành với nó?

Trong bài của giáo sư Nguyễn Nhã có trích một tuyên bố của "Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam" năm 1974 sau khi chiến hạm của Trung Quốc đánh chiếm Hoàng Sa, mà khi đọc tôi đã không khỏi phì cười: *"Vấn đề chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ là vấn đề thiêng liêng đối với mỗi dân tộc. Trong vấn đề biên giới lãnh thổ, các nước láng giềng thường có sự tranh chấp do lịch sử để lại, có khi rất phức tạp, cần được nghiên cứu. Trước sự phức tạp của vấn đề, các nước có liên quan cần xem xét vấn đề này theo tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, hữu nghị và láng giềng tốt, và giải quyết bằng thương lượng."* Tôi phì cười vì tính chất "luân lý giáo khoa thư" của một tuyên bố ngoại giao của một "chính phủ," khi giặc đã đem chiến hạm đến tấn công chiếm lãnh thổ của mình rồi mà vẫn lên giọng cao đạo giảng giải chung chung những điều mà ai cũng biết cả, và nhất là không dám nhắc đến sự kiện đang xảy ra là cái gì, ai đã xâm lấn lãnh thổ của ai, bao giờ, bằng phương tiện gì...? Đó chẳng qua là những lời nói khỏa lấp của những kẻ điếm đàng, lòng thì vẫn xu phụ theo ngoại bang mà trong thế chẳng đặng đừng thì phải lên tiếng (vì Việt Nam Cộng Hòa đã hy sinh xương máu đánh trả quân xâm lăng, đã lên tiếng tại Liên Hiệp Quốc, đã ra Bạch thư về Hoàng Sa và Trường Sa...), nên cái giọng nó ngọng nghịu, nó vô duyên và nhất là nó chẳng nói lên một điều gì cụ thể về tình thế và sự kiện lịch sử ấy cả. Có thể xếp lời tuyên bố này vào loại "tư tưởng Hồ Chí Minh" chăng?

Lê Hùng Phương
(Garden Grove, CA)

Về Website của báo Tuổi Trẻ mà ông vừa nhắc, chúng tôi có thấy ghi lại trên tờ Florida Việt Báo số 160, tháng Hai, 2004. Xin trích nguyên văn vài đoạn với hy vọng soi sáng phần nào về lý do tài liệu về Hoàng Sa của Gs Nguyễn Nhã bị cấm đoán trên trang nhà của báo Tuổi Trẻ:

"Tuổi Trẻ – Năm 1966 Sài Gòn chứng kiến sự ra đời của tập san Sử Địa mà người chủ trương là một chàng thanh niên 26 tuổi vừa tốt nghiệp hai trường đại học: sư phạm và văn khoa. Chín năm sau (20-1-1975) cũng chính người thanh niên ấy tổ chức một triển lãm tại Thư viện quốc gia kỷ niệm một năm ngày biến cố Hoàng Sa, trưng bày tất cả tài liệu, hình ảnh thể hiện chủ quyền Hoàng Sa là của Việt Nam. (...) Người đó là Nguyễn Nhã."

Ông đã nói với báo Tuổi Trẻ rằng: "Tôi còn nhớ như in mồng 3 tết năm 1974, khi tôi đang chúc tết giáo sư Nguyễn Đăng Thục thì nghe trên đài phát thanh loan tin đang có chiến sự ở Hoàng Sa. Ngay lúc đó tôi đã dự định ra một số chuyên đề trên tập san Sử Địa bấy giờ về đề tài Hoàng Sa. Nhưng phải đợi một năm sau chúng tôi mới tổ chức một cuộc triển lãm, và nhân đó phát hành tập san Sử Địa số 29 chuyên về Hoàng Sa. Tôi còn nhớ lúc đó nhà văn Sơn Nam có đánh giá rằng đây là một triển lãm mang tầm cỡ quốc tế."

Chúng tôi nghĩ chỉ cần hai đoạn ngắn trên đây là đủ để bài về Hoàng Sa của Gs Nguyễn Nhã bị cấm trên Website của báo Tuổi Trẻ rồi. Nó gợi lên một hình ảnh của sinh hoạt trí thức miền Nam trước sự kiện Trung Cộng đánh chiếm Hoàng Sa vào thời điểm 1974. Trưng những điều như thế ra sẽ làm nổi bật sự khác biệt giữa miền Nam và miền Bắc về cùng một sự kiện này. Vì thế, theo chúng tôi, đảng cộng sản cho rằng tốt hơn hết là dẹp nó đi.

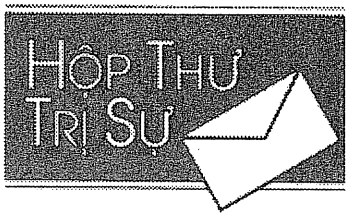

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Ho Thi AZ – Joseph Duc Minh CA – Pham Thi Hoan France – Vinh Trang France – Nguyen Phong Chau Canada – Nguyen Huu Nam Canada – Truong Thi Thao Canada – Mai Liem Canada – TRan Van Dung Canada – Thien Hy TX – Tra Luu Canada – Nguyen Xuan Dung WA – Danny Bui CA – Le H Phung TX – Phan Nguyen CA – Buu Doan CA – Vu Luong OK – Tran D Quang MA – Tran The Tieu KS – Nguyen Dinh Cuong CA – Vu Phan Cuong MD – Nguyen Dinh Nhac OR – Phan Cong Linh CT – Nguyen Van Thanh VA – Vo Dinh Tan CA – Dan Dinh Can CA – Nguyen Minh Huan PA – Phung Ngoc Hieu WA – Nguyen Thi Chan Quynh France – Nguyen Tam CA – Nguyen Dinh Tuong Canada – Vu N Hau CA.

ĐỘC GIẢ MỚI

Nguyen Chau WI – Le Thanh Phong France – Nguyen Linh Giang France – Hoang Duc Canh CA – Nguyen My CA .

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Lam The Vinh Canada – Le Chi Toai CT – Nguyen Van Thuc Norway – Phan Thanh Nguyen CA – Thien Hy TX – Phu Le – Phan Nguyen CA – Hoang Giang IL – Vu Phan Cuong MD – Phung Ngoc Hieu WA – Nguyen Dinh Tuong Canada.

IRAQ, MỘT NĂM SAU

XUÂN QUANG

Trong buổi họp ngày 16 tháng 3, 2003 tại đảo Azores, TT Tây Ban Nha José Maria Aznar và TT Anh Tony Blair đã ủng hộ TT Bush trong cuộc chiến với Iraq với mục đích hạ bệ Saddam, diệt các vũ khí hủy diệt hàng loạt, đánh khủng bố và áp dụng một chính sách mới cho vùng Trung Đông.

Mỹ ra tay ngày 20 tháng 3 tại Iraq và tự cho quyền "tiên hạ thủ" hay đánh phòng ngừa, bất chấp LHQ. Nhiều người cho là Mỹ có quyền tự vệ nhưng trong một thế giới pháp quyền, việc này đã gây nhiều tranh cãi. Các nước cho là thanh tra LHQ cần thời gian để tìm các chứng cớ về vũ khí hủy diệt hàng loạt nhưng chính phủ Bush đã không có kiên nhẫn và đã "đơn phương" ra tay.

Cuộc tiến quân chớp nhoáng 21 ngày vào Baghdad đã cho toàn thế giới thấy sức mạnh của quân đội Mỹ, một cuộc tiến của hải lục không quân phối hợp bằng màn lưới vệ tinh. Các tổn thất về nhân mạng không đáng kể (115 người) và việc này phải làm cho các nhà độc tài trên thế giới không ngủ yên.

Trước cuộc chiến, Mỹ đã gặp nhiều khó khăn về chính trị. Họ không được sự ủng hộ của Hội đồng Bảo An (HĐBA) LHQ và không hội được đa số phiếu, mặc dù là đã có nhiều áp lực trên các thành viên HĐBA như Cameroun, Guinea. Canada và Mexico là các nước láng giềng đồng thời là thành viên khối NAFTA (tự do mậu dịch Bắc Mỹ), hay Chile cũng không tán thành việc đánh Iraq mà không có sự đồng ý của LHQ.

Sau chiến thắng Mỹ đã đổ vào Iraq $60 tỷ cho quân đội bình định và $ 20 tỷ cho tái thiết kinh tế. Việc này gây thâm thủng ngân sách được ước lượng là $ 500-600 tỷ. Sau một năm có mặt tại Iraq, quân đội Mỹ đang sa lầy tại đây, và đang gặp khó khăn trong việc thực hiện mục tiêu đưa ra trong cuộc gặp thượng đỉnh tại Azores nghĩa là ổn định tình hình, tái thiết kinh tế và xây dựng dân chủ cho Iraq và Trung Đông.

TT Bush phải yêu cầu LHQ trở lại Iraq. Đại diện LHQ ông Sergio Vieria de Mello thiệt mạng vì bom khủng bố và LHQ đã rút ra. Đại diện Mỹ ông Bremer, hứa trao quyền lại cho một chính phủ Iraq lâm thời vào tháng 7, 2004, (trước cuộc tranh cử TT tại Mỹ).

Hiện nay Saddam đã bị bắt, Iraq đã có một Hiến pháp tạm thời, và tháng Bảy này Mỹ sẽ trao quyền cho một Hội Đồng Chính Phủ Tạm

thời. Mỹ đang giúp bình định và tái thiết Iraq, các mỏ dầu đang được phục hồi mức sản xuất, điện, nước đã ổn định, các trường học được mở cửa, đời sống dần dần trở lại bình thường. Cuộc thăm dò ý kiến cho thấy 56% dân Iraq cho là cuộc sống họ khá hơn, 51% không tán thành sự hiện diện của quân đội Mỹ và 86% coi tình hình an ninh chưa khả quan.

Kết quả một năm tại Iraq cho thấy những lúng túng trong chính sách hậu chiến của Hoa Kỳ tại đây. Chiến tranh và tái thiết đều được trao cho Bộ Quốc Phòng, phạm nhiều lầm lẫn gây nhiều tai hại về mặt ngoại giao. Hơn nữa sự hiện diện tại Iraq đã làm giảm khả năng quân đội Mỹ can thiệp vào những nơi khác như Bắc Hàn, Iran, Haiti, v.v. Quân lực Mỹ đang bị dàn trải quá mỏng khắp nơi trên thế giới.

Mỹ và đồng minh chưa bình định được Iraq, lại gây thêm xáo trộn tại Trung đông. Một số bài học có thể rút ra từ việc này:

1) ***Thuyết "tiên hạ thủ" của Bush:*** Cuộc chiến Iraq là lần đầu tiên thử nghiệm thuyết này - đánh trước để trừ họa (đây là vũ khí hủy diệt hàng loạt). Sau khi chiếm Iraq, Mỹ đã cho nhiều chuyên viên đi tìm các vũ khí hủy diệt hàng loạt mà không mang lại kết quả. Lý do đánh Iraq đã không được chứng minh, vì thế chính phủ Bush đụng phải nhiều khó khăn hơn.

Trong nội bộ Mỹ, Quốc Hội (QH) đã tranh cãi nhiều về việc lấy quyết định tham chiến mà không có các lý do chính đáng - vũ khí hủy diệt hàng loạt, sự yếu kém về tình báo, và việc thông tin cho QH trước khi cuộc chiến xảy ra. Phe dân chủ nghi là chính quyền Bush đã "bóp méo" tin tức tình báo để thuyết phục QH và dân chúng về sự cần thiết đánh Iraq.

Tại quốc ngoại, cuốn sách mới nhất của H. Blix, người đứng đầu đoàn thanh tra vũ khí của LHQ đã cho thấy là các nguồn tin tình báo Mỹ không được kiểm chứng. Theo ông, CIA dựa quá nhiều trên các tin tức của các phần tử ly khai chính quyền Saddam.

Người ta không thấy có dấu hiệu nào là Bắc Hàn hay Iran sợ thuyết "đánh trước trừ họa." Có người còn cho là thuyết Bush còn có thể có một hậu quả ngược hẳn vì ông Kim Jong Il của Bắc Hàn có thể quyết tâm hơn nữa trong việc chế bom nguyên tử.

Các học giả nghi ngờ thuyết "Tiên hạ thủ vi cường" có thể tồn tại và có giá trị trong tương lai.

2) ***Chia rẽ giữa Mỹ và các đồng minh***: Cuộc chiến Iraq đã gây chia rẽ giữa đồng minh trong khối Bắc Đại Tây Dương (NATO) như Đức và Pháp và Mỹ. Các nước cho là chính sách ngoại giao của TT Bush là "hiếu chiến, hấp tấp" đi ngược với một nước Mỹ tôn trọng luật pháp, dân chủ và ôn hòa.

Trước khi có cuộc chiến Iraq, Thổ Nhĩ Kỳ, một thành viên NATO, đã không chấp nhận cho không quân Mỹ sử dụng không phận và các căn cứ trên lãnh thổ Thổ. QH Thổ đã bỏ phiếu chống việc sử dụng lãnh thổ mặc dù đã có nhiều cuộc trả giá và hứa viện trợ. Dù vậy, Thổ cũng bị các vụ đánh bom khủng bố vào các cơ sở ngoại quốc hay Do Thái.

Có sự chia rẽ trong NATO vì một số nước cho là việc "đánh trước trừ họa" là một tiền lệ nguy hiểm, không hợp pháp và điểm bất đồng chính giữa Âu Châu và Mỹ là cuộc chiến Iraq có cần thiết hay không?

Dân chúng các nước Âu châu không đồng ý về chính sách "tiên hạ thủ" đơn phương của chính phủ Bush. Ông Romano Prodi - Chủ Tịch Ủy Hội Âu Châu, nhận xét rằng đường hướng chống khủng bố của chính phủ Mỹ đã thất bại, vì không làm giảm khủng bố mà còn tăng lên. Nhờ chiến tranh Iraq mà các nhóm khủng bố được thêm thanh thế để tuyển mộ thêm người. Theo ông Prodi, cuộc chiến Iraq còn khiến cho Mỹ rút bớt quân đội ở Afghanistan khiến quân Taliban có dịp phục hồi, tái kiểm soát một phần ba lãnh thổ và thuốc phiện sản xuất ở Afghanistan tăng và trở thành một nguồn tài trợ lớn cho nhiều nhóm khủng bố.

Tại Tây Ban Nha, gần đây sau khi có vụ nổ khủng bố tại các nhà ga xe lửa làm thiệt mạng vài trăm người, chính phủ cho là do quân khủng bố dành độc lập vùng Basque ETA nhưng các dấu hiệu cho thấy có dính đến Al Queda. Cuộc tuyển cử sau đó đã đưa phe đối lập chính phủ Aznar lên vì chính phủ bị tố là dối trá với công luận.

Tân TT Jose Luis Rodriguez Zapatero hứa sẽ rút 1,300 quân Tây Ban Nha khỏi Iraq. Ông nói việc này có thể gây ảnh hưởng dây chuyền vì Honduras đã hứa sẽ rút 380 quân vào tháng Sáu năm nay. TT Bush đã phải "lobby" các nước đồng minh như Hà Lan, Honduras, El Savador và Guatemala đừng rút quân ra khỏi Iraq.

Trong một cuộc họp báo ngày 18/3, TT Alexandre Kwasniewski của Ba Lan mô tả

"cảm giác không thoải mái" dù Ba Lan đã ủng hộ Mỹ rất mạnh trong cuộc chiến Iraq.

Tại Anh chính phủ Blair cũng gặp các khó khăn điều tra việc chính phủ nói láo với dân chúng. Phe đối lập trong QH Anh cũng chất vấn TT Blair về "thổi phồng tin tình báo," về nhiều việc khác dính về Iraq.

Trước vụ nổ bom ở Tây Ban Nha dư luận Âu châu cho rằng "thế giới không an ninh hơn," đúng như điều họ từng nói, và Mỹ đã sai lầm tại Iraq: khủng bố còn đó và không có khí giới hủy diệt hàng loạt. Khi bỏ dở Afghanistan, và quay qua "xây dựng dân chủ" cho Trung Đông, chính phủ Mỹ đã bị quá tải, và chính Âu châu đang phải trả giá.

Tại Trung Đông, Kuwait và Quatar ủng hộ Mỹ trong khi những nước lớn như Ai Cập, Arập Saoudi, Jordan là những đồng minh thân cận đã không tham gia, không ủng hộ và không đóng góp tài chính. Mỹ đã không thuyết phục được Pakistan và Ấn Độ gởi quân sang Iraq giúp tái ổn định tình hình tại đây mặc dù đã có trả giá. Họ đòi hỏi có sự hiện diện của LHQ.

Saddam bị bắt đã lâu mà lính Mỹ vẫn bị tấn công như hình ảnh này, một trạm cảnh sát bị nổ bom.

Cái "vốn liếng tinh thần" của vụ 11 tháng 9 đã tiêu tán. Bản nghiên cứu thăm dò dư luận quốc tế của Pew Research Center project cho thấy là đa số dân chúng tại các quốc gia theo Hồi Giáo như Jordan, Morocco, Pakistan và Thổ Nhĩ Kỳ nghi ngờ về nỗ lực chiến tranh của Mỹ. Tại Pháp, Đức và Nga, đa số dân chúng đều bày tỏ nghi ngại về hậu ý của chính phủ Mỹ. Được hỏi liệu những hành động quân sự của Mỹ có thật sự giảm đi nguy cơ khủng bố quốc tế không, đa số dân chúng tại chín quốc gia tây phương, gồm cả Anh Quốc, Mỹ, Pháp và Đức và bốn quốc gia hồi giáo nêu trên đều tỏ ý không tin. Gần 3/4 số người được hỏi tại Pakistan nói rằng họ ủng hộ bin Laden. Hơn nữa tỷ lệ dân các nước không tin tưởng nước Mỹ lên tới 78% ở Pháp, 82% ở Đức, 58% ở Anh. Ngoài ra 84% ở Pháp, 79% ở Thổ Nhĩ Kỳ, 77% ở Jordan, 73% ở Nga, và 69% ở Đức cho là chính phủ Mỹ "bất cần" nghĩ đến quyền lợi của nước họ và đa số dân Âu châu cho là họ cần phải độc lập đối với Mỹ.

Khi xuất hiện trên chương trình "Today" của đài truyền hình NBC hôm thứ tư 17 tháng 3, bà Madeleine Albright gọi kết quả bản tham dò là "thất vọng." Bà lấy làm tiếc về sự rạn nứt trong mối quan hệ giữa Mỹ và các đồng minh Âu Châu.

Hiện nay chính sách "tiên hạ thủ" đã gây nhiều bất ổn trên thế giới. Chính phủ Bush bị nghi kị có mưu đồ hành động đơn phương do đó thái độ các nước Hồi giáo đã không mấy tích cực ủng hộ Mỹ.

3) ***Dân chủ hóa Trung Đông***: Mỹ đang thay đổi chính sách tại Trung Đông đi từ việc giữ tình trạng ổn định đến việc xây dựng dân chủ, gây một thời đại mới cho Trung Đông.

Kinh nghiệm xây dựng dân chủ trong quá khứ cho thấy là sự thành công hay thất bại sẽ thể hiện sau khi quân Mỹ rút. Các thể chế dân chủ sẽ chưa có dịp mọc rễ khi quân đội Mỹ sẽ phải ra đi vì các vấn đề quốc nội và sẽ mang đến thất bại cho việc xây dựng dân chủ.

Xây dựng dân chủ không dễ và kinh nghiệm Mỹ cho thấy là trong 14 trường hợp chỉ có ba trường hợp là thành công (Nhật, Đức và Panama sau 1989). Mỹ thất bại tại Cuba (1902 và 1909), Panama (1936), cộng hòa Dominican (1966), Nicaragua (1933), Haiti (1934 và 1994), Việt Nam và Campuchia năm 1973.

Israel là nước được lợi nhất trong cuộc chiến này vì không còn mối đe dọa hỏa tiễn và nguồn hỗ trợ cho Palestine. Cuộc tranh chấp Israel — Palestine bị quên lãng, và tình trạng tranh chấp bạo lực sẽ tiếp tục kéo dài. Chính phủ Israel chưa chịu nói chuyện với chính quyền Palestine, việc đàn áp và tranh chấp bạo lực còn tiếp diễn, còn kéo dài cho đến khi có một giải pháp "công bằng" cho hai bên. Khó mà mang lại "dân chủ" cho vùng Trung Đông khi còn tranh chấp Israel - Palestine.

Nhiều người cho là thế giới Hồi giáo không ghét dân chủ nhưng họ không muốn bị áp đặt dân chủ bằng họng súng, nhất là từ phe Tây phương.

Một số người ở Trung Đông coi việc quân đội Mỹ giải phóng Iraq là cuộc chiến tranh chống Hồi giáo, "cuộc đụng độ giữa các văn minh khác nhau" nói theo kiểu Samuel Huntington của Harvard. Một số đông người Arập cho việc đánh Iraq là thánh chiến, một âm mưu của phe Zionit và quân Thập Tự (Crusades) để đè bẹp văn minh Hồi Giáo hay áp đặt các giá trị ngoại lai.

Cách suy nghĩ và ăn nói quá khích của một thành phần trong chính phủ Mỹ, sự lầm lỗi và sự hiện diện của quân đội Mỹ đã củng cố cách suy nghĩ trên và làm mất ảnh hưởng tốt của sứ mạng dân chủ mà Mỹ muốn mang đến cho vùng Trung Đông. Hiện nay còn bốn tháng nữa là phải trao chính quyền nhưng vẫn chưa có giải pháp về một chính quyền mới cho Iraq.

Nhiều học giả cho việc gây dựng dân chủ tại Trung đông là xa vời và Mỹ sẽ bị quá tải (overstretched), đứng trước tình trạng "lực bất tòng tâm." Trong tờ *Foreign Affairs,* ông Dmitri K. Simes, người đứng đầu "think tank" của Trung tâm Nixon, nói "Lấy thêm trách nhiệm bằng cách tham dự vào các chiến tranh giải phóng là điều Mỹ không nên làm." Sai lầm là coi "dân chủ" là bùa phép để giải quyết mọi vấn đề của thế giới và Mỹ không có bổn phận xây dựng dân chủ cho nước nào." Theo ông Dmitri K. Simes, việc theo đuổi mục đích xây dựng dân chủ là ảo tưởng và việc này có hại cho quyền lợi của Mỹ.

Khi nào TT Bush chấp nhận đặt quân ở Iraq dưới quyền chỉ huy của Liên Hiệp Quốc thì mối tranh chấp Âu châu và Mỹ, giữa các phần tử Shiites và Sunnis, Kurds và Arập, đảng viên Baathists và phe dân chủ mới hy vọng có một giải pháp mau chóng. Khi đó các nỗ lực xây dựng Iraq mới có cơ hội thành công.

Kết luận

Sau một năm chiếm đóng Iraq, bình định và ổn định an ninh vẫn còn là mối lo cho Mỹ.

Ngày 17/3 quân khủng bố đã cho làm nổ bom tại một khách sạn ở Bagdad gây nhiều thiệt hại nhân mạng và sẽ còn nhiều vụ khác. Nội tình Iraq còn đầy khó khăn, bất trắc và tương lai còn mù mờ vì các tranh chấp giữa thiểu số Kurd và Arập, các thành phần hồi giáo Shiite hay Sunnis. Nói chung, Iraq còn "tùm lum."

Chính sách hành động hấp tấp và đơn phương của chính phủ Bush đang đưa nước Mỹ vào thế kẹt, mang tai họa cho ngân sách và kinh tế chưa kể là bị thế giới nghi kỵ.

Chính sách ngoại giao của TT Bush đã chứng tỏ sức mạnh của quân đội Mỹ nhưng nó chưa trừ được hiểm họa khủng bố cũng như chưa mang lại ổn định hay dân chủ cho Trung Đông. Iraq sẽ trở thành cái cớ cho các phần tử cực đoan Hồi tăng khủng bố. Theo tân TT Zapatero của Tây Ban Nha, "người ta không diệt khủng bố bằng bom hay hỏa tiễn mà bằng luật pháp, dân chủ và tình báo."

Các mục tiêu đặt tại Azores còn dở dang vậy mà đã có dấu hiệu TT Bush đang muốn rút khỏi Iraq, trả quyền mau chóng cho một chính quyền Iraq lâm thời, trước mùa tranh cử tại Mỹ. Chính trường Mỹ cho thấy Mỹ không thể chú ý lâu dài vào một vấn đề.

Các chuyên gia về chính trị cho là TT Bush cần giải thích lý do tại sao phải tiến hành cuộc chiến ở Iraq và lý do tại sao một chiến thắng ở đó là cần thiết cho Mỹ và tại sao phải xây dựng dân chủ. Đó là các điểm mà chính phủ Bush vẫn giải thích lờ mờ. Việc chống khủng bố thì ai cũng đồng ý với Mỹ nhưng cái khác nhau là cách thức tiến hành. Vụ Iraq cho thấy giới hạn trong việc sử dụng sức mạnh quân sự để giải quyết các vấn đề chính trị và ảnh hưởng của Mỹ trên thế giới.

Tháng 3, 2004

ĐỔI MỚI "GỌI LÀ" VÀ ĐỔI MỚI "THỰC SỰ"

TÔN THẤT THIỆN

(Nhân đọc "Việt Nam Cần Đổi Mới Thực Sự"
của Võ Nhân Trí, do Đông Á xuất bản, 2003)[1]

Cần biết về tác giả

Đây là một tác phẩm *đặc biệt* về chế độ cộng sản Việt Nam. Đặc biệt không phải vì nó đề cập đến những vấn đề mới, đưa ra những dữ kiện và những quan điểm mới về chế độ đó. Những vấn đề, dữ kiện, và quan điểm này đã được nói đến nhiều trong 30 năm qua rồi, nên bàn về chúng không có gì đặc biệt. Cái đặc biệt là tính cách chính xác của những dữ kiện và nhận xét được đưa ra. Đây là đặc điểm của tác phẩm, và đặc điểm này có được vì tác giả là một người đặc biệt: ông có đồng thời một số điều kiện cần thiết để viết ra những điều rất chính xác khó phản bác được về chế độ đó. Điểm này làm tôi nhớ đến một câu của nhà văn hào Pháp André Gide: "La beauté est dans le regard, non dans la chose regardée".... Cái đặc biệt là ở nơi tác giả, không phải nơi tác phẩm! Vì vậy, để hiểu tác phẩm, cần biết về tác giả.

Tôi đã được biết đến anh Võ Nhân Trí cách đây gần 40 năm, qua một tác phẩm của anh ấy, vào khoảng đầu thập niên 1960. Lúc đó tôi đang làm luận án Tiến sĩ ở Genève. Ở thư viện trường tôi có một quyển sách nói về kinh tế của Việt Nam (sau này được xuất bản với tít: *La Croissance économique de la République démocratique du Viet Nam, 1945-1967* (ELE, Hà Nội, 1967). Tôi lấy sách đó về đọc. Lúc đó, tôi không biết Võ Nhân Trí là ai. Nhưng đọc được lối 10 trương, tôi liệng quyển sách đó xuống, vì nó sặc mùi "xã hội chủ nghĩa." Tôi kết luận rằng Võ Nhân Trí là một "trí thức cộng sản." Gần 30 năm sau tôi mới gặp lại anh "trí thức cộng sản" này, nhưng lúc đó anh chàng này lại sặc mùi chống cộng...

Tôi gặp anh Trí vào mùa hè năm 1988 ở Singapore, nhân dịp một hội thảo quốc tế lớn về Việt Nam do trung tâm Information and Resource Center tổ chức. Lúc đó anh đang là học giả được Singapore Institute of Southeast East Asian Studies mời làm nhân viên nghiên cứu (Fellow), sau khi đã làm việc với tư cách đó trong mấy năm ở Institute of Development Studies ở Tokyo. Lúc đó, giữa anh ấy với tôi, không có gì ngăn cách, vì anh đã bỏ cộng sản.

Trong thời gian ở Singapore, tôi có dịp tiếp xúc nhiều với anh Trí, hoặc trong những buổi làm việc chung, hoặc trong những buổi tụ hội thân mật ở nhà trọ của anh, hay chuyện trò khá dài và rất cởi mở ở bờ biển Singapore. Qua những cuộc tiếp xúc đó, có hai điều làm tôi để ý: 1/ anh ấy tỏ ra còn hận thù cộng sản hơn cả những người Quốc gia chống cộng; 2/ anh ấy có một sự hiểu biết về chế độ cộng sản Việt Nam sâu rộng hơn sự hiểu biết của tất cả những tác giả đã viết về Việt Nam mà tôi đã đọc. Đây là điểm liên hệ đến tính cách đặc biệt của tác phẩm cần được giải thích.

Muốn viết chính xác và khó phản bác được về chế độ cộng sản Việt Nam phải thoả mãn 10 điều kiện, trong đó có ba điều kiện căn bản.[2] Ba điều kiện đó là:

1/ biết rõ Đảng Cộng Sản Việt Nam từ trong;

2/ là một người cộng sản tỉnh ngộ;

3/ nằm ngoài vòng truy hiếp của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam .

Theo tôi biết, hiện nay, anh Trí là một trong những người rất hiếm có hội đủ những điều kiện trên đây, ngoài những điều kiện khác.

Anh Trí là Tiến sĩ Luật Khoa (ban Kinh tế). Anh ấy đã được đào tạo tại những trường quốc tế danh tiếng. Ở những nơi đó, anh đã được huấn luyện kỹ về phương pháp sưu tầm, nghiên cứu khoa học. Luận án của anh ấy viết về kinh tế của một nước cộng sản, tất nhiên anh phải

nghiên cứu kỹ càng về các chủ thuyết Mác, Lê-nin, cùng chính trị, kinh tế, xã hội của lịch sử cận kim. Anh đã được mời làm việc tại các trung tâm quốc tế có uy tín. Điều này chứng minh là trình độ học thuật và chuyên môn của anh được các giới quốc tế đánh giá rất cao.

Về hiểu biết về cọng sản, anh là một người hiếm có, vừa hội đủ những điều kiện trên đây, vừa là một người cọng sản, đã làm "cách mạng" với cọng sản trong 32 năm: tám năm với CS Pháp (1952-1960), và 24 năm với ĐCS Việt Nam (1960-1984). Ngay sau khi tốt nghiệp (năm 1960), anh quyết định hồi hương để theo "Cách mạng." Anh đã phục vụ ở Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, với tư cách là chuyên viên trong Viện Kinh tế ở Hà Nội và Viện Khoa Học Xã Hội ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh Trí đã ở với cọng sản Việt Nam một thời gian rất dài; do đó, anh có đủ điều kiện biết rõ chế độ từ trong. Anh ấy tiết lộ với tôi rằng ngay sau sáu tháng đầu, anh đã nhận thấy là anh lầm rồi, nhưng không thể công khai chống chế độ, và không làm được gì khác hơn là tiếp tục cho đến khi có cơ hội "nhảy" được. Năm 1984 anh mới thực hiện được cuộc "nhảy" này. Và từ đó anh đã tích cực tham gia cuộc tranh đấu cho dân chủ.

Dữ kiện trên đây là một điều may: nhờ chống chế độ, tuy rằng chỉ chống ngầm thôi, anh Trí đã chú ý đến những khía cạnh tiêu cực, xấu, "mặt thực" của chế độ, mà họ muốn giấu đi. Hơn nữa, với sự huấn luyện anh đã hấp thụ được, anh biết rõ cần biết những gì, và tìm ở đâu để hiểu rõ chế độ cọng sản chỉ là một CCVS, một cụm từ mà anh thích dùng để nói "chuyên chế vô sản."

Cuối cùng, ở ngoài tầm truy hiếp của công an và những ủy viên kiểm soát tư tưởng của Đảng, anh Trí được tự do nói hết được những gì mình muốn nói hay thấy cần phải nói lên, không bị vướng mắc nhiều ít vì lý do này hay lý do khác, như trường hợp của những người tranh đấu ở trong nước.

Những chi tiết trên đây được nhắc đến để nhấn mạnh tính cách đặc biệt của tác phẩm *Việt Nam Cần Đổi Mới Thật Sự*. Hai chữ then chốt ở đây là "thật sự." Nó là chủ đề của tác phẩm. Quyển sách này được sáng tác với một chủ đích rõ ràng, là: đánh tan một số ngộ nhận về chế độ cọng sản hiện tại, nhất là trong các giới Việt kiều và quan sát viên ngoại quốc. Anh Trí viết quyển sách này để cảnh báo: lời cảnh báo "như một số người lầm tưởng" được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, cũng như cụm từ "cái gọi là," được gắn liền với các danh xưng mà ĐCSVN thường dùng để che đậy thực chất của chế độ họ: "chủ nghĩa xã hội đổi mới," "nhà nước pháp quyền chủ nghĩa xã hội," "nhà nước của dân, do dân, vì dân," "Dân chủ xã hội chủ nghĩa" v.v....

Anh Trí đã vạch trần sự xảo trá của ĐCSVN về việc dùng "cái bẫy ngữ nghĩa" (semantic trap) để lường gạt người khác về "đổi mới," và về bản chất của chế độ cọng sản Việt Nam hiện tại. Với người ngoài, cọng sản Việt Nam rêu rao "đổi mới," nhưng với nhau thì họ nhấn mạnh "đổi mới nhưng quyết không đổi màu"; họ thường tuyên bố về "tư nhân hoá," và "thành phần kinh tế tư nhân," nhưng đó không phải là con đường rẽ để đi tới chủ nghĩa tư bản mà, trái lại, là một con đường vòng để quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về căn bản, chế độ hiện tại của họ vẫn là một chế độ CCVS.

Có một điểm nữa cần ghi là: khác với rất nhiều tác giả khác, anh Trí không nói bừa, hay nói bâng quơ: tất cả những gì anh đưa ra đều tôn trọng nguyên tắc khoa học "nói có sách, mách có chứng."

Kinh tế "đổi mới": vẫn là XHCN

Bây giờ xin bàn đến cấu trúc và nội dung của tác phẩm.

Cấu trúc của tác phẩm nói lên trọng tâm tủa tư tưởng của anh Trí về vấn đề đổi mới. Sách dài 256 trương, chia làm 3 chương: chương I nói về "Ý thức hệ của chính sách đổi mới," chương II nói về "Đổi mới kinh tế," chương III nói về "Đổi mới chính trị." Ba chương này không cân đối: chương I gồm chỉ có hai phần, dài 30 trương; chương II gồm ba phần, dài 40 trương; chương III gồm 10 phần, dài 134 trương. Rõ ràng khía cạnh chính trị lấn áp hai khía cạnh ý thức hệ và kinh tế. Lý do là anh Trí muốn đánh tan một quan niệm mà anh cho là sai lầm, hấp tấp, lan tràn trong nhiều giới cho rằng ĐCSVN "đã từ bỏ CNXH" và đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Những giới này muốn tránh né vấn đề chính trị. Anh Trí thì ngược lại. Anh đã bỏ rất nhiều công để làm thật rõ quan điểm: đổi mới, thực sự, không phải là một vấn đề kinh tế, mà là một vấn đề chính trị; muốn đổi mới kinh tế, phải đổi mới chính trị.

Về nội dung thì ở chương I, anh Trí nhấn

mạnh rằng cơ sở ý thức hệ (hay "tư duy chính trị") của chính sách "đổi mới" chỉ là "một sự chuyển hóa" từ CNXH cổ điển sang cái gọi là CNXH *đổi mới* "theo kiểu Mác-Lê-Đặng" và tư tưởng Hồ Chí Minh. Họ đã bắt chước "một cách mù quáng" mô hình Trung Quốc, chứa đựng đầy mâu thuẫn khó dung hòa.

Về tư tưởng Hồ Chí Minh, thì ĐCSVN nêu bật lên tư tưởng này không phải vì họ muốn thay thế chủ nghĩa Mác-Lê đã lỗi thời bằng tư tưởng Hồ Chí Minh, mà họ chỉ dùng uy danh của Hồ Chí Minh để lừa phỉnh nhân dân dễ dàng hơn, vì ông này được coi như còn có ít nhiều bản sắc dân tộc. Nhưng, thật ra, cơ sở ý thức hệ của ông Hồ chính là chủ nghĩa Mác-Lê. Ông vẫn coi nó là "học thuyết đúng nhất, cách mạng nhất," và là "kim chỉ nam cho hành động."

Tư tưởng Hồ Chí Minh có năm điều chủ yếu: 1/ Mác-Lê là chủ nghĩa đúng đắn nhất; 2/ lãnh đạo của Đảng phải tuyệt đối; 3/ áp dụng triệt để "chuyên chế vô sản" kiểu Mác, Lê-nin, Stalin; 4/ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội; 5/ giữ vững tinh thần quốc tế vô sản.

Trong những điều trên đây, chủ trương tiến thẳng lên CNXH là "**nguyên nhân**"[3] của cuộc khủng khoảng toàn diện, khủng khoảng tổng thể của xã hội, khủng khoảng tất cả các lãnh vực...: kinh tế và xã hội, tinh thần và đạo đức, tư tưởng và chính trị." Phần khác, "tiến thẳng lên CNXH" là "sai lầm to lớn nhất của Hồ Chí Minh trong lãnh vực kinh tế." Anh Trí kết luận rằng: "nếu dựa vào tư tưởng Hồ Chí Minh" để hỗ trợ cho chính sách "đổi mới" chính trị thì phải nói thẳng ra là "có *đổi* nhưng không có gì *mới!*"

Khía cạnh "Đổi mới kinh tế" được bàn đến ở chương II. Anh Trí nhận xét rằng trước năm 1986 Việt Nam "lâm vào khủng khoảng suy thoái trầm trọng" vì ĐCSVN đã "bắt chước một cách máy móc mô hình XHCN theo kiểu Stalinít-Maoít." Đại hội 6 của ĐCS đã đưa ra chính sách "đổi mới," bỏ chế độ bao cấp, và chấp nhận một nền kinh tế "nhiều thành phần." Đến Đại hội 7, ĐCS lại nói rõ rằng kinh tế hàng hoá nhiều thành phần phải "vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN." Đại hội 8 lại nhấn mạnh thêm rằng nền kinh tế nhiều thành phần phải "nhằm mục đích xây dựng XHCN" chớ không phải đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Chủ trương của ĐCSVN đưa ra từ đầu năm 1990 "cũng là sao chép mô hình kinh tế thị trường của ĐCS Trung Quốc."

Đặc điểm của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà ĐCSVN chủ trương là kinh tế quốc doanh. Theo giáo điều, "ĐCSVN không chấp nhận việc để bất cứ ai tham gia vào việc phát triển lực lượng sản xuất mà chỉ để dành việc này **chủ yếu** cho kinh tế quốc doanh mà thôi." Như thế, mới đi đúng định hướng XHCN. Nhưng, anh Trí nói, "kẹt" là ở đó: kinh tế quốc doanh làm ăn tồi quá, không phát triển lực lượng được bao nhiêu trong nhiều năm qua. Bế tắc chính là ở chỗ "cái "lô-gích" của ĐCSVN dẫn đến nghịch lý như vậy."

Anh Trí ghi nhận rằng trong 25 năm từ Đại hội 4 (1976) đến Đại hội 9 (2001), các lãnh đạo ĐCSVN đã nhiều lần khẳng định là với chính sách "công nghiệp hóa XHCN" – mà họ cho là ưu việt hơn công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa – Việt Nam sẽ trở thành một nước công nghiệp hiện đại, nhưng "thực tế hoàn toàn phủ định tham vọng này." Năm 1976, Lê Duẩn tuyên bố Việt Nam "đẩy mạnh công nghiệp hóa XHCN để đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN trong vòng 20 năm," nghĩa là năm 1996. Nhưng năm 1996 , Đại hội 8 lại khẳng định là chỉ trong vòng 20 năm nữa, nghĩa là năm 2015, Việt Nam mới trở thành một nước công nghiệp hiện đại hóa. Đại hội 9, năm 2001, lại khẳng định là mục tiêu đó sẽ đạt được vào năm 2020... Các mô hình mà ĐCSVN đã áp dụng từ 1976 đến nay đều thất bại, đẩy công nghiệp Việt Nam "vào bước suy thoái chưa từng có," và "đang dẫn đến bế tắc." Máy móc, thiết bị của các doanh nghiệp nhà nước của ta "lạc hậu so với thế giới và khu vực từ 10 đến 20 năm, thậm chí 30 năm..., trình độ cơ khí hoá, tự động hóa dưới 10%, mức độ hao mòn hữu hình từ 30 đến 50%." Trên đây là những nhận xét mà anh Trí trích của chính những chuyên gia của chế độ.

Theo một chuyên gia của Đại học trứ danh Harvard, GS. David Dapice, thì nếu tăng trưởng của Việt Nam trong tương lai chỉ là 6%/năm thôi thì GDP/đầu người của Việt Nam *trong 20 năm nữa* (2022) cũng chưa đạt được *một nửa* GDP/đầu người của Thái Lan năm 1999. Và nếu mức tăng trưởng của Việt Nam là 10%/năm thì chỉ đến năm 2019 GDP/đầu người của Việt Nam mới vượt GDP/đầu người của Thái Lan

vào năm 1999!

Điều đáng chú ý, anh Trí nhấn mạnh, là "kinh tế Việt Nam hiện nay là một nền kinh tế hỗn hợp tích lũy các khía cạnh tiêu cực nhất, vừa của CNXH hoang tàn, vừa của tư bản hoang dại, theo kiểu Trung Quốc." Cơ bản, kinh tế Việt Nam vẫn là một kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong khi Việt Nam là một nước lạc hậu. Quan hệ giữa CNXH và sự lạc hậu là một "quan hệ nhân quả." Nguyên nhân trực tiếp của sự lạc hậu của Việt Nam là CNXH.

ĐCSVN: đường lối, chính sách

Như đã nói ở trên, tác phẩm của anh Trí nặng phần chính trị hơn là phần kinh tế và ý thức hệ: chương III (134 trang), dài gần gấp đôi hai chương I và II (140 trang) hợp lại. Điều này làm nổi bật sự kiện chính trị là yếu tố quyết định. Như chính anh nói trong phần "Kết Luận":

"Theo tôi, cải cách kinh tế hiện nay đang đòi hỏi phải có cải cách chính trị một cách mạnh mẽ [theo hướng dân chủ hoá thật sự] *và nếu không có cải cách chính trị thì cải cách kinh tế sẽ bế tắc* ; "nền dân chủ [đa nguyên] củng cố tự do kinh tế, và do đó là nền tảng của sự tăng trưởng"; "dân chủ là động cơ chính đáng để phát triển kinh tế."

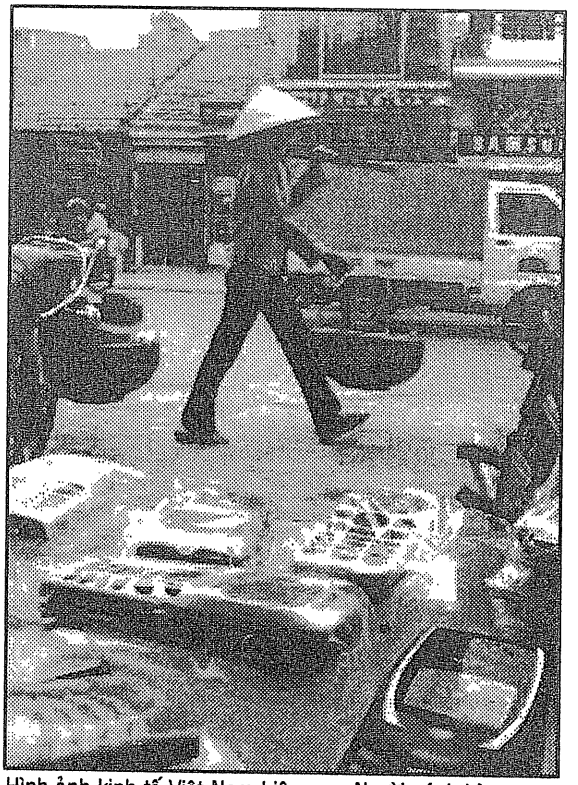

Hình ảnh kinh tế Việt Nam hiện nay: Người gánh hàng rong đi ngang qua một tiệm bán điện thoại di động ở Hà Nội.

Trong phần mở đầu của chương III, anh Trí nhấn mạnh rằng [chủ nghĩa Mác-Lê] "CNML chưa biến mất ở Việt Nam, khác với một số người thường nói. Ngược lại, nó vẫn tiếp tục vận hành trong thực tế hàng ngày, dù có một vài biến đổi không quan trọng so với trước đây;..." cái gọi là "chuyên chính vô sản" (CCVS)... cũng đang được thực hiện hàng ngày... không thể nói là CNML không còn tồn tại ở Việt Nam; nó chỉ biến dạng một phần nào đó thôi. Và điều đáng tiếc là các *mặt xấu nhất* của nó vẫn tồn tại, cả trong lĩnh vực chính trị lẫn lĩnh vực kinh tế."

Suốt trong mấy chục trang kế tiếp, anh mô tả một cách tỷ mỷ, sắc bén, những "mặt xấu nhất" của CCVS. Về phương diện này, tác phẩm của anh Trí là một tài liệu rất đặc biệt, vô cùng quý báu cho những người nghiên cứu về cọng sản Việt Nam. Anh đã phanh phui ra, thâu góp và sắp xếp lại một cách ngăn nắp và hợp lý không biết bao nhiêu chi tiết về chế độ đó. Anh đã soi sáng hầu hết các khía cạnh của ĐCSVN. Một điều đáng ghi ở đây là anh Trí đã căn cứ vào các nguồn tin xuất phát từ giới cọng sản — tài liệu của Đảng, các tuyên bố, tiết lộ của lãnh đạo ĐCSVN, hay của những người từng giữ chức lớn trong guồng máy quyền hành Đảng —, hoặc của những giới quốc tế có tiếng là đứng đắn, khả tín nhất. Do đó, có thể nói rằng những dữ kiện và những nhận xét anh đưa ra rất chính xác.

Vì thiếu chỗ, không thể đề cập đến tất cả những gì anh Trí đã nêu lên. Dưới đây, tôi chỉ trích dẫn một số nhận xét về lý thuyết, lý luận, chủ trương, đường lối, chính sách, đáng ghi nhất của tác phẩm, và một số dữ kiện soi sáng CCVS nhất về nếp sống của những kẻ quyền thế trong chế độ cọng sản Việt Nam hiện nay.

Về sai lầm lớn nhất của ĐCSVN:

"Nhìn chung... *sai lầm lớn nhất* và cũng là *bao trùm* tất cả các sai lầm của ĐCSVN từ khi lên nắm chính quyền đến nay là *sự cố tình chọn con đường "tiến lên CNXH " theo kiểu Mác-Lê*, riêng cho miền Bắc từ năm 1957... và cho cả

nước tại Hội nghị Trung ương ĐCS lần thứ 24 hồi tháng 08.1975. Những *sai lầm trong lĩnh vực đối nội* (chính trị, kinh tế, văn hóa, v.v...) *cũng như đối ngoại... đều bắt nguồn từ sự lựa chọn có tính cách chiến lược đó*."

Về chuyên chính vô sản:

"CCVS... trên thực tế chỉ là sự chuyên chính của tập đoàn lãnh đạo của ĐCS, hay nói đích xác hơn là 'chuyên chính một bè lũ' gồm 3-4 người lãnh đạo mà thôi. Họ tượng trưng cho một chính quyền xây dựng trên nòng súng... nhằm duy trì càng lâu càng tốt cái gọi là 'ổn định' chính trị trong cả nước."

"Chuyên chính vô sản ở Việt Nam còn có một sự tương liên đến chuyên chính vô học và vô văn hoá nữa... người kém, dở lại lãnh đạo người giỏi... Những nhà trí thức ngoan ngoãn, cơ hội chủ nghĩa về mặt chính trị hoặc nịnh hót thì được thăng cấp khá nhanh dù kém về chuyên môn... Vì vậy cho nên Việt Nam không thể có điều kiện để bật nẩy thiên tài."

Về các nhà ngoại quốc và dân chủ của CS:

"... hiện nay cũng như trước đây dưới thời ông Lê Duẫn, trong kho tàng biệt ngữ mà ĐCSVN thường dùng cái gọi là *'dân chủ XHCN,' 'Nhà nước XHCN,' hoặc 'Nhà nước pháp quyền XHCN,' 'Nhà nước của dân, do dân, vì dân'* đều là những *hiện tượng* (phenomena) phản ảnh một bản chất duy nhất, đó là *bản chất (*essence*) của chuyên chính vô sản*, đều đồng nghĩa với khái niệm CCVS."

Anh Trí nói: khi các nhà lãnh đạo Việt Nam nói về "dân chủ" ở Việt Nam thì có nhiều nhà nghiên cứu và Việt kiều "vỗ tay reo mừng rằng các nhà lãnh đạo cọng sản cũng 'dám' nói tới dân chủ... Họ đâu có ngờ rằng khi ĐCSVN nói tới 'dân chủ' tức họ ám chỉ một nền 'dân chủ' do ĐCS nặn ra và do ĐCS lãnh đạo, và loại 'dân chủ' này phản ảnh đúng bản chất của 'chuyên chính vô sản' ..."

Về nguyên tắc "tập trung dân chủ"

Về điểm này anh Trí nói:

"Trong các tài liệu *chính thức* của ĐCSVN khi họ nói tới 'tập trung dân chủ' (tập trung: danh từ; dân chủ: tính từ) thì có nghĩa là họ nói về nguyên tắc tổ chức, hoạt động trong đảng và nhà nước XHCN, chứ họ không bao giờ dùm cụm từ "dân chủ tập trung" (dân chủ: danh từ; tập trung: tính từ) với ý nghĩa là một thể chế, một chế độ chính trị-kinh tế cả...Vả lại, trong báo chí, sách vở thì ĐCSVN thường dùng cụm từ "dân chủ nhất nguyên" tức là một "nền dân chủ dưới sự lãnh đạo duy nhứt của đảng," hoặc "dân chủ XHCN" để đối lại cụm từ dân chủ đa nguyên, đa đảng..." Anh nói cần nhấn mạnh rằng biệt ngữ "dân chủ nhất nguyên" mà ĐCSVN đang dùng là "một mâu thuẫn lớn trong từ ngữ," là "một quái tượng về mặt chính trị," vì thông thường mà nói, nền dân chủ thực sự "*tất yếu* là phải đa nguyên chứ không thể nhất nguyên, độc đảng được."

Về bạo lực và đối trá của ĐCS và Nhà nước:

"Ở Việt Nam, cũng như ở các nước XHCN toàn trị khác, 'bạo lực cách mạng' được thực hiện hàng ngày và được nâng lên thành một *thể chế*, trong lúc đó thì thái độ dối trá một cách có hệ thống của ĐCS và Nhà nước XHCN đối với dân được nâng lên thành *một quốc sách, và hai hiện tượng này có quan hệ hữu cơ, gắn bó mật thiết với nhau*...trong suốt quá trình tồn tại của ĐCSVN đầu óc sùng bái bạo lực của họ rất nặng..."

"Điều đáng chú ý là hiện nay thái độ dối trá, giả dối của chính quyền đã từ lâu lan ra cả xã hội... Đảng cộng sản lãnh đạo đã tạo ra và hình thành một xã hội dối lừa, lãnh đạo dối lừa, làm ăn giả dối, bằng cấp giả dối, đến gia đình cũng lừa dối..."

Nhà nước của dân, do dân, vì dân

"Sau ông Hồ, tất cả các Tổng bí thư... đều dùng thuật ngữ này về mặt hình thức, nhưng đã thay đổi hoàn toàn về mặt nội dung. Các nhà lãnh đạo ĐCSVN đã đánh tráo nội dung tiến bộ, thật sự dân chủ do Abraham Lincoln đề xướng với một nội dung độc tài, toàn trị của chế độ XHCN ... 'Nhà nước của dân, do dân, vì dân' được dùng một cách phổ biến từ năm 1991 đến nay để *thay thế* cụm từ 'chuyên chính vô sản' (CCVS) – một cụm từ làm cho ai cũng khiếp sợ ! — khiến cho một số người, cả học giả ngoại quốc lẫn Việt kiều, hiểu lầm rằng ở Việt Nam không còn 'chuyên chính vô sản' nữa từ khi có đổi mới... Sở dĩ ĐCSVN *thay thế* (chứ không bao giờ từ bỏ) 'CCVS' bằng thuật ngữ 'Nhà nước của dân, do dân, vì dân' là vì họ muốn tạo ra một ảo tưởng 'đổi mới' về mặt chính trị và tâm lý, nhưng đó chỉ là một mưu mẹo nhằm lừa gạt nhân dân và dư luận quốc tế mà thôi."

"Nhà nước XHCN Việt Nam không phải 'do dân' thiết lập; và mục tiêu chủ yếu của nó cũng

không phải nhằm phục vụ nhân dân, tức là nó không phải 'vì dân.' Do đó, không thể nói Nhà nước này là 'của dân' được. Giản đơn thế thôi!"

Trên thực tế, Nhà nước XHCN ở Việt Nam chỉ là **Nhà nước của Đảng, do Đảng và vì Đảng** mà thôi."

Nhân sự: "Tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN"

Trên đây, các khía cạnh lý thuyết, ý thức hệ, đường lối, chính sách của ĐCSVN đã được đề cập đến. Nhưng ta cũng muốn biết ĐCSVN về khía cạnh nhân sự: bản chất, phong độ, lối cư xử của họ, trong đời sống hàng ngày — mặt thật của họ –, đặc biệt là ở cấp lãnh đạo. Những trang dưới đây sẽ cho ta thấy rằng anh Trí đã thâu góp được rất nhiều dữ kiện soi sáng ĐCSVN về khía cạnh này.

Một trong những điều đáng ghi nhất là: ĐCSVN công khai tự hào là một tổ chức của những giới vô sản, nhưng trong thực tại, nó lại là một tổ chức rất giàu, và những kẻ có chức quyền cao trong Đảng cũng rất giàu!

Năm 1996, theo Phòng thương mại Việt-Mỹ, tài sản của ĐCSVN lên tới 20 TỶ US $, tức là tương đương với GDP (Tổng Sản Lượng) của Việt Nam năm 1995. Có 100 đảng viên có tài sản lên tới 300 triệu US$ trong năm 1996.

Anh Trí nhận xét: "Điều ấy nói lên sự giàu có của ĐCS ở trong một những nước nghèo nhất thế giới!" Lại nữa:

"Ban Kinh tài của ĐCSVN với hàng nghìn cán bộ là 'công cụ của Mafia của ĐCS,' nó có chín Phó ban chuyên môn kinh doanh về ngoại tệ, ma túy, vũ khí, doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp của ĐCS, đất đai, nhà cửa và biệt thự."

"Các nhà quan sát ngoại quốc cho rằng sở dĩ từ giữa những năm 90 trở đi, ĐCSVN tìm cách đầu tư trong nhiều lĩnh vực – từ tiệm cơm cho tới ngân hàng – là vì họ muốn xây dựng một cơ sở tài chính vững mạnh cho nền tảng thống trị của họ trong đời sống chính trị của đất nước trong tương lai."

"Một điểm cần lưu ý nữa là trong điều khoản 46 của "Điều lệ (bổ sung) của ĐCSVN (do Đại hội IX của Đảng thông qua) có ghi rõ là một trong những nguồn tài chính rất quan trọng của ĐCSVN là *'ngân sách nhà nước và các khoản thu khác.'* Cho nên, không lấy làm lạ khi ta thấy ĐCS điềm nhiên lấy tiền của ngân sách nhà nước (tức là tài sản của toàn dân) để chi cho các tổ chức của ĐCS và phụ thuộc của Đảng."

Về giới lãnh đạo ĐCS, mà anh Trí gọi là "Tập đoàn lãnh đạo Việt Nam," thì anh đã đưa ra vô số dữ kiện làm cho ta nếu không rùng mình, thì cũng kinh ngạc.

Theo anh Trí, đặc điểm chung của "Tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN" là:

"Từ khi khối Liên-xô – Đống Âu sụp đổ, trong ĐCSVN trên thực tế đã xuất hiện hai từng lớp đối lập nhau rõ rệt: một tầng lớp thống trị nắm quyền hành với những đảng viên giàu có, những nhà 'tư bản đỏ' với nhiều biệt thự, xe ôtô và doanh nghiệp do vợ con nắm, sống xa hoa phè phỡn, thậm chí còn có thể chuyển US$ ra nước ngoài để kinh doanh và chuẩn bị cơ sở làm ăn và sinh nhai cho thời kỳ hậu cộng sản, và một tầng lớp bị trị của những đảng viên liêm chính, những cựu chiến binh và thương binh, những người nghỉ hưu, thật sự vừa vô sản lại vô quyền, sống nghèo khổ và vất vả."

"...đảng viên có chức có quyền, trong đó một số ít nhờ chức quyền mà có tiền, cực kỳ lắm tiền, đang chi phối mọi công việc của đảng, của đất nước; *chức, quyền, tiền* ấy đã kết họ lại thành một giai tầng mới, giai tầng 'tài phiệt đỏ'... Thế lực tài phiệt này đang làm giàu theo công thức dùng chuyên chính vô sản để tích lũy tư bản... và số tài sản mà họ đã và đang hối hả tích lũy chính là xương máu, mồ hôi, nước mắt của toàn thể nhân dân."

Anh Trí ghi nhận rằng "tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN đang bị *mafia hoá* một cách nghiêm trọng." Đáp câu hỏi tại sao giai cấp "tư bản đỏ" cố níu chặt con thuyền XHCN, anh giải thích rằng "chỉ nhờ trương lên tấm biển XHCN họ mới có thể cướp bóc dân chúng một cách dễ dàng." Đảng đã bị "thoái hoá," biến chất, những đảng viên nắm quyền lực trở thành "một tầng lớp thống trị mới trong xã hội, với những lợi ích riêng, đối lập với lợi ích nhân dân." Nhiều đảng viên có chức có quyền "đã thật sự thành những tư bản mới đầu cơ quyền lực, biến quyền thành của cải, và gây ra một mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt."

Về phương diện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, anh Trí gọi là "suy thoái," và nói rằng có "vô số hiện tượng." Anh chỉ đề cập đến một số sự kiện "điển hình" mà thôi, như lạm phát bằng cấp giả, nạn mãi dâm, nghiện ma túy v.v...

Về bằng cấp giả, thì năm 2000, có hơn 3.000 bằng cấp giả bị phát hiện "mà thủ phạm chủ

yếu là cán bộ, đảng viên." Một trường hợp điển hình là ông "Tiến sĩ" Nguyễn Tiên Hoà, Viện trưởng Viện nghiên cứu Khoa học thị trường và giá cả. Ông này đã gian lận thi cử, xử dụng bằng cấp bất hợp pháp và đã nhờ người thi hộ văn bằng Anh văn... Một trường hợp phi thường hơn nữa là ông "Tiến sĩ" Trần Hồng Thái, bị phát giác là chưa có học hết lớp 10 nhưng đã có ba bằng cấp tốt nghiệp đại học và hậu đại học.

Có sự lan tràn về bằng cấp giả, vì từ khi Nhà nước chủ trương "đại học hoá cán bộ đảng viên" thì mỗi cán bộ, đảng viên tại chức phải có bằng cấp để được điều chỉnh chức vụ của mình để được thăng tiến. Do đó, có tình trạng *"người có bằng giả thì ngồi đấy, người có bằng thiệt thì thất nghiệp."* Anh Trí cho biết là có tới 65% giám đốc và tổng giám đốc các doanh nghiệp nhà nước không có khả năng hiểu được quyết toán tài chính hàng năm của doanh nghiệp. Anh lặp lại lời than vãn của một giáo sư quen thuộc ở Hà Nội: "Các học vị học hàm rởm, những tiến sĩ, viện sĩ giấy, những chức vụ hư danh thì không nước nào thế giới sản xuất nhanh, nhiều bằng ta. Mà khi những thứ này tràn ngập xã hội thì còn đâu cho trí tuệ chân chính phát triển."

Về lối sống trụy lạc của cán bộ, thì chính Bộ Lao động và xã hội cọng sản thừa nhận là "trong số đàn ông đi tìm thú vui tại những lầu xanh thì 70% là cán bộ, đảng viên, bởi vì chỉ có họ mới có thừa tiền (do tham nhũng, buôn lậu v.v...) để có thể ăn chơi trác táng." Còn về ma túy, thì, cũng theo một nguồn tin có thẩm quyền, trong số 100.000 người nghiện ma túy đã đăng ký tháng 7/2000 có tới 30.000 là cán bộ, đảng viên.

Anh Trí kết luận:

"Tóm lại, "quốc nạn" tham nhũng và buôn lậu, sự lạm phát bằng cấp giả để có thể chiếm giữ các chức lãnh đạo, ăn chơi trác táng, nghiện ngập xì ke, ma túy,v.v... đó là một số hiện tượng phổ biến hiện nay trong hàng ngũ đảng viên, những con người 'XHCN' mà ông Hồ đã công phu 'trồng' trong mấy chục năm qua!"

Một khía cạnh của sự tham nhũng của giới lãnh đạo ĐCSVN được anh Trí sưu tra rất đầy đủ là không phải chỉ những lãnh đạo ĐCSVN mà toàn gia đình họ lợi dụng quyền lực để làm giàu, mà đó là một hiện tượng phổ biến. Anh nói:

"Chính nhờ có chức, có quyền cho nên đám vợ con các nhà lãnh đạo cao cấp mới có thể trở thành, một sớm một chiều những 'doanh nhân lỗi lạc,' và từ chỗ tay trắng, chân ướt chân ráo, nhảy vào một lĩnh vực không quen thuộc mà hiện nay trong túi họ đã đầy nhóc hàng triệu US$."

Và anh đưa ra một số, khá nhiều, ví dụ điển hình về:

- "Bà Cầm," vợ của cựu Thủ tướng Võ Văn Kiệt; "Cậu Nam," con riêng của ông Võ Văn Kiệt; "Cậu Phương," rể ông Tổng Bí thư Đỗ Mười; "Cậu Tỵ," con Thủ tướng Phạm Văn Khải; "Cậu Tuấn Anh," con của Chủ tịch nước Trần Đức Lương; "Cậu Diễn," con của cựu Tổng bí thư Lê Khả Phiêu; "Cậu Vịnh," con của Tướng quá cố Nguyễn Chí Thành; "Ông Công," em của Tổng tham mưu trưởng Không quân quá cố Đào Đình Luyện; "Cậu Bình," con rể của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Hiện tượng "con ông cháu cha" lợi dụng quyền lực chính trị của ông cha để làm giàu là một hiện tượng rất phổ biến. Trên đây chỉ nói đến những kẻ làm ăn lớn nhờ có quyền lực lớn. Tất nhiên, theo quy luật "thượng bất chính hạ tắc loạn," ta có thể đoán rằng toàn xã hội Việt Nam cũng theo gương cấp lãnh đạo mà "làm ăn" theo kiểu của họ.

Phải "phi xã hội chủ nghĩa hoá"

Tít sách của anh Trí là *Việt Nam Cần Đổi Mới Thật Sự*. Bảy chữ này hàm chứa ba ý niệm lớn: 1/ Cần, 2/ Đổi mới, 3/ Thực sự. Tại sao "cần" thì người Việt nào biết ít nhiều lịch sử Việt Nam trong 100 năm qua đều biết, không cần bàn cãi. "Đổi mới" là gì, và ĐCSVN đã hiểu vấn đề này ra sao, đã giải quyết nó thế nào, với kết quả ra sao, đã được anh Trí phân tích, phê phán, và bác bỏ.

Tất nhiên anh Trí phải đưa ra những ý kiến, những đề nghị để thay thế những gì anh đã chủ trương bác bỏ, và giải thích thế nào là đổi mới "thực sự." Những ý kiến, đề nghị này được trình bày trong chương "Kết Luận."

Ở đoạn trên, quan niệm căn bản của anh Trí cho rằng "cải cách kinh tế đòi hỏi phải có cải cách chính trị một cách mạnh mẽ" đã được nhắc đến. Ở chương Kết Luận anh nói rõ rằng muốn "khai thông hoàn toàn" con đường phát triển kinh tế và có tăng trưởng kinh tế cao và

bền vững, thì phải có một "đột phá khẩu" về mặt chính trị "theo hướng dân chủ hoá thật sự đất nước." Anh nói rằng từ mấy năm nay, trong nước đã có người sáng suốt đề nghị như vậy.

Về phía ngoại quốc, anh Trí cũng trích dẫn những nhân vật trứ danh, kinh tế gia như ông Joseph Stiglitz, giải thưởng Nobel về Kinh tế, hay GS Janos Konai, một chuyên gia danh tiếng về kinh tế XHCN và hậu XHCN, những chính khách như Tổng thống Pháp, Francois Mitterand, Tổng thống Hoa Kỳ, Bill Clinton, để làm sáng tỏ thêm rằng phát triển không phải chỉ là tăng GDP mà còn là "tạo ra một xã hội tốt đẹp hơn, một xã hội dân chủ thật sự và công bằng"; rằng "dân chủ thật sự là động cơ chính đáng để phát triển kinh tế"; rằng "tự do, dân chủ tôn trọng nhân quyền là điều kiện cần thiết cho sự phát triển kinh tế"; rằng "**cải cách chính trị, chính quyền và ý thức hệ là điều kiện quyết định** để mở đường cho các cải cách cơ bản trong các lãnh vực khác như kinh tế, xã hội và văn hoá."

Tóm lại, theo anh Trí, chế độ Hà Nội hiện nay về **cơ bản vẫn là một chế độ XHCN toàn trị.** Do đo, "đối sách của những người dân chủ hiện nay là phải đấu tranh để **phi xã hội chủ nghĩa hoá** nó một cách toàn diện. Nói một cách khác, chúng ta cần phải kiên trì đấu tranh để dân chủ hoá thật sự đất nước, cả về mặt đối nội (chính trị và kinh tế) lẫn đối ngoại (chính sách ngoại giao)."

Một trong những ưu tư lớn của anh Trí là "phá vỡ bế tắc về trí tuệ" để mọi người đều có thể tham gia vào việc thảo luận phương án phát triển đất nước để kiếm một con đường đi thích hợp cho đất nước. Có tranh cãi tự do thì mới phá vỡ được sự bế tắc này. Do đó, anh Trí cho rằng trong số các tự do, tự do tư tưởng, tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do lập hội là quan trọng nhất, vì không có những tự do đó thì "mọi bàn luận về sự phát triển đất nước và hiện đại hoá... chỉ là vô ích. Bởi vì chỉ có những quyền tự do này mới tạo được sức mạnh trí tuệ toàn dân tộc, và chỉ có sức mạnh này mới đưa tới sự phát triển của đất nước."

Về kinh tế, ở cuối chương II về "Đổi mới kinh tế," anh Trí đưa ra "10 biện pháp cơ bản," nhưng anh nhấn mạnh: để thực hiện 10 biện pháp kinh tế này "cần phải có một quyết tâm chính trị cao..." **vì chỉ có một thể chế chính trị dân chủ thật sự mới có thể thực hiện một cách triệt để các biện pháp kinh tế nói trên."** Hai mặt này gắn bó chặt chẽ với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau "một cách biện chứng." Anh nói rằng điều này dẫn anh đến việc phân tích "đổi mới" chính trị. Như người Mỹ thường nói trong trường hợp này: "He is back to square one": vấn đề khởi đầu vẫn là chính trị!

Cho nên không lạ gì mà trong chương Kết Luận, anh Trí đưa ra "một chương trình hành động tổng quát." Chương trình này nhằm "những người yêu chuộng tự do, dân chủ trong giai đoạn hiện nay." Nó gồm năm điểm. Nguyên văn như sau:

"1.Yêu cầu chính quyền Hà Nội thả ngay những tù nhân chính trị, tôn giáo, và sắc tộc, và giải quản những người bị quản chế, đồng thời hủy bỏ nghị định 31/CP.

2. Thực hiện các quyền tự do dân chủ cơ bản đã ghi trong Hiến Pháp 1992, và nhất là trong "Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị," đặc biệt là tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tôn giáo, tự do hội họp và lập hội; từ bỏ điều 4 của Hiến Pháp 1992; và chấm dứt việc bưng bít thông tin giữa trong và ngoài nước.

3. Mạnh dạn cởi trói khu vực kinh tế tư nhân (nhất là kinh tế tư bản tư nhân); công nhận quyền tư hữu ruộng đất và các tài sản khác.

4. Cùng lúc, cải cách triệt để các doanh nghiệp nhà nước, song song với việc đẩy mạnh cải cách hệ thống ngân hàng như đã đề nghị bên trên.

5. Đảo ngược hoàn toàn trật tự ưu tiên trong chính sách ngoại giao hiện nay."

[Anh Trí giải thích thêm điều 5 ở một đoạn sau: "tức là đặt lên hàng đầu quan hệ với các nước dân chủ, tư bản, và đặt ở hàng chót quan hệ với các nước XHCN, độc tài"]

Một điều cần ghi nhận ở đây là anh Trí chủ trương chuyển "chủ nghĩa xã hội đổi mới" hiện tại sang một "**hệ thống chính trị-kinh tế hoàn toàn phi xhcn**" một cách *hoà bình.* [T.T.T. nhấn mạnh]

Kinh nghiệm của 30 năm qua cho thấy rằng "tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN" sẽ không chấp nhận một sự chuyển biến như vậy. Đối với họ, đó là "diễn biến hoà bình," mà họ đã không ngừng tố giác. Vậy phải làm sao?

Anh Trí nghĩ rằng phải tạo ra một sự thay đổi tương quan lực lượng giữa ĐCSVN và đối lập. Muốn thế, về mặt chính trị và ngoại giao,

những người dân chủ phải **"kiên trì gây sức ép tối đa và liên tục"** để buộc ĐCS và nhà nước thực hiện dần năm yêu sách nói trên. Tới mức nào đó, **lượng** sẽ biến đổi thành **chất**, và sẽ có một sự **Thay đổi về chất.** Theo anh, ĐCSVN sẽ không tự ý chấp nhận một sự thay đổi triệt để hệ thống chính trị kinh tế hiện "nếu họ *không bị áp lực hết sức mạnh mẽ* hoặc nếu không có một sự biến động gì lớn." Nhưng một khi đã xảy ra sự "thay đổi về chất" nói trên, khi tương quan lực lượng đã ngã hẳn về phía những người dân chủ, thì "dù muốn dù không, các nhà lãnh đạo cộng sản cũng không thế nào chống đỡ được, tức là phải 'đổi màu'." Để thực hiện chương trình hành động tổng quát đã được đề ra, anh Trí thấy cần lập lên một Liên Minh (hoặc Mặt Trận) Dân Chủ bao gồm tất cả các phần tử chính trị và tôn giáo đấu tranh cho dân chủ đa nguyên, cả trong lẫn ngoài nước, bất kể xu hướng chính trị và tôn giáo khác nhau trước đây. Để gây áp lực tối đa và liên tục với địch thủ, những người đối lập có thể áp dụng chiến thuật **Bốn Mũi Giáp Công,** hai ở trong nước, và hai ở ngoài nước.

Ở trong nước, Liên Minh Dân Chủ là lực lượng chính để tấn công chính quyền trong mọi lãnh vực. Liên Minh ủng hộ tất cả các yêu sách chính đáng của nhân dân lao động (chủ yếu là nông dân), trí thức, văn nghệ, thanh niên và sinh viên, phụ nữ và các dân tộc thiểu số.

Ở ngoài nước, ủng hộ áp lực của các chính quyền dân chủ và các tổ chức tài chính quốc tế khi họ đặt điều kiện cần thiết để viện trợ cho Việt Nam. Việt kiều cần yểm trợ cuộc đấu tranh để dân chủ hoá đất nước cả mặt vật chất lẫn tinh thần. Họ cần cung cấp đầy đủ và kịp thời các dữ kiện về các vụ đàn áp chính trị và tôn giáo cho các cơ quan quốc tế lo về vi phạm nhân quyền, và tích cực vận đông họ tố cáo các hiện tượng nói trên.

Trong bốn mũi giáp công nêu trên, anh Trí nhấn mạnh hai mũi tấn công ở trong nước là **chủ lực** có ý nghĩa **quyết định.** Điều này rất đúng, vì thực tế mà nói, chỉ có những người ở trong nước mới có khả năng làm thay đổi tình thế. Hiện nay, ngoài "diễn biến hoà bình," mà lãnh đạo ĐCS tuy để ý, nhưng không sợ, và chỉ tố giác ồn ào để biện minh cho sự cần thiết duy trì "ổn định," anh Trí đề cập đến một biến chuyển làm cho lãnh đạo ĐCS rất lo sợ. Đó là "TỰ diễn biến hoà bình," một hiện tượng xuất phát từ ngay trong lòng ĐCS vì một số càng ngày càng đông đảng viên đã "quay lưng lại với đảng, phản bác cương lĩnh, đường lối..." Anh Trí trích một lời tuyên bố rất có ý nghĩa của một viên chức cao cấp của ĐCSVN: "Không có một nước nào có thể trực tiếp lật đổ chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam, và chỉ có người cọng sản mới có thể lật đổ được người cộng sản đang cầm quyền hiện nay." Nguy cơ "tự diễn biến hoà bình" này đã được cụ thể hoá bằng sự thành lập một tổ chức đối lập công khai. Đó là "Nhóm Dân Chủ" do một số người đề xướng mà nay đã thành những tên quen thuộc đối với những người tranh đấu cho dân chủ: Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Khắc Toàn, v.v..., mà anh Trí gọi là "chiến sĩ dân chủ."

Vì những lý do nêu trên, anh Trí kết luận với một tư tưởng lạc quan:

"Con đường đấu tranh để dân chủ hoá đất nước thì, ai cũng biết, là rất gay go gian khổ. Nhưng *chắc chắn* rốt cuộc thì những chiến sĩ dân chủ sẽ giành được thắng lợi vì tập đoàn lãnh đạo cộng sản dù có ngoan cố tới đâu đi nữa thì cũng *không thế nào* đi ngược mãi cao trào Dân chủ đa nguyên của thời đại." Nhưng, để duy trì tinh thần thực tế, anh Trí cũng trích thêm một lời của cựu Tổng Thống Tiệp Khắc: "Hãy gieo hạt, và biết chờ đợi!"

Sự chờ đợi này sẽ dài hay ngắn, tùy sự phát triển nhanh hay chậm của "tự diễn biến hoà bình," trừ phi có một trường hợp mà không phải là không có thể không xảy ra, mà không phải là anh Trí không có nghĩ đến. Đó là: "một biến động gì lớn."

Ottawa, tháng 3, 2004

1 . Đông Á, 2147 Commercial Drive, Vancouver, B.C., V5N 4B3, Canada. Tel: 604-251.2222, Fax:604-251.2279, E-Mail: <pham-van@yahoo.com>,. Gia....?

2 . Vì thiếu chỗ, không thể kê hết 10 điều kiện đó được. Trong bài này chỉ có thể nói đến 3 điều kiện quan trọng và đặc biệt nhất cho các tác phẩm nói về Việt Nam.

3 . Trong bài này, trừ một số ít sẽ được báo riêng, tất cả các gạch đậm và nhấn mạnh là của anh Võ Nhân Trí.

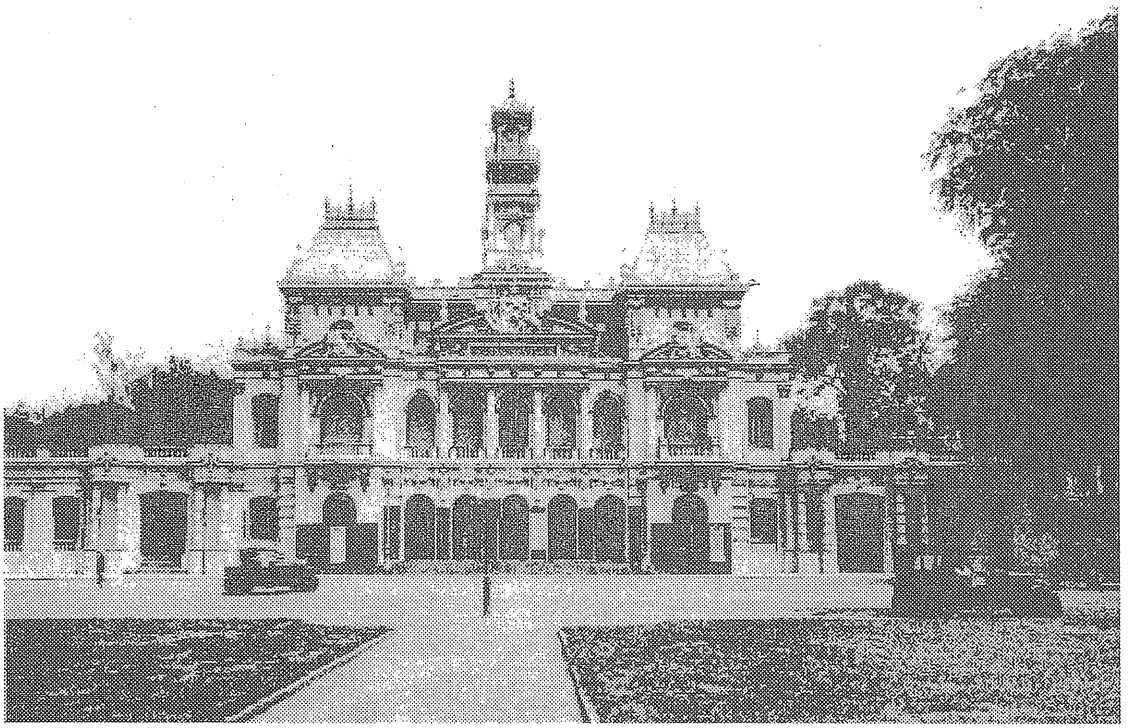

Bài Thuyết Trình Không Đọc

PHẠM XUÂN ĐÀI

LTS. *Một phần của bài dưới đây được tác giả soạn để nói tại buổi sinh hoạt "Đêm nhớ về Sài Gòn," một chương trình có chủ đề Sài Gòn do một số anh em văn nghệ ở Boston dự trù tổ chức vào ngày 6 tháng Mười Hai, 2003, nhưng vào giờ chót phải hủy bỏ vì một trận bão tuyết bất ngờ. Cũng vì trận bão, tác giả đã phải quay trở về lại Cali sau khi đã đi được quá nửa đường đến Boston.*

Ý định hát về Sài Gòn, viết về Sài Gòn, nói về Sài Gòn tự nhiên nảy ra cùng một lúc nơi nhiều người làm văn nghệ. Riêng tạp chí Thế Kỷ 21 thì gần đây đã được một độc giả ở Chicago viết thư về trách sao quý vị không làm một số báo về Sài Gòn mà lại làm số báo về Hà Nội. Bức thư ấy làm chúng tôi giật mình, mới thấy ra sự vô tình của mình đối với một thành phố mà mình quá nặng nợ. Đúng thế, Sài Gòn đối với chúng ta như một kẻ rất thân yêu và gần gũi, đến nỗi chúng ta thấy không cần nhắc nhở đến, kiểu như con cái thì không hay nói nhiều về cha mẹ của mình, mà chỉ nói về thiên hạ.

Từ đầu thế kỷ 20, Sài Gòn đã là một nỗi quyến rũ người cả nước. Đó là một đô thị văn minh đích thực trước bất cứ một thành phố nào của Việt Nam. Tổ chức đô thị có những quy luật riêng của nó, không cứ hễ dồn dân lại ở đông đúc một nơi mà có thể gọi là đô thị. Hà Nội chưa hề có một nếp sống đô thị, yếu tố nông thôn, yếu tố tùy tiện hãy còn đầy rẫy nơi ấy. Các thành phố khác của Việt Nam thì đều có kích thước nhỏ. Chỉ có Sài Gòn, nhờ vị thế đặc biệt về địa lý và lịch sử của nó, đã rất sớm xứng đáng gọi là một đô thị đúng nghĩa của Việt Nam.

Vài nét lịch sử

Năm 1998 vừa qua, Sài Gòn tròn 300 tuổi. Năm 1698 lần đầu tiên địa danh Sài Côn được ghi vào bản đồ hành chánh xứ Đàng Trong nước Đại Việt khi Chưởng cơ Nguyễn Hữu Kính, tức Nguyễn Hữu Cảnh, thừa lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu đặt nền cai trị trực tiếp phần đất Nam Tiến, phân chia lãnh thổ Đồng Nai – Gia Định

thành hai dinh trấn: Trấn Biên (Biên Hòa) và Phiên Trấn (Gia Định), lấy đất Nông Nại (Đồng Nai) làm huyện Phước Long và xứ Sài Côn (Sài Gòn) làm huyện Tân Bình.

Năm 1698 là một thời điểm lịch sử, chính thức hóa sự thành lập một đơn vị hành chánh mới mẻ vào cực nam của đất nước Việt Nam. Nhưng để có sự chính thức hóa đó, người Việt Nam phải hiện diện tại vùng đất này sớm hơn nhiều. Sau khi Nguyễn Hoàng ly khai với chính quyền Lê Trịnh ngoài Bắc đi về miền Nam với vùng "Hoành Sơn nhất đái, vạn đại ung thân" thì công cuộc di chuyển về phía Nam của dân tộc Việt Nam cứ âm thầm lặng lẽ nhưng với một tốc độ khá nhanh. Sau khi lấn xong toàn vẹn lãnh thổ của người Chàm, người Việt tiếp tục tiến vào lãnh thổ của nước Chân Lạp, tức là Cao Miên. Trong lịch sử Nam tiến của dân tộc Việt Nam, những người đàn bà vương giả đã đóng góp một phần tích cực. Chúng ta đã biết từ đời nhà Trần, công chúa Huyền Trân đã làm một công việc mà nhạc sĩ Phạm Duy đã gọi là "đổi phấn son lấy cõi giang san," nghĩa là kết hôn với vua Chiêm Thành để mang lại châu Ô và châu Rí về cho nhà Trần. Khi dân Việt Nam vào đến đất Chân Lạp, sự kiện ấy lại tái diễn: đời chúa Nguyễn Phúc Nguyên đầu thế kỷ 17, công chúa Ngọc Vạn lại được gả cho vua Chân Lạp, và cuộc hôn nhân này đã lót đường một cách vững chắc cho bước tiến của chúng ta vào phần đất Thủy Chân Lạp. Hai con trai của hoàng hậu Ngọc Vạn, Nặc Ông Thu làm chính vương ở Oudong, và Nặc Ông Nộn, con trai thứ hai làm đệ nhị vương, đóng đô ở Prey Kor, đất sau này là Sài Gòn. Cái chiến lược bành trướng lãnh thổ bằng hôn nhân đã thu được kết quả nửa thế kỷ sau. Prey Kor, biến thành Sài Côn, và được chính thức sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam năm 1698.

Cùng với người Việt Nam, người Trung Hoa cũng đã đến nương náu tại vùng đất này. Thoạt tiên họ cư ngụ làm ăn tại Cù lao Phố ở Biên Hòa. Năm 1778, khi tiến quân vào Đồng nai – Gia Định, quân Tây Sơn đã quét sạch người Trung Hoa ra khỏi Biên Hòa, khiến đám người này phải chạy đi kiếm một vùng đất mới, và họ đã dừng chân tại một địa điểm bên cạnh Bến Nghé gọi là Đề Ngạn, mà sau này chính là Chợ Lớn. Như vậy ta thấy rằng non một trăm năm sau khi Sài Gòn chính thức ra đời thì phần Chợ Lớn được thành lập, và ngay từ đầu đó đã là phần đất của người Tàu. Từ đấy Sài Gòn và Chợ Lớn như hai anh em song sinh, như đôi bạn đường không lìa xa được. Sài Gòn có Chợ Lớn bên cạnh trở thành trung tâm kinh tế bán đảo Đông Dương; Chợ Lớn có hải cảng quốc tế Sài Gòn đi kèm càng thêm phát đạt thịnh vượng.

Sài Gòn mà chúng ta có hôm nay là một thành phố được xây dựng theo lối Tây phương. Nhưng ngày xưa dưới đời các chúa Nguyễn, rồi đến triều đại nhà Nguyễn nó phải được tổ chức theo lối Việt Nam, nghĩa là phải có thành. Thành là một sản phẩm mà loài người đã có từ thời xa xưa để khẳng định và bảo vệ uy quyền. Các cơ quan quyền lực của kẻ thống trị gồm cơ sở hành chánh và quân sự được tập trung vào một địa điểm, rồi xây một bức tường lớn bao quanh, bên ngoài lớp tường thường có hào sâu, mục đích không gì khác hơn là để ngăn chặn kẻ địch đến chiếm đóng. Thành là đầu não của quyền lực, mất thành coi như thua trận, nên công tác giữ thành luôn luôn là nhiệm vụ hàng đầu của bất cứ kẻ chỉ huy nào. Năm 1790, thu phục xong thành Sài Gòn từ tay nhà Tây Sơn và bình định xong toàn cõi đất đai Gia Định, Nguyễn Ánh giao cho Olivier de Puymanel, tức Victor Olivier công tác họa đồ thủ phủ mới trong ranh giới các trấn Biên Hòa, Gia Định và Long Hồ, bản đồ thị trấn Sài Gòn có dấu son được coi như tài liệu thiết kế đô thị đầu tiên ở Việt Nam. Bản đồ Sài Gòn năm 1790 của Victor Olivier cho đến năm 1975 hãy còn lưu giữ và đánh số 1 tại sở Địa Chánh Sài Gòn: plan de la ville de Saigon levé en 1795. Echelle 1/4000. Thành xây theo kiểu Vauban, mà sau này *Gia Định Thành Thông Chí* của Trịnh Hoài Đức gọi là thành Bát Quái, và còn một tên gọi khác là Quy thành (chắc vì giống con rùa), cách tổ chức và các dinh thự bên trong theo cung cách như cung điện của triều đình, chứng tỏ trước khi thống nhất đất nước và dời đô về Huế, chúa Nguyễn Ánh đã chính thức đóng đô và trú ngụ ở đây. So với thành phố Sài Gòn bây giờ thì Quy thành nằm khoảng giữa những con đường sau đây (tên cũ, trước 1975): phía nam là đường Lê Thánh Tôn, phía tây là đường Công Lý, phía bắc, đường Phan Đình Phùng và phía đông là Đinh Tiên Hoàng và Cường Để. Trung tâm của thành này, nơi dựng cột cờ, là chỗ nhà thờ Đức Bà. Đó là theo sự mô tả của Trương Vĩnh Ký.

Chúng ta đều biết vào đời Minh Mạng có loạn Lê Văn Khôi, phe nổi loạn chiếm Quy

thành, chống cự với triều đình trong hai năm. Năm 1835, dẹp xong vụ nổi loạn Lê Văn Khôi, vua Minh Mạng cho phá hủy Quy thành để xây một thành Sài Gòn mới, sử sách nói vắn tắt là về phía đông bắc của thành cũ. Thành này nhỏ hơn thành cũ, mà người Pháp gọi là Citadelle de Saigon, theo cụ Vương Hồng Sển trong *Sài Gòn Năm Xưa* thì thành này bắt đầu từ khu Lê Thánh Tôn, gồm khu nhà thương Đồn Đất, khu Onzième Régiment d'Infanterie Colonial (Trung đoàn bộ binh thuộc địa số 11) tức khu thành Cộng Hòa ở cuối đường Thống Nhất chỗ gần Sở Thú, và một khu thương mại phồn thịnh gần thành xưa. Nếu xem địa đồ thì có thể đóng khung Citadelle trong bốn con đường hiện tại: Phan Đình Phùng, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Mạc Đỉnh Chi và Nguyễn Du. Nhưng thành này ngày nay cũng không còn, vì năm 1859 liên quân Pháp và Tây Ban Nha đã chiếm được, về sau phá hủy thành bình địa để xây thành phố Sài Gòn mà chúng ta có ngày hôm nay. Chúng ta chỉ còn thấy vài dấu tích mơ hồ, như bộ Giáo Dục ở đường Lê Thánh Tôn được xây cất trên một mô đất cao một cách đột ngột khác thường giữa khu phố buôn bán bằng phẳng, hoặc trước khu nhà thương Đốn Đất có một đoạn đường dốc thoai thoải về phía mé sông, nhiều người nói đó là dấu vết của thành xưa. Chúng ta bùi ngùi vì sự mất mát đó. Những cố đô của chúng ta là Hà Nội và Huế đều lưu giữ nhiều hình ảnh của quá khứ, chỉ riêng Sài Gòn là mất sạch để hoàn toàn biến thành một đô thị thuộc địa theo lối Tây phương. Phải chăng đó là số mệnh của một thành phố mới mẻ mang trong mình sứ mạng nhìn hướng về tương lai chứ không vướng mắc nhiều vào dĩ vãng. Nhưng dù sao, công khai phá và xây dựng phần phía nam của đất nước trải qua bao đời Chúa và Vua nhà Nguyễn, một công lao quá lớn và quan trọng mà lại không lưu giữ được gì những hình ảnh đã qua thì thật là một điều rất đáng tiếc.

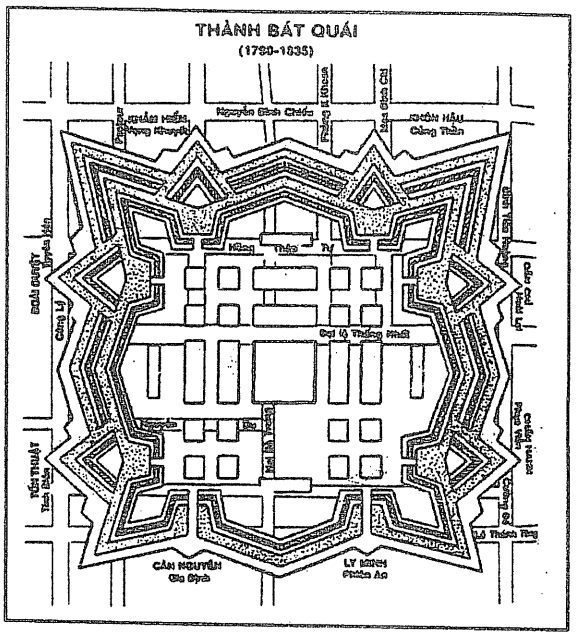

Một số danh xưng

Có nên tìm hiểu về một số danh xưng xưa liên quan đến Sài Gòn hay không? Nên lắm, biết được gốc gác một tên gọi cũng là biết một phần quá khứ. Trước hết, cái tên **Sài Gòn**: từ đâu và từ bao giờ mà ra tên này? Một giả thuyết thường nghe là dựa theo lối phát âm của người Tàu, vốn đã có mặt khá sớm tại vùng này, họ gọi Sài Gòn là Xấy Con, đọc theo âm Hán Việt là Tây Cống, và từ Tây Cống mà gọi trại ra thành Sài Gòn. Một giả thuyết khác: Sài, đọc theo chữ Hán hoặc nôm, có nghĩa là củi. Gòn là cây gòn, một loại cây có trái cho bông gòn. Giả thuyết của Trương Vĩnh Ký là: tên cũ của người Miên gọi đất này là Prei Nokor, theo một loạt biến âm, Prei Nokor được người Việt đọc là Sài Gòn. Cho đến nay, chưa có kết luận ngã ngũ. Chúng ta chỉ biết rằng tên Hán nôm Sài Gòn đã xuất hiện từ 1776. Trong thư viện của Hội Truyền Giáo Paris có lưu trữ hai bức thư của giám mục Bá Đa Lộc gửi từ Sài Gòn: bức thứ nhất đề "Saigon le 14 Septembre 1791", bức thứ hai đề "Saigon le 30 Mai 1795." Đó là những dấu tích rõ rệt về những năm tháng xa xôi nhất tên Sài Gòn được sử dụng.

Một số địa danh khác thuộc Sài Gòn nay còn biết được gốc gác, tưởng cũng nên nhắc qua:

Bến Nghé: Đó là tên của Sài Gòn cũ. Nghé là con trâu con. Đại Nam Quốc Âm Tự Vị của Huỳnh Tịnh Của ghi: "Vàm sông kinh Chợ Lớn nhằm chỗ tắm trâu thuở trước." Nhưng theo Sơn Nam thì "nghé" là tiếng con cá sấu kêu. Bến nghé là nơi nhiều cá sấu.

Bến Thành: Chỗ bến sông lên thành Gia Định cũ, về sau chỗ ấy thuộc về Sài Gòn.

Cầu Bông: Theo Vương Hồng Sển thì từ đầu thế kỷ 19, cầu ấy gọi là cầu Cao Miên, sau đổi thành Cầu Hoa, rồi vì húy tên một bà phi tần của vua Minh Mạng nên gọi là Cầu Bông.

Đakao: Người Pháp phiên âm địa danh Đất Hộ thành Dak-co. Sau đó dân ta lại đọc theo Pháp thành Đakao.

Hàng Sanh: Nay là đường Bạch Đằng, ngày xưa có trồng cây sanh hai bên lề. Sanh thuộc loại cây đa, nhánh có tua, lá nhỏ. Nay thường gọi là Hàng Xanh. Cùng loại với tên này còn có Hàng Dừa (gần chợ Bà Chiểu), Hàng Keo (nay là đường Phan Đăng Lưu) trước kia có trồng những thứ cây này hai bên đường. Nên phân biệt những tên Hàng của Hà Nội như Hàng Bạc, Hàng Mã v.v... Với Sài Gòn "hàng" là hàng cây, trong khi Hà Nội là hàng hóa.

Vào giữa thế kỷ 19, sau khi chiếm được Sài Gòn, người Pháp đã tiến hành xây ngay thành phố mới lên trên địa điểm thành cũ. Có thể nói Sài Gòn hoàn toàn là con đẻ của nền kiến trúc và văn minh Pháp, không bị vướng víu một chút gì với những dấu tích cũ. Ta hãy nhìn khu trung tâm: dinh Toàn quyền, nhà thờ Đức Bà, nhà Bưu điện, ngay cạnh đó là bót Catinat, rồi Pháp đình và nhà tù Khám Lớn cạnh nhau, rồi Nhà hát và khách sạn trên đường Tự Do, xa hơn chút nữa là trường Chasseloup Laubat và nhà thương Đồn Đất. Họ xây đô thị chứ không xây thành, một đô thị hoàn toàn Tây phương, nằm giữa một rừng cây xanh nhiệt đới. Từ đầu thế kỷ 20 Sài Gòn đã được xưng tụng là Hòn Ngọc Viễn Đông, thì hòn ngọc ấy hoàn toàn là do bàn tay gọt dũa của người Pháp, chứ nền văn minh Việt Nam không đóng góp một chút gì trong đó.

Muốn kiểm chứng điều này, chúng ta nên đến Paris. Dĩ nhiên chúng ta sẽ bị choáng ngợp vì những công trình kiến trúc nổi tiếng thế giới của thành phố này, như tháp Eiffel, cổng Khải Hoàn Môn, nhà thờ Đức Bà, cung điện Versaille, bảo tàng Louvre hay là khu đồi Montmartre v.v... Sài Gòn không có bất cứ một thứ gì tương tự, về tầm cỡ cũng như về giá trị nghệ thuật. Nhưng đi giữa Paris chúng ta sẽ luôn luôn có cảm giác gặp gỡ lại Sài Gòn của chúng ta, cảm giác về một cái gì đó thân quen cứ bất chợt xuất hiện trong tâm hồn nơi này nơi khác, lúc này lúc khác. Cái gì đó là cái gì? Sau nhiều ngày lang thang ở thủ đô nước Pháp, tôi đã tìm ra điều ấy, đó là về phương diện kiến trúc thành phố Sài Gòn chính là anh em cùng cha của thành phố Paris, và người cha đó không ai khác hơn là ngành kiến trúc Pháp. So với Paris, Sài Gòn quá nhỏ bé, nhưng cái nét giống nhau của những đứa con cùng cha thì không thể chối vào đâu được. Sài Gòn đẹp vì được xây cất theo một chủ đề thuần nhất, không phải pha trộn vá víu với những yếu tố khác, thuộc một nền văn hóa khác. Không có cái thuận lợi đó, hẳn nó khó có được danh hiệu Hòn Ngọc Viễn Đông. Người Pháp đã dựa vào tính chất địa lý của một xứ viễn đông để thực hiện một tác phẩm của chính mình, đó là kiến trúc nên thành phố Sài Gòn.

Giở lại những trang viết cũ

Đọc lại phần viết trên đây nói về việc Sài Gòn giống Paris, tôi sực nhớ đến những trang mình viết cách đây bảy năm, sau khi lần đầu tiên đi Paris về. Có lẽ nên trích vài đoạn, để xem lại những nhận xét còn nóng hổi của hồi ấy.

Tôi khám phá ra rằng tại một số nơi Paris rất giống Sài Gòn, khiến gây nơi tôi những hoài niệm rất bất ngờ. Một buổi chiều trời mưa, tôi che dù đi ở một phố nào đó tôi không nhớ, bỗng nhiên tôi thấy y hệt như tôi đang đứng chỗ ngã tư Lê Thánh Tôn với đường Tự Do, ngay trước quán La Pagode. Còn giống hơn là ngày ra khỏi tù cải tạo về Sài Gòn tôi đứng ngay chỗ góc phố đó, mà thấy như đang ở nơi xa lạ.

Đi vắng khỏi Sài Gòn mười ba năm kể từ năm 1975, khi quay về tôi ngẩn ngơ vì cái cảm giác "mất hết." Sài Gòn không còn nữa, sau khi được liên tiếp "cải tạo," mọi thứ trở nên xấu xí, tầm thường, mất cái thần sắc mà đô thị mến yêu ấy ngày xưa vẫn tỏa ra, như mùi hương bát ngát của một cây hoa, như vẻ duyên dáng của một người đàn bà. Không riêng Sài Gòn, từ sau năm 1975 cả miền Nam mất cái thần sắc ấy, mất nơi từng cá nhân con người, trong từng xóm làng, từng thành phố. Cái guồng máy gọi là cách mạng kia nó có biệt tài xóa đi rất nhanh cái mà tôi gọi là lớp men của sự sống vốn vẫn tồn tại nơi các xã hội lành mạnh, trong đó chứa đầy hơi hướng của tình người và của sự phát triển tự nhiên các khả năng tinh thần, tình cảm, mơ mộng và cần lao của con người. Nó xóa sạch không thương tiếc, khiến tất cả đều trần trụi, cắt đứt với quá khứ, cắt đứt với tương lai. Tôi đã về lại Sài Gòn đối diện với nỗi trần trụi ấy nơi đường Tự Do, nơi đường Lê Thánh Tôn, trước quán La Pagode, thấy đây không phải là Sài

Gòn của ngày xưa nữa. Tôi có một người bác mà tôi rất yêu mến, năm 75 khi chào ông để đi cải tạo bác tôi vẫn còn khỏe mạnh minh mẫn, nhưng khi về gặp lại thì ông đã hoàn toàn lẫn, bác chào thằng cháu ngày xưa như một người xa lạ, không còn phân biệt được ai với ai. Đứng trước bác tôi, tôi cảm thấy lòng quặn đau, biết vĩnh viễn không còn cách gì có lại người bác ngày xưa. Sài Gòn cũng thế, đã già sụm và biến dạng đi không ngờ, và cũng đã đi vào cơn mê lẫn, lờ đờ nhìn tôi không còn nhận biết tôi là ai, cũng như tôi không còn tìm ra một ngôn ngữ chung nào để tôi và cái đô thị mến yêu ấy còn có thể trao đổi nhận ra nhau trở lại. Từ ngày còn ở trong tù, khi biết có một bài hát mới hát rằng "em ra đi nơi này vẫn thế" tôi đã cười và lắc đầu nghi ngờ tính chất chân thật của lời nói ấy, đến khi về đến tận "nơi này" thì tôi thấy không còn phải nghi ngờ gì nữa. Đứng giữa Sài Gòn mà tôi đã mất Sài Gòn. Tôi biết cảm giác đó không phải chỉ riêng tôi có. Vô số bạn hữu đã đau khổ, hụt hẫng, và phẫn nộ nữa, khi đối diện với một Sài Gòn xác xơ và trần trụi.

Nhớ ngày cuối tuần đầu tiên sau khi về tới Sài Gòn tôi đề nghị với mấy người bạn đến thăm: "Tụi mình xuống Sài Gòn bát phố chơi hè!" họ nhìn tôi ngạc nhiên như nhìn Từ Thức mới về trần. Thì ra đã lâu đã không còn cái món bát phố xưa cũ ấy nữa rồi, một người bạn tội nghiệp tôi vội giải thích: "Bây giờ còn phố xá gì đâu mà bát!" Dĩ nhiên phố xá thì vẫn còn đó, ý bạn tôi nói cái không khí xưa, cái tinh thần tình cảm và cảnh sinh hoạt làm ăn của đám thị dân cũ một thời đã làm nên Sài Gòn bây giờ đã biến mất hết rồi, đến đó thì chỉ thấy một nỗi trống rỗng mà thôi.

Nhưng buổi chiều mưa hôm ấy tôi đã gặp lại Sài Gòn ở giữa Paris. Thì ra tôi cũng chưa mất hẳn Sài Gòn trên đời này. Tôi đã sống ở Sài Gòn bao nhiêu mùa mưa nhỉ? Chẳng còn nhớ là bao nhiêu, nhưng hình ảnh Sài Gòn dưới cơn mưa rạt rào thì ai đã sống ở Sài Gòn khó lòng quên được. Thời còn trọ học, trên căn gác học trò nhìn mưa phơi phới trên những mái tôn, lòng dịu lại với không khí mát lạnh, nhớ xa xôi đến một khuôn mặt, một mái tóc, kết với không gian và âm thanh mưa thành những khoảnh khắc bất hủ của tình trai... Những đêm mặt đường Lê Lợi loáng nước, khoác áo mưa đi cạnh người bạn thân nghe tiếng nước chảy ồ ồ đang thoát xuống các lỗ cống, tìm một quán cà phê để cùng nhau bàn về các băn khoăn triết học vừa mới thu nhận từ giảng đường trường Văn Khoa. Sài Gòn mưa chợ Bến Thành, mưa trên tắc xi, xích lô, mưa lướt thướt các gánh hàng rong, mưa xì xào bí mật trong đám lá me, mưa từ quán nhậu nhìn ra đường đầy bong bóng nước trôi... Hình như Sài Gòn mưa ở lại trong lòng người nhiều và thiết tha hơn là Sài Gòn nắng. Những đêm mưa âm thầm đi trên đường phố hát nho nhỏ

Mùa thu đến mưa
Phố cũ hè xưa

thì thấy các câu hát viết về Paris đó vẫn hợp với tình và cảnh của Sài Gòn.

Buổi chiều mưa đó ở Paris, tôi che dù đi hơi lầm lũi thì thoáng thấy bên kia đường một cửa kính lớn trên có dòng chữ: Aux Ciseaux d'Art, cái này tôi đã thấy nhiều lần vào những năm xưa chỗ gần Tòa Đô chính Sài Gòn đi về phía đường Tự Do, tôi tiếp tục đi mấy bước nữa thì quả nhiên gặp ngã tư, và tôi hoàn toàn có cảm giác đang đứng tại phố cũ hè xưa Lê Thánh Tôn với Tự Do, tôi sắp bước vào quán La Pagode để uống cà phê trong một buổi chiều mưa. Ảo ảnh, ảo giác hiện lên như trong một giấc chiêm bao. Nhưng tôi vẫn tỉnh để nhận ra rằng đúng Paris và Sài Gòn là những người anh em cùng cha khác mẹ, cái cảm giác quen quen tôi nhận thấy từ ngày đầu khi mới đến bây giờ tôi đã tìm thấy nguyên do. Người Pháp đã xây cất Sài Gòn với rất nhiều hình ảnh của Paris. Dĩ nhiên Paris đẹp đẽ rộng lớn hơn nhiều, nhưng những tác phẩm của cùng một tác giả (hay là những đứa con cùng cha) thì có những nét chung dễ nhận ra lắm. Cảm giác giống đến rất đột ngột, bỗng dưng đang đi tại một chỗ nào đó giữa Paris, cảnh vật và sự cảm nhận của tôi chớp một cái, lập tức tất cả biến thành Sài Gòn. Sự phù phép ấy diễn ra rất nhanh, có thể chỉ trong sát na, nhưng rất triệt để, tôi đã "về" lại Sài Gòn chớp nhoáng như một linh hồn từ cõi âm được xẹt về thăm cõi dương, nhìn thấy mọi cảnh trí mọi sinh hoạt quen thuộc mà mình hằng tham dự xưa kia. Đi giữa Paris tôi rất thường bị xẹt qua xẹt lại như vậy. Có lúc bỗng thấy xe mình đang chạy trên đường Lê Lợi chỗ bùng binh Nguyễn Huệ, tưởng như chỉ cần nhìn lên là thấy tòa nhà Quốc hội ngay phía trước; có bữa thấy một góc phố nhọn y chang chỗ Võ Duy Nghi và Hàm Nghi, nơi Chợ Cũ bán thịt heo quay và xá xíu; một bữa tối đi ăn ở khu Saint Germain Des Prés đến khuya ngồi trên xe ra về, xe dừng lại chỗ đèn

đỏ thì miệng không kềm được phải thốt lên: "Đây chính là ngã tư Lê Lợi với Pasteur, chỗ rạp Casino Saigon." Những cơn lên đồng như vậy xảy ra luôn luôn, nhưng xúc động và sâu lắng nhất vẫn là chỗ quán Cái Chùa, có lẽ vì trời mưa, có lẽ vì tôi đang đi bộ, và cái nỗi niềm "phố cũ hè xưa" đang cơn thấm thía. Nơi đây không những tôi bắt gặp Sài Gòn mà còn bắt gặp chính tôi, gã thiếu niên của cuối thập niên 50, chàng thanh niên của thập niên 60, trong một buổi chiều mưa, đứng giữa Sài Gòn, đã nhìn thấy hàng cây lá bên đường ướt nước, mặt nhựa tung bọt trắng, người qua lại trong lớp áo mưa, và bên kia đường, chỗ gần tòa Đô chánh, có tiệm may Aux Ciseaux d'Art. Tôi của buổi chiều vừa ở khí hậu văn hóa, và cái sau bổ túc và quyết định cho cái trước. Đời sống văn hóa có tương đương mới tạo ra nét tương tự được. Nếu tiệm may thanh lịch Aux Ciseaux d'Art bên kia đường biến thành Cửa hàng May mặc quốc doanh, nếu người ta phóng uế vào các gốc cây bên đường và thi nhau lột vỏ cây đem về làm củi đun, nếu người ta mắc máy phóng thanh khắp các góc phố để cả ngày ra rả các khẩu hiệu tiến nhanh và tiến mạnh..., ở trong một thành phố Hồ Chí Minh như thế, tôi đoan chắc có đi Paris người ta cũng sẽ không nhận ra điểm tương đồng giữa hai thành phố đâu. Trái lại, chỉ nhận ra toàn cái xa lạ, như dương gian và âm phủ. Tôi đã hiểu vì sao ngày ra tù tôi thấy Sài Gòn

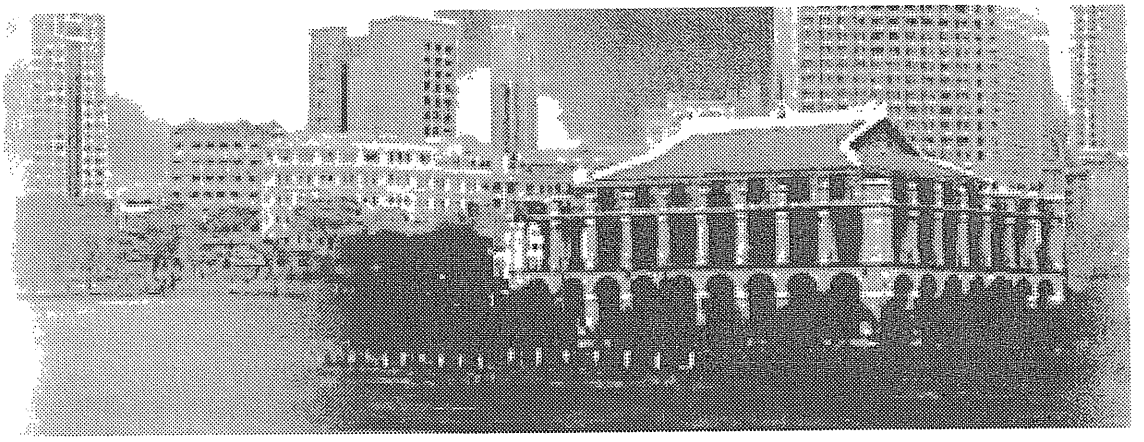

nay giữa Paris trong cơn xuất thần của tâm cảm đang về thăm lại Sài Gòn và nhìn thấy tôi của ba thập niên trước đang đứng trước quán La Pagode, cái nào là âm cảnh, cái nào là dương gian? Không, không có sự phân chia như thế, tất cả chỉ là một thôi, qua một cái chớp mắt của thời gian. Sài Gòn — Paris, thập niên sáu mươi — thập niên chín mươi, tất cả gói ghém trong một chỗ mong manh nhạy bén nằm giữa sự sống của tôi, có khả năng phá tan tức thì sương mù của quá khứ để nhìn xuyên suốt như cái nhìn của thần thức sáng trưng nơi một kẻ sắp lìa đời.

Không biết một kẻ lớn lên tại thành phố Hồ Chí Minh từ sau năm 1975, hoặc một người ngoài Bắc vào sống tại đó cũng từ thời điểm ấy, nếu có dịp đi Paris thì có nhận thấy thành phố Hồ Chí Minh của họ nhiều điểm giống Paris như tôi thấy không? Không chắc. Sự giống nhau giữa hai đô thị phải vừa ở kiểu mẫu kiến trúc, hoàn toàn xa lạ đối với tôi, mà ngày nay tôi lại thấy Paris giống Sài Gòn. Có lẽ nhờ những cảm nhận như thế người xa quê hương mới có thể sống trên những vùng đất xa lạ của thế giới được. Xa lạ không sao, miễn là còn gần gũi với con người.

(Trích lại từ bài Đi Tây đăng trên *Thế Kỷ 21* số 100, tháng Tám, 1997).

Nhớ lại hồi năm 1997, tôi đi Pháp với Trần Đại Lộc, một người bạn chơi thân với tôi từ thời còn học trung học, lúc bấy giờ Lộc đang bị ung thư gan thời kỳ cuối, hai đứa rủ nhau đi chơi chung một chuyến, không nói ra nhưng đều ngầm hiểu là chuyến chót. Từ thời học chung ở Petrus Ký Sài Gòn cuối thập niên 1950 cho đến năm ấy, chúng tôi đã đi với nhau biết bao nhiêu lần, đến lần này biết là sắp chấm dứt cuộc chơi chung rồi, nhưng hai thằng vẫn háo hức, vui vẻ như thuở nào trước cảnh lạ đường xa, đi chơi chẳng chút u sầu. Chắc tại bản chất của Lộc và

tôi như vậy, hay "ham dzui," hãy biết thưởng thức những gì đang có trước mắt đã, chuyện gì sẽ tới tính sau. Ba tháng sau chuyến đi, Lộc mất, nhưng tất cả những gì tôi viết về nước Pháp, Lộc đều đọc và góp ý kiến rồi mới làm chuyến viễn du khác, một mình.

Báo *Thế Kỷ 21* số 100 (có đăng đoạn trích trên đây) phát hành được ít lâu thì tôi có một người bạn mới, qua một bức thư gửi về Tòa soạn, đó là anh Nguyễn Hữu Chung ở Montreal, Canada. Bức thư của anh Chung được đăng vào mục Bạn Đọc Viết số 102, như sau:

Ngày 9 tháng Chín 1997

Thân gửi Phạm Xuân Đài,

Nếu bạn ở đây thì tôi đã khui một chai Champagne mời bạn. Cám ơn bạn đã làm cho tôi thấy lại Sài Gòn một cách rõ nét hơn, sau hơn 22 năm xa cách.

Anh chàng xứ Quảng đã thấy rõ Sài Gòn và thân thương Sài Gòn hơn cả triệu dân Sài Gòn khác. Với tư cách của tên đã từng sống chết với Sài Gòn, đã từng làm mưa làm gió ở đây, tôi cám ơn bạn.

Tôi thật sự đã gặp bạn trong bài "Đi Tây," và tôi hiểu tại sao tôi đã thích đi Paris chơi hơn là đi Mỹ. Washington, New York, Los Angeles, San Francisco, chưa nơi nào làm tôi cảm hứng khi đi dạo. Ở những nơi đó không có hè phố, không có sinh hoạt đầy chất người, chỉ có sinh hoạt vô danh (anonyme).

Những điều bạn viết sau đây đã "đánh trúng huyệt": "Sự giống nhau giữa hai đô thị phải vừa ở kiểu mẫu kiến trúc, vừa ở khí hậu văn hóa, và cái sau bổ túc và quyết định cho cái trước. Đời sống văn hóa có tương đương mới tạo ra nét tương tự được. Nếu tiệm may thanh lịch Aux Ciseaux d'Art bên kia đường biến thành Cửa hàng May mặc quốc doanh, nếu người ta phóng uế vào các gốc cây bên đường và thi nhau lột vỏ cây đem về làm củi đun, nếu người ta mắc máy phóng thanh khắp các góc phố để cả ngày ra rả các khẩu hiệu tiến nhanh và tiến mạnh..., ở trong một thành phố Hồ Chí Minh như thế, tôi đoan chắc có đi Paris người ta cũng sẽ không nhận ra điểm tương đồng giữa hai thành phố đâu. Trái lại, chỉ nhận ra toàn cái xa lạ, như dương gian và âm phủ."

Tôi cũng đã nghĩ tới điều nầy và nó đã làm cho tôi buồn nhiều vì tôi thấy ra rằng tôi đã mất hẳn Sài Gòn như tôi đã mất tuổi trẻ. Tôi đã đem tuổi trẻ sống bên lề xã hội nầy như bạn đã đem tuổi trẻ chôn trong tù. Bây giờ tuổi trẻ chẳng bao giờ trở lại cũng như Sài Gòn sẽ chẳng bao giờ thấy lại với những con người ngây ngô của nó, với cái không khí nửa chợ nửa quê, nửa mới nửa cũ, nửa tây nửa ta của nó. Chính vì vậy mà chẳng những tôi chưa tìm về Sài Gòn, tôi còn rất ghét những ai về đó trở qua nói rằng Sài Gòn bây giờ vui lắm, nhiều Honda, nhiều khách sạn... Mấy người đó không cảm nhận cái khí hậu văn hóa của nơi mà họ đến, cũng như nhiều người không hề nghe tiếng chim khi chim hót trên cành.

***Nguyễn Hữu Chung** (Montreal, Canada)*

Bạn Nguyễn Hữu Chung đã từng làm dân biểu nhiều khóa tại Quốc Hội Đệ Nhị Cộng Hòa, và đúng như bạn nói, đã "từng làm mưa làm gió" ở Sài Gòn, lại cũng vừa từ giã chúng ta vào tháng Hai 2004 vừa qua tại Montreal, cũng lại vì bệnh ung thư. Hóa ra, hai người bạn của tôi, có dính líu xa gần đến chuyến "đi tây" ấy đều đã ra đi về miền Tây phương cực lạc. Ôi, chúng tôi đều là những người của Sài Gòn xưa, đã sống những ngày trai trẻ ở đó, đã từng "làm mưa làm gió" mỗi người một cách, bây giờ đã đến lúc, kẻ trước người sau, từ giã cõi đời. Thế hệ chúng tôi có Sài Gòn riêng, từ 1954 đến 1975, không giống thời Pháp thuộc, càng không giống thời cộng sản cai trị. Cái Sài Gòn ngưng đọng hai mươi năm ấy, nay không còn nữa, những cư dân của nó thời ấy đang dần dà ra đi. Trong một nghĩa nào đó, tất cả những gì thuộc Sài Gòn ấy đều đã bị bức tử, dù là đi di tản ngay 75 như Chung, vào tù như Lộc và tôi, bị bức tử cả cái khí hậu văn hóa phơi phới của nó.

Trong hai mươi năm ấy, ít nhất thế hệ chúng tôi đã có 15 năm trưởng thành trước khi miền Nam và Sài Gòn bị khối cộng sản nuốt chửng. Cái thắng và cái thua của một trận thế hẳn phải có nguyên do chính xác của nó trong cái nhìn lịch sử toàn cục. Ở đây trong lòng tưởng nhớ Sài Gòn ta chỉ nhìn cái chết của Sài Gòn đang lúc giữa độ thanh xuân, giống như cái chết giữa độ thanh xuân của cả một thế hệ chúng tôi, như Nguyễn Hữu Chung nói đến trong bức thư. Sài Gòn thủ đô của nước Việt Nam Cộng Hòa trước khi chết đã đặt để các nền móng căn bản cho một nước Việt Nam tương lai, về văn hóa, kinh tế, chính trị, như một di chúc viết sẵn, mà trước sau gì rồi dân tộc Việt Nam cũng sẽ đi

theo, nếu không nói là từng bước *đang* đi theo. Chủ nghĩa cộng sản trong một thời điểm lịch sử có thể có sức mạnh man rợ của hung nô, nhưng một khi hung nô phải sống với loài người văn minh thì dần dần phải tập nhiễm đời sống văn minh. Sài Gòn thủ đô của chúng ta đã sắp sẵn khuôn mẫu của cuộc sống văn minh ấy, từ nếp sống đô thị, tinh thần khai phóng, và nhất là tinh thần tự do. Sài Gòn cũ đã chết, nhưng những tinh túy đã kết tinh không thể tan biến, trái lại còn đó như một dưỡng chất bàng bạc nuôi sống cuộc tranh đấu của bao nhiêu người trong hiện tại.

Chỉ riêng đời sống văn hóa văn nghệ của Sài Gòn với quan niệm tự do của nó đã để lại những ảnh hưởng tích cực cho cuộc sống về sau. Tha hồ cho những vụ "truy quét" sách vở miền Nam sau tháng Tư năm 1975, tha hồ cho những đợt bắt bớ khủng bố giới văn nghệ sĩ, tha hồ cho những bôi xấu một cách thô bỉ vô văn hóa đời sống tinh thần của miền Nam, cái nhân bản, cái đẹp thật sự mà chúng ta đã tạo ra vẫn tồn tại âm thầm trong cuộc sống và chiến thắng nếp văn nghệ tiền chế đầm mùi nô dịch và tuyên truyền của phe thắng trận. Kẻ thắng trận đã đụng phải một nền văn minh cao hơn, và họ phải chấp nhận sự đồng hóa, dù họ không bao giờ muốn như thế, vì cái lộ trình "tiến lên chủ nghĩa xã hội" của họ đã sẵn rồi, bài bản đã học thuộc mấy mươi năm từ miền Bắc rồi. Họ có thể làm tan hoang một Sài Gòn hoa lệ, có thể đề ra nhiều biện pháp cào bằng đời sống cho mọi người đều đói khổ như nhau để ép mọi người vào cuộc sống trại lính – kịch bản bất di bất dịch của chủ nghĩa cộng sản tại bất cứ xứ sở nào – nhưng gặp phải Sài Gòn hình như họ cảm thấy mọi sự không dễ. Dù tên Sài Gòn bị tiêu diệt để đổi thành thành phố Hồ Chí Minh, nhưng người Sài Gòn vẫn sống với tâm tình của Sài Gòn cũ. Bên dưới cuộc sống "cách mạng" ồn ào bề mặt có một đời sống ngầm phong phú, đa dạng: họ vẫn nghe những bản nhạc yêu thích ngày xưa, họ vẫn đọc sách cũ, vẫn kín đáo gìn giữ những giá trị trước kia đã làm nên miền Nam: giữ gìn truyền thống tình thương yêu và giáo dục trong gia đình, lòng từ thiện đối với xã hội, những sinh hoạt tâm linh thuộc các tôn giáo... Họ biết chế độ mới đang ra sức phá hủy những thành tựu thuộc về cuộc sống cũ để áp đặt những loại giá trị hoang đường kiểu như "tính đảng, tính giai cấp"... và họ lặng lẽ tổ chức phòng thủ đẩy ra ngoài cơ thể của cuộc sống họ những vật thể lạ lùng quái đản ấy, không để chúng làm bẩn bầu không khí truyền thống trong lành cố hữu của Sài Gòn. Và thời gian đã trả lời cho câu hỏi "ai thắng ai?" đầy ngạo mạn và hãnh tiến của người chiến thắng đặt ra trong những ngày đầu chiếm đóng, đặt câu hỏi nhưng cũng hàm ý trả lời rồi: thì chúng ta, cộng sản, thắng kẻ thù chúng ta là tư bản, chứ còn ai vào đây nữa?!

Thời gian đã trả lời rằng một nền văn hóa cao hơn sẽ đồng hóa những gì thấp kém hơn nó. Những gì người ta làm trong thời "đổi mới" thì đối với dân Sài Gòn cũng như toàn thể dân miền Nam chỉ là những bước tập tễnh để quay lại với những gì xưa cũ tại miền Nam, hoặc rộng hơn, với nếp sống vẫn có của dân tộc và nhân loại mà thôi. Nhưng đặt ra chữ "đổi mới" là để tự huyễn hoặc mình và đánh lừa kẻ khác rằng đây là sự chủ động sáng tạo của chính mình chứ chẳng phải học đòi một cái gì của "kẻ thù" (!), mặc dù trong thực chất đó chỉ là bước đầu của một sự đầu hàng. Một hệ thống ý thức hệ vô nhân đầu hàng cái nhân đạo vẫn sống với loài người từ xưa đến giờ mà thôi, chẳng có gì khác cả. Mới chiếm đóng Sài Gòn được mười năm, mới đóng cửa để bắt đầu thao tác một ít màn dã man đốt sách, cướp bóc của cải, nhà cửa, đẩy hàng loạt người đi về những nơi không thể sinh sống được, mở hàng loạt nhà tù để lùa vào đủ thành phần lành mạnh của xã hội – những kẻ giỏi kinh doanh làm ăn, những nhà văn nhà báo nhà nghệ sĩ tự do đã đem lại cho đời biết bao tác phẩm đẹp đẽ... – những kẻ chiếm đóng đã cuống quít nào "mở cửa," nào "cởi trói," nào "phá bỏ bao cấp, đổi mới tư duy" v.v... Thì đấy, nền tảng Sài Gòn xưa còn đấy, từ xưa Sài Gòn có đóng cửa bao giờ đâu, có trói ai đâu, có đè nén và nô lệ hóa tư duy của ai đâu... tài nguyên trí tuệ và vật chất cùng tâm hồn Sài Gòn cũ vẫn còn đấy, quý vị có phá phách thì nó cũng chỉ kịp hao hụt chút đỉnh thôi, nếu biết tạo lại những điều kiện bình thường của một cuộc sống tương đối văn minh thì Sài Gòn sẽ tái sinh, thì hòn ngọc cũ bị bỏ lăn lóc lại có thể sáng chói lên trở lại được nhờ ở tiềm năng tự do và sáng tạo sẵn có trong cơ thể của nó.

Sài Gòn có một truyền thống báo chí khá tự do và phong phú, có từ thời còn là thuộc địa của Pháp. "Nhựt trình" đối với dân Sài Gòn là một nhu cầu hàng ngày, để được cung cấp tin tức, bình luận, thông tin thương mại và cả giải

trí. Chúng ta đã có một nền báo chí tư nhân khá lành mạnh, làm nền tảng cho quá trình xây dựng dân chủ cho miền Nam. Sau cuộc chiếm đóng 1975, bầu trời u ám hẳn vì mỗi sáng mỗi chiều vắng bóng báo chí tự do, cái phần sinh hoạt vô cùng linh động đem lại vẻ tươi tắn và trí tuệ cho cả Sài Gòn. Với báo chí quốc doanh, ngày nào trời cũng xám xịt những sản phẩm tiền chế hệt những đám mây đen che hết ánh sáng của dân chúng. Người Sài Gòn lầm lũi đi trong một cảnh tranh tối tranh sáng.

Mãi đến khi đổi mới, một vài nét xưa mới được hồi phục, mặc dù ý niệm "tự do báo chí" vẫn là một cái gì húy kỵ. Nói chung, tập thể làm báo Sài Gòn trong thời kỳ này là những người trẻ tuổi, tuy một số trong chiến tranh có theo cộng sản, nhưng là những người đã hấp thụ nền giáo dục và khí hậu văn hóa miền Nam, khi đã được tương đối tự do, họ đã biểu lộ những cung cách sáng tạo và độc lập khác hẳn lề lối ngoan ngoãn buồn tẻ của dân "làm báo đảng" chuyên nghiệp trên đất Bắc. Đó cũng là một truyền thống làm báo được phần nào tiếp tục tại Sài Gòn, một truyền thống bắt nguồn kể từ thời xa xưa khi đất Nam Kỳ còn là nhượng địa của Pháp với những cây bút đanh thép Phan Văn Hùm, Nguyễn An Ninh, Phan Khôi... đến thế giới báo chí muôn màu muôn vẻ của thời Việt Nam Cộng Hòa. Vả lại di sản văn hóa văn nghệ phong phú của Sài Gòn vẫn sống còn trong mạch ngầm của nó, âm nhạc, tiểu thuyết, phim ảnh, cách ăn mặc, cách nấu nướng, lề thói ăn chơi, phong cách sống v.v... như một cái vốn quá dồi dào để có thể tô điểm tức khắc cho một Sài Gòn vừa thoát ra khỏi sự đè nén tối tăm của nền văn hóa vô sản để làm cuộc đổi-mới-trở-về-với-cái-cũ.

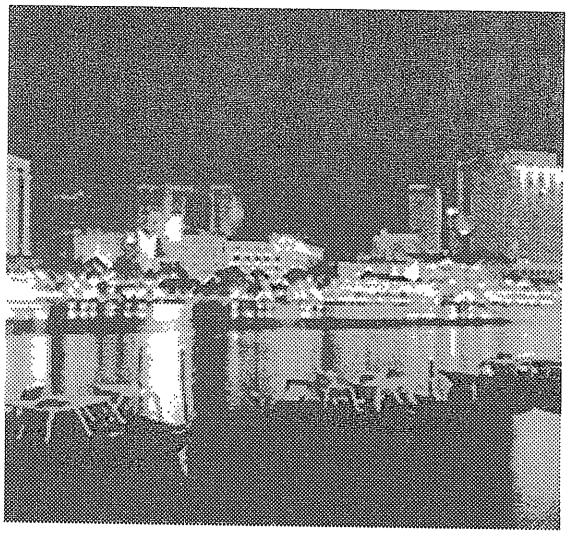

Sài Gòn của chúng ta sẽ không có một cái tên nào có thể thay thế được, trước sau gì cái tên Sài Gòn cũng sẽ trở về với thành phố thân yêu ấy. Bốn năm trước tôi đã đi tới thành phố Saint Petersbourg của nước Nga và đã biết được một điều kỳ diệu: bảy mươi năm sau khi thành phố ấy đổi từ tên Petersbourg thành Leningrad (từ tên Lenin, tay trùm cộng sản của Nga), từ đầu thập niên (19)90 đã trở lại với tên cũ, không những thế, tất cả tên các con đường trong thành phố cũng quay lại tên cũ giống hệt như Tolstoi đã ghi trong các tác phẩm của mình. Dân tộc Nga là một dân tộc vĩ đại, họ đã đi hết con đường sai lầm của mình, và không ngần ngại chuyển về chính đạo muôn thuở của nước Nga cũng như của loài người. Rồi người Việt Nam cũng sẽ làm công việc ấy, vứt bỏ cái tên của tay trùm cộng sản Việt Nam, để trả lại cho Sài Gòn những gì là Sài Gòn, chắc chắn với một thời gian ngắn hơn nước Nga nhiều.

Tôi không muốn bắt chước Bà Huyện Thanh Quan than thở trước những đổi thay

Tạo hóa gây chi cuộc hí trường
Đến nay thấm thoát mấy tinh sương

khi nhìn thành Thăng Long biết bao mến yêu của bà cũng như của bao tầng lớp sĩ phu khác không còn vị trí then chốt thuở xưa nữa. Chúng tôi mất Sài Gòn với tâm trạng khác người xưa, đau đớn vì cuộc chiến đấu cho lý tưởng tự do của mình đã thất bại, nhưng lại tin chắc lý tưởng ấy trước sau gì cũng phải trở về lại với đất nước Việt Nam và thành phố thân yêu ấy. Sau 13 năm đi cải tạo trở về tôi đã gặp một Sài Gòn hoen ố và gớm ghiếc của thế giới cộng sản. Ấy là khi chủ nghĩa cộng sản chưa sụp đổ và chưa có bàn tay, tri thức và tiền bạc của thế giới văn minh nhúng vào. Bây giờ thì đã khác, Sài Gòn đã thay da đổi thịt, cuộc đồng hóa của văn minh với man di đã bắt đầu. Bài học đã qua thời kỳ vỡ lòng, nhưng bắt buộc phải tiếp tục tiến đến những trình độ cao hơn: tinh thần dân chủ tự do phải được tôn trọng và phát triển. Đó chính là bản chất của Sài Gòn. Khi tinh thần đó thực sự được thắp sáng bừng lên thì Sài Gòn sẽ tự gọi trở lại tên cúng cơm của nó là Sài Gòn, chẳng khác nào Petersbourg lại trở về với Petersbourg./.

TRẦN HỒNG CHÂU

Tháng Tư... Mưa Ngâu Dầm Dề

Chùa Ngọc Hoàng có những nén hương-vòng quanh co
Kim tự tháp vô thường trong hương khói thiền lâm
Chùa Ngọc Hoàng có những tượng âm cung
Chúng sinh lũ lượt giăng hàng sầu tủi
Đầu cụt chân què lê bước tha ma về mộ địa
Ngạ quỷ, ma vương
Vạc dầu, Bến mê
Tiếng rên la pha sắc máu đỏ
Tiếng rên la xé tan trời địa ngục đen

Chợ An Đông có những đường ngõ quanh co
Những rác rưởi trầm ngâm kim tự tháp
Những chân tay hủi cùi
Nằm trong bụi đất
Máu đỏ mặt xanh

Ngã sáu Sài Gòn có những bộ lạc về từ rừng sâu tiền sử
Từ kinh tế mới âu sầu mất hướng
Trại lưu đầy dựng bên bờ đại lộ quê hương
Bên kim tự tháp rác rưởi trầm ngâm
Lửa hờn căm đốt sôi lòng nồi nhỏ
Suối ấm ruột gan rét cóng giữa trưa hè
Bằng mấy hạt cơm triều tượng
Bằng vài lời hứa... thiên đường trần gian
Áo quần tả tơi
Bướm say vào mắt bão
Thịt xương lở lói
Tranh lập thể mơ hồ

Đường Lê Lợi có những bước đi và tâm hồn quanh co
Những kim tự tháp đau thương sông núi phù trầm
Những đứa trẻ bụi đời
Tìm nguồn sống trong đống rác đìu hiu
Tìm nguồn sống trong băng giá lòng người
Những hình hài cổ quái
Sơn cẩu
Giữa sa mạc thờ ơ
Trên quê hương đọa đầy

Đường Lê Lợi có những người đi lang thang
Miệng lảm nhảm
Thần kinh rối chỉ
Mất loạn cuồng điên
Tâm hồn tan tác
Bọt biển phù du
Mưa nước mắt mặn chát
Ngập đại lộ đô thành

Đường Lê Lợi có những nhạc công
Mình đầy thương tích
Dắt dìu nhau
Từ núi đồi Hỏa tinh về đây
Qua lớp phù sa lịch sử
Trên sân khấu cuộc đời
Đàn não nuột
Đàn thương đau

Thương cho quê hương
Thương cho tuổi trẻ
Đàn kêu tịch tình tang:
Thể xác tàn phế
Núi sông tiêu điều
Ôi ta có ngờ đâu!

Tiếng đàn lịm chết từ lâu
Người dân phố vẫn im lìm
Cúi gằm mặt đi
Như cỏ rầu
Trên lề đường nắng chói...

Tôi đứng giữa Sài Gòn hay vẫn còn trong chùa Ngọc Hoàng
Ở đâu có những âm cung
Rợn tóc gáy
Sởn da gà
Đường xuống địa ngục khúc khuỷu
Đường lên dương thế quanh co?
Tôi theo dấu chân Phạm Công
Hay tôi là Mục Kiền Liên
Đêm Vu Lan đêm vô vọng
Trong mưa ngâu dầm dề
Mưa ngâu nhỏ lệ... tháng Tư
Trời hụt hẫng mười hai đau xót

Tôi đi tìm bóng ai
Bóng em chơi vơi?
Bóng mẹ Việt ngàn đời?
Có biển xanh và gió lộng trời mây
Quê hương tâm tưởng
Quê hương thịt xương
Quê hương còn hay mất?

Cho tôi một cánh chim bằng
Cho tôi một phép nhiệm mầu!
Tôi thành Hộ pháp vạn năng
Mất trợn ngược bên kim tự tháp hương-vòng quanh co
Tay xé nát những trang sử phi nhân
Những lầm than tủi nhục

Đâu đây phải có tiếng nói hồi sinh
Vọng vang từ lòng quê hương
Từ lòng thơ tôi nổi loạn
Thôi hết nhé hàng hàng chúng sinh hờn tủi!
Thôi hết nhé lớp lớp kim tự tháp đau buồn!

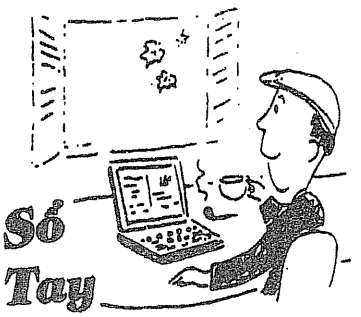

NGÔ NHÂN DỤNG

KHÔNG CẦN TRANH CỬ TRÊN CẢ 50 TIỂU BANG MỸ

Hiện nay Tổng thống Bush đã nắm chắc gần 200 triệu mỹ kim làm quỹ tranh cử, nếu Nghị sĩ John F. Kerry với số vốn chừng 50, 70 triệu mà đem trải ra 50 tiểu bang thì như "muối bỏ biển." Cần phải có tiền thuê những phút quảng cáo trên truyền hình, một khí cụ hữu hiệu nhất để cổ động, nói những cái hay cho mình và kể xấu về đối thủ. Đem tiền trải ra khắp nước thì chẳng được bao nhiêu. Mà quảng cáo truyền hình là thứ đem được thông điệp đến với nhiều người dân nhất. Dân chúng không phải ai cũng đọc báo, nghe đài bình luận về các ứng cử viên, ý kiến của họ bị ảnh hưởng nhất bởi các phút quảng cáo trên ti vi, giữa một phim tình cảm lúc xế chiều, một trận đánh banh, hay trong giờ hài hước vào nửa đêm. Cho nên các ứng cử viên ít hay nhiều vốn đều sẽ phải "tập trung hỏa lực" vào những tiểu bang nào coi là quan trọng nhất, chứ không ai dại gì tản quân ra đều khắp mặt trận.

Nhưng các tiểu bang nào phải coi là quan trọng cần tấn công mạnh nhất? Chúng ta phải biết thể lệ bầu cử ở nước Mỹ. Cách tính bằng phiếu cử tri đoàn mỗi tiểu bang được vẽ ra để bảo vệ quyền lợi các tiểu bang nhỏ và thưa dân. Vì theo cách này các tiểu bang loại "nhỏ yếu" đó được lợi. Mỗi tiểu bang có bao nhiêu dân biểu và Nghị sĩ, thì cộng lại có bấy nhiêu phiếu cử tri đoàn. Nếu tính theo dân số không thôi thì California, New York sẽ đè bẹp Vermont hay các tiểu bang ít người khác như Montana, North Dakota chẳng hạn.

Nếu quý vị nhìn vào bản đồ các tiểu bang ở Mỹ, đánh dấu các tiểu bang nơi ông Bush thắng năm 2000, tô mầu đỏ, và các tiểu bang ông Gore thắng, tô mầu xanh, sẽ thấy mầu đỏ nằm phần lớn ở phía giữa, còn mầu xanh ở hai phía Đông Bắc và Tây, Tây Nam. Không có gì bảo đảm là trong cuộc bầu cử năm nay các mảng mầu đỏ và mầu xanh đó sẽ còn giống như cũ. Đảng Dân Chủ sẽ lo lắng nếu bản đồ năm nay giống như bốn năm trước; vì sau cuộc kiểm tra đếm số dân vào năm 2000 thì các dân số nhiều tiểu bang ông Gore thắng đã giảm, số dân biểu giảm đi và số phiếu cử tri đoàn dành cho họ cũng giảm đi. Nếu tính số phiếu cử tri đoàn của các tiểu bang đó trong năm nay thì ông Gore chỉ được 260 phiếu chứ không phải là 267 phiếu như trước. Nghĩa là ông Kerry không thể chỉ trông cậy vào những tiểu bang đã ủng hộ ông Gore trước đây, mà còn phải tấn công một số tiểu bang khác nữa.

Nhìn vào tấm bản đồ chúng ta có thể biết nhiều tiểu bang đảng Dân Chủ chắc sẽ chiếm được đa số, thí dụ như New York; nhiều nơi khác chắc đảng Cộng Hòa sẽ thắng, như Texas chẳng hạn. Đảng Cộng Hòa có sẵn những khối cử tri ủng hộ ở các tiểu bang miền Nam, trong khi đảng Dân Chủ mạnh thế ở phía Đông Bắc và phía Tây. Hai ứng cử viên sẽ chi tiêu số tiền vừa phải tại những vùng đó thôi, xuất hiện một hai lần ở mỗi nơi cũng đủ. Những vùng mà cả hai ông phải dồn sức tranh thủ là những tiểu bang "mấp mé" nơi tổng thống Bush thắng hoặc cựu Phó tổng thống Gore thắng vào năm 2000 với số sai biệt rất thấp.

Hiện nay nếu quý vị theo dõi lịch du hành của tổng thống Bush thì cũng thấy ngay là ông hay đi tới những tiểu bang mấp mé đó. Ông Bush đến Florida nhiều lần trong năm qua. Hồi 2000 ông có thể đã thua ở Florida nếu không có vụ những lá phiếu bấm nhầm hoặc bấm không xuyên qua. Ông Bush cũng hay tới các tiểu bang miền Trung Tây, vì có nơi ông đã thắng năm 2000 với trên dưới vài ngàn lá phiếu, hoặc có nơi ông đã thua cũng với số chênh lệch nhỏ như vậy. Khi Nghị sĩ John F. Kerry chính thức được cử ra tranh chức tổng thống với tổng thống Bush, chúng ta thấy ông cũng sẽ đến thăm các tiểu bang này nhiều hơn, và chi nhiều tiền quảng cáo ở đó hơn.

Một vùng "chiến địa" gay go nhất, có thể coi là tuyến lửa hàng đầu giữa hai đảng sẽ là các tiểu bang miền Trung Tây, Midwest và mấy tiểu bang nặng về kỹ nghệ ở chung quanh vùng này. Ba tiểu bang ông Bush thắng năm 2000 với tỷ số xít xao là West Virginia, Ohio và Missouri sẽ được đảng Dân Chủ coi là trận tuyến phải đoạt lại. West Virginia (5 phiếu) xưa nay thường vẫn bầu

cho đảng Dân Chủ, năm 2000 ông Gore để mất vì ông yên tâm không tới đó tranh thủ nhân tâm trong lúc các cơ xưởng kỹ nghệ lại bất bình về lập trường nghiêng về phía bảo vệ môi trường sống của ông làm các kỹ nghệ phải tốn tiền hơn. Năm nay đảng Dân Chủ có hy vọng giật lại tiểu bang này, vì nơi đây số người thất nghiệp tăng rất cao từ khi tổng thống Bush cầm quyền. Hai năm trước ông Bush đã lấy lòng các kỹ nghệ gia và công nhân ngành thép bằng cách đặt thêm thuế trên thép nhập cảng. Nhờ thế nhiều xí nghiệp thép đã phục hồi được. Nhưng đầu năm nay ông Bush đã rút lại các biện pháp trên sau khi bị các nước Âu châu và Mỹ La tinh đe dọa sẽ trả đũa tăng thuế nhập cảng hàng Mỹ. Do đó cũng có nhiều công nhân bất mãn, mặc dù các chủ nhân xí nghiệp có thể đã đóng góp vào quỹ tranh cử của tổng thống từ trước đó rồi.

Tiểu bang Missouri (11 phiếu) năm 2000 ông Bush thắng với 3% số phiếu, nhưng năm nay kinh tế tiểu bang đang trì trệ và khó lòng phục hồi trước cuối năm. Số người mất việc ở tiểu bang này lên tới 2.7% riêng trong các xí nghiệp công nghệ. Phía Nam Missouri, tiểu bang Tennessee nơi tổng thống Bush đã thắng với 3% số phiếu cũng là nơi ông sẽ phải tranh thủ gay go vì cũng có hơn 2% công nhân đã mất việc. Tiểu bang Ohio (20 phiếu) ông Bush đã thắng với 3.5% số phiếu nhưng đã mất 265 ngàn công ăn việc làm trong dân số 11 triệu, kể từ khi ông Bush chấp chánh, tức là 4.7% tổng số việc làm trong công nghiệp đã bị mất. Những con số đó là khá cao so với tỷ lệ các công nhân kỹ nghệ mất việc là 1.7% trên toàn quốc.

Ngoài ra, tổng thống Bush sẽ phải vất vả tranh thủ những tiểu bang công nghệ miền Trung Tây nơi mà năm 2000 ông đã thua với tỷ số rất thấp. Wisconsin và Iowa, ông Gore đã thắng với tỷ lệ 0.2% và 0.3% vào năm 2000, ông Bush đã tới hai nơi đó rất nhiều lần để cổ động cho chương trình kinh tế của chính phủ ông, nói rằng nhờ ông cắt giảm thuế nên kinh tế đang hồi phục. Nhưng số công việc làm ở các cơ xưởng bị mất ở hai nơi này là 2.7% và 2.3% cho thấy ông Bush sẽ vất vả mới thuyết phục được họ. Cho nên đảng Dân Chủ sẽ dồn người và của vào các tiểu bang đó để bảo vệ ưu thế cũ. Michigan là tiểu bang đã cho ông Gore thắng với 5% số phiếu, và cũng là tiểu bang đã mất gần 5% số công việc làm trong các kỹ nghệ trong ba năm qua. Hai tiểu bang kỹ nghệ khác là Illinois và Philadelphia cũng mất rất nhiều công việc làm và đảng Dân Chủ sẽ tìm cách bảo vệ cho mình bằng cách nhắc nhở đến những thiệt hại đó.

Trong mùa tranh cử năm nay chúng ta sẽ thấy hai ứng cử viên tổng thống đi tới các tiểu bang trên rất nhiều lần. Dân chúng các tiểu bang đó sẽ được thấy nhiều màn quảng cáo của cả hai đảng, và sẽ không thiếu gì những lời bêu xấu lẫn nhau vì khi cuộc đấu ngang ngửa thì cả hai bên không ngần ngại tung ra các độc chưởng. Ba tiểu bang mà tổng thống Bush đã thắng năm 2000 năm nay dễ bị mất nhất là New Hampshire, Nevada và West Virginia. Nếu đảng Dân Chủ nối được liên hệ với miền Nam thì các tiểu bang Florida và Arkansas cũng là những nơi đáng chú ý. Trong ngày bỏ phiếu chúng ta không thể quên không theo dõi kết quả ở những tiểu bang này.

DÂN CHỦ Ở ĐÀI LOAN

Ông Trần Thủy Biển thắng cử Tổng thống Đài Loan, nếu Ủy ban Tuyển cử hoặc Tòa án Tối cao, nếu cần, chấp thuận kết quả cuộc bầu cử ngày Chủ Nhật vừa qua. Liên danh đối lập Liên Chiến – Tống Sở Du đã đòi đếm lại phiếu, khiến một tờ báo ở Mỹ đã viết hàng tựa: Florida tại Đài Loan! Vì liên danh Trần Thủy Biển - Lữ Tú Liên đã thắng với con số nhỏ nhoi gần 30 ngàn phiếu, trong số 13 triệu phiếu bầu, mà số phiếu bất hợp lệ thì lên tới hơn 300 ngàn. Hãy nghĩ về số phiếu bất hợp lệ. Trước ngày bầu cử, có ít nhất hai tổ chức chính trị công khai kêu gọi dân chúng Đài Loan hãy chống lại cuộc bầu cử này, vì quyền lợi của dân nghèo không được ai chú ý. Một trong hai tổ chức đó lấy tên là "Phong trào Một triệu lá phiếu hư!" Họ nêu mục tiêu một triệu, mà có tới 300 ngàn phiếu bất hợp lệ, chắc họ cũng có ảnh hưởng. Để tẩy chay cuộc bầu cử, các tổ chức chống đối khuyên mọi người cứ đi bầu nhưng xé lá phiếu, hoặc bỏ trắng, bôi bẩn cho bõ ghét. Ngoài ra, đảng đối lập kêu gọi dân tẩy chay cuộc trưng cầu dân ý (người Trung Hoa gọi là công dân đầu phiếu) vì không nên chọc tức Bắc Kinh. Quả nhiên, hơn 50 phần trăm dân đi bầu không thèm trả lời các câu hỏi của nhà nước.

Đây là một thí dụ biểu lộ

tinh thần dân chủ. Trong một cuộc bầu cử tự do người ta có quyền đi bầu, quyền ứng cử, có quyền cổ động cho các chính sách, chủ trương, kế hoạch kiến quốc khác nhau. Người ta cũng có quyền không đi bầu, quyền xé lá phiếu cho hả giận, quyền kêu gọi mọi người làm như mình! Dân Đài Loan đã thực hiện đủ các thứ quyền tự do đó. Có đến 80 phần trăm cử tri đi bầu, tỷ số cao hiếm có (cùng ngày, bên Pháp bầu cử ở các địa phương, có 61% đi bầu và ai cũng suýt soa khen là con số cao kỷ lục.)

Kết quả cuộc bầu cử không được đẹp lắm. Số chênh lệch thấp quá, 30 ngàn trên 13 triệu. Nhưng nếu so sánh thì còn bảnh hơn ở Mỹ vào năm 2000, năm đó Tổng thống Bush thắng cử nhờ 25 phiếu cử tri đoàn ở Florida trong khi ông thua nửa triệu lá phiếu của dân chúng trên toàn quốc. Số phiếu bất hợp lệ cao quá. Nhưng không phải vì người đi bỏ phiếu chấm lộn tên vì lá phiếu vẽ ra vụng về khó hiểu, hoặc cử tri bấm máy yếu quá không thủng hết cái lỗ, như ở Florida năm 2000. Ngược lại, có nhiều người phá hủy lá phiếu cũng để bầy tỏ một ý kiến: Không ứng cử viên nào xứng đáng - không thèm bầu cho ai hết!

Theo luật bầu cử ở Đài Loan thì Ủy ban Tuyển cử Trung ương sẽ cho đếm lại các lá phiếu nghi ngờ, nếu nghĩ rằng có thể xảy ra gian lận. Chúng ta sẽ chờ xem họ xử lý ra sao. Pháp viện tối cao cũng đã ra lệnh niêm phong một số thùng phiếu, chờ đếm lại. Tương lai nền dân chủ của Đài Loan, và của dân tộc Trung Hoa tùy thuộc quý vị phán quan trên có chính trực quang minh xứng đáng là con cháu Bao công hay không. Vì hầu hết các vị thẩm phán tối cao đều là những người được Tổng thống Trần Thủy Biển bổ nhiệm trong nhiệm kỳ của ông. Ở nước Mỹ các thẩm phán được vị tổng thống nào bổ nhiệm thường chia sẻ cùng quan điểm với vị tổng thống đó trên nhiều vấn đề, khi giải thích pháp luật. Thí dụ, họ cùng chống phá thai, cùng đề cao quyền của các tiểu bang so với liên bang, hoặc cùng ủng hộ quyền lợi của dân thiểu số. Nhưng không vị thẩm phán tối cao nào dám thiên vị khi cứu xét các vụ kiện căn cứ trên những sự kiện, những bằng chứng cụ thể. Họ phải tôn trọng danh dự nghề nghiệp. Để bảo vệ đức chí công vô tư của các vị thẩm phán, họ thường có nhiệm kỳ mãn đời, không lo lắng chờ được ông tổng thống bổ nhiệm lần nữa.

Còn ở Đài Loan thì các vị thẩm phán ra sao, chúng ta chưa biết.

Cuộc bầu cử ở Đài Loan vừa qua còn một tì vết nữa. Là vụ ám sát hụt hai ông, bà Trần, Lữ trước ngày bỏ phiếu, bị nghi ngờ là dàn cảnh để tác động cử tri. Một người bạn tôi ở Đài Bắc đã viết ngay một email cho tôi vào đêm Chủ Nhật, kể cho nghe những điểm đáng nghi ngờ: Thủ phạm đâu? Sao có hai cái vỏ đạn rớt ở hiện trường, rồi sau chẳng ai lượm để điều tra, để bây giờ chúng biến mất? Hình chụp cái bụng ông tổng thống bị xây xát nhưng không thấy mặt ổng! Nhà thương băng bó cho ông rồi đem vứt hết các thứ quần áo lủng, bông gòn, chăn mền đi đâu hết? Mấy chục ngàn người đã đi biểu tình chống ông Trần Thủy Biển sau khi công bố kết quả. Ngày hôm qua, chính phủ Đài Loan đã công bố nhiều bức hình ông nằm trên giường bệnh, có các bác sĩ, y tá chung quanh, chứng tỏ ông được săn sóc ở nhà thương thật. Và báo chí thì được tự do đi điều tra ở bệnh viện, cũng như phỏng vấn các cảnh sát viên.

Ví thử người ta khám phá ra ông Trần Thủy Biển dựng lên chuyện bị bắn để kiếm thêm phiếu, vì hàng trăm ngàn người vì tội nghiệp ông mà đi bầu, thì ông còn thắng cử nữa hay không? Luật bầu cử, dù ở bất cứ nước nào, chắc cũng không bao giờ dự trù một chuyện như vầy. Nếu một người dàn cảnh bị ám sát hụt để lấy tiền bảo hiểm chẳng hạn, thì ở đâu cũng có luật để xử. Nhưng còn bầu tổng thống? Không có. Ông Trần Thủy Biển không nói: Tôi bị bắn đó, nhớ bầu cho tôi nghe! Cho nên khó buộc ông vào tội làm quảng cáo gian lận. Mà nếu có nói như thế, thì cùng lắm ông cũng chỉ phạm tội nói dối mà thôi. Nếu cấm các ứng cử viên nói dối thì còn ai làm chính trị được nữa? Kiếm đâu ra những con người ái quốc, hy sinh phục vụ đồng bào? Cho nên phe Quốc Dân Đảng đối lập cũng chú trọng tấn công vào việc kiểm phiếu. Biết đâu, có khi con người ở Đài Loan cũng đếm nhầm như máy móc ở Mỹ! Nhưng khi ông Trần Thủy Biển đồng ý đếm lại thì bên Quốc Dân Đảng lại chê; vì họ biết chắc kết quả không thay đổi.

Nhưng chúng ta nghĩ sao về cái tì vết do vụ ám sát hụt, nếu đó là dựng cảnh, đối với chế độ dân chủ ở Đài Loan? Các

nhà lãnh đạo Trung Quốc sẽ có dịp bĩu môi chê bai chính thể dân chủ "kiểu tư sản!" Họ sẽ khuyên một tỷ 300 triệu người Trung Hoa trong lục địa hãy an phận. vui hưởng chế độ độc tài, độc đảng đi, dừng bắt chước dân Đài Loan để khỏi phải coi cảnh ám sát hụt ứng cử viên, có hồi hộp nhưng không li kỳ bằng các phim băng đảng Hồng Kông.

Chưa hết, chế độ chính trị ở Đài Loan còn nổi tiếng thêm một chuyện là các dân biểu hay đánh nhau trong nghị trường. Ngay trong cuộc "thảo luận" về kết quả đầu phiếu, một nữ dân biểu Quốc Dân Đảng đã bị một đồng viện đả thương, trong số các vết thương có cả một vết cắn (bằng răng hẳn hoi) nhưng không ai thú nhận là thủ phạm! Hình như họ bị cái bệnh hay lên đài tỉ thí coi chủ trương của ai hợp lý hơn ai. Loài vi rút bệnh này gần đây cũng phát hiện ở Hàn quốc; các dân biểu phe Tổng thống Lư Vũ Huyền nhẩy lên bàn ông Nghị trưởng đánh tay đôi với các dân biểu đối lập. Những vụ đấm đá trong nghị viện cũng xẩy ra ở Nhật Bản bao chục năm trước đây. Nhiều người Tây phương đã chê bai các giống dân Á Đông, da vàng chưa biết cãi nhau bằng miệng (và bằng ti vi) nên phải sử dụng quả đấm. Nghĩa là còn chậm tiến, bán khai, có thể nói là lạc hậu!

Hai tháng trước tôi tới Đài Loan, nghe những chuyện tranh cử lúc đó đang hăng lắm. Một người bạn kể cho tôi nghe là ở trong sở anh làm có bữa hai nhân viên cãi nhau trong phòng ăn cũng về chuyện bầu cử. Rồi họ cũng đứng lên quại nhau ngay tại sở. Mấy hôm sau, anh bạn tôi, người Việt Nam mới hỏi nhỏ bằng tiếng Anh rằng tại sao các cậu cãi nhau chưa đủ lại còn đấm đá làm gì? Hai bạn đồng nghiệp trả lời: Cãi nhau rồi mà không đấm đá thì đâu có đủ?

Chắc các dân biểu ở Đài Loan, Hàn quốc và Nhật Bản ngày xưa cũng nghĩ như vậy. Các nước Âu châu, Hoa kỳ ngày xưa có như vậy hay không? Quý vị nói tiếng Anh có biết chữ "toe line," nghĩa là cái đường vạch ra làm giới hạn, ngón chân đặt tới đó là hết, không được bước qua nữa. Chữ đó bắt nguồn trong nghị viện Anh quốc. Sau những trận đấm đá của các đại biểu thuộc Viện Nhân dân, họ phải chia ra hai phía ngồi riêng biệt cho phe chính phủ và phe đối lập. Chưa đủ, phải vẽ ra một đường thẳng làm địa giới để khi hai bên tranh luận nóng quá thì cũng không được bước qua. Nhờ tập như vậy nên bớt dần dần cảnh đấm đá.

Định chế nào đem tới một xã hội cũng phải có thời gian để người ta đặt để ra những phép tắc cư sử, cho có vẻ văn minh. Ở quốc hội Đài Loan chắc họ chưa đặt ra đủ các quy củ. Một đại biểu Đài Loan có thể chỉ vào mặt một bạn đồng viện mà tuyên bố: "Mày là thằng nói láo!" Nhưng ở quốc hội Anh, người ta phải tập nói: "Thưa ngài dân biểu đáng kính, ngài không nói sự thật!" Những phép tắc như thế gọi là "phép lịch sự, étiquettes, decorum" cho đời sống trong một định chế trở nên lịch sự, hòa nhã, và không ai bị gẫy răng, bị sứt môi. Như khi một thành phố bắt đầu có kẻ vạch trắng trên mặt đường thì người lái xe cũng phải tập một thời gian mới quen cách dùng. Khi ở Đài Loan vào tháng trước, tôi đọc một bài viết về các "phép lịch sự mới" nên áp dụng khi đi xe điện ngầm (tương đối mới ở Đài Bắc.)

Phải nói là các nhà chính trị Đài Loan chưa đặt ra được những phép lịch sự như người dân tập đi xe điện. Nhưng khi người dân một nước chưa đủ quen để đặt ra và chưa có thời giờ tập sống với những phép lịch sự nghị trường, đó không phải là lý do để từ chối một định chế văn minh, thí dụ như việc bầu cử tự do. Định chế dân chủ cần thiết lập trước, rồi tập phép lịch sự sau; cũng giống như xe điện vậy. Có những quy tắc dân chủ mà bất cứ nước nào, nền văn hóa nào cũng áp dụng được, thí dụ, mỗi người dân một lá phiếu! Luật lệ tranh cử đặt ra để giữ cho cuộc đầu phiếu công bằng, nhưng không thể bảo đảm là sạch sẽ. Luật lệ không cấm được người ta có những lời nói bất nhã, những hành động lem nhem trong vòng pháp luật! Cuối cùng thì chế độ dân chủ chẳng bao giờ hoàn hảo. Nó chỉ khá hơn so với những chế độ khác đã thử áp dụng trên trái đất này.

BÓC LỘT NÔNG DÂN NHƯ THẾ NÀO?

Nông dân chiếm 80 phần trăm dân số Việt Nam cũng như Trung Quốc. Nhưng trong thời kỳ đổi mới kinh tế ở cả hai nước, nông dân vẫn bị bóc lột để nuôi dân thành thị; trong đó guồng máy đảng và chính quyền được hưởng lợi nhiều nhất. Một bằng cớ là Đảng Cộng Sản Trung Quốc đang cho quốc hội của họ sửa đổi hiến pháp, công nhận quyền tư

hữu các phương tiện sản xuất. Nhưng một thứ quyền tư hữu quan trọng nhất là làm chủ ruộng đất thì vẫn chưa có. Đảng Cộng Sản Việt Nam thường đi sau nước đàn anh phương Bắc năm, mười năm, chắc rồi cũng sửa hiến pháp để chính thức hóa quyền sở hữu của các nhà tư bản đỏ, giai cấp đang lên ở cả hai nước cộng sản. Nhưng còn nông dân thì sao? Những người tranh đấu cho dân chủ ở Việt Nam phải đòi hỏi giới lãnh đạo Đảng trả lại quyền tư hữu ruộng đất cho người dân cầy. Vì nếu không, nông dân vẫn tiếp tục bị bóc lột để nuôi giai cấp đảng viên lớn và các nhà tư bản đỏ trong đám họ hàng, phe cánh, bạn bè của giai cấp đó.

Hình thức bóc lột rất tế nhị, nhưng nhìn vào tình trạng thay đổi trong đời sống và hoạt động của guồng máy kinh tế, người ta có thể nhận thấy ngay.

Trước hết, thay đổi kinh tế đã nâng sản lượng toàn quốc lên nhanh chóng, khi họ cởi trói cho phép các nông dân được bán các nông sản tự do, cho phép giới tiểu thương và tiểu công nghệ hoạt động lại, mở cửa cho ngoại quốc đầu tư. Nhưng khi sản lượng toàn quốc gia tăng lên thì ai được hưởng? Chỉ cần nhìn vào mức chênh lệch giữa đời sống của nông dân và dân thành thị thì chúng ta thấy phần lớn các lợi ích của con đường tư bản hóa được dành cho thành phố, nơi các cán bộ cao cấp, những kẻ hầu hạ họ và gia đình của họ sống.

Chúng tôi không có các số thống kê của Việt Nam, nhưng biết vài con số ở Trung Quốc (theo báo *Financial Times*.) Năm 1978 là năm ông Đặng Tiểu Bình bắt đầu cởi trói kinh tế cho dân Trung Hoa, số thu nhập của người nông dân cao bằng gần 40 phần trăm của dân thành phố. Chỉ bốn năm sau khi được cởi trói, năm 1983 nhà nông Trung Quốc có lợi tức cao bằng 55 phần trăm của dân thành thị – đây là một sự tiến bộ rõ ràng. Nhưng chính sách tư bản hóa của Trung Quốc từ 20 năm nay đã nghiêng hẳn về phía các thành phố. Năm 2003, số thu nhập của nông dân Trung Hoa chỉ bằng 35 phần trăm của dân thành phố, tỷ lệ này thấp hơn 40% thời trước khi đổi mới. Tình trạng ở Việt Nam chắc cũng không khác bao nhiêu; nông dân đã tụt hậu trong quá trình phát triển kinh tế. Ở ngay Củ Chi, tức là thuộc thành phố Hồ Chí Minh, những gia đình nghèo quá phải bán con gái đi lấy chồng Đài Loan. Mà bà mẹ chỉ được gần oi mỹ kim thôi, như tôi đã nghe cô dâu này nói. Cô có bốn đứa em nhỏ mà không có việc, gạo ăn không đủ; cô hy vọng ở Đài Loan mai mốt cô sẽ đi làm, gửi tiền về. Nhiều nơi ở miền Bắc Trung phần người nông dân có đủ gạo ăn là may, thức ăn thì đi mò cua, bắt ốc hay hái rau sam ngoài ruộng. Trẻ em ở nông thôn còi cọt, không lớn lên được. Trước kia, mức chênh lệch giữa đô thị và nông thôn không lớn như bây giờ vì cả nước nghèo, dân ở thành phố cũng nghèo, dù họ vẫn được đảng nuôi bằng các thành quả từ bàn tay của nông dân làm ra. Ngày nay, người ở thành phố có nhiều cơ hội làm giầu hơn nhờ có tiền bạc ở nước ngoài đem vào, nông dân vẫn bị bỏ rơi.

Sở dĩ các đảng cộng sản Trung Quốc và Việt Nam ưu đãi dân thành phố, một phần vì chính giới lãnh đạo và bà con họ sống ở thành phố. Một lý do quan trọng hơn là họ cần phải mua chuộc dân thành phố để tránh rắc rối. Dân đô thị được thả lỏng tự do nhiều hơn vì chính sách mở cửa, còn chính các công an, cán bộ cũng bận lo làm ăn. Nếu các thanh niên đô thị được cha mẹ cho tiền tiêu xài, có xe gắn máy chạy đua nhiều hơn, có nhiều quán karaoke để giải trí hơn, thì nếu họ có bất mãn khi tốt nghiệp rồi không tìm được việc, họ cũng chỉ rủ nhau đi uống rượu hay đánh bài chứ không đi biểu tình như đã xảy ra ở Thiên An Môn năm 1989. Còn người dân ở nông thôn thì vốn biết an phận từ nhiều thế kỷ rồi, nhà cầm quyền cũng không lo vì guồng máy đàn áp ở đó còn mạnh. Những vụ nông dân nổi lên ở Thanh Hóa, Thái Bình rồi cũng yên cả.

Nông dân Trung Quốc cũng như Việt Nam hiện đóng hai vai trò chính: thứ nhất là sản xuất ngũ cốc để nuôi dân thành thị; và thứ hai là cung cấp lao động rẻ tiền trong các chợ cơ bắp, làm công nhân lương thấp hoặc đi làm mướn. Riêng ở Việt Nam, có mấy trăm ngàn người, đa số là nông dân hiện đang được xuất khẩu qua các nước khác làm việc để mang ngoại tệ về. Số ngoại tệ đó trả cho các công ty dịch vụ của các cán bộ, các tay chạy chọt và các nhà tư bản đỏ, cho giai cấp lãnh đạo guồng máy đảng và nhà nước chia phần. Họ tích lũy vốn, một phần được gửi ra nước ngoài để dành cho con cháu. Khi nông dân làm ra gạo thì có các công ty xuất cảng ở thành phố mua, họ trả giá rẻ, đem bán lại giá cao. Đó cũng là một trong những cách

chuyển tiền từ nông thôn ra thành thị.

Các nguồn thu nhập của quốc gia bao gồm các sản phẩm của nông thôn và của các thành phố làm ra; ngoài ra là những món bổng như tiền do người Việt ở nước ngoài gửi hoặc mang về (gần bằng một phần mười Tổng sản lượng Nội địa) và tiền đầu tư, tiền viện trợ từ nước ngoài. Nhưng các món bổng trên có về tới nông thôn hay không? Chắc là không. Những khoản tiền ngoại lai đó được dùng để nhập cảng những thứ hàng hóa cho dân thành phố dùng, từ rượu mạnh, thuốc lá, ti vi, xe gắn máy, cho đến xe hơi đắt tiền. Khi các công ty ngoại quốc đến Việt Nam thuê nhà, mướn đất, hoặc khi những người được thân nhân ở ngoại quốc gửi tiền về cũng mua nhà đất, thì giá nhà đất phải tăng lên. Và các xí nghiệp đua nhau xây cất làm khách sạn, làm khu giải trí. Những cơn sốt giá nhà, đất tạo thêm những tài sản khổng lồ cho một giai cấp ở thành thị, trong đó có các cán bộ được hóa giá nhà. Nhiều ngôi nhà tự nhiên lên giá nửa triệu mỹ kim! Chỉ riêng việc mua đi bán lại nhà, đất có thể tạo ra nhiều tỷ phú, mà họ chắc phải thuộc một giai cấp được ưu đãi. Còn nông dân được hưởng cái gì trong cơn sốt xây dựng này? Lâu lâu họ được đền bù chút tiền để nhà nước lấy đất làm sân cù cho khách du lịch Nhật Bản, Hàn quốc. Và giá tiền đền bù do nhà nước ấn định, được bao nhiêu cứ hỏi đồng bào ở Uy Lỗ, Thọ Đà thì biết.

Bây giờ lại đến vai trò của các ngân hàng quốc doanh. Ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam, các ngân hàng đó có nhiệm vụ cung cấp tín dụng cho các cơ sở kinh doanh, nhưng dành ưu tiên cho các doanh nghiệp nhà nước. Một nửa số tiền cho vay đó không bao giờ đòi lại được. Tiền nằm trong ngân hàng nhà nước là ở đâu ra? Hiển nhiên, tiền do nhà nước trợ cấp làm vốn là tiền của toàn thể quốc dân, ngoài ra là tiền của những trương chủ gửi. Nhà nước thu các thứ thuế, như thuế giá trị gia tăng, đem cho các ngân hàng dùng, thì các nông dân cũng đóng góp trong đó. Những xí nghiệp ở thành phố mua sản phẩm của nông dân rồi đem bán lấy lời, họ gửi tiền vào các ngân hàng này, cũng là một hình thức chuyển chuyển tài sản của nhà nông ra thành thị. Các quỹ tiết kiệm ở nông thôn thu hút tiền dành dụm của nông dân, đưa cho các doanh nghiệp nhà nước chi tiêu.

Bây giờ thử hỏi những món tiền trong ngân hàng quốc doanh đem cho ai vay để họ sinh lời? Chúng tôi lại phải xin lỗi không có các số thống kê ở Việt Nam, nhưng ở Trung Quốc thì được biết số tiền cho nhà nông vay chỉ bằng 6 phần trăm tổng số các món cho vay của toàn thể hệ thống ngân hàng; trong khi số sản xuất của nông thôn lớn bằng 15 phần trăm của cả nước. Các nông dân mà vay tiền thì khó trốn nợ, còn các doanh nghiệp nhà nước thì đem tiền về xài để thua lỗ rồi không ai chịu trách nhiệm trả lại hết! Những ngân hàng đã cho các công ty vay xây cất nhà cửa, xuất nhập cảng, xây khách sạn, đó là tiền của người dân cả. Khi các công ty đó không trả lại được, cả nước bị thiệt, nhưng nông dân thiệt thòi nhất. Họ có bao giờ được đi giải trí ở các khách sạn có karaoke đâu?

Trong thời nội chiến đảng Cộng Sản đã dùng nông dân miền Bắc vừa để sản xuất thóc gạo cung cấp cho bộ máy đảng và chính quyền, vừa cung cấp nhân lực đưa vào miền Nam, hàng triệu người chết hoặc tàn tật. Đến lúc hòa bình, đảng Cộng Sản lại tiếp tục sử dụng nông dân vào nhiệm vụ sản xuất nuôi guồng máy chuyên chính để thực hiện giấc mộng biến cả nước thành "xã hội chủ nghĩa." Khi giấc mộng đó tan tành ở Nga và Đông Âu, đảng Cộng Sản ở nước ta phải thay đổi. Nhưng trong gần 20 năm đổi mới, nông dân vẫn bị khai thác tận tình như cũ. Ở Trung Quốc tháng Hai năm nay đảng Cộng Sản đã ban hành một chương trình Phát triển nông thôn, nhưng trong đó cũng không nói đến quyền sở hữu của nông dân!

Cho nên nếu muốn thay đổi đời sống của nông dân thì trước hết phải tư hữu hóa ruộng đất. Khi người cầy, người cấy chỉ có quyền sử dụng đất mà không được làm chủ đất, thì đất đai không thể được dùng đúng mức tối hảo trong kinh tế thị trường. Nông dân không có quyền bán, quyền thế chấp để vay tiền, quyền cho con cháu thừa kế. Nếu người dân muốn cải thiện đất ruộng, làm những nhà kính để trồng rau quanh năm, họ vay tiền ở đâu? Đầu tư tiền bạc và công sức rồi, sau phải trả lại quyền sử dụng đất cho nhà nước, thì đầu tư lâu dài làm gì? Cả một số vốn lớn của quốc dân là ruộng đất bị chôn một chỗ không tận dụng để được, cả nước bị thiệt chứ không riêng gì nông dân./.

ẢNH HƯỞNG KỲ BẦU CỬ TỔNG THỐNG TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

THANH THẢO

Đảng Dân Chủ đã chọn được ứng viên, Thượng Nghị Sĩ John Kerry, thay mặt đảng tranh cử Tổng Thống Hoa Kỳ vào tháng 11 năm nay.

Đảng Cộng Hòa với ứng viên Tổng Thống đương nhiệm George W. Bush cũng đã bắt đầu cuộc vận động tranh cử nhằm được sự tín nhiệm của cử tri thêm một nhiệm kỳ bốn năm nữa.

Trong khi lưỡng đảng ráo riết vận động bằng hình thức quảng cáo và hai ứng viên áp dụng chiến dịch xuất hiện gây quỹ tại nhiều cơ quan, công ty, hội đoàn... nhiều nơi toàn quốc, các "nhà tiên tri" về thị trường tài chính lại bắt đầu đưa ra "dự kiến" rằng cổ phiếu chứng khoán sẽ tăng vọt trong năm bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ lần này giống như đã từng xảy ra trong quá khứ. Vì vậy họ khuyên giới đầu tư nên mua cổ phiếu ngay kẻo muộn!

Liệu những lời tiên đoán của những "tiên tri" chứng khoán có đúng không hay chỉ thuộc loại "bói ra ma, quét nhà ra rác?"

Theo ký giả Jason Zweig thuộc tạp chí *Money*, dư luận xôn xao về việc cổ phiếu trên thị trường chứng khoán sẽ tăng cao trong thời gian cận bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ đã được lưu truyền từ lâu. Từ thời Tổng Thống Coolidge lãnh đạo Hoa Kỳ hồi năm 1923 đến năm 1929 cho đến nay lận.

Những lời tiên đoán rằng thị trường chứng khoán lúc nào cũng bị giảm sút trong hai năm đầu mỗi nhiệm kỳ bốn năm của các vị Tổng Thống rồi tăng lên khá nhiều trong nửa sau của nhiệm kỳ đã được bàn đến từ nhiều tuần nay.

Các nhà "tiên tri" suy luận rằng với cương vị Tổng Thống và vai trò Chủ Tịch kiêm Tổng Giám Đốc quốc gia Hoa Kỳ, các vị Tổng Thống có khả năng kiểm soát hoạt động của thị trường chứng khoán sao cho phù hợp với kế hoạch vạch sẵn.

Chẳng hạn trong hai năm đầu nhiệm kỳ này Tổng Thống đương nhiệm George W. Bush có thể bắt cả nước phải "thắt lưng buộc bụng" bằng chứng là thị trường chứng khoán bị sút giảm trầm trọng hồi cuối năm 2000. Nạn này kéo dài cho đến gần cuối năm 2002.

Trong nửa sau của nhiệm kỳ, đầu năm 2003, Tổng Thống lại bắt đầu nới lỏng "thắt lưng." Nhờ vào lãi suất thấp nói chung và việc cắt giảm mức thuế lợi tức cá nhân thị trường chứng khoán có cơ hội tăng trưởng góp phần dẫn đến việc kinh tế phục hồi.

Những nhà "tiên tri" kinh tế viện dẫn lịch sử để chứng minh dự kiến của họ và họ tìm được nhiều sự trùng hợp.

Bằng chứng là theo quyển thống kê tổng hợp của giới đầu tư, *The Stock Trader's Almanac*, thị trường chứng khoán tăng trung bình 14.5% trong năm thứ ba và 7.7% trong năm thứ tư của các nhiệm kỳ Tổng Thống Hoa Kỳ so với mức tăng trưởng chỉ có 6% trong hai năm đầu nhiệm kỳ.

Nhưng lẫn trong những thống kê thuộc loại trung bình vừa kể là những con số khác biệt không theo một "công thức" nào cả.

Chẳng hạn trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ Tổng Thống Franklin D. Roosevelt, thị trường chứng khoán tăng mức kỷ lục 66.7%.

Ngược lại, trong năm thứ ba dưới thời Tổng Thống Herbert Hoover trước đó, thị trường chứng khoán giảm đến 52.7%.

Chắc hẳn đã có bao nhiêu nhà đầu tư mua bán cổ phiếu nghe theo dự kiến của các "tiên tri" dựa vào ảnh hưởng của năm bầu cử trên thị trường chứng khoán đã mất sạch cả vốn lẫn lời vào những thời kỳ giao động dù ít hơn hai thí dụ kể trên.

Bên cạnh đó, theo thống kê nhiều năm liên tiếp, không phải chỉ có thị trường Mỹ chịu ảnh hưởng của năm bầu cử Tổng Thống. Thị trường chứng khoán của các quốc gia không mấy liên can đến chính trường Mỹ như Anh Quốc và Nhật Bản cũng tăng vọt trong năm thứ ba của một số nhiệm kỳ Tổng Thống Hoa Kỳ. Tại sao? Cho đến nay chưa ai đưa ra giải thích khoa học nào. Sự trùng hợp được coi là ngẫu nhiên!

Vì vậy nhiều nhà phân tích kinh tế cho rằng những "tiên tri" tin vào ảnh hưởng của năm bầu cử Tổng Thống trên thị trường chứng khoán chỉ... đoán mò. Chẳng khác nào những chuyên gia thời trang đoán trước giới tiêu thụ sẽ chuộng

váy đầm dài, trung bình, hoặc ngắn (rồi nhận ra mình đoán... sai bét) hay giống như những người cá độ thể thao trận Super Bowl đặt tiền (rồi có thể mất tiền theo tỉ lệ may rủi 50%) vì cho rằng đội mình chọn thế nào cũng phải thắng. Đoán mò kiểu này có khác gì câu "Số cô không giàu thì nghèo!"

Những cố vấn đầu tư giàu kinh nghiệm chẳng hạn ông Theodore Aronson thuộc công ty Aronson + Johnson + Ortiz cho rằng trong những năm bầu cử Tổng Thống như năm nay, nhiều khi điều nên làm hay nhất là không làm gì cả!

Tuyên bố rằng công ty của ông đã chọn làm ngơ mọi ảnh hưởng (nếu có) của chu kỳ Tổng Thống trên thị trường chứng khoán, ông Aronson khuyên thêm giới đầu tư nên chia vốn đầu tư của mình một cách khéo léo giữa cổ phiếu chứng khoán thuộc nhiều lãnh vực và trái phiếu (bonds) để bảo đảm mức lời trung bình bền vững trong thời gian dài.

Tuy lời khuyên của ông Aronson có vẻ giáo điều (giống kiểu đọc trong sách về đầu tư căn bản quá!) nhưng có lẽ đây là lời khuyên giới đầu tư nên chọn nghe theo.

Lý do thứ nhất là nếu những nhà "tiên tri" biết trước được sự việc thì tại sao họ không làm theo lời tiên đoán của chính họ để gặt hái thành quả tài chính?

Thứ hai, việc một số thật đông giới đầu tư cứ đua nhau mua hoặc bán cổ phiếu khiến các cổ phiếu đó tăng hoặc giảm giá trị một cách khó giải thích chỉ vì nghe theo một vài nhận định nghe qua có vẻ "hời" là một hành động thiếu suy nghĩ. Hành động này so sánh được với hình ảnh một đàn thú chạy một cách mù quáng qua sa mạc trong những trận "stampede" rồi có khi chết hàng ngàn mạng vì cùng nhau lao xuống vực thẳm trong những đợt săn thú dã chiến thời tiền sử của giống người Homosapien Erectus, tổ tiên chúng ta.

Vào thời đại có trong tay nhiều dữ kiện khoa học như hiện tại thay vì nghe theo "tiên tri" chúng ta nên áp dụng suy nghĩ chín chắn, cẩn trọng của mình trong việc đầu tư. Năm bầu cử Tổng Thống hay không cũng thế!

TẠI SAO GIÁ XĂNG SẼ TIẾP TỤC TĂNG

Gía xăng toàn quốc Hoa Kỳ đã tăng cao đến mức kỷ lục cho dù chúng ta chỉ mới chính thức bước vào mùa Xuân có mấy ngày, từ hôm 20 tháng Ba. Vào giữa tháng Ba vừa qua, giá xăng loại thường trung bình toàn quốc là $1.72 mỗi gallon. Mức tăng chỉ có sơ sơ... 18% trong vòng ba tháng.

Nhưng tại California, nơi trữ lượng xăng được kể là vào hàng thấp nhất toàn quốc, giá xăng loại thường bán lẻ ở mức $2.15 một gallon; loại thượng hạng bán ra với giá cao kỷ lục là $2.35 một gallon.

Ngày 17 tháng Ba vừa qua Bộ Năng Lượng lại thông báo trữ lượng xăng toàn quốc giảm (lần thứ bảy trong vòng tám tuần lễ) và vì thế chuyên gia nghiên cứu tiên đoán giá xăng sẽ tăng thêm nữa trong những tuần sắp tới.

Lý do nào khiến giá xăng tăng cao và sẽ còn tăng tới mức ảnh hưởng bất lợi đến sinh hoạt hàng ngày của chúng ta?

Những vấn đề chính ảnh hưởng đến giá dầu phải nhắc đến gồm có trữ lượng dầu và quyết định của những quốc gia trong khối sản xuất dầu hỏa cùng với kỹ nghệ lọc dầu.

Xét về việc trữ lượng dầu thô toàn thế giới ngày càng cạn dần và sẽ có lúc cạn sạch là một vấn đề ai cũng biết từ lâu. Tuy nhiên trữ lượng này giảm dần với thời gian, không tự nhiên cạn sạch trong một thời gian ngắn.

Những quốc gia trong khối Tổ Chức Những Nước Sản Xuất Dầu, viết tắt là OPEC hiện đang giữ sản lượng dầu hỏa hàng ngày ở mức độ đã thỏa thuận trong qui ước chung và giữ giá bán ra là $38 Mỹ kim một thùng dầu vào ngày 17 tháng Ba 2004. Theo tạp chí *BusinessWeek* số phát hành 29 tháng Ba, 2004, đây là giá mỗi thùng dầu bán ra bằng với giá bán vào ngày 16 tháng 10 năm 1990 trước cuộc chiến vùng Vịnh chứ không có gì đáng kinh ngạc.

Vì vậy vấn đề còn lại chỉ là kỹ nghệ lọc dầu của Hoa Kỳ, một kỹ nghệ được coi là hết sức nhạy cảm chỉ cần bị lay động nhẹ là khiến giá xăng tăng đến mức đáng quan tâm.

Sau nhiều thập kỷ không nhận được đầu tư đầy đủ, kỹ nghệ lọc dầu toàn quốc Hoa Kỳ hiện hoạt động ở tỉ lệ trung bình 90% năng suất.

Qui luật mỗi tiểu bang mỗi khác về phẩm chất xăng dầu tinh lọc khiến nhiều tiểu bang dư thừa dầu không thể san sẻ cho những vùng thiếu hụt. Điều này tạo nên sự khác biệt nơi giá xăng dầu ở những tiểu bang khác nhau vào những mùa đắt đỏ như hiện nay.

Sở dĩ các công ty lọc dầu không xây thêm

nhà máy vì mức cung càng thấp giá dầu càng có cơ hội tăng cao và mang lời về cho các công ty lọc dầu càng nhiều.

Theo số liệu của UBS trong tuần lễ cuối tháng Hai 2004 kỹ nghệ lọc dầu lời $6.74 một thùng so với mức lời trong vòng 5 năm nay tính trung bình $ 4 Mỹ kim mỗi thùng. Tại tiểu bang California trong cùng tuần lễ kỹ nghệ lọc dầu lời đến $13.78 Mỹ kim một thùng, mức lời gấp đôi con số trung bình $6.76 một thùng trong 5 năm qua.

Thêm vào đó, vì không có sự cạnh tranh gắt gao, những công ty dầu hỏa chính chiếm giữ thị trường tha hồ hưởng lợi trong thời buổi khó khăn. Theo bản phân tích các công ty dầu hỏa thuộc Chương Trình Năng Lượng Công Cộng (tạm dịch từ Public Citizen's Energy Program), hiện nay năm công ty dầu hỏa lớn nhất nước kiểm soát 51% thị trường sản lượng dầu tinh lọc quốc nội và 10 công ty lớn nhất kiểm soát 77%. Đây là tỉ lệ tăng rất đáng ngại so với cách đây 10 năm khi 5 công ty lớn nhất kiểm soát có 33% thị trường và 10 công ty lớn nhất kiểm soát 54%.

Nhưng cho dù có những công ty tinh lọc dầu dự trù xây thêm nhà máy nhằm giảm bớt sự chênh lệch của cán cân cung cầu thì kinh phí xây cất cũng dễ làm họ nản chí.

Với phí tổn xây một nhà máy lọc dầu trung bình trên $2 tỉ Mỹ kim và với sự chống đối của cư dân nhiều nơi cho rằng các nhà máy lọc dầu làm ô nhiễm môi trường kế hoạch xây nhà máy mới là điều ít công ty dám thực hiện.

Chưa kể có nhiều khi vượt qua được hai trở ngại trên, nhiều khi mua nhằm đất không tốt các công ty rất dễ đi đến chỗ phải khai phá sản, mất bạc tỉ như chơi.

Trường hợp thương gia tại Houston, ông John R. Stanley bỏ trên $1 tỉ Mỹ kim vốn rồi mang nợ trên $1 tỉ Mỹ kim để xây công ty lọc dầu Louisiana đầu thập niên 1990s nhưng cuối cùng phải khai phá sản năm 1999 là một điển hình. Công ty này phải bán đổ bán tháo với giá $500 triệu Mỹ kim, khoảng 1/ 5 giá vốn cho công ty Valero Energy Corp., bản doanh San Antonio, tiểu bang Texas.

Những bài học nhớ đời như trường hợp trên khiến các công ty lọc dầu dùng phương pháp tăng năng suất một cách bò thật chậm chạp theo tiếng lóng là "creep." Hình thức này được giải thích là nâng cấp những nhà máy có sẵn. Nhưng theo số liệu thu thập đăng trên tạp chí *Oil & Gas Journal* kể từ năm 1996 đến nay tỉ lệ các nhà máy lọc dầu tăng năng suất kiểu này chỉ ở mức độ 8% trong nước Mỹ và 13% ở ngoại quốc.

Qui luật bảo vệ môi trường sinh thái tại từng tiểu bang góp phần không nhỏ trong việc tăng giá xăng. Hai tiểu bang New York và Connecticut sẽ bắt đầu áp dụng luật buộc kỹ nghệ lọc dầu thêm hóa chất Ethanol vào xăng bán ra đầu tháng Sáu năm nay.

Khi mùa Hè đến, lúc xăng bán ra buộc phải theo đúng tiêu chuẩn môi trường từng tiểu bang, giá xăng được dự trù sẽ còn tăng ít nhất từ 30 đến 40 xu mỗi gallon.

Mùa Hè năm nay những người dự định du lịch bằng phương tiện xe hơi, nhất là xe thể thao loại SUV tha hồ lo nghĩ đến khoản phí tổn xăng nhiều hơn trước. Những người phải di chuyển đi làm xa sẽ phải chịu chi nhiều tiền hơn trước.

Những ngành sản xuất hoặc kinh doanh dựa vào xăng như những công ty chế biến hóa chất hoặc kỹ nghệ vận tải, kỹ nghệ hàng không chắc chắn phải đặt kế hoạch tăng giá sản phẩm để bù vào khoản tốn phí tăng ngoài dự trù.

Giá sinh hoạt hàng ngày của đa số chúng ta vì thế sẽ tăng vì chịu ảnh hưởng chung của giá xăng dầu tăng. Ngoại trừ khi nào có luật kiểm soát cách hoạt động của kỹ nghệ tinh lọc dầu về việc cung ứng đúng nhu cầu giới tiêu thụ. Điều này chắc khó xảy ra trong tương lai gần!

GÀ CÚM, NGƯỜI TOI

TRẦN QUÁN NIỆM

Đầu năm 2004 khắp thế giới xôn xao về dịch "cúm gà." Báo chí Việt Mỹ đăng tải khá nhiều, hình ảnh chiếu trên TV cũng lắm, thiết tưởng tác giả bài này không cần nhắc lại làm gì cho nhàm tai độc giả.

Chỉ thấy tức cười là các nhà báo "Tây gỗ," dịch y boong từ chữ Mỹ thành "cúm gà," có vị muốn chính xác hơn nữa thì dịch là "cúm chim," hoặc có vẻ "bác học" hơn thì là "dạ thưa, đàn gà nhà cháu nó bị bệnh" "cấm gia cùm," ấy chết quên, "cúm gia cầm," khiến người đọc, nhất là giới trẻ tưởng là đây là một bệnh mới. Thật ra kho tàng ngôn ngữ Việt đã có danh từ chỉ đến bệnh này, đó là bệnh "gà toi." Gần 30 năm qua từ ngày mất nước, có lẽ các ông các

bà làm báo tại hải ngoại quên dần tiếng Việt, hoặc sính dùng tiếng ngoại ngữ cho oai. Nếu nói được "gà cúm," thì chắc một ngày nào đó có vị sẽ nói là "người toi" mất thôi.

Nói đến bệnh cúm... người (khổ quá, vì các ông nhà báo, bây giờ mỗi lần nói đến cúm lại phải phân biệt rõ như thế đấy), giới chức y tế cũng như chính quyền địa phương tại Hoa Kỳ hàng năm trước khi mùa cúm hoành hành, đều thông báo để dân chúng chích ngừa. Thông thường cúm không nguy kịch đến tính mạng, ngoại trừ khi xẩy ra cho người già mà kháng chất của cơ thể suy yếu, hoặc trẻ sơ sinh, sức miễn nhiễm còn non nớt. Hiếm hoi lắm, trong các trường hợp đặc biệt, cúm gây biến chứng, cũng có người chết. Nhưng thường thì rêm nhức mình mẩy, nóng lạnh, ho hen, lừ khừ ít ngày rồi khỏi, sau khi uống vài liều thuốc cảm cúm thông thường bầy bán trên thị trường, không cần toa thầy thuốc.

Ngày trước khi nền y dược Âu tây chưa phổ biến, các cụ nhà ta chữa cúm bằng phương thuốc cổ truyền là cho uống nước gừng chưng với chanh đường, hoặc bằng phương thuốc tâm linh là cúng kiếng. Theo kinh nghiệm bản thân của tác giả và sau này thấy nhà văn Toan Ánh ghi lại trong cuốn Phong Tục Việt Nam, thì khi bị cúm, người nhà bầy chiếc mẹt ngoài vỉa hè, trên mẹt có bánh đúc, mắm tôm, lá trầu, ly rượu rồi thắp hương khấn vái:

Tôi lạy ông Cúm bà Co
Ông ở xứ Nghệ ông bò ra đây
Khôn thiêng có mâm cỗ này
Ông sơi cho sạch, ông rầy tha tôi

Cúng xong, cho bệnh nhân ăn bánh đúc chấm mắm tôm, ít ngày sau là khỏi. Không biết khỏi là vì trong bánh đúc có chất vôi, hay trong mắm tôm có chất gì trị bệnh, hay ốm chán thì phải bò dậy mà thôi. Còn xuất xứ của ông Cúm bà Co? Sao lại từ xứ Nghệ An? Có lẽ hồi lập quốc, miền Trung là đất dân ta lấn chiếm của người Chân Lạp, rừng núi kỳ bí, đầy ma Chàm, ma Hời, ma Xó, ma Mường nên ông Cúm bà Co xuất xứ từ đó chăng?

Còn bệnh gà toi đã có từ lâu, nhưng ngày xưa nuôi gà ít, chạy nhẩy ngoài thiên nhiên rộng rãi, nên chết vài chục con là cùng. Bây giờ gà nuôi trong chuồng chật hẹp, từ vài ngàn đến vài chục ngàn con, nên chết như rạ, lại thêm chính quyền các nước khoanh vùng, tiêu diệt gà cho bệnh khỏi lan nên số gà chết lên đến

hàng trăm triệu. Trên 10 nước Á châu lân cận như Việt Nam, Thái Lan, Indonesia, Tầu Cộng, Đài Loan, Nam Hàn, Nhật, Hồng Kông, Cam Bốt, Lào v.v. bị ảnh hưởng nặng nề. Và quả như người ta nói, ngày nay thế giới trở nên nhỏ bé, khoảng hai tháng sau, gà toi xuất hiện tại Mỹ. Các trại gà tại tiểu bang Delaware, miền Đông Bắc có triệu chứng gà toi, phải giết 90,000 con. Tuần lễ sau đó, các trại gà tại Texas bị ảnh hưởng.

Bệnh tật được quan niệm như một tiến trình thiên nhiên, lâu lâu lại bộc phát, để làm cân bằng môi sinh và số lượng các loài sinh vật. Hiện nay Trung Quốc chăn nuôi trên 8 tỷ gà vịt, đứng hàng thứ nhì trên thế giới. Việt Nam chăn nuôi khoảng 300 triệu. Thái Lan không rõ con số nuôi nhưng tài liệu cho hay Thái đã giết 34 triệu gà v.v. Nếu không chết vì bệnh, chúng cũng chết vì các lý do khác, nhiều khi rất bí ẩn, vô lý như loài chuột tại Bắc cực, khi sinh sôi nẩy nở quá nhiều, chuột lũ lượt kéo nhau cả bầy, phóng ra khỏi mỏm đá xuống biển, tự tìm cái chết.

Số lượng gà chết lên đến con số khổng lồ gây thiệt hại nhiều tỷ bạc trên cán cân kinh tế toàn cầu đặc biệt là các nước bị ảnh hưởng. Tai hại hơn cả, tại Việt Nam nhiều nhà chăn nuôi có tính cách gia đình đã bị sạt nghiệp, vốn liếng tiêu ma. Chính quyền bồi thường chỉ bằng một phần năm giá gà, rồi nạn sách nhiễu, cửa quyền làm khổ người dân thấp cổ bé miệng không ít. Buồn rầu, hốt hoảng còn hơn nhà có tang khi nhìn đàn gà đang tươi tốt mập mạnh lăn quay ra chết hàng loạt. Chỉ một vài ngày đàn gà vài ngàn con chết gần hết, chôn không kịp. Và cả một tương lai đen tối chờ đón gia đình người chủ bất hạnh. Cháy thành vạ lây, các tay tài tử phong lưu ưa nuôi chim kiểng, chim mồi như yến, họa mi, sáo, yểng, cu gáy, tưng tiu như

trứng mỏng, khi được lệnh giết chim, không thi hành thì không được, mà thi hành thì như đứt từng khúc ruột.

Đau thương hơn nữa là vì chính sách bưng bít, giấu nhẹm, kèm theo sự yếu kém, tắc trách của hệ thống theo rõi và phòng ngừa y tế và thú y của Việt Nam, bệnh gà toi lan tràn từ tháng 7, 2003 đến độ không thể kiểm soát, thậm chí gây thiệt mạng cho người. Báo Tuổi Trẻ tại quốc nội cho hay có khoảng trên 300 người bị tình nghi nhiễm vi khuẩn gà toi H5N1 trong đó trên 30 trường hợp tử vong. Đó là hậu quả của một chính quyền không lo cho dân, không đặt sức khỏe của dân chúng lên hàng ưu tiên.

Nguồn tin y tế cho hay vi khuẩn gây bệnh gà toi tại Việt Nam và Thái Lan nguy hiểm nhất mang kí số khoa học H5N1. Kém nguy hiểm hơn là vi khuẩn H5N2 tìm thấy tại Nam Hàn, Pakistan và Đài Loan và các quốc gia khác. Loại H7 tại Hoa Kỳ nhẹ nhất, không gây tử vong cho người.

Ngày còn nhỏ, mỗi lần thấy chớm có bệnh gà toi bên hàng xóm và thấy mấy con gà đứng ủ rũ biếng ăn, khi gà về chuồng buổi tối, mẹ tôi sai tôi bắt từng con, bóp nát một tép tỏi, banh mỏ, nhét vào, chẳng cần biết vi khuẩn thuộc họ nhà H nào. Thế là gà khỏi bệnh, thỉnh thoảng đôi khi cũng có một vài con chết, nhưng chẳng là bao. Ngày nay chỉ thấy báo chí loan tin gà toi rồi lệnh cưỡng bách giết gà ngăn ngừa, không thấy nói đến cách chữa bệnh ra sao. Gà bị giết hết, giết sạch, giết tập thể theo kế hoạch "giết lầm hơn bỏ sót." Thật tội nghiệp, gà chẳng biết kêu oan vào đâu.

CÔNG LÝ

Anh chàng Nicholas Yarris đúng là số con rệp. Năm 1981, vào đêm cô Linda Mae Craig bị tên dâm tặc nào đó hãm hiếp rồi giết chết, Yarris có mặt trong vùng xẩy ra án mạng. Thế là anh chàng bị tóm, chỉ vì anh ta có vài tiền án trộm vặt. Guồng máy công lý bắt đầu chuyển động, những răng cưa sắt thép vô tình cuốn hút đời Yarris vào để chuẩn bị nghiền nát.

Nhân chứng nhận diện Yarris qua hồ sơ cảnh sát - Rồi ra tòa - Luật sư bênh vực - Công tố viện kết tội - Bằng chứng được trưng ra - Nhân chứng khai trước tòa - Bồi thẩm đoàn nghe luật sư hai bên trình bầy, xem xét bằng chứng rồi nghị án trong phòng kín, biểu quyết với đa số tuyệt đối - Quan tòa tuyên án. Nghĩa là đầy đủ thủ tục kỹ lưỡng của nền công lý Hoa Kỳ nổi tiếng công minh, vô tư, phán xét cẩn thận. Ai cũng hài lòng vì đã làm tròn bổn phận của mình, phục vụ công lý và xã hội. Yarris bị kết án tử hình.

Phiên tòa xử xong, hồ sơ khép lại. Suốt 22 năm trường chờ lên ghế điện, chỉ có Thượng Đế và Yarris biết sự thật. Thượng Đế thì không nói và Yarris kêu oan nhưng chẳng ai nghe. Yarris kháng án nhưng vô hiệu.

Một ngày kia, một tổ hợp tình nguyện gồm các luật sư đặc trách đảm nhiệm nghiên cứu các bản án có nhiều nghi vấn để đề nghị tòa án xét lại, lục tới hồ sơ của Yarris. Sau rất nhiều thủ tục và chờ đợi, vụ án Yarris được tái xét. May mắn cho anh ta, 22 năm sau, phương pháp so sánh DNA (1) đã đạt đến mức hoàn chỉnh để được công nhận tại tòa như một bằng chứng xác tín. Kết quả thử nghiệm DNA của bằng chứng hiếp dâm và DNA của Yarris, chứng tỏ anh vô tội. Ngày 17 tháng 1, 2004 anh được trả tự do, sau khi tiêu phí 22 năm của tuổi thanh xuân trong ngục tối.

Trường hợp này cho thấy dù nền công lý loài người hoàn chỉnh đến đâu vẫn có những sai lầm trầm trọng, nhất là khi quyết định tước đoạt sự sống của con người. Đó là lý do thống đốc George Ryan tiểu bang Illinois năm 2000 đã ban lệnh đình chỉ xử tử các tội phạm tử hình trong tiểu bang, vì ông cho điều tra và thấy 13 phạm nhân suýt nữa bị lên ghế điện, sau đó tòa tái xét xử mới hay họ bị kết án nhầm. Căn cứ trên tài liệu của Trung Tâm Tin Tức về án Tử Hình (Death Penalty Information Center), thì từ năm 1979 đến nay tại 25 tiểu bang đã có 102 trường hợp kết án tử hình vì nhầm lẫn. Gần đây, thống đốc Ryan đã chuyển 150 án tử hình trong tiểu bang thành án tù chung thân, tạo nên những cuộc tranh luận sôi nổi là các tiểu bang khác cũng nên noi gương thống đốc Ryan.

Cảm tưởng của Yarris ra sao, khi anh được trả tự do? Anh nói, tôi không oán hận những người đã xử tôi. Trong phiên xử sau cùng cuối năm 2003, Yarris cho hay anh đã dùng thời gian ở tù để học hỏi thành một công dân tốt.

Anh còn tuyên bố: *"Chắc mọi người ngạc nhiên là tại sao tôi không phẫn nộ với họ. Nếu tôi làm vậy chẳng hóa ra tôi quá tầm thường hay sao?" (2)*

Năm nay Yarris 42 tuổi. Những năm tháng

ngồi tù chờ chết quả đã biến anh thành một triết gia với lòng bao dung rộng lượng. Anh chưa có dự tính cho cuộc đời tương lai, ngoài việc đoàn viên với cha, mẹ, họ hàng cũng như thăm viếng bạn bè.

(1) Nhiễm sắc thể DNA (deoxyribonucleic acid) là một vật chất trong tế bào của sinh vật ấn định sự di truyền của mầu mắt, mầu tóc, nhân dáng, cấu tạo xương và nhiều đặc tính di truyền khác. DNA là một sợi dây rất mỏng dài chừng 30 phân nhưng rất nhỏ, được chứa trong một dung tích khối (cube) mỗi bề chỉ bằng 1/ 1000000 của một inch.

(2) Everybody seem confused as to why I'm not angry at them. For what? If I do that, it just cheapens who I am."

CHUYỆN NƯỚC PHÁP

TỪ NGUYÊN

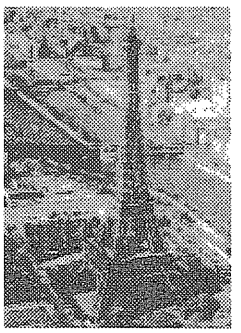

SAU VỤ NỔ Ở TÂY BAN NHA PHÁP CÒN BỊ NHÓM AZF ĐE DỌA

Paris, 14.3.- Hôm nay là ngày cuối cùng Pháp và nhiều nước khác trên thế giới treo cờ rũ để tang nạn nhân của vụ khủng bố tại khu nhà ga ở Madrid, thủ đô Tây Ban Nha ngày 11.3. Vụ khủng bố này giết hại 198 người và 1 400 người bị thương và gây ra nỗi kinh hoàng đối với dân Tây Ban Nha.

Báo chí đặt câu hỏi : Có phải vì nước này hợp tác với liên minh chống khủng bố cầm đầu là nhóm Al-Qeada? Hay là nhóm ETA của người xứ Basque? Vùng biên giới với Pháp liền bị kiểm soát nghiêm nhặt nhưng hung thủ cao chạy xa bay nếu không phải là đã bỏ thây trong vụ nổ.

Dân Tây Ban Nha sống tại Pháp, chừng 200 000, nói lên niềm công phẫn trước hành động dã man của quân khủng bố. Chiều hôm sau vụ nổ, họ đã biểu tình tuần hành trước thềm Nhân quyền ở công trường Trocadéro, trước sứ quán TBN trong Quận 8 Paris, cùng một lúc tại thành phố Toulouse và nhiều nơi khác trên thế giới để tỏ tình liên đới với những người lâm nạn và lên án quân khủng bố. Một cảnh rất cảm động của hằng triệu người xuống đường dưới trời mưa lạnh tại Madrid.

PHÁP VỚI VỤ AZF

Là nước láng giềng và vì bị hăm dọa bởi một lý do khác (cấm khăn quàng Hồi giáo trong lớp học), một nỗi lo lắng thấy trên gương mặt của dân chúng Pháp. Vụ khủng bố của nhóm AZF vẫn chưa ngã ngũ đâu vào đâu, thêm với vụ này, Cảnh sát tăng mức báo động lên mà da cam: tăng gia phòng ngừa, canh chừng, kiểm soát.

Từ tuần trước tới nay, nhóm AZF vẫn giữ yên lặng. «No news» trong trường hợp này, không phải là «good news». Lời đe dọa (đặt bom trên hệ thống đường rầy Hỏa xa Pháp) vẫn còn đó. Mấy chục ngàn nhân viên Hỏa xa tiếp tục dò chừng đường rầy xem thử có bom, sáu trăm nhân viên Cảnh sát theo dõi ngày và đêm. Cả nước Pháp từ đầu tháng sống trong hồi hộp lo lắng, riết rồi cũng quen đi !

Một lần đầu tuần có bóng dáng của một người đàn bà xuất hiện một cách hồ nghi khiến Cảnh sát theo dõi. Một người đàn bà tóc vàng, hay là bà này đội tóc giả không biết chừng, đã nhân danh AZF điện thoại với Cảnh sát. Nhiều người thấy bà xuất hiện ở Lyon, ở Meaux hay Montargis là những nơi được nhóm AZF này nhắc đến. Không thấy tiết lộ chi thêm.

Cho dù nhà nước không muốn dân chúng phải khiếp đảm nhưng chuyện cũng không thể tránh được. Tối thứ năm 11.3, báo động giả có bom trong nhà ga của thành phố Lyon : hành khách được vội vàng di tản khỏi vùng sợ hãi.

MỸ CHO MƯỢN 4 TRIỆU ĐÔ

Trong vụ này, có tin Mỹ đã cho Pháp mượn tiền để nộp nhóm khủng bố. Lúc đầu, AZF đòi bốn triệu euro và một triệu đô la, bộ Nội vụ thấy có thể giải quyết được nên gom góp để trả. Một cách hối hả vì một triệu đô la với giấy 100 ngay tại Paris không phải là chuyện dễ nhưng còn làm được.

Sau đó, không biết có phải để làm khó nhau, hay nghĩ lại rằng, giấy xanh cho dù mất gia cũng dễ tiêu hơn là euro, nhóm khủng bố lại đòi ngược lại : một triệu euro và bốn triệu đô la. Rõ ràng là không thể có ngay được, đô la thứ tiền luân lưu chứ có bao giờ ở yên?

Trên đất Pháp, không thể có một nơi nào có thể cung cấp 4 triệu đô la bằng giấy 100 vậy thì, chỉ còn cách cầu cứu Mỹ. «Chúng tôi đã

đem tiền từ Nữu Ước, chở bằng máy bay về Paris,» lời một nhân viên cao cấp của bộ Nội vụ Pháp.

Như bạn đọc đã biết khi Cảnh sát đem nộp tiền, không biết vô tình hay cố ý, hai bên lạc nhau. Tiền chuộc không mất nhưng nay thì mất tiêu dấu vết của nhóm này. Như là một chuyện dài, bản tin này sẽ trở lại khi có hồi gây cấn.

XÁO TRỘN TRONG NGÀNH KHẢO CỨU

Các Nhà Khảo Cứu Dọa Từ Chức

Trước ngày có vụ nổ ở Madrid, đường phố Paris đã chứng kiến các cuộc biểu tình của các nhà nghiên cứu, của y tá, bác sĩ trong các bệnh viện, các giáo chức, v. v. Họ đòi thêm phương tiện để làm việc, thêm nhân viên và thêm lương. Làm áp lực chính quyền lúc này thiệt là đúng lúc: cuộc bầu cử vùng quan trọng không kém bầu cử lập pháp chỉ còn hơn một tuần nữa thôi.

Các nhà nghiên cứu tuyên bố rằng tới ngày 19. 3 nhà nước không thỏa mãn yêu sách, họ sẽ từ chức tập thể: cả nước không còn ai lo việc nghiên cứu nữa. Họ sẽ bỏ Pháp đi Mỹ, nghe kể lại thì là thiên đường của hoạt động chất xám!

Tình hình của hoạt động khảo cứu của Pháp như sau:

Nhân số: Pháp có cả thảy 191 000 nhà khảo cứu (trên 370 000 người hoạt động trong ngành nghiên cứu và phát triển) trong số đó 54% là công chức.

Tỉ lệ với 1 000 chuyên viên đang hành nghề, Pháp có 7 người trong ngành khảo cứu thua Nhật bản 9,7 Hoa kỳ 7,9 nhưng hơn Đức 6,7, Canada 6,1 và Anh 5,5.

Ngân sách được Pháp dành cho ngành này 34 tỉ euro, tính ra 2,2% tổng sản lượng quốc gia, đứng thứ tư so với Nhật 3,09 Hoa kỳ 2,82 Đức 2,49. Pháp hơn nước Anh (chỉ 1,90% tổng sản lượng quốc gia).

Trung Tâm Quốc gia Khảo cứu Khoa học CNRS thành lập năm 1939 quy tụ 26 167 người trong số đó có 11 400 nhà khảo cứu. Ngân sách 2,1 tỉ euro, chiếm 30% ngân sách quốc gia dành cho vấn đề khảo cứu. Trung tâm có 1 256 đơn vị khảo cứu trong tám phân bộ: Khoa học về đời sống, khoa học nhân văn, Hóa học, Lý và toán học, Vũ trụ, khoa học và kỹ thuật tin học, khoa học sáng tạo và Vật lý nguyên tử.

CHẾT NGAY TRONG NHÀ

Mỗi Năm Trên 20000!

Coi chừng, nguy hiểm! Không phải là chuyện kho đạn hay nơi chôn giấu vũ khí, mà nói đến ngôi nhà, «home sweet home» của người Pháp. Ba đứa bé chết trong bồn tắm, một ông tây chết vì leo thang, một bà đầm chết vì té cầu thang. Mỗi năm có tới 20 000 người chết vì tai nạn xảy ra ngay trong nhà của mình theo một tài liệu thống kê vừa được công bố đầu tuần.

Một chuyện lạ: Tây, đầm chết trong nhà gấp ba lần tai nạn lưu thông thế nhưng rất ít được nói đến. 9 500 người bị chết vì té mỗi năm. Nếu không chết thì nằm bệnh viện: năm triệu người được chở vào bệnh viện hay đi bác sĩ vì tai nạn xảy ra ngay trong nhà của mình.

Một vài con số để bạn đọc biết qua, từ đó có thể cẩn thận hơn chăng. Những tai nạn xảy ra trong bếp :

- Nồi nấu tự động : 2 000 lần trong một năm (các bà 70%, các ông 30%).
- Bếp và lò điện : 5 500 lần (các bà bị phỏng 55%, các ông 45%)
- Phỏng nước sôi, dầu sôi : 30 000 lần (các bà 54%, các ông 46%)
- Leo thang, đứng trên ghế cao: 50 000 lần (các ông 74%, các bà 26%)
- Lên xuống cầu thang : 300 000 lần (các bà 54%, các ông 46%). Đây là những lần phải kêu cấp cứu hay xe chở đi bệnh viện.

LÀM VƯỜN: MÁY NÀY CẮT CỎ TRONG LÚC BẠN VẮNG NHÀ

Một sáng chế vừa được đưa ra thị trường nên giá còn đắt: 1 999 euro. Máy cắt cỏ hoàn toàn tự động, làm việc yên lặng ngoài vườn khi bạn đang ngồi coi phim western hay là lúc bạn vắng nhà. Máy đơn giản, nhỏ và hoàn toàn tự động, cắt cỏ từ 2 đến 6 cm. An ninh, không thể làm bạn đứt tay hay dơ bẩn vì dầu nhớt.

Có một bàn máy với 19 nút để bạn sai bảo máy phải làm gì, từ giờ nào đến giờ nào. Tên máy là Automower, của Công ty Electrolux cách đây hai năm đã tung ra máy hút bụi tự động Trilobite. Cũng có thể rằng thị trường Mỹ đã có thứ tương tự từ lâu rồi thì xin ghi lại để bạn biết rằng bao giờ Pháp cũng đi chậm hơn Mỹ từ hai đến ba năm.

Có điều là ở Pháp cắt cỏ cũng... tự do: bạn muốn cắt cho đẹp thì cắt, không muốn thì thôi không ai bắt bạn phải làm. Người đi ngang vườn nhà bạn sẽ phê bình một câu mà bạn không bao giờ nghe thấy: chủ nhà này sống thoải mái quá nhỉ!

PHÁP LẠI BỊ HĂM DỌA !

Nước Pháp vừa nhận được thêm một thư hăm dọa, lần này từ một nhóm khủng bố mang tên là «Mosvar Barayev Commando, tôi tớ của Allah quyền năng và sáng suốt» (Servants of Allah the Powerful and Wise). Bốn ngày trước ngày có cuộc bầu cử vùng, thư được gởi tới hai tờ báo *Le Monde* và *Le Parisien*, loan báo rằng vì có luật cấm khăn quàng Hồi giáo nên Pháp ngày nay trở thành kẻ thù của Hồi giáo.

Bộ trưởng Nội vụ Nicolas Sarkozy ngày hôm sau cho rằng nhóm này không quan trọng lắm, dù sao cũng sẽ được điều tra cẩn thận. Movsar Barayev là tên của người điều khiển nhóm Chechnya từng bắt giữ một số người Nga làm con tin trong nhà hát tại Mạc Tư Khoa tháng mười năm 2002 sau đó đã bị quân chính phủ tiêu diệt. Tên của ông này viết là Movsar chứ không phải như trong thư, Mosvar.

Nội dung của thư hăm dọa được tờ *Le Parisien* và chính thủ tướng Jean-Pierre Raffarin công bố cùng dư luận sáng thứ tư 17.3. Nhóm này đòi nhà nước Pháp phải hủy bỏ luật cấm khăn quàng Hồi giáo, đúng vào ngày đạo luật này được công bố trên Công báo Cộng hóa Pháp.

Vì gần ngày bầu cử, có lẽ thủ tướng Raffarin muốn tránh vết xe của người Tây Ban Nha tuần rồi nên đã tỏ ra «trong sáng» trong việc đối phó với nhóm khủng bố. (Biết đâu lại không có một vụ nổ tại Pháp một ngày trước ngày bầu cử? Chính phủ của cựu thủ tướng Aznar muốn đổ lỗi cho quân khủng bố Basque (ETA) để khỏi phải bị tố cáo là vì tham chiến tại Iraq mà bị quân Al-Qaeda khủng bố.)

Tờ *Le Monde* đã không công bố thư này trong lúc chờ đợi sự giảo nghiệm của Cảnh sát. Tờ báo này chỉ trích thủ tướng Raffarin là đã «không khôn ngoan» khi cho dư luận biết có thư đe dọa: thủ tướng đã «vội vàng một cách bất cẩn,» và vô tình tiếp tay cho quân khủng bố.

"Loan truyền sự sợ hãi chính là mục tiêu của nhóm khủng bố hay của những người gây ra," tờ báo viết.

TRIỂN LÃM SÁCH KỲ THỨ 24

Cuộc triển lãm sách lần thứ 24 với khách danh dự là nước Trung Hoa đã khai mạc ngày 19.3 và kéo dài tới 24.3 tại Parc des Expositions, Porte de Versailles, phía tây nam Paris. Sách từ 20 nước khác cũng được trưng bày trong hội chợ triển lãm này trong đó có Đức, Algerie, Bỉ, Ba Tây, Canada, Hy Lạp, Ý, Do Thái, Maroc, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Cộng hòa Tiệp, Lỗ Mã Ni, Nga, Thụy Sĩ, Tunisie và có cả Đài Loan nữa.

Cùng một lúc trưng bày sách báo Trung Hoa là những cuộc thuyết trình hội thảo về văn minh, văn hóa Trung Hoa. Nhà văn Cao Hành Kiện, khôi nguyên Nobel văn chương năm 2000 lại không được mời tham dự. Lý do ban tổ chức đưa ra là vì nhà văn họ Cao... tỵ nạn và lấy quốc tịch Pháp, một cách giải thích để lấy lòng Bắc Kinh. Nhà văn trả lời trên báo chí rằng ông sẽ ở nhà để khỏi bị «lây bịnh cúm.»

Với diện tích 55 000 m2, khu triển lãm rộng như là một thành phố, tất cả dành cho sách, báo và chờ đợi chừng 200 000 người tới thăm. Hoạt động của ngành này năm nay không lấy gì làm khả quan hơn: một trong hai người Pháp không mua một cuốn sách nào trong năm vừa qua! Số thương vụ của ngành không tăng, vào khoảng 2,5 tỉ euro.

Một vài đề tài hội thảo đáng chú ý trong kỳ hội chợ sách năm nay:

- Ảnh hưởng của văn chương Pháp trên văn hóa Trung Hoa.
- Bản quyền và đời sống văn học tại Trung Hoa.
- Điện ảnh Trung Hoa hiện đại.
- Ký giả: Họ đi tìm gì ?

BÊN BỜ SÔNG SEINE

Là nhan đề của bức tranh do Maximilien Luce vẽ năm 1892, được ra giá: 375 000 euro. Chuyện chẳng có gì đáng nói nếu không biết rằng người đầu tiên mua bức tranh này, nhân dịp một vụ *garage sale* ở vùng Đông bắc Pháp, chỉ bỏ ra 3 euro.

Tranh dầu, 26 x 40 cm thật chứ không phải giả. Được đem bán đấu giá lần đầu tiên tại Nancy, một chủ phòng tranh tại Paris mua với giá 68 000 euro. Ông này lại bán cho công ty đấu giá Christie's ở Luân đôn được 204 604 euro. Chủ cuối cùng đang ra giá 375 000 euro, chưa có người mua.

Vấn đề của chúng ta: xin bạn coi lại một lần nữa trong garage, trong kẹt tủ biết đâu có bức tranh của một họa sĩ nổi tiếng! Không nhất thiết là bên bờ sông Seine!

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

CÀ PHÊ

Cà phê cõng nhiều thứ trên lưng. Nỗi buồn, nỗi nhớ, niềm vui, khắc khoải, cô đơn, chán chường... Cà phê hình như không chỉ là cà phê mà chính là cuộc sống tâm tình. Trong lần trở lại Saigon đầu năm 2003, thả bộ trên đường Tự Do cũ, tôi bâng khuâng khi đi ngang qua quán Cái Chùa Pagode của một thời tuổi trẻ. Nơi đây, anh một cái cà phê đen, em một ly *café liégeois*, ngồi gửi mắt cho nhau, không một câu nói mà ngàn lần hiểu. Nơi đây, bạn bè viết lách chụm đầu vào nhau, những ly cà phê đen đắng trước mặt, huyên thuyên về những trang viết vừa xong. Nơi đây, những buổi chiều phơn phớt bụi mưa, một mình chạm mặt với chiếc ly sứ trắng, chất cà phê thơm nồng, trắng tay tình yêu, tương lai cũng trắng xóa trong đầu. Nơi đây, những tên bạn bận đồ lính, áo quần còn khét mùi thuốc súng, vội vã gặp lại bạn bè... hậu phương, chửi thề với nhau một trận, rồi chia tay, ngày mai có còn đông đủ như ngày hôm nay không?

Thành phố nọ trở về vui một bữa
Đám cô hồn, mấy đứa buồn như nhau
Tiếng hát Khánh Ly, quán mờ đèn lu
Ai nức nở xoáy hồn ta, đau nhói
Mắt mỗi đứa nhắm nghiền
u hồn khói thuốc
Đêm bên ngoài, hay
đêm của thanh xuân
Giọt đen cà phê, quạnh đặc linh hồn
Đôi mắt bạn bè chao ơi, buồn quá đỗi

(Trần Hoài Thư)

Nơi đây, ngày nay đã mất dấu, mất hẳn, không còn cà phê, Chùa đã tan tành nhường đất cho Saigon Tourist.

Cà phê còn cõng... tranh. Họa sĩ Đinh Cường, hiện cư ngụ tại Burke, đâu đó quanh vùng Virginia, sáng nào cũng lóc cóc đi uống cà phê một mình. Tiệm là Starbucks, một tiệm Mỹ, nhỏ thôi. Chàng ngâm nga tách cà phê, tay buồn tình vẽ lên những miếng giấy lau tay. Anh chủ Mỹ thích, làm thân. Rồi mời chàng mang tranh tới treo trên vách tiệm. Khách uống cà phê thích. Người này thỉnh một tấm, người kia thỉnh một tấm. Cứ lai rai với những tấm tranh nho nhỏ. Ly cà phê thế mà được việc!

Cà phê còn cõng... Chúa. Ông mục sư trẻ David Manafo, 30 tuổi, mục sư phụ tá nhà thờ Rockfield Christian Church ở Lachine, thành phố láng giềng của Montreal, có sáng kiến tổ chức từ đầu năm 2001, đêm Cà Phê Hội Ngộ (Gathering Café) hàng tháng. Bên những ly cà phê, mọi người nghe nhạc *rock*, thảo luận về các vấn đề tôn giáo. *Expresso, Cappuccino* dễ đưa tâm hồn con người bay bổng lên trời cao!

Cà phê, thuốc lá, rượu, đó là bộ tam sên rất bốc cho đời sống tinh thần. Không có chúng, đau đầu muốn chết!

Một bệnh nhân phàn nàn với bác sĩ là ông ta thường xuyên bị đau đầu. Bác sĩ hỏi.

"Ông có uống cà phê không?"

"Thưa bác sĩ, tôi chẳng bao giờ mó tới cái món mất ngủ đó."

"Ông có uống rượu không?"

"Thưa bác sĩ, tôi chưa bao giờ uống lấy một giọt."

"Ông hút thuốc lá chứ?"

"Thưa, tuyệt đối không."

"Còn chuyện phụ nữ?"

"Ồ, tôi không hề nghĩ tới chuyện đó."

"Thế thì ông đúng là thánh rồi! Có thể vầng hào quang trên đầu ông hơi bị chặt!"

Rượu có hại, chuyện đã rõ ràng. Không tin cứ tu thử một chai Johnny Đi Bộ hay đánh bay một ông Remy Martin coi. Thuốc lá? Dễ sợ lắm! Cứ đọc những câu cảnh cáo trên bao thuốc, cứ ngắm những tấm hình rỗng phổi cũng nằm rõ ràng trên bao thuốc, mà miệng vẫn phì phèo nhả khói thì đúng là... anh hùng! Muốn nhắm mắt không thấy không đọc hả? Cái cung cách

tránh những tên vàng tay đen răng như tránh... hủi đã đủ thấm chưa? Còn cà phê? Hại là cái cẳng!

Một anh chàng vẻ mặt lo lắng đến gặp bác sĩ.

"Thưa bác sĩ, vợ tôi ngoại tình. Mỗi lần tôi bắt được quả tang là cô ta lại bảo tôi hãy bình tĩnh và uống một tách cà phê. Xin ông hãy cho tôi một lời khuyên."

Bác sĩ ngần ngừ hỏi.

"Liệu tôi có thể khuyên anh điều gì đây?"

"Tôi uống cà phê nhiều như vậy có hại cho sức khỏe lắm không?"

Hại nhưng vẫn uống. Uống tới chết luôn. Bạn cười tôi nói ngoa? Không, đây là chuyện thật, chuyện của ông bác họ tôi. Năm 1975, chỉ vài tháng sau cái tháng tư kinh hoàng đó, ông bác đi tập kết từ năm 1954 trở về thăm gia đình. Ngày đi tập kết, ông mang theo một cô con gái, còn bà bác tôi và một cô con khác ở lại. Ông về với anh con rể, chồng của cô gái đi theo ông ra Bắc. Nhà ở trong một hẻm gần chợ Tân Định nên hai cha con ra chợ thăm thú hoài. Về tới nhà, hai cha con cứ suýt soa thứ gì ở trong này cũng nhiều quá. Thịt bò treo nguyên từng cái đùi to tổ chảng, hàng hóa ê hề, toàn những thứ đồ ngoại không, cà phê ngon ơi là ngon. Một bữa, bà bác tôi đi vắng, ông một mình ở nhà, lấy phin pha cà phê. Không biết có phải vì thèm quá hay không mà ông lèn cà phê đầy chặt chiếc phin. Uống xong, ông nằm ngủ và... thăng luôn. Ông sống với... tư bản không được tròn ba tháng!

Uống như điên thì có anh chàng Pierre Bélanger, 32 tuổi, dân Montréal. Anh uống ly cà phê đầu tiên trong ngày khi đang cạo râu, một ly nữa khi đang đọc báo và ăn sáng. Trên đường đi làm, ghé ngang qua Second Cup thỉnh một ly cối mang theo uống trên xe. Vào sở, cứ tì tì với cái máy pha cà phê. Làm xong, cùng chúng bạn ghé tiệm làm một cái *expresso*. Buổi tối, không thấy chàng khai báo có uống thêm không, nhưng chắc không tránh khỏi "nghiệp." Tổng cộng, Pierre bỏ vô bao tử khoảng 40 ounces cà phê mỗi ngày!

Nghiện chăng? Còn phải ngôn! Một nghiên cứu mới đây của National Institute on Drug Abuse ở Mỹ vừa được phổ biến tháng trước trên tập san *Journal of the American Medical Association* cho biết là tiêu thụ khoảng 300 miligrams *caffeine* mỗi ngày trong ba ngày liên tiếp là đủ gây ra nghiền rồi. Mà 300miligrams *caffeine* chỉ tương đương với hai ly cà phê loại tám ounces thôi! Hai ly cà phê mỗi ngày? Quá dễ để sa chân vào vòng... tục lụy! Tại các thành phố lớn, góc đường nào hầu như cũng có tiệm cà phê. Mời mọc nhau quá. Chẳng cứ ở các thành phố lớn, ở Việt Nam trước đây, nơi những thành phố trên vùng cao nguyên hẻo lánh, tiệm cà phê cũng nằm trong lòng bàn tay. Đời lính, ghé uống với nhau một ly, mai đây biết có còn ngồi được với nhau không!

hai thằng ngồi ở trong sương sớm
trên cao nguyên và giữa chợ trời
ly cà phê uống trong thời chiến
vẫn đậm đà hương vị chia phôi

(Phan Ni Tấn (N.D.))

Cà phê như một... cứu rỗi. Theo Hiệp Hội Cà Phê Canada, một tổ chức quy tụ các nhà trồng tỉa, nhập cảng, chế biến và bán lẻ cà phê, dân Canada đã tiêu thụ 14 tỷ ly cà phê mỗi năm! Ba phần tư dân số thành niên ở Quebec uống cà phê! Ly uống cà phê thông thường từ sáu tới tám ounces đã phồng lên thành từ 10 tới 12 ounces. Với những chiếc ly... Phù Đổng Thiên Vương như vậy, caffeine, chất bị kết tội trong cà phê, cũng vươn mình lên theo.

Caffeine là một chất kích thích hệ thống trung khu thần kinh, tạo cho người ta cảm giác tăng thêm sinh lực. Nó làm giảm sự buồn ngủ và làm cho người uống thêm hoạt bát và thân thiện với những người chung quanh. Nhưng mặt khác, *caffeine* lại khiến cho người ta bứt rứt khó chịu, gần như hốt hoảng, và rối loạn tiêu hóa. Nó còn bị qui tội liên hệ với các chứng bệnh ung thư, tim mạch và... bất lực nữa! Ngưng dùng cà phê, có thể gặp những triệu chứng chóng mặt, nhức đầu trong khoảng 12 đến 36 tiếng và kéo dài trong hai tuần lễ. Roland Griffiths, một nghiên cứu gia chuyên về *caffeine*, giáo sư Đại Học John Hopkins ở Baltimore lưu ý mọi người tới cái gọi là "suy nhược cuối tuần." Quá nửa số người uống cà phê đều đặn mắc chứng này khi cuối tuần ở nhà họ dùng ít cà phê hơn những ngày đi làm. Ông cho biết là thường thì nghỉ ngơi cuối tuần, người ta phải cảm thấy thoải mái và khỏe khoắn hơn, nhưng những người thường xuyên uống cà phê lại cảm thấy bứt rứt, khó chịu và... chán đời. Một số khác còn cảm thấy buồn nôn và có những triệu chứng như bị cúm.

Cà phê có chất *caffeine* (135 mg trong một

ly cà phê đen 8 ounces, 95 mg trong một ly cà phê tan liền cùng thể tích), ai cũng biết như vậy. Nhưng ít người biết là tội không phải chỉ có cà phê. Các thứ nước uống khác cũng có *cafféine*. Kể sơ sơ ra cũng thấy trà có 50 mg cafféine trong một ly 250 mililitre, trà sâm chanh 100 mg trong chai nửa lít, sữa chua chocolat 85 mg trong một ly, chocolat đen 20 mg trong một thanh nặng 28 gram, chocolat sữa 6 mg trong một thanh 28 gr, coca cola 34.5 mg trong một chai 335ml, pepsi cola 42 mg, diet cola 46.5 mg.

Đối với trẻ em ở Bắc Mỹ, các thứ cola là những người bạn quen thuộc hàng ngày, lúc nào cũng kè kè bên cạnh. Nhưng cà phê mới là thứ bạn mà chúng muốn kết thân. Để tưởng mình thành người lớn! Alessandra Catalogna, mới chỉ có 11 tuổi, đã tập tành uống cà phê. Hơi đắng! Thế nên em phải cho vô thật nhiều đường và sữa. Thành một thứ "chè cà phê"! Em thích nhất là cà phê *cappucino* lạnh khá ngọt của tiệm Tim Hortons. Tập mãi rồi cũng quen, Alesssandra cùng bạn bè đồng trang lứa thường tụ họp nhau ở Second Cup, Tim Hortons hoặc Java U khi tan học hoặc những ngày nghỉ cuối tuần. Các nam sinh, trạc tuổi 14, 15, cho biết họ ưa tới tiệm cà phê vì thích không khí người lớn, chuyện trò với bạn bè, ngồi làm bài hoặc... nghía con gái!

Một cô bé choai choai nói với cô bạn trong một tiệm cà phê.

"Mỗi khi uống cà phê, tao thấy mắt cứ đau nhói."

Cô bạn hất đầu.

"Vậy mày hãy bỏ chiếc muỗng ra trước khi uống!"

Loại tập sự bao giờ cũng có những vấn đề như vậy. Những em sớm uống cà phê thường hiếu động, phá phách, hay vi phạm kỷ luật nhà trường. Chuyên viên dinh dưỡng Donna Drury của bệnh viện Nhi Đồng Montréal cảnh báo là các em đã quá bị kích động bởi truyền hình, phim ảnh, computer và chơi game, nay lại thêm cà phê nữa thì thật là tai hại. Ngoài những hậu quả trên, chất *cafféine* còn làm cho cơ thể các em chậm tiếp nhận *calcium* và tăng huyết áp. Ngoài ra, trẻ em uống nhiều cola hay cà phê sẽ không có thể hấp thụ đủ sữa, nước và sinh tố D. Bởi vậy, Y Tế Canada mới khuyến cáo số lượng hạn chế cafféine là 45 mg mỗi ngày cho trẻ em từ 4 tới 6 tuổi, 62 mg cho lứa tuổi 7 đến 9, và 85 mg cho lứa tuổi 10 đến 12.

Cà phê, đối với nhà văn Võ Phiến, lại được nhìn theo một cách khác. Nó đi song song với thể loại truyện. Từ truyện dài qua truyện ngắn, đến truyện thật ngắn, truyện cực ngắn, văn học cứ tò tò theo bước cà phê. *"Chúng ta sống trong thời đại của cà phê espresso. Trước kia trà Nhật uống mỗi lần tốn tới bốn giờ đồng hồ, không thế thì sai điệu. Trước, ta uống cà phê phin, cái nồi ngồi trên cái cốc cũng cả tiếng đồng hồ. Bây giờ muốn ngon muốn đậm mà khỏi nhẩn nha, có espresso. Rù rì một cái, xong một cốc nhỏ, đậm đen, tợp một tợp, "đã" muốn chết. Truyện thật ngắn hướng tới cà phê espresso."* (Văn Học, California, số 214&215, tháng 2&3/ 2004, trang 10).

Truyện *Khi Chiều Xuống* của nhà văn Trang Châu đúng là một truyện thật ngắn. Chỉ vẻn vẹn ba trang sách cỡ chữ 13.

Một cặp tình nhân đã chia tay nhau tám năm, nàng đi lấy một ông chồng già nhưng có địa vị vững chắc. Ba năm đầu xa nhau, họ hẹn nhau đi uống cà phê năm lần. Uống cà phê chỉ là cái cớ, cà phê cà pháo xong rất nhanh, họ chui vào *motel* cho nhau thể xác. Cú điện thoại cô gái gọi cho người tình cũ lần này xảy ra sau năm năm không gặp nhau.

"Chiều nay đi uống cà phê với em."

"Em cần anh nhiều không?"

"Em đang như một mình."

"Cần anh lấp chỗ trống trong tâm hồn hay... đâu khác?"

"Đồ quỷ!"

.....

"Em muốn đi uống cà phê với anh chiều nay. Nhưng chỉ uống cà phê thôi nhé anh! Đừng có... gì khác, nếu không em sẽ không đủ can đảm trở về."

Chúng tôi, một số tên viết lách ở Montréal, cuối tuần thường hú nhau đi uống cà phê. Chuyện văn học, chuyện trên trời dưới biển, chuyện kim cổ đông tây... Lai rai cũng mất cả mấy tiếng đồng hồ. Nhưng chúng tôi là những người... hồn nhiên. Uống cà phê là uống cà phê. Chứ không ấm ớ như nhân vật truyện của Trang Châu. Mặc dù Trang Châu cũng là một trong số... chúng tôi!

02/2004

ĐẠN

Trong cuốn tiểu thuyết *Ăn Mày Dĩ Vãng* của

Chu Lai do nhà xuất bảnVăn Học Hà Nội ấn hành vào năm 2003, tôi nhặt được hai đoạn ngắn nói về đạn.

"Thủ phạm chính là Tuấn, xạ thủ B41, đang ôm cứng lấy gốc cây, quỳ gục, mặt mày bạc phếch, mắt đổ chàm và toàn thân run bắn như đang lên một cơn động kinh dữ dội. Trái đạn khổng lồ hình hoa chuối lúc nẫy nằm nghễu nghện ở đầu nòng giờ không còn nữa, thay thế vào đó là một ngúm khói vàng đục đang ngoằn ngoèo bay ra.... Hai mươi tuổi, quê Nghệ An, đen cháy, bền như một sợi chão neo thuyền, đánh giặc như trò đùa, chưa hề biết sợ là gì, lần đầu được phân công đảm trách cây hỏa lực hạng nặng thay cho Bảo bị sốt rét, không biết táy máy thế nào, cậu ta để cướp cò."

.....

" Anh không muốn cho cậu trai mười tám tuổi tất cả đang còn ngơ ngác và trong trắng, cái gì cũng có thể ngạc nhiên được này nhìn thấy độ rung của hai đầu dây võng ngày một cuồng loạn lên và sau đó là duỗi dài ra, bất động. Càng không muốn cho cậu ta thấy những vật thể lỏng mầu trắng đục từ mép võng tia nhẹ xuống thảm lá rừng khô cũng như bàn tay thẫn thờ của Khiển nhặt mấy chiếc lá khô khác đậy điệm kỹ càng lên cái vật thể đó như thể chôn cất rồi vật mình nằm ngửa ra, mắt nhìn xuyên qua vòm lá vào bầu trời chan hòa ánh nắng, buồn rười rượi..."

Hai đoạn văn nói về hai thứ đều là đạn cả, dù hình thức thứ đặc thứ lỏng, thứ làm chết người và thứ làm thành người. Cướp cò súng, đối với thứ đạn trước là chết chóc, thứ đạn sau chẳng chết ai. Hậu quả thường chỉ là một cái nhìn nhẹ nhàng nửa trách móc, nửa giễu cợt, nửa tiếc nuối. Nhưng láng cháng cũng có thể tạo thành một đám cháy lớn. Cựu Tổng Thống Hoa Kỳ Bill Clinton, ngay trong Tòa Bạch Ốc, đã để cho em bé tập sự viên Monica nghịch súng, súng bị cướp cò, đạn tung tóe lên chiếc áo cô bé. Cô bé lãng mạn không chịu đưa đi giặt ủi, giữ lại làm kỷ niệm. Ai ngờ, những dấu đạn trên áo suýt chút nữa làm tiêu tan chiếc ghế Tổng Thống và đã thực sự làm rung chuyển... thế giới!

Thực ra, thứ đạn lỏng này không phải được tạo ra để nhễu nhão bắn... chim trời cá biển mà có sứ mệnh đàng hoàng. Bắn xong phải *"thua thì thua quyết níu lấy con."* Vậy mới đạt. Và xạ trường phải có bài có bản hẳn hoi, như Nữ Sĩ Hồ Xuân Hương đã chỉ bày ra.

Thoạt mới vào chàng liền nhảy ngựa
Thiếp vội vàng vén phứa tịnh lên
Hai xe hà chàng gác hai bên
Thiếp sợ bí thiếp liền ghểnh sĩ
Chàng lừa thiếp đang khi bất ý
Mang tốt đầu dú dí vô cung
Thiếp đang mắc nước xe lồng
Nước pháo đã nổ đùng ra chiếu...

Đi theo từng bước chiến thuật như thế, chiếu chỉ có bí. Bí mới óc ách cái vòng số 2. Sưng tấy lên! Giận!

Bà vợ từ nhà hộ sinh về, mặt một đống, chì chiết anh chồng.

"Này, tôi cho anh biết là từ rày trở đi thôi đấy nhé. Tôi thề từ nay tới già tôi mà... với anh nữa thì súng đạn sẽ bắn tôi!"

Sáu tháng sau, anh chồng vẫn không dám đụng đến vợ vì sợ vợ mình chết do súng đạn. Bỗng một đêm, trong lúc ngủ say, anh chồng giật mình vì có người chui vào mùng. Anh nạt lớn.

"Ai đó?"

"Em."

"Em là ai?"

"Là người không sợ súng đạn!"

Nhưng không phải cứ đủ bộ lệ súng đạn, bia đỡ là xạ trường mở cửa hoạt động ngay được đâu. Đối với binh sĩ Canada đang đóng quân tại A Phú Hãn, chiến trường không phải là xạ trường. Những cặp vợ chồng binh sĩ Canada đang làm nhiệm vụ... quốc tế trong thời gian sáu tháng đã bị cấm không được đánh cờ người với nhau. Nơi chiến trường, chỉ có một thứ súng đạn được xử dụng: súng nhắm vào địch quân. Các thứ súng khác phải gói ghém kỹ lưỡng. Lệnh này, dĩ nhiên, rất khó mà thi hành. Mỡ treo trước miệng mèo mà mèo cứ ngậm miệng rỏ dãi thì tốn công lực lắm. Sue Johnson, 26 tuổi, nhân viên dân sự làm việc trong Trại Julien, và chồng là Raymond Peach, 27 tuổi, một hạ sĩ trong Lữ Đoàn 3, cho biết là họ rất khó xử đối với nhau. Thỉnh thoảng họ chỉ có thể ôm hôn lén lút với nhau một chút cho đỡ ghiền. Họ cảm thấy sao? Chúng tôi có cảm tưởng giống như là cuộc sống vợ chồng sáu năm của chúng tôi đã đi đến tan vỡ. Nhưng luật là luật. Cấm léng phéng, dù là súng đạn, bia bắn đã được đăng ký hợp pháp đàng hoàng. Trong số 2000 binh sĩ Canada trú đóng tại A Phú Hãn có tất cả 15 cặp vợ chồng treo mỏ như vậy!

Treo mỏ thì than, nhưng giá dụ ra giá cho họ

là cứ mỗi cuộc càn quét phải có kết quả cụ thể, họ có dám không? Chắc họ đầu hàng chịu thua gấp! Như vậy, trên trái đất đa chuyện này, giờ phút nào mà chẳng súng nổ , đạn bay, bia cứ giương lên, mà vòng số 2 vẫn cứ.... mặt trận miền tây vẫn yên tĩnh! Đó là ý muốn của con người, do con người bày đặt ra. Trong tạp chí *Hợp Lưu* số tháng 12/2003 và tháng 1/2004, có truyện ngắn *Cuộc Thẩm Sát* của Ngô Tự Lập mà nhân vật chính xưng tôi, là... đạn dược.

"Cuộc đời chúng tôi ngắn ngủi nhưng sứ mệnh thật lớn lao. Chúng tôi biết mình phải làm gì mà chẳng cần ai dạy bảo. Chúng tôi sẽ được phóng vào một đường hầm tối, nóng bỏng và ẩm ướt. Chúng tôi sẽ phải bơi ngược dòng cho đến cuối đường hầm. Dĩ nhiên không một ai trong lũ chúng tôi hình dung ra đường hầm, không một ai hình dung ra nơi phải đến. Chúng tôi cũng biết trước rằng không phải ai cũng đến được cuối đường hầm-hầu hết sẽ kiệt sức trong cuộc đua ngược dòng khốc liệt. Nhưng kẻ nào đến đích thực sự là vị anh hùng. Anh ta sẽ hòa nhập nửa kia của mình đang chờ sẵn. Một cuộc hóa thân huyền diệu. Và thế là bắt đầu sự phôi thai một con người."

Anh chồng, chủ kho đạn, khá lang bang. Chị vợ điện thoại đến sở anh làm hẹn chồng về ăn cơm có món canh cua anh thích. Nghe giọng người vợ, chú tinh trùng, nhân vật chính trong truyện, thấy có cảm tình ngay. *Cô ấy sẽ là một người mẹ tuyệt vời!* Nhưng anh chồng chẳng thiết gì cơm canh ở nhà, anh giang hồ đi... ăn phở. Trong phòng khách sạn, với cô tình nhân, anh xả đạn.

"Nhưng tôi không còn đủ thời gian để nghĩ thêm gì nữa. Áp xuất tăng cao đến mức tôi tối tăm mặt mũi. Tôi cố vẫy đuôi nhưng vô ích.

Bây giờ thì tôi không thể nghĩ gì được nữa. Nóng. Ngột ngạt. Tiếng cười nhỏ dần, biến thành tiếng thở hổn hển đứt quãng lẫn với những tràng rên rỉ. Rồi những cơn sóng trào kỳ lạ ào ào cuốn chúng tôi đi.

Đột nhiên, trời đất rung chuyển. Từng đợt, từng đợt liên tiếp. Tôi thấy mình bị phóng ra như một viên đạn.

"Đây rồi, cái thời khắc ấy đã đến"-Tôi nghĩ.

Nhưng cái thời khắc ấy mãi mãi không đến. Trong tích tắc, chúng tôi nhận ra mình bị ném vào một lớp màng dày. Cả lũ chồng đống lên nhau. Mùi cao su xông lên tởm lợm. "Hóa ra là thế, mình cũng từng nghe nói!"- Ý nghĩ ấy thoáng qua như một ánh chớp.

Tôi đã từng nghe nói, nhưng lần đầu tiên được biết cũng là lần cuối!"

Bao cao su? Thứ "áo mưa" vô hiệu hóa sức công phá của đạn dược đã được các nhân viên kế hoạch hóa gia đình tung đi khắp hang cùng ngõ hẻm. Tại một làng quê, cô nhân viên xã hội chỉ bảo cho dân làng cách dùng bao. Cô trình diễn bằng cách dùng bao xỏ vào ngón tay cái như một thí dụ. Một thời gian sau, đoàn trở lại làng, vừa bước chân vào cổng làng, tiếng trẻ khóc oe oe vẫn ầm ĩ khắp thôn xóm. Kết quả rõ ràng là một con số không. Để tìm hiểu lý do, cô cho gọi một anh nông dân tới. Cô giơ chiếc bao ra, giọng tức tối.

"Anh có dùng chiếc bao này không?"

"Thưa có. Tôi chẳng bao giờ quên cả!"

"Thế tại sao vợ anh vẫn cứ mang bầu?"

"Tôi không biết nữa. Cô dậy sao tôi làm đúng như vậy."

"Vậy anh thử làm ngay trước mặt tôi xem có đúng không!"

Anh nông dân sợ sệt, e dè rút chiếc bao trong túi ra, xé vỏ bao một cách thành thạo, kéo chiếc bao ra, và xỏ vào ngón tay cái!

Đạn bây giờ không tốt bằng đạn ngày xưa. Theo một cuộc nghiên cứu do Bác Sĩ Siladatiya Battacharya thực hiện tại Aberdeen, vừa được công bố trên báo chí Anh thì đạn dược của các ông bây giờ kém lắm. Phẩm chất đạn thua xa các bậc tiền nhân. Cuộc khảo cứu dựa trên mẫu của 7500 ông cho thấy trung bình chỉ có 62 triệu tinh trùng trong một mili khối tinh dịch. Mười năm trước, con số này là 87 triệu. Và 50 năm trước là 113 triệu. Sao đạn lại càng ngày càng lép đi như vậy? Một số các nhà khoa học cho là tại vì thuốc diệt trùng, nhựa hóa học, kỹ nghệ, thuốc men và ô nhiễm môi trường. Những thứ này được dùng lan tràn đã làm rối loạn sự cân bằng hormone nơi hệ thống truyền giống của người nam. Muốn có số tinh trùng khỏe mạnh và đông đảo, các nhà khoa học khuyên các ông nên tránh để bị stress, đừng hút cần sa hoặc các thứ có cocaine, ít uống rượu hút thuốc lá, giảm uống cà phê, ăn nhiều rau, tạo nhiều thời gian thư giãn tinh thần. Cứ một trong sáu cặp vợ chồng Anh, và một trong tám cặp vợ chồng Canada có vấn đề trong việc tạo sinh. Mà lỗi tới 35 phần trăm về phía các ông. Con số tiền định!

Nhưng các ông nào còn muốn có chút lộc

cho đời cũng đừng nên lo lắng quá kẻo bị... stress. Vì chỉ khi nào số tinh trùng xuống dưới 20 triệu trong 1 mili khối tinh dịch thì mới thật sự có vấn đề. Muốn chắc ăn thì, trước khi có thể có vấn đề, để dành đạn đi. Để dành đạn?

Hai anh cướp, chờ lúc đêm tối, đột nhập vào một ngân hàng. Họ mở từng chiếc két. Két nào cũng không có tiền. Một anh tức giận lầu bầu với bạn.

"Mẹ kiếp! Tụi nó định chơi xỏ mình hay sao mà để trong két toàn sữa chua không vậy?"

Anh kia gật gù.

"Bố khỉ! Tụi nó chơi thì mình cũng chơi luôn. Cho sáng mai tụi nó hết ăn sáng!"

Hai anh hì hục mở từng hũ uống cho cạn hết sữa chua rồi thơ thới ra về.

Sáng hôm sau, trong mục tin vắn, các báo đều loan tin một Ngân Hàng Tinh Trùng bị cướp!

Ngân Hàng Tinh Trùng để làm chi vậy? Để chứa đạn dược do người ta gửi, phòng khi dùng đến. Điển hình là ông chồng của ca sĩ Céline Dion, trước khi chạy hóa chất điều trị bệnh ung thư, đã mang đạn tới gửi. Và sau đó, cô ca sĩ bạc triệu này đã thụ thai với thứ đạn không do súng bắn ra này.

Thời vua Minh Mạng thì làm gì đã có ngân hàng. Đạn ông gửi thẳng cho các bà cung phi giữ dùm. Vừa gọn, vừa có kết quả ngay. Thứ đạn "nhất dạ ngũ giao sinh lục tử" này quả là thứ đạn... vua. Chúng đã đụng bia của 43 phi tần cung nữ và tạo được 78 hoàng nam, 64 hoàng nữ. Tổng cộng lại là 142 trự!

Vua có... ngon nhất không? Chưa chắc!

Hai vợ chồng nhà kia tới thăm một trại nuôi súc vật. Ông chủ trại chỉ vào một con heo đực.

"Anh chàng này có thể phủ nái mỗi ngày mười lần như không."

Bà vợ nhìn xéo ông chồng.

"Ông thấy chưa?"

Ông chồng cúi gầm mặt, suy nghĩ, rồi hỏi lại ông chủ trại.

"Ông muốn nói là nó phủ chỉ một con nái?"

Ông chủ trại lắc đầu.

"Đâu có uổng như vậy được! Mười con nái khác nhau chứ!"

Ông chồng nhìn xéo qua bà vợ.

"Bà thấy chưa?"

01/2004

CÕI TẠM

Nghỉ hè, nghỉ phép, ta thường đi chơi xa, trú ngụ tạm tại khách sạn. Dăm ba bữa nửa tháng, lại trở về nhà. Thường khi về nhà, lọt vào khung cảnh cũ, ngả mình trên chiếc giường quen thuộc, ta luôn luôn cảm thấy thoải mái, thú vị. Khách sạn là cõi tạm, nhà là cõi thực. Cuộc đời này là một cõi tạm. Hầu như mọi người đều nghĩ như vậy. Nhưng cái cõi tạm này, chúng ta tạm trú hơi lâu, quen hơi quen tiếng, nên khó rời. Biết là tạm mà vẫn cứ thích ở... khách sạn!

Ông bạn da đen của tôi, rất tha thiết được chầu Chúa, đạo Cơ Đốc thuần thành, Chủ Nhật nào cũng đi nhà thờ, trong túi không bao giờ quên tờ giấy hai chục đôn cúng dường, cuốn Thánh Kinh luôn luôn đeo theo người, nói câu nào cũng mời Chúa về góp tiếng cho chắc ăn. Một bữa, thấy ông vất vả với công việc, tôi giỡn.

"Này, Gabriel, cuộc sống coi bộ nhiều mồ hôi quá nhỉ?"

Bạn tôi cười nhe hàm răng trắng lạnh.

"Đời mà! Chúa đã phán ' Con phải đổ mồ hôi trán lấy bát cơm ăn.' Mình cứ phải theo ý Chúa vậy chứ sao."

Tôi làm bộ tỉnh phán theo.

"Tôi thấy cậu là con cưng của Chúa, sao không xin Chúa cất về ngồi bên chân Chúa cho nhàn hạ cái thân!"

Gabriel lắc đầu quầy quậy.

"Còn sớm quá! Tôi còn mấy đứa con nhỏ phải nuôi, chắc Chúa cũng hoãn cho một thời gian nữa chứ!"

Bạn tôi không nói rõ một thời gian là bao lâu, nhưng bằng vào cái lắc đầu hung hãn như vậy, tôi dè chừng chắc là phải lâu lắm!

Một ông bạn khác, ung thư thời kỳ cuối, con cái đã chồng vợ đâu vào đấy, đời chẳng còn gì phải lo lắng, cuộc sống rất thoải mái về vật chất, nhưng cái đau đớn của tật bệnh thật khôn lường, chép miệng than thở khi tôi tới chơi.

"Mình cũng tới tuổi rồi. Nhưng nếu Trời cho ít năm nữa thì quý hóa quá!"

Sống có vất vả, đau đớn đến thế nào chăng nữa, vẫn cứ thích bám vào cõi tạm. Sao vậy? Bởi vì cái cõi mà người ta gọi là vĩnh hằng, miên viễn, vô ưu... ta chưa hề biết tới chăng? Hay là bởi vì từ cõi tạm bước qua cõi thật đó, người ta phải xuôi tay nằm dưới ba tấc đất hoặc uốn người trong ngọn lửa thiêu? Toàn những trò khó chơi cả.

Nhà sinh học Susanne Wiigh-Maesak, người Thụy Điển, vừa phát minh ra một trò mới. Trò

này coi bộ dễ chịu hơn. Thi hài người chết sẽ được làm lạnh cực nhanh đến -18 độ C và sau đó nhúng vào nitơ lỏng có nhiệt độ -196 độ. Thi hài, sau khi được lấy ra khỏi dung dịch siêu lạnh, trở nên giòn tan như kính và vỡ vụn thành một hợp chất dạng bột. Tất cả số nước còn lại được hút vào một khoang chân không, trước khi cho chạy qua một màn kim loại để lọc bỏ tất cả những vật thể còn sót lại (những thứ cấy ghép trong thân thể) chưa phân hủy. Bột thi hài, sau đó, có thể được thiêu đốt, hoặc được chôn trong một quách làm bằng tinh bột bắp, đặt trong hố nông khoảng 30 phân. Sau khoảng một năm, oxy và vi khuẩn sẽ phá hủy chúng hoàn toàn, biến thi hài trở thành cát bụi. Bà Wiigh-Maesak cho biết bà đã đăng ký bản quyền phương pháp này ở 35 quốc gia. Phương pháp này giúp tránh làm vẩn đục môi trường như hai phương pháp thông dụng hiện nay là hỏa thiêu và chôn dưới đất quá sâu làm trì trệ quá trình phân hủy.

Không phải là các nhà sinh học, mấy ông bạn tôi cũng bầy ra nhiều cách... vượt biên từ cõi sống qua cõi chết vui lắm. Như ông Du Tử Lê chẳng hạn.

khi tôi chết hãy đưa tôi ra biển
đời lưu vong không cả một ngôi mồ
vùi đất lạ thịt xương e khó rã
hồn không đi sao trở lại quê nhà
Ông Luân Hoán còn cãi cọ với... thinh không.
không từ đất sao phải về với đất
thịt xương này không thể mất khơi khơi
khi tôi chết xin đem giùm thi thể
chia cho thù lẫn bạn nhậu chơi
Ông Lưu Nguyễn cứ thiên thai lơ lửng.
mai này ta sẽ ra đi
người ơi có nhớ có gì nhắn không
trăm năm mây trắng bềnh bồng
về nơi đã đến mà lòng thảnh thơi

Dặn dò rối rít xong các ông ấy đi... uống cà phê. Bởi vì cái chết vẫn chưa trong tầm mắt. Cõi tạm này mới đích thực trong tầm tay. Tạm lâu ngày dễ có ảo tưởng đây mới là cõi thật.

Đời người được bao lâu? Trăm năm trong cõi người ta. Trăm năm? Mấy người được trăm năm? Bà cụ 114 tuổi của kỷ lục Guinness vừa qui tiên, nhà cầm quyền Việt Nam đang vận động cho một cụ bà Việt Nam, cũng 114 tuổi, được ghi vào thay thế. Lóng rày, coi bộ Việt Nam ham giữ kỷ lục thế giới dữ. Hết bánh dầy, bánh chưng, bánh tét lớn nhất thế giới (có ở đâu khác làm thứ bánh này không nhỉ?), nay muốn đầu tư vào kỷ lục tới sự sống của con người (bệnh kỷ lục có phải là một biến tấu thời mở cửa của bệnh thành tích ngày cũ chăng?). Kỷ lục là thứ xịn. Thường thường bực trung khó với tới. Ông anh tôi bảo cứ sáu chục cái xuân già là gỡ đủ sở hụi rồi. Thêm được năm nào là *bonus* của trời đất, cứ hân hoan mà cám ơn!

Trong cái thời gian sống chỉ là tích tắc so với đời sống của vũ trụ, con người quậy như điên. Đủ món ăn chơi. Kèn cựa, khích bác, tranh dành, lừa đảo, xô đẩy, chém giết nhau... Mỗi người cố thu vén cho riêng mình. Nhà sang, xe xịn, lợi danh, tiền bạc... Mặc sức mà vung tay vung chân. Mặc sức mà lèn cho đầy túi tham. Nhiều người sống trong cái sân si tối tăm trong suốt cuộc sống. Trẻ, tiết vịt còn chảy rần rần trong người, hung hăng con bọ xít đã đành. Già, máu tưởng đã phải nhiễm lạnh mà vẫn cứ sân sân si si phát khiếp. Như Bà Margaret Ann Thomas-Irving, 58 tuổi, cư dân ở Hartford, Connecticut chẳng hạn. Từ tháng 10/2002 đến tháng 7/2003, trong vòng chưa đầy một năm, đã một mình cướp nhà băng tới 12 lần. Tổng cộng số tiền cướp được là 19 ngàn đôn. Vũ khí của bà chỉ là khẩu súng đồ chơi con nít, hoặc ngon hơn, chẳng súng siếc gì cả chỉ dọa nhân viên ngân hàng là trong ví có súng là họ nộp tiền ngon ơ!

Cướp có nghệ thuật hơn là hai vợ chồng James Roland Clark, 71 tuổi, và Deloris Jane Clark, 66 tuổi, dân Florida. Ông chồng xách một bao cát vào ngân hàng dọa là chất nổ, bà vợ rồ sẵn máy xe chờ ở ngoài cửa. Cướp xong ông chạy ra phóng lên xe vù mất nhờ một gói thuốc nhuộm cho phát nổ. Sau đó cảnh sát mới tóm được hai ông bà già chịu chơi này.

Bà già Connie Parker, 74 tuổi, cư ngụ ở Nassau, tiểu bang Nữu Ước vừa trúng số độc đắc 25 triệu. Khi đi lãnh thì, sau khi trừ thuế má, bà cầm tay được 7,3 triệu. Bà ôm chặt lấy tiền, nhất định không chia cho ông chồng Kenneth Parker, 77 tuổi, đang bị ung thư phổi thời kỳ cuối. Ông chồng cho biết là ông đã đưa cho bà 20 đôn để bà đi mua số nhưng bà cãi lại bà đã mua số bằng tiền riêng của bà. Ông chồng tức giận đâm hai đơn một lúc. Một đơn đòi chia tiền, một đơn xin ly dị sau 16 năm rưỡi chung sống. Rút cục, cụ đi đường cụ tôi đường tôi, và bà Connie phải thỏa thuận chia cho ông chồng một số tiền không rõ là bao nhiêu nhưng, theo tiết lộ không chính thức, là một phần ba số tiền

bà lãnh.

Thất thập cổ lai hy. Hiếm có thiệt! Sống đã từng ấy tuổi tưởng tay chân đã làm biếng nhấc lên nhấc xuống, ai ngờ vẫn cứ chụp giật như máy. Để làm chi? Ôm về cõi viên mãn chăng? Cõi bình an đó có cần những thứ phù phiếm của cõi tạm này không?

Một cặp vợ chồng già đã trên 80 tuổi mà vẫn khỏe mạnh. Họ ăn uống kiêng khem và tập thể dục hàng ngày. Không may hai cụ qua đời do một tai nạn xe buýt, họ lên thiên đàng và được thánh Phêrô đón tiếp nồng hậu. Thánh Phêrô đưa hai người đi coi nhà bếp khổng lồ, hồ bơi, phòng tắm hơi, sân chơi golf.... Lóa mắt vì sự sang trọng của ngôi nhà, cụ ông hỏi thánh Phêrô.

"Chúng tôi có phải trả tiền cho những thứ này không?"

"Tất cả đều miễn phí, đây là thiên đàng mà!"

Đến giờ ăn, thánh Phêrô đưa hai cụ đến một phòng ăn sang trọng, thức ăn ê hề. Cụ ông hỏi.

"Thưa Ngài, tất cả các món ăn này cũng miễn phí cả sao?"

"Tất nhiên!"

Cụ ông lại rụt rè hỏi tiếp.

"Chúng tôi có thể ăn tùy thích, không phải lo ngại dư mỡ, đường, cholesterol chứ ạ?"

"Không, tôi đã bảo là cụ đang ở trên thiên đường cơ mà! Cụ có thể ăn uống no say tùy thích mà không sợ bị mập phì, đái đường hay nhồi máu cơ tim gì cả."

Bỗng nhiên mặt cụ ông trở nên đỏ gay, quay sang cụ bà quát to.

"Tất cả do lỗi của bà! Nếu bà không ép tôi phải ăn uống kiêng cữ và tập thể dục hàng ngày thì tôi đã lên đây sớm hơn mười năm rồi!"

Cái cõi mông lung đó đâu phải chỉ có thiên đường. Những nơi khác có vui như vậy không?

Hai bợm nhậu ngồi bên chai rượu đã cạn quá nửa. Một ông hỏi.

"Ông bạn nghĩ là có thế giới bên kia hay không?"

Ông bạn gục gặc đầu.

"Có chứ! Mà chắc ở bển cũng vui vẻ lắm, nhậu nhẹt lu bù."

"Sao ông biết?"

"Thì ông thấy đấy. Mấy chả đi có cha nào thèm quay về đâu!"

Dương sao âm vậy. Dân gian vẫn cứ tin như thế. Cái cõi đầy bí ẩn đó được hiểu như là một nối dài của cõi tạm này, cũng có cuộc sống và những cung cách sống cụ thể như nhau. Vậy nên mới có dịch vụ gửi UPS không thiếu thứ gì qua cõi mờ ảo đó. Nhà cửa, xe cộ, quần áo, nồi niêu soong chảo, vàng bạc, tiền đôn giấy lớn 100.000, và cả... điện thoại di động nữa! Mấy bà thương chồng cũng không quên gửi những nàng hầu trắng trẻo xinh đẹp xuống cho các ông chồng bớt cô đơn. Dĩ nhiên, trước khi hóa vàng, mấy bà không quên rạch mặt, chọc mù mắt hình nhân để thỏa cơn ghen kéo dài qua hai cõi!

Tin như thế bị coi là tin nhảm. Mê tín! Nhưng mâm cơm cúng ngày giỗ ngày tết chắc có ý nghĩa khác. Không ai nghĩ là người từ cõi kia về ăn như chúng ta ăn (cơm canh còn nguyên đó chứ có hụt đi chút nào đâu!) nhưng làn khói nhang ấm áp mời người quá cố về thụ lộc được hiểu như là một cách tưởng nhớ tới người thân đã bước sang cõi khác trước chúng ta. Tấm lòng thương tưởng của chúng ta thể hiện qua cách cúng những món ăn mà người thân quá cố ưa thích khi còn sinh tiền.

Trong nghĩa trang, một ông dọn cơm canh cúng trên mộ vợ. Một ông người bản xứ thành kính đặt bó hoa trên ngôi mộ bên cạnh. Lễ bái, cầu kinh xong, ông bản xứ hỏi ông Việt Nam.

"Bộ ông tin rằng vợ ông có thể về ăn được những thức ăn ông cúng như vậy chăng?"

Ông Việt Nam bình thản hỏi lại.

"Bộ ông cũng tin rằng vợ ông có thể về ngửi được bó hoa ông đặt trên mộ kia chăng?"

Chỉ một bước ngắn, chúng ta chuyển từ cõi này qua cõi khác. Ai cũng ngại ngần trước nhịp bước vô định này. Cõi tạm, cõi... khách sạn, chúng ta đã quen nếp sống. Cõi thực, cõi... nhà, chúng ta u u minh minh. Cái bước dùng dằng từ một chỗ đứng cân bằng trên mặt đất sang chỗ chênh vênh mây trời là cái bước mỗi con người phải trải qua. Cái điều chắc chắn sẽ xảy ra này chúng ta không muốn nghĩ tới. Càng thêm tuổi, chúng ta càng làm lơ không muốn nghĩ tới. Không nghĩ thì làm sao mà hiểu được.

Thế giới có triệu điều không hiểu
Càng hiểu không ra lúc cuối đời
Chẳng sao khi đã nằm trong đất
Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi.

(Mai Thảo)

02/2004

Website: *www.songthao.com*

NHỮNG ĐIỀU CẦN LÀM SÁNG TỎ
TRONG BIẾN CỐ KINH THÀNH THẤT THỦ

NGUYỄN QUỐC TRỊ

(Xin xem từ số 176)

Sự thật là chính người Pháp đã đốt nhà NVT, rồi đổ cho ông Thuyết. Quả vậy, chỗ làm việc, nhà ở của ông Tường cũng như của ông Thuyết, Đại Tá Pernot, chỉ huy đồn Mang Cá, đã dò biết từ lâu rồi, và đã trù cho độ 50 tên lính đến các nơi đó, để bắt cóc hay thủ tiêu cả hai người, như Pernot đã phúc trình cho Tướng Tổng chỉ huy Brière de L'Isle trước ngày thất thủ Kinh đô ít lâu. (S.H.A.T. 10H6 [ex carton 9], sự kế thừa Tướng De Courcy. Thư tín Pernot-Brière - 4-5/1885, do Charles Fourniau dẫn, Annam - Tonkin 1885-1896, Lettrés et paysans vietnamiens face à la conquête coloniale. Paris, L'Harmattan, 1989, 30). Như vậy, lúc quân Pháp phản công chiếm Huế, thật khó lòng mà họ tha không đốt nhà của các ông được. Tác giả Phương Anh Trang, người đã nghiên cứu khá cẩn trọng việc vua Hàm Nghi xuất bôn, có đặt câu hỏi rằng: khi ông Tường không theo xa giá thì trở lại đâu? Và tác giả nói tiếp: "Nhà Nguyễn văn Tường ở gần cửa Đông Ba và khu Lục Bộ lúc bấy giờ đang bị quân Pháp đốt phá dữ dội." ("Vua Hàm Nghi Xuất Bôn" *Tiếng Sông Hương,* 1991, 5). LM Delvaux, dựa theo phúc trình của Thiếu tá Metzinger, đã giải đáp phần nào nỗi thắc mắc của sử gia Anh Trang. Vị linh mục kể rằng Thiếu úy Fellman, hậu đội [arrière garde] của đoàn quân bên trái [colonne de gauche], tức đoàn đi dọc theo bờ phía trong kinh thành đến khu cửa Đông Ba và lục bộ, đã "thiêu đốt đúng theo phương pháp" [incendiait méthodiquement] dọc đường đi, và đến 6g45, tất cả đại đội thứ 2 bộ binh Bắc Phi [Zouaves] đã phóng hỏa toàn thể khu vực chợ Đông Ba cũ [Chợ Xép]. Nếu nhà NVT ở khu đó mà Đại Tá chỉ huy cuộc chiếm đóng kinh thành đã từng biết rõ, thì thật khó lòng cho nó khỏi bị thiêu hủy. Quả nhiên, sử gia Philippe Devillers đã đả thông thắc mắc "ông Tường trở về đâu?" của Phương Anh Trang:

"*.... Courcy vừa chấp nhận cho Tường làm Viện trưởng Viện Cơ mật, **lại vừa nghi ngờ ông này hết mực. Vị tướng giam Nguyễn Văn Tường trong một phần của lâu đài Thương Bạc, vì nhà Nguyễn Văn Tường đã bị cháy,** và giao ông cho một đội lính gác và một số sĩ quan giám thị."* (*Devillers, op. cit.,* 294, NQT dịch và nhấn mạnh)

Sau khi mô tả sự cướp bóc hoàng thành của quân đội Pháp suốt trong hai tháng trời, dựa theo các bài phóng sự của nhà báo Pène-Siefert, bạn của Toàn quyền Paul Bert, và phúc trình của Khâm sứ Rheinart, ước lượng sự mất mát lên đến hàng chục triệu phật lăng, Devillers nói tiếp: "*Đó chưa phải là hết. Ngay cả thành phố đã bị quân đội của Courcy cướp bóc, đập phá, hay thiêu hủy. **Hầu hết các bộ cùng với hồ sơ, TàngThơ Viện, Quốc sử quán, Quốc gia Ấn quán bị thiêu đốt [incendiés], cùng với cái nhà của Nguyễn Văn Tường [ainsi que la maison de Nguyễn Văn Tường].*** (Devillers, op. cit.,* 288-9, 289, NQT dịch và nhấn mạnh; về sự cướp phá hoàng thành, xem thêm Fourniau, Vietnam, op. *cit.,* 372-4) Toàn quyền J. M. De Lanessan còn nói rõ ràng hơn nữa là:

"*Vua Hàm Nghi và phụ chính Thuyết vừa mới rời khỏi kinh thành thì cuộc nội loạn liền xảy ra ở mọi nơi cùng một lúc. Bất kỳ nơi nào có người Công giáo, thì có xảy ra sự tàn sát, vừa bể bộn vừa bất ngờ. Các người phiến loạn cho rằng làm như vậy, tức là trả thù cho sự tàn phá những nhà cửa của người An Nam trong kinh thành Huế do quân đội của chúng ta thực thi ngày 5 tháng 7, những loạt súng bắn giết kèm theo sự thiêu hủy, và sự trục xuất ba mươi ngàn người dân bản xứ đang cư ngụ chung quanh hoàng thành và các bộ."* (*Lanessan, op. cit.,* 686, NQT dịch và nhấn mạnh).

Rồi De Lanessan nhấn mạnh rằng, sau khi thất bại trong việc kêu gọi người Tàu cứu viện,

"Phụ chính Tường đã ở lại, mặc dầu quân đội chúng ta đã đốt cái bộ và cả cái nhà của ông. [Le régent Thuong [sic] . . . était resté à Hué malgré l' incendie par nos troupes de son ministère et de sa maison.]" (L'Indo-Chine francaise. Paris: Librairie Germer Bailliére et Cie, 1889, 688, NQT dịch và nhấn mạnh).

Ngày nay, một vài tác giả Pháp chống thực dân có đặt câu hỏi tại sao dư luận Pháp hoàn toàn im lặng trước một cuộc cướp phá khủng khiếp như vậy của quân đội mình tại Huế, mà lại rầm rộ và quyết liệt tố cáo tội trạng tương tợ của quân đội Anh ở Lâu đài Mùa hè ở Bắc Kinh vào 1860? Rồi trong những lý do họ nêu ra là: không ai tin rằng một cuộc chiến tranh nhằm mục đích cao cả là đem ánh sáng của một nền văn minh Thiên Chúa đến cho một dân tộc đang chìm đắm dưới gông cùm của một chế độ độc đoán bạo tàn Đông phương, lại có thể có những hành động bỉ ổi đến như vậy; ngoài ra, không có một lực lượng chính trị nào thấy có lợi gì trong việc làm hại đến danh dự của lá quốc kỳ . (Fourniau, Vietnam, op. *cit.*., 374). Tuy nhiên, có một lý do mà họ có thể đặt nhẹ, là sự lợi hại của bộ máy tuyên truyền của nền sử học thực dân. Tin tức báo chí thực dân hồi đó thường mô tả việc quân Việt tấn công quân pháp đêm 4-7-1885 là "cuộc mai phục Huế" [guet-apens de Hué] với ý nghĩa xấu cho phía Triều đình và ông Thuyết, hầu giảm thiểu những phản ứng bất lợi cho phía Pháp. Hơn nữa, người nào có đọc những sách vở ghi lại những lời xác nhận của một số nhân chứng Việt Nam chọn lọc thời đó, thì lại có cái nhìn trái ngược: quân đội Pháp trở thành những người ân nhân, bảo vệ tính mạng và tài sản cho triều đình và nhân dân kinh thành Huế, và đồ đạc mất cắp phần lớn là do người An Nam lấy! Đó là sự khẳng định của [Đại úy] Capitaine J. Masson, người đã giao hoàn căn cứ Hồ Tịnh Tâm lại cho Triều đình vào tháng 3 năm 1886, sau tám tháng đóng quân tại đó từ ngày thất thủ kinh thành. Sự khẳng định này dựa vào cuộc phỏng vấn một số quan lại Việt Nam thời đó. Theo lời tác giả, các vị quan này

Vua Hàm Nghi

"đã trả lời với một giọng đầy nhiệt thành rằng họ đã không bao giờ nghi ngờ lòng ngay thật của quân lính ta, và họ biết chắc chắn rằng những đồ quí giá nhứt đã bị các quan Việt hoặc người bản xứ mang đi vì biết giá trị của những vật đó. [...] Chính ông Thủ tướng, Nguyễn Hữu Độ đã nói với chúng tôi như vậy, rằng nhiều cái ché hay đồ khác trị giá mỗi cái từ một trăm đến một trăm năm mươi ngàn phật lăng, đã được các quan lại lấy và cất đi, viện cớ giả dối là để chúng thoát khỏi sự trộm cắp của người Pháp. [...] Ông Độ nói thêm rằng: "Nhà vua và tất cả chúng tôi thảy đều đầy lòng khâm phục nhận thấy sự bất vụ lợi tuyệt đối của người Pháp đang sống giữa những của cải quí báu mà họ bảo vệ chống lại sự trộm cướp, những của cải mà, đáng lẽ ra, họ có thể tuyệt đối chiếm giữ lấy, nhân danh quyền lợi của kẻ chinh phục." (Souvenirs de l'Annam et du Tonkin. Paris: Henri Charles-Lavauzelle, 1902, 140, ct. 3, NQT dịch)

Trở lại tương quan Tường-Thuyết, câu chuyện NVT kể về ông Thuyết, trong thơ gởi Toàn quyền Tahiti vài tháng trước khi từ trần, đã xác nhận rằng ông Thuyết là một người có hành động rất phải chăng và ôn hòa, không có

vẻ gì là nóng nảy, bốc đồng cả. Theo NVT, sở dĩ ông Thuyết không chịu qua họp ở Tòa Sứ là vì những lý do rất chính đáng, nhất là thái độ rất đáng ngờ vực của Tướng De Courcy: Đến để trình sắc thơ mà lại đem theo nhiều quân đội và tàu chiến, rồi lại đòi tất cả thượng thơ phải qua họp ở Tòa Sứ ngay lập tức, không được thiếu ai; mới ngày trước đó, một đại tá Pháp vừa lên thành triệt hạ và bịt ngòi các súng đại bác của Việt Nam, lại cho lính đánh đập dân gian lấy tiền bạc của cải, tiếng than khóc dậy đất, như vậy mà ông Thuyết đã cam tâm nhẫn nhịn, không kháng cự lại; nếu qua tòa sứ rồi bị tướng Pháp bắt giải đi Côn Lôn, như trường hợp mới đây của Tổng Đốc Hà Văn Quang, do Nguyễn Hữu Độ dẫn dụ, thì khi đó hối sao kịp; cuối cùng Thuyết xin từ chức, xin đổi người khác thay thế để đi họp cho đủ số... Để bênh vực thêm cho hành động hợp lý của ông Thuyết, NVT đã tố cáo khéo De Courcy trong bức thơ "ngoại giao" này rằng "Toàn quyền là một vị đại thần, việc làm tất phải minh chánh... *không lẽ làm chuyện hồ đồ.*" Nhưng, than ôi, ngay chính bản thân NVT, trong lúc làm Viện trưởng viện Cơ mật, đại diện Triều đình Việt Nam để thương thuyết với Pháp, đã được De Courcy cho một quan ba mời xuống tàu thủy cùng với ông Phạm Thận Duật và Tôn Thất Đính rồi

*"tưởng qua Tòa Sứ hội thương việc gì thôi, không ngờ ông ấy mở máy đi thẳng xuống Cửa Thuận An mà ra biển đem lên tàu lớn, đưa thẳng đến Côn Lôn... **giam chấp.** Đi lần này thật không ai ngờ. Tam Cung, đình thần và gia quyến thiểm đều không hay biết,.... không tiền bạc, áo xống ... đói khổ hàng tuần, tưởng là khó sống. **Quan Toàn quyền là một đại thần của nước Đại Pháp, phàm làm việc gì tưởng cũng minh chánh...**" ("Thơ: Lại Bộ...". Tiếng Sông Hương, 1994, 126-8, NQT nhấn mạnh)*

E. Vua Hàm Nghi bị hai ông Thuyết, Tường ép và lừa đi kháng chiến?

Việc LM Pirey kể rằng ông Thuyết yêu cầu vua Hàm Nghi để lại cái đầu trước khi về được sử sách Pháp và Việt lặp đi lặp lại rất nhiều. Mãi cho đến 2002, ngay cả một tác giả Pháp chống thực dân nặng ký và từng ngờ vực tin tức của các vị thừa sai, cũng đã trích dẫn nguyên văn câu: "Nếu Bệ Hạ muốn về trở lại Huế thì trước hết, xin Ngài để cái đầu lại ở đây. *[Si Votre Majesté veut revenir à Huê, il faut d'abord qu'Elle laisse ici sa tête]" (Fourniau, Vietnam, op. cit.* 375). Tính cách khả tín của tin này, tự nó quả đã đáng ngờ, vì lấy từ lời nói của một linh mục thừa sai Pháp, dựa theo một người nhân chứng mà linh mục gọi là "ông xã Bình," một người lính đi theo đoàn ngự đạo mà sự hiện hữu không thấy được ai phối kiểm, chưa nói đến việc ông này được đến gần vua và ông Thuyết lúc nào, và nghe câu chuyện ấy trong trường hợp nào. Ngoài ra còn nhiều sự kiện khác đính chính tin đó của LM Pirey. Một là việc vua Hàm Nghi gởi về hai bản dụ, một cho NVT, một cho hoàng tộc, đã cho thấy rằng vua đi một cách tự nguyện làm bổn phận theo một kế hoạch chống Pháp của cả Triều Đình, chớ không do sự ép buộc của ông Thuyết, hay do mưu mô của NVT để "đem vua bỏ chợ." Hơn nữa, mặc dầu chính sử có nói, để che chở cho vua đối với phía Pháp, rằng khi NVT vào tâu vua xuất bôn, thì "trong khi vội vã, chỉ soạn được cái ấn ở ngự tiền văn lý mật sát và ấn kiểm hai quả với hạng để vàng bạc đồ đệ đem theo" (ĐNTL, XXXVI, 221), khi vua bị Pháp bắt thì đồ đạc mang theo dồi dào đầy đủ hơn nhiều, chứng tỏ rằng vua ra đi có sửa soạn trước, chớ không phải bị bó buộc bất thần. Số đồ này gồm có "ấn vàng bạc và gươm báu một hai thứ" (ĐNTL, XXXVIII, 142), chưa kể "ấn của vua Hàm Nghi" quân Pháp thu được sau khi đánh dẹp và giết Tán lý Nguyễn Phạm Tuân ở Minh Cầm, Quảng Bình vào mùa xuân 1887. (ĐNTL, XXXVII, 269.) Các đồ đạc đó được ông Công sứ Pháp ở Huế mô tả như sau:

".... Một trong những cái kiếm có cán và bao bằng vàng... Cái cán được chạm tuyệt đẹp và trang trí với hình rồng nổi lên. Cái kiếm kia có cái cán bằng ngọc thạch, nhưng cái vỏ bằng vàng chạm trỗ đẹp không kém. Một cái dao găm dài.... với vỏ đựng bằng một sừng tê giác có chạm vàng. Đó là một đồ trang sức quí giá hơn là một khí giới,... mang một ý nghĩa chính trị. Vật quí đó, cùng với các ấn tín, là một trong những vật tiêu biểu cho vương quyền, và được truyền từ vua này đến vua khác, đồng thời như là một bái vật [fétiche] và một biểu hiệu đặc biệt. Ông Rheinart đã tình nguyện thân hành mang nó trả lại cho vua Đồng Khánh, và vua đã vô cùng cảm kích. Vua vừa mỉm cười vừa nói rằng từ trước đến giờ, tôi có vẻ làm vua chỉ được một nửa thôi... [ ] Hành lý của vua Hàm Nghi, đựng trong ba hay bốn rương vuông . . .

trong đó có . . . nhiều áo rộng rất đẹp bằng lụa vàng, quần bằng lụa đỏ và các quần áo có giá trị khác ..." (Baille, op. cit., 162-3, NQT dịch)

Quả nhiên, mang theo đồ đạc, dụng cụ, hành lý khá đầy đủ như vậy để hành xử nhiệm vụ của một hoàng đế lưu vong kháng chiến, thì không thể nói là bị ép buộc đi bất thần, mà không có sự đồng ý sắp đặt trước của vua được. Đó là chưa nói đến sự di chuyển khí giới, kho tàng từ hoàng thành lên Tân Sở từ nhiều tháng trước mà sử sách đều nhất loạt cho là gần như công khai. Những công tác, quá hệ trọng đến vận mạng của triều đại và đất nước như thế, không thể không có sự chấp thuận hoặc hiểu biết của vua được. Hơn nữa và trên hết, thái độ bất khuất đối với người Pháp, của vị vua trẻ lúc bị bắt vào cuối năm 1888, cũng như từ đó cho đến lúc vua mất sau 55 năm bị tù đày, (Fourniau, Vietnam, op. *cit.,* 430-1; Baille, op. *cit.,* 149-164) đã là một cải chính quá hùng hồn, không những cho tin này, mà còn cho không biết bao nhiêu tin tức xuyên tạc khác nữa, như: vua sai Lãnh binh Trương Quang Ngọc liên lạc với giáo dân vùng Thanh Lạng nhờ họ làm trung gian để vua về đầu thú! hay một thị vệ của vua tìm LM Luận ở Nam Tây nhờ nhắn với người Pháp giải thoát vua khỏi bàn tay của ông Thuyết! hay vua đã chết vì bệnh tật nơi rừng sâu nước độc, hay vì bị đầu độc! (Delvaux, ỏQuelques précisions.. *õ. BAVH, ibid.,* 271, 277, 302). Thật vậy, theo lời tường thuật của Công sứ Baille, thì vua mạnh khỏe và cường tráng, đối xử rất lãnh đạm và "thiều lễ độ" đối với quan quân Pháp, ngay cả đối với Khâm sứ Rheinart, và từ chối không chịu viết thơ cho một vài người cận thần để khuyên họ đầu hàng. (Baille, op. *cit.,* 156, 158; Về uy tín của Vua Hàm Nghi, xem thêm Fourniau, Vietnam, op. *cit.,* 430-1; Vũ Ngự Chiêu, Tập 2, op. *cit.,* 519-511). Rồi ông Baille tiếp:

"Hàm Nghi, với thái độ và ngôn ngữ của ông, với sự kháng cự bằng vũ lực mà ông đã sử dụng lúc bị bắt, đã tự ý mình giải tỏa cho chúng ta mọi sự ràng buộc về đạo lý.... [ ] Sau những biến cố vừa xảy ra, ông chỉ còn là một tù binh chiến tranh, và một kẻ chiến bại. Tha mạng cho ông là một sự nhân từ tối đa mà ông có thể mong đợi ở chính quyền bảo hộ... Người ta quyết định giam ông ở Algérie.... Và đối với người An Nam, một người An Nam ở địa vị đó, sự đi đày còn tệ hơn là chết nữa; ... và chuyện đáng sợ, ... là ông có thể tự hủy mình bằng cái chết trước viễn ảnh của một sự đi đày." (Baille, op. cit., 159-160)

F. Vai trò của Thái Hoàng Thái Hậu Từ Dũ trong kế hoạch Triều đình lưỡng phân

Việc Vua Hàm Nghi đi cùng với ông Thuyết để lãnh đạo Phong Trào Cần Vương là một kế hoạch chung của Triều đình, có thể được thấy ghi nhận ngay trong chính sử, mặc dầu các sử quan viết bộ Đệ Tứ Kỷ về giai đoạn Kiến Phúc - Hàm Nghi đã phải gọt dũa, thích ứng ý tứ và văn từ theo sự đòi hỏi của tình thế. Để che chở cho Triều đình ở lại , giúp họ đối phó với phía Pháp, bộ sử đã cố ý đổ tất cả tội lỗi trên đầu một mình ông Thuyết: Vua còn vị thành niên và mọi người khác đều bị ông Thuyết ép buộc, hay đánh lừa; thay vì nói ông Thuyết "phò" vua đi kháng chiến thì nói là "ép" vua đi; thay vì gọi hai ông phụ chính là [cố mạng] "lương thần" hay "huân thần" thì là gọi họ là "quyền thần," hay "nghịch thần," "cường thần." Chính sử đã nói rõ rằng cách trình bày này đã được qui định trong phần "phàm lệ," mà sử quan phải tuân theo, như đã kể trên. Vì lý do đó, sử nói không ăn khớp với nhau ở nhiều chỗ. Chẳng hạn, ở một chỗ thì sử nói có vẻ như là NVT không hay biết gì về việc ông Thuyết tấn công quân Pháp (ĐNTL, XXXVI, 220), nhưng ở chỗ khác thì ghi lại bản tấu của NVT gởi Tam Cung ở Quảng Trị xác nhận rằng .... ***thần phải tuân theo sắc văn, đem thân lăn lộn ở đây, cùng với quan Pháp đi lại, vì bản tâm của thần, nguyền cùng với xã tắc mất còn, không dám lìa bỏ vậy." (Ibid.,*** 221) "Sắc văn" mà NVT phải tuân theo ở đây là sắc văn nào? Nó không thể là lệnh miệng của Đức Từ Dũ, trước khi rời hoàng thành, bảo NVT ở lại thương thuyết, và cũng không thể là bản dụ Vua Hàm Nghi gởi ủy cho NVT điều đình sau khi đã rời hoàng thành hơn một tuần. **Vậy nó phải là một văn kiện đã có trước khi ông Thuyết tấn công, và ra lệnh cho NVT ở lại, tức có sự xếp đặt trước.** Chính sử cũng nói rằng trong bản tấu đó [được đóng với dấu của Khâm sứ Pháp, vì lúc đó NVT bị giam ở nhà Thương Bạc, NQT ct.], NVT có trách cứ Tôn Thất Thuyết đã lừa mình đưa xa giá vua và Tam Cung đi Quảng Trị (Ibid.), và chính bà Từ Dũ cũng công khai phàn nàn như vậy trong một bản dụ (Ibid., 230). Nhưng khi ra đến Quảng Trị thì chính Đức Từ Dũ, sau khi nhắc thầm NVT

ở lại điều đình (Ibid., 230), đã xếp đặt cho Vua đi với ông Thuyết, còn Tam Cung thì ở lại Quảng Trị đợi tin NVT. Về việc này chính sử không nói rõ chi tiết, để tránh sự rắc rối cho Bà Từ Dũ đối với phía Pháp, nhưng Bà Nguyễn Nhược Thị, thư ký riêng của Thái hoàng Thái hậu, đã kể khá rành mạch như sau, khi vấn đề đi sơn phòng được đặt ra:

. . .
Phán rằng: "Ta vốn đã liều,
Huống đem xách cả đi theo thêm phiền.
Hãy phò thiếu chúa cho yên,
Mặc ai ở lại chỉ truyền khá vâng."
. . .
Rằng: "Tàu tây tới biên giang,
Xin hầu chúa thượng kịp toan tiến hành."
Nghe lời cũng dạ hãi kinh
Ngập-ngừng thiếu chúa bái trình xin đi.
Khôn cầm nước mắt biệt ly:
Ân-cần huấn dụ khá ghi trong lòng.
Dặn-dò lời nọ chưa cùng,
Gửi đồn xin chớ thong-dong trễ-tràng.
Tạ từ lên võng vội-vàng,
Quan quân ủng-vệ trông đường ruổi mau.
(Hạnh Thục Ca. Sài gòn: Tân Việt, 1950, 42-3, NQT nhấn mạnh)

Đại úy Gosselin, dựa vào các cuộc phỏng vấn các nhân chứng, đã xác nhận đoạn thơ nói trên của bà Nguyễn Nhược Thị. Theo lời ông, lúc triều đình di tản ở thành Quảng Trị, có một cuộc họp của các nhân vật tối cao để quyết định việc ai đi, ai ở lại. Kết quả có sự đồng ý là:

" Vua và ông Thuyết, vài vị quan lớn .... và quân đội .... sẽ tiếp tục đi lên miệt bắc; nhưng các hoàng hậu, hoàng phi, hoàng thân, ... mà sự hiện diện sẽ gây trở ngại cho cuộc kháng chiến dự định, sẽ trở về kinh thành." (Gosselin, op. cit., 214)

Sau khi về đến Huế, bà Từ Dụ, nhân danh Tam Cung, ra dụ, một mặt, để đối phó với phía Pháp, công kích ông Thuyết "chuyên quyền làm bậy," "ép xe vua ra chơi," mặt khác, lại đề cao cuộc chính biến đêm 22-5 âm lịch do ông Thuyết khởi xướng:

".... Từ điều ước tài định đã được phân minh, khiến nước Pháp trước tự bại hòa gây biến, thì phàm ai ở đất vua, cũng đều thù ghét, ai bảo là không nên. ***Không gì bằng cuộc nghĩa cử đêm 22 tháng 5 năm nay, ...*** *"* (ĐNTL, XXXVI, 244, NQT nhấn mạnh). Cách nói "hai mặt" đó cũng được Quốc Sử quán áp dụng trong thể lệ viết bộ Đệ Ngũ Kỷ, một mặt nói trong phàm lệ 4 rằng "Việc gì do ý riêng của quyền thần thì cứ việc chép thẳng, để tỏ những điều trái phép của bọn chúng," một mặt, trong phàm lệ 5 tiếp theo liền đó, thì lại nói rằng tất cả những gì xảy ra trong hơn bốn tháng từ ngày thất thủ Kinh đô, 23 tháng 5, cho đến ngày mồng 1 tháng 10 năm Ất Dậu [1885] đều vẫn được xem như là còn thuộc năm Hàm Nghi thứ Nhất, mặc dầu vua Đồng Khánh đã lên ngôi ngày 10 tháng 8, vì "*... **phương nam phương bắc đều vâng dụ vua Hàm Nghi dấy quân cần vương, những kẻ khởi sự đều cầm nắm làm cờ để khởi binh."*** *(Ibid.,* 15, NQT nhấn mạnh)

Câu chuyện Bà Từ Dũ tích cực tham gia vào kế hoạch chống Pháp của hai ông Phụ chánh và Triều đình nói chung, còn dài. Ngày 14-9-1885, hơn một tuần sau khi các ông Tường, Duật, và Đính bị đưa đi đày, Tướng De Courcy điện về Pháp rằng: "Thể theo lời thỉnh nguyện khẩn khoản [voeux réitérés] của hoàng gia và của Hội đồng Cơ mật, và với sự chấp thuận của chính phủ Pháp," Hoàng tử Chánh Mông đã được tôn vương, là vua Đồng Khánh. (Gosselin, op. *cit.,* 221) Cùng ngày đó bên phía Việt, có một dụ của bà Từ Dũ công bố việc này và nói ám chỉ rằng sở dĩ chuyện đó phải được làm là vì áp lực của Pháp và của thời thế:

" ... Nay tiếp triều đình Đại Pháp điện báo rằng: cần có vua chúa mới trả thành trì ...Đại Pháp đô thống bảo hộ Đại Nam quốc toàn quyền đại thần Cô-ra-xi, trú kinh khâm sứ đại thần Tham-bô, nhiếp lý quốc chính Thọ Xuân vương Miên Định, Cơ mật viện đại thần Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình và bọn văn võ đình thần ở tôn nhân phủ tuân dụ xin rước lập con thứ hai của Dực Tông Anh hoàng đế là Kiên Giang quận công Ưng Kỷ làm tự hoàng đế ... Khi vua Hàm Nghi trở về sẽ lại tập phong công tước, để thừa tự Kiên quốc công...." (ĐNTL, XXXVI, 249-250; Gosselin, op. cit., 221-3)

Nỗi đau xót của bà Tự Dũ lúc đó đã được Đại úy Gosselin thông cảm:

"Bà hoàng mẫu đau khổ ấy, mẹ vua Tự Đức, đã phải tự trách mình biết bao khi thốt ra những lời lẽ như vậy. Cần phải vì lý do quốc gia trọng đại ... bà mới đành tuyên bố phế bỏ ông Hàm Nghi bất hạnh mà bà yêu mến. Chúng tôi được biết từ một nguồn tin rất đặc biệt, cung cấp bởi những người, cho đến những ngày sau này, được

cái vinh dự gần gũi với người đàn bà cao quí ấy trong một bầu không khí thân mật, rằng bà đã hết sức đau khổ trong suốt quãng đời còn lại của bà. ***Mỗi khi bà nói đến, hay nghe ai nói đến, tên Hàm Nghi, là bà rơi lệ dầm dề. Bà mất . . . năm 1901, . . . đui và điếc từ nhiều năm, lúc 94 tuổi"*** *(Gosselin, op. cit.* 223).

Vì vậy, khi vua Hàm Nghi khẳng định trong Dụ "Thiên hạ Cần Vương" rằng "Phàm những người đã được cùng dự chia mối lo này, tưởng cũng đã biết cả." (Bản dịch của Chu Thiên, Thơ Văn Yêu Nước nửa sau thế kỷ XIX [1858-1900]. Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1976, 522), thì Đức Thái hoàng Thái hậu Từ Dũ phải được kể là một người "dự chia mối lo" quan trọng vào bậc nhất! Đó là chưa kể đến chuyện, vài tháng sau khi Toàn quyền Paul Bert qua thay Tướng de Courcy vào đầu năm 1886, bà đã ủy cho ông Phan Tôn, con ông Phan Thanh Giản, vô Sài Gòn vận động việc sửa đổi lại hiệp ước, dành cho người Pháp rộng quyền ở Bắc Kỳ để đổi lại sự tự trị tối đa cho Trung Kỳ, nhưng không thành (Devillers, op. *cit.*, 322-334; Nguyễn Thế Anh, Monarchie et fait colonial au Viet-Nam [1875-1925]. Paris: Éditions L'Harmattan, 1992, 135-143). Cuộc vận động này có thể là một cố gắng tiếp tục tìm kiếm một trong những thế hòa mới mà NVT, ít lâu sau ngày Kinh thành thất thủ, đã trình trong một bản tấu không đề ngày lên Tam Cung:

"Rằng biết nhu biết cương lo đến cái thời và sự vật để tính kế ngày nay thì chỉ lấy vẻ mặt tươi cười mà chờ nắm tay hung bạo, mở sự thành thực để thông suốt đá cứng. Tuy không có thể được mạnh nhưng còn có thể được lâu. Nhà Chu dời về phía đông còn có hiệu lệnh thể thống gì mà có thể kéo dài việc phụng thờ tới 300 năm, chẳng phải là không dùng đường lối ấy chăng." (Bản tấu "Bề tôi có tội là Nguyễn Văn kính tâu")

Tóm lại, nếu mọi sự xảy ra như vậy thì những câu chuyện nói ông Thuyết ép vua Hàm Nghi đi, đòi chặt đầu vua khi vua đòi về, hay vua nhắn với một linh mục nhờ quân Pháp giải thoát vua, đều là các câu chuyện "tiếu lâm" chẳng khác gì chuyện NVT tư thông với bà Học Phi để rồi đầu độc vua Kiến Phúc mà chạy tội. Các chuyện này hầu hết đều do các thừa sai Pháp dựng ra vì mục đích chính trị. Vì vậy, không phải vô cớ mà ông Khâm Sứ Rheinart, một tay thực dân nặng ký, sau khi nhận được quá nhiều tin tức tương tự do các vị này cung cấp, đã phải ghi trong nhật ký của mình:

"...Những tin tức do các vị thừa sai cung cấp không bao giờ chính xác và thường hay không đúng sự thật." [Les renseignements donnés par les missionnaires ne sont jamais précis et sont souvent inexacts.] ("M. Rheinart..." BAVH, số 1 & 2, 1943, 33).

Charles Fourniau, trong một công trình nghiên cứu rất giá trị và công phu mới ra năm 2002 dẫn trên, đã tóm lược nguyên nhân quan trọng của các sự hiểu lầm của người Pháp về Việt Nam do các vị thừa sai gây ra, như sau:

" ... phần chủ yếu của những kiến thức ít ỏi mà người Pháp có về nước này được cung cấp do các thừa sai của Hội Truyền Giáo Hải ngoại [Société des Missions étrangères] ở rải rác trong nhiều vùng trong vương quốc, đôi khi đã từ nhiều năm, và nói tiếng Việt. Nhưng nguồn tin tức đó thường đáng nghi ngờ [souvent douteuse]. Rigault de Genouilly đã nếm cái kinh nghiệm ác nghiệt [cruelle expérience] do sự sai chậy của các tin tức do 'các ông ấy' ['ces Messieurs'] cung cấp, và đã biết cách hồ nghi. Bonard, cũng vậy, và còn có thái độ thách thức đối với họ. Mặc dầu vậy, hình dung tổng quát mà người ta quan niệm về nước An Nam vẫn phản ảnh cái hình dung mà các thừa sai đã và tiếp tục cung cấp cho họ. Như thế, các thừa sai nuôi dưỡng mãi cho đến cuối thế kỷ thứ 19 cái ý niệm một sự đối nghịch lưỡng phân, làm nền móng cho chánh sách của Pháp: sự đối nghịch giữa Bắc Kỳ và Trung Kỳ .. **.và sự đối nghịch giữa dân chúng và các quan lại.** . . . Ý niệm Bắc Kỳ bị Trung Kỳ đàn áp là tiếng vọng của mối thù hiềm của những kẻ hướng về nhà Lê còn sót lại, mà các giáo sĩ đã ủng hộ. Còn về sự đối nghịch giữa quan và dân, mà nói chung cũng đã được giới thực dân xem như là chân lý vĩnh viễn ... đã không còn giá trị nữa trước nạn ngoại xâm. Dù sao, các quan niệm méo mó đó đã trở nên thuận lợi cho kẻ xâm lăng được đưa đến với sứ mạng giải phóng cho một số dân chúng bị áp bức, trong lúc chờ đợi 'giải phóng' Bắc Kỳ. Do vậy, các ý niệm đó trở thành trường cữu, mặc dầu kinh nghiệm trái ngược lại. Rồi kinh nghiệm này lại bị làm sai lạc bởi sự khinh bỉ hầu như là phổ thông mà quân nhân và công chức Pháp bày tỏ đối với dân chúng Việt Nam..." (Fourniau, Vietnam, 103-4, NQT dịch và nhấn mạnh).

(Còn tiếp)

MƯA Sàigòn MƯA Seattle

Sáng nay ra phố gội đầu
Giọt mưa sợi tóc ôm nhau khóc òa
(tmt)

TRẦN MỘNG TÚ

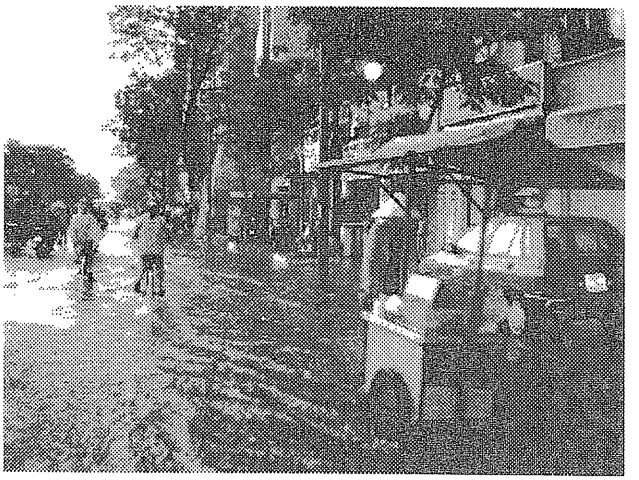

Mưa Sài Gòn

Khi chúng tôi rời California tìm một nơi có đời sống thong thả, yên ổn để nuôi các con, chúng tôi rơi ngay vào một vũng nước mưa: Thành phố Seattle của bang Washington. Lúc nào ông trời Seattle cũng mưa được. Không mưa sáng, thì mưa chiều, không mưa chiều thì mưa tối. Vào mùa Hạ thì thỉnh thoảng mới có một hôm nắng nguyên ngày. Tối hôm trước đi ngủ, bầu trời đêm cao thăm thẳm, trong veo, không một gợn mây, thế mà nửa đêm thức dậy nghe như có tiếng ai gõ nhẹ trên mái gỗ, lắng nghe một lúc biết là trời bắt đầu mưa.

Tôi nằm im lặng nghe mưa.

Tôi sinh ra ở Việt Nam, một nước thuộc miền nhiệt đới, tôi được lớn lên giữa miền Nam mưa nắng hai mùa, giữa những cơn mưa bất chợt ập xuống mùa hạ chói chang, và một mùa mưa kéo dài sáu tháng, mưa trở thành một người bạn thiết, một nỗi thân quen. Có những kỷ niệm ướt sũng nước mưa, chẳng làm sao lau khô được, nên mưa trở thành một nhắc nhở hiện tại. Tiếng mưa Sài Gòn không giống tiếng mưa Seattle. Nó đập ầm ầm thẳng thốt trên mái nhà, nhất là những mái nhà tôn. Ban đêm nó đánh thức giấc ngủ của ta, lôi ta ra khỏi những cơn mộng, hay thức dậy để tiếp tục những yêu thương, hờn giận, để hoàn tất những công việc của ngày qua chưa làm hết. Ban ngày đôi khi nó như một ân sủng của trời trút xuống, gột rửa bao bực nhọc, làm mới lại và xóa hộ những điều không muốn giữ. Nhưng mưa lớn cũng là nỗi hãi hùng của những người buôn thúng, bán bưng, nỗi lo âu của người chủ gia đình không mang về đủ một bữa cơm có thịt, có cá chiều nay. Ở cơn mưa trung bình, tiếng rơi lộp bộp trên những tầu lá chuối , một âm thanh đều đều như âm nhịp đệm của nhạc, lắng nghe nó cho ta cái cảm tưởng được nhàn nhã, thư thái. Khi mưa nhỏ hạt, tiếng róc rách trên mái nhà lá vừa thơ mộng vừa buồn bã; nghe mãi, mê lúc nào không biết.

Tôi nhớ những lần đi học về, nếu lỡ một trong hai chuyến xe buýt, phải đi bộ từ trường về nhà. Quần áo trắng ướt sũng, cặp sách ôm che ngang ngực con gái mới lớn, chạy vội vàng trong buổi chiều, sợ ai nhìn xấu hổ. Ở tuổi 16, 17 ít khi bị cảm, bị lạnh. Về đến nhà mẹ bắt thay quần áo, uống một ly trà nóng, lau khô mái tóc, là ấm người ngay.

Khi lớn hơn chút nữa, những lần đi chơi với người yêu gặp trời mưa, hai người che chung một cái áo mưa, hay một cái dù. Vừa bối rối, vừa sợ, vừa hạnh phúc. Chỉ sợ ướt cái áo dài mỏng, nhưng lại mong sao con mưa đừng tạnh, và con đường đừng hết.

Ôi những cơn mưa chợt đến chợt đi trong khí hậu nóng ẩm làm mặt đường bốc khói, mực nước trời trút xuống rộng lượng quá, làm ngập lụt những con đường không thoát nước, ta như được bơi trong một giòng sông ngọt ngào, ngắn hạn!

Bây giờ vào những buổi sáng ở Seattle, đi ra đường gặp cơn mưa lớn hiếm hoi, nghe tiếng mưa rơi trên hàng cây xanh mướt, những chùm lá sạch sẽ, sự rung động êm ả thanh bình thì những cơn mưa vùng nhiệt đới xa xăm với những tiếng đập rộn ràng lại khua vang trong đầu. Mưa lớn ở Seattle chỉ là những cơn mưa nhanh hạt, tiếng gió, tiếng lá chạm vào nhau, có òa ra thì cũng chỉ to bằng tiếng khóc. *Sáng nay ra phố gội đầu/ Giọt mưa sợi tóc ôm nhau khóc òa.* Tôi đã quen lắm với mưa Seattle, cũng

thân thiện với mưa, vì mưa đi bên tôi hầu như mỗi ngày. Nhờ mưa Seattle tôi thấy quý báu sự hiếm hoi của mặt trời rực rỡ, và trong mắt tôi, bầu trời trên mái nhà tôi cao và xanh hơn bầu trời của những nơi khác, vườn nhà tôi mưa tinh khiết và mưa lãng mạn hơn ở bất cứ nơi nào.

Nhưng vào những ngày mưa kéo dài cả tuần lễ, thì những giọt mưa âm thầm lặng lẽ giai giẳng chẩy xuống như những dòng lệ mầu xám trong một bức tranh sơn dầu, nhắc tôi nhớ đến một bức tranh nằm sâu trong tâm khảm: Một chiếc phà chở áo quan từ từ tách bến Sàigon qua bên kia Thủ Thiêm, trên nóc áo quan ướt sũng một lá quốc kỳ sô lệch trông như một chiếc chăn vàng ố cũ rách, bát nhang tắt ngấm vì nước mưa, người lính đi tháp tùng đứng im lìm như một pho tượng của ngàn năm cũ. Mưa thản nhiên rơi rên áo quan, rơi trên đầu, trên cổ người lính từng giọt, từng giọt. Tôi đứng nhìn ông Trời họa sĩ vẽ tranh vào không gian. Mầu xám của nền trời căng ra như một khung vải, chiếc áo quan phủ quốc kỳ sộc sệch, người lính đứng bên mặt lạnh, xanh tái như mầu áo trận, chiếc phà cũ kỹ bạc phếch. Tất cả được họa sĩ Trời mang vào trong tranh, dưới một gam mầu lạnh. Tôi mang theo bức tranh này trong suốt mấy chục năm ở quê người, đó là tài sản duy nhất sót lại của đời người di tản.

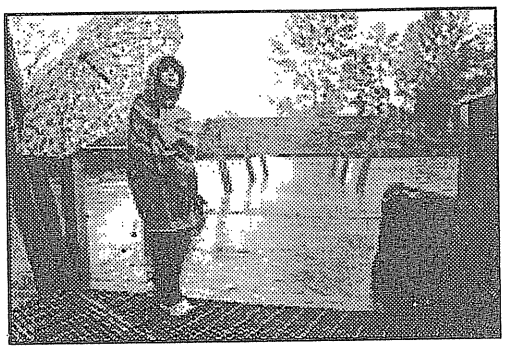
Mưa Seattle

Ngày tôi đến trại Pendleton cũng vào một đêm mưa. Mưa không to lắm, nhưng khí hậu sa mạc của Calif. về đêm làm mọi người lạnh cóng. Trẻ con, người lớn và ngay cả người già cũng đều được phát cho một chiếc áo lính cùng một cỡ để mặc cho ấm. Trong đêm tối, chúng tôi trông như những bụi cây không đều nhau, biết đi. Chúng tôi đứng xếp hàng chờ nhận lều, giơ tay vuốt mặt, ướt sũng nước mưa và nước mắt.

Ngày tôi lấy chồng cũng vào một ngày mưa. Ở Calif. giữa tháng chín mà mưa có lạ không! Theo phong tục Mỹ, cô dâu chú rể vừa bước ra ngưỡng cửa nhà thờ người ta tung gạo như mưa vào người để chúc may mắn. Ở quê tôi người ta chỉ ném gạo theo sau những chiếc áo quan vì sợ người chết bị đói. Mẹ tôi (dù là người công giáo) thấy giữa đám cưới mà bị ném gạo thì hoảng quá giơ tay ngăn lại. Tôi nghĩ cả hai phong tục điều hay cả. Nếu lấy nhau mà không được nuôi bằng tình yêu thì cũng bị đói vậy. Cơn mưa nào cũng mang theo ý nghĩa của nó.

Chị em tôi ở Mỹ lâu lắm rồi, lâu đến nỗi thỉnh thoảng nghĩ đến bàng hoàng cả người. Vì tính ra khoảng thời gian mình ở Mỹ đã dài bằng khoảng thời gian ở cả Hà Nội và Sài gòn cộng lại. Thế mà chúng tôi vẫn hay nhắc đến những cơn mưa ở quê nhà. Chúng tôi hay nói: Tối qua mưa nặng hạt và to tiếng như mưa ở Sài Gòn, hay mưa rả rích mấy ngày liền như thế này thì có kém gì Huế! Nhưng ở đây lâu thế mà sao không thấy ai hứng nước mưa để uống, để pha trà nhỉ? Người kỹ tính lắm thì cũng chỉ pha trà bằng nước bán trong chai. Tôi nhớ ngày trước, nhà tôi có căng một miếng vải màn trắng trên miệng một chiếc vại để ngoài sân hứng nước mưa uống quanh năm. Người Việt sang đây dần dị hóa đã bỏ hết những chuyện uống cầu kỳ này.

Mưa ở Seattle làm cho những dẫy núi bao bọc chung quanh thành phố trông tinh khiết và cao cả hơn lên, những cây tùng cây bách giữ mãi một mầu xanh thẫm, chạm tay lên lá, lá mịn màng, trong sạch như thiếu nữ mới lớn, mưa làm nước hồ thăm thẳm mềm mại như một giải lụa. Tiếng chim hót trong mưa thánh thót hơn, con sóc, con chồn lúc nào cũng có một bộ lông còn mới dưới mưa. Và hình như sống ở nơi có nhiều mưa con người điềm đạm và bao dung với nhau hơn. Tuổi trẻ thì dản dị, tự nhiên. Tôi đã thấy những học sinh trung học ở đây đứng thản nhiên hôn nhau dưới mưa trước cổng trường.

Ôi những cơn mưa ở hai đầu trái đất! Mưa Sài Gòn và mưa Seattle. Cũng chỉ là những đám mây tụ lại, rồi rơi xuống. Nhưng khi rơi trên nóc một chiếc áo quan của người lính, trên chiếc áo dài trắng của cô học trò trung học, trên mái tóc của hai người yêu nhau, trên vai áo của người tỵ nạn Việt Nam, nó khác biệt thế nào so với khi rơi xuống trên những cành thông ở Seattle hay giữa một đám cưới ở California? Và khi vẽ mưa trong những bức tranh ở những nơi khác nhau, người ta có vẽ cho nó những hình thể khác nhau, chọn những gam mầu khác nhau?

Ước gì có ai vẽ được linh hồn của những giọt mưa!

Tháng 7/03/03

NGƯỜI HỌA SĨ GHI LẠI SINH HOẠT ĐƯỜNG PHỐ SÀI GÒN

HỒ THÀNH ĐỨC

Từ nửa sau thập niên (19) 50, một cô gái trẻ tuổi hàng ngày đi khắp các nẻo đường của đô thành Sài Gòn để sáng tác, và sau này đã thành một họa sĩ tên tuổi. Đó là Bé Ký.

Từ ngoài Bắc vào Nam theo cuộc di cư 1954, cô gái trẻ ấy hàng ngày giản dị mặc một bộ bà ba trên người, tay ôm một cặp giấy, đi bộ khắp nơi quan sát rồi ghi lại những sinh hoạt của giới lao động bình dân của thành phố Sài Gòn. Dùng mực tàu và với lối vẽ tốc họa, cô vẽ em bé đánh giày, người đạp xích lô, thợ hớt tóc bên đường, xe phở đêm, gánh hàng rong, xe thổ mộ, chợ chồm hỗm, mẹ đưa con đến trường, cụ già viết câu đối Tết, bà già ăn xin... Tranh của cô giản dị như đời sống của cô, nhưng những gì cô ghi lại thì vô cùng linh hoạt và sống động, phản ảnh cả một mảng đời sống vỉa hè Sài Gòn của

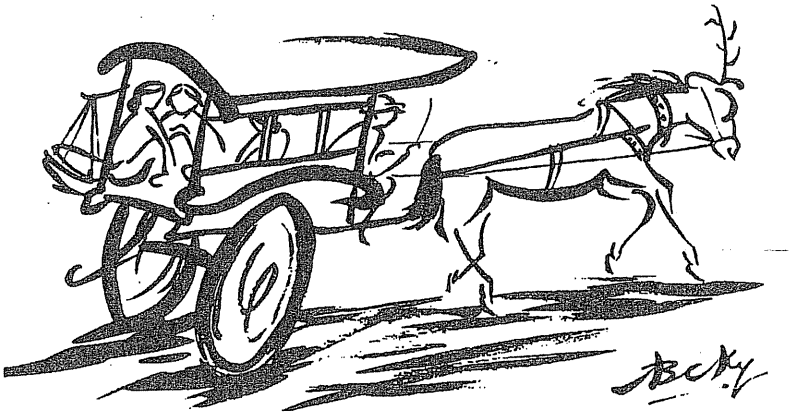

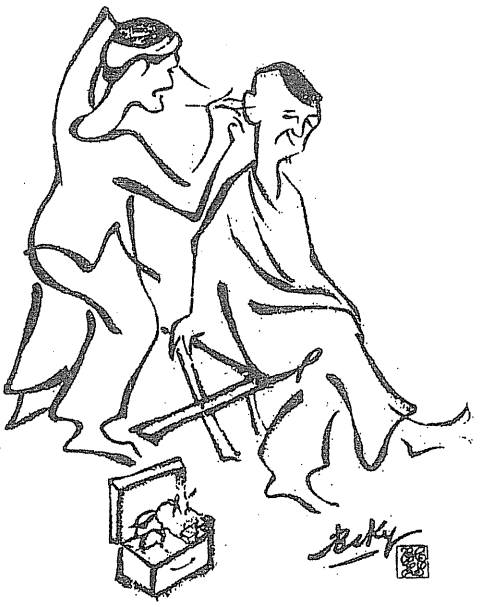

thu hút một đám đông quanh cô trong khi cô sáng tác: du khách, quân đội viễn chinh, khách bộ hành, trẻ con... Trước khi thưởng thức tính chất nghệ thuật của những bức tranh đơn sơ chỉ mấy nét mực tàu nhưng chứa đầy chất sống, họ thưởng thức quá trình sáng tác của một bàn tay tài hoa. Người họa sĩ vẽ trên hè phố và bán tranh ngay trên hè phố! Những con đường Tự Do, Nguyễn Huệ, Bến Chương Dương v.v... đã biết bao phen vừa là nơi sáng tác, vừa là phòng

một thời. Đó là đời sống của những người nghèo, nhưng sự sinh động của các bức tranh luôn cho người xem cái cảm tưởng "cảnh nghèo nhưng rất vui."

Lối vẽ ghi nhanh tại chỗ của Bé Ký thường

triển lãm và cả vai trò... thị trường tranh của Bé Ký.

Bắt đầu nổi tiếng từ năm 17 tuổi, cả cuộc đời Bé Ký chỉ vẽ và vẽ, cả ngàn bức tranh về Việt Nam, cả trăm bức về Sài Gòn. Có lẽ không một họa sĩ Việt Nam nào đã ghi lại nhiều hình ảnh của đời sống Sài Gòn bằng Bé Ký. Biết bao nhà văn nhà thơ, nhạc sĩ và nhà nghiên cứu đã có tác phẩm về Sài Gòn, nhưng vẽ lại sinh hoạt của đông đảo đám bình dân với bao nét thực tả những vẻ dí dỏm, đằm thắm, hồn nhiên... thì chỉ một mình Bé Ký. Mệnh danh Bé Ký là họa sĩ của đường phố Sài Gòn hẳn không sai. Cả cái hồn của một thời đã nằm lại trong tranh của cô.

Mười lăm năm sau khi cùng gia đình sang định cư tại Mỹ, Bé Ký đã về thăm lại Sài Gòn: con sông xưa, thành phố cũ, cảnh vật trong tranh sinh hoạt trước kia dường như vẫn còn nguyên, nhưng khi đi thăm đất nước mới thấy "tranh Bé Ký giả" bày bán khắp nơi! Được hỏi nghĩ sao về điều ấy, trả lời: không buồn, không vui! Rất nhiều khách hâm mộ tranh Bé Ký của Sài Gòn xưa nay thấy "tranh Bé Ký" với nét vẽ mang nhiều chất Việt Nam thì họ vẫn mua, dù họ biết đó là tranh giả.

Midway City tháng Ba, 2004

Quán cơm bình dân Cầu Ông Lãnh

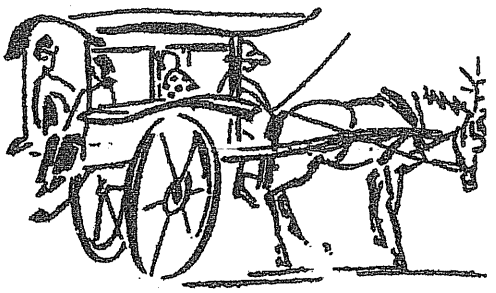

Xe lôi máy 3 bánh

Hàng cá Chợ Trần Quốc Toản

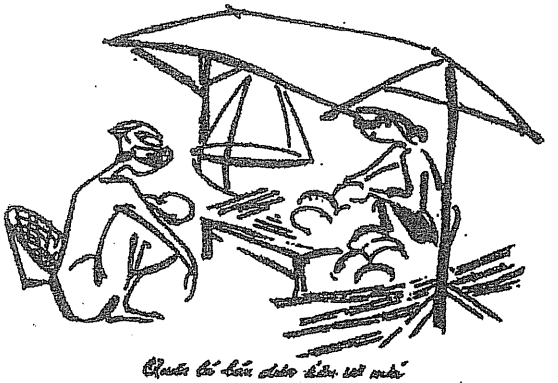

Quán bò bún dưới chân cầu mới

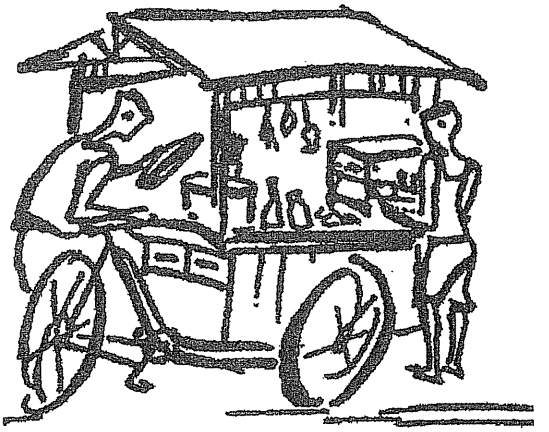

Xe lôi kéo và mì hoành

Xe kem Chợ Cũ

Tôi về Saigon năm 2003

TRẦN TRIỆU HOÀNG

Tôi đến Saigon vào giữa mùa mưa và vào lúc Việt Nam đang chuẩn bị đón SEA Games.

Cả nước nhộn nhịp nào vận động tài chánh, nào xây cất sân vận động, làm đẹp thành phố, xóa bỏ lao động thiếu nhi. Người ta dọn dẹp lòng, lề đường, sơn phết mặt tiền những nơi dự tính sẽ có nhiều du khách qua lại. Xây các bồn hoa. Những cây to trên đường Nguyễn Huệ, Lê Lợi... được trang hoàng bằng cách quấn quanh thân cây, ở lưng chừng, chứ không phải trên mặt đất, bằng hàng loạt nhiều chậu cây cảnh thành vòng khít nhau, làm cho thân cây có vẻ nặng nề và không mỹ thuật. Để làm đẹp thành phố, người ta còn tìm cách dẹp những thiếu nhi kiếm ăn trên hè phố bằng mỹ từ "Xoá bỏ lao động thiếu nhi."

Những trẻ em nghèo khó, những cô nhi phải đi ăn xin, đánh giầy, bán bánh kẹo, bán báo... đã có và vẫn có từ lâu, nhà nước có bao giờ nghĩ tới phải làm gì giúp các trẻ nhỏ đó đâu. Bây giờ sợ mất mặt với du khách đến coi và vận động viên tham dự SEA Games, mới tìm cách giấu trẻ em nghèo kiếm ăn trên đường phố bằng khẩu hiệu "xóa bỏ lao động thiếu nhi." Ở Hà Nội thì người ta đuổi hàng ngàn sinh viên ra khỏi Làng Sinh Viên lấy chỗ cho quan khách và vận động viên tham dự SEA games. Khắp nơi bích chương biểu ngữ, với các khẩu hiệu đao to búa lớn đến xấu hổ. Ngay trung tâm Sài Gòn, ở công viên trên đường Nguyễn Huệ, ngay trước mặt pho tượng Hồ Chí Minh đen thui, người ta đặt hai tấm bảng lớn đỏ chót, với những khẩu hiệu thật ngớ ngẩn, quê mùa. Một bên là: *Vì cả nước, cùng cả nước, thành phố Hồ Chí Minh quyết tâm tổ chức tốt SEA Games 22 năm 2003.*

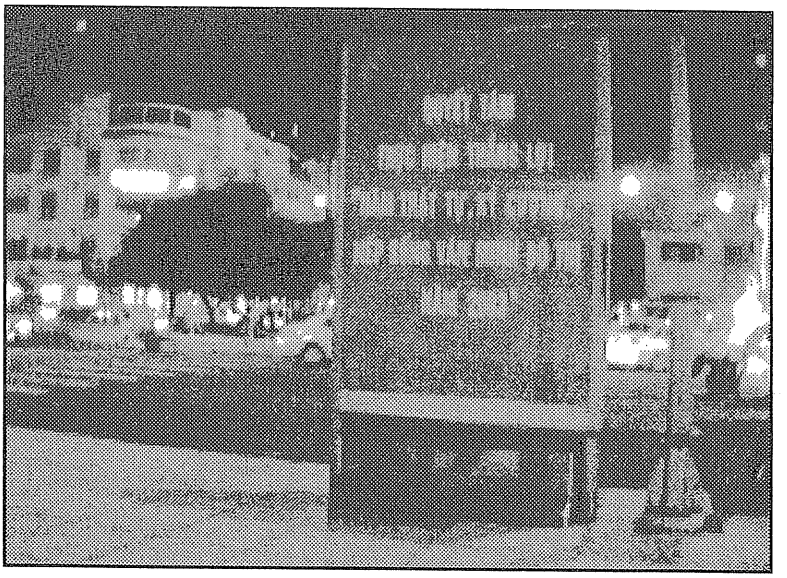

Một bên là: *Quyết tâm thực hiện thắng lợi "Năm trật tự, kỷ cương, nếp sống văn minh đô thị năm 2003."*

Tại sao phải vì cả nước mới tổ chức tốt. Cứ cái bệnh bịp bằng danh nghĩa "vì nước vì dân" lặp lại mãi. Lúc nào, ở đâu cũng "quyết tâm," với "thắng lợi." Than ôi! dân tộc VN từ hồi nào đến giờ không có trật tự kỷ cương sao? Nếp sống văn minh đô thị năm 2003 là gì vậy? Nếu có ai dịch hai câu này cho du khách ngoại quốc nghe thì xấu hổ cho dân VN biết chừng nào. Hai cái bảng lớn như vậy giữ trung tâm Saigon, tránh sao khỏi sự chú ý, thắc mắc của du khách ngoại quốc.

Khi mới về đến nhà, tôi ngạc nhiên thấy ngay ngoài đầu ngõ có bảng chữ trắng trên nền xanh dương viết "khu phố... Văn Hoá" cùng với những từ ngữ đã thành nhàm chán như "quyết tâm," "thực hiện thắng lợi," "đồng bào cả xóm," "sự nghiệp" v.v... Hỏi ra thì được biết là nhà cầm quyền đang thực hiện việc làm đẹp và lành mạnh hoá các khu phố. Dân chúng được khuyến khích giữ sạch sẽ quanh nhà và khu phố, tố cáo những kẻ lưu manh, trộm cắp nghiện hút... ẩn nấp trong khu phố. Việc này hữu hiệu đến mức nào và từ bao giờ tôi không rõ. Nhưng những

nơi tôi đến quả có sạch sẽ hơn trước. Mỗi tuần hai lần có xe đi lấy rác và quét rác dù trong hẻm nhỏ. Nơi tôi ở cũng khá an ninh. Không thấy có dấu hiệu có tệ đoan xã hội. Nhà đứa cháu, nơi tôi ở trong thời gian về VN, tôi thấy có hai lần cửa và khóa tới ba cái ống khóa. Nó nói mấy năm trước, chỉ vắng nhà một buổi về đã thấy ống khóa bị bẻ. Nên nó phải làm thêm khóa. Bây giờ thấy ít sợ hơn. Hàng xóm láng giềng lương thiện đông hơn.

Có lẽ nhờ SEA games mà các thành phố, các đô thị được làm đẹp, được mở mang. Hy vọng là có nhiều những cuộc mở của đón người nước ngoài như vậy, đất nước chắc sẽ khá hơn.

Câu chuyện trên taxi

Các tên đường đã bị đổi từ lâu. Điều này thì mọi người dù chưa về VN lần nào cũng đều biết cả. Bây giờ Sài Gòn mở rộng nhiều lắm, nhất là từ Gia Định đến Thủ Đức. Không còn những khu đất trống. Nhiều đường phố được thành hình nên cần có nhiều tên đường. Có cả một Hội Đồng Đặt Đổi Tên Đường đã được thành lập để lo việc này. Đến nay còn nhiều đường chưa có tên và nhiều tên đường đã được đổi từ ba bốn năm trước mà bảng tên đường chưa được thay. Nhiều nơi, trên bảng số nhà dân ghi một tên đường mà trên bảng của thành phố lại là tên khác. Tên đường trên bản đồ và tên đường trên đường phố cũng khác nhau. Dân chúng thắc mắc thì được ông Trưởng phòng quản lý giao thông giải thích là: Có một số tuyến đường do Thành phố quản lý, một số tuyến đường do quận huyện quản lý. Gần đây Thành phố phân cấp một số tuyến đường cho quận huyện. Cấp nào quản lý chịu trách nhiệm gắn bảng tên đường của cấp đó. Vì thế nhiều tên đường không rõ thuộc cấp nào nên không ai lo. Đúng là "lắm thầy thối ma."

Tôi có người bạn ở một tỉnh miền tây, lên Sài Gòn đón tôi đi chơi Hà Tiên, Phú Quốc. Chúng tôi lấy taxi ra bến xe đò đi lục tỉnh. Xe chạy qua đường Phan Xích Long, là một đường phố mới mở. Anh bạn tôi thấy hai bên có nhiều nhà mới xây, cao nhiều tầng thì khen dân ta làm ăn giỏi, mới đây mà đã xây cất được nhà lớn. Rồi anh thở dài than: nếu không có tham nhũng, lạm dụng quyền thế thì chắc dân mình còn khá hơn nhiều. Thấy bảng tên đường là Phan Xích Long. Anh hỏi tôi Phan Xích Long là ai? Anh ở trong nước còn không biết thì tôi làm sao biết được. Bỗng tôi nghe ông lái taxi trả lời. "Khu này trước kia còn là ruộng rau, vườn trống. Hồi đó nhà tôi ở gần đây. Phan Xích Long là thằng nhỏ, hồi Mậu thân tấn công vào thành phố, bị nhân dân tự vệ bắn chết ở gần nhà tôi. Bây giờ nó được coi là liệt sĩ, lấy tên nó đặt tên đường." (*)

Thành phố Sài Gòn bây giờ có biết bao nhiêu đường tên rất lạ, không ai biết họ có công lao gì với đất nước hay với địa phương. Tôi đi qua nhiều nơi, thấy những nghĩa trang và những đài liệt sĩ, tôi xót xa nghĩ đến những người chiến sĩ Việt Nam Cộng Hoà. Trong số những liệt sĩ được ghi ơn kia chắc là có không ít những người đã từng pháo kích vào thành phố, đặt bom trong rạp hát hay bắn vào trường học, giết chết oan bao nhiêu thường dân vô tội. Họ có công với tổ quốc, dân tộc sao? Những người chiến sĩ Quốc gia hy sinh bảo vệ miền nam, bảo vệ chế độ tự do. Họ có tội sao mà họ bị ngược đãi trong nước như vậy? Trong cuộc nội chiến tương tàn, người chiến sĩ ngoài chiến trường không ai là kẻ có tội. Họ phải được đối xử như nhau chứ. Một chính phủ thật sự vì đất nước dân tộc, phải phục hồi danh dự cho những chiến sĩ quốc gia đã bị Cộng Sản coi là ngụy, phải trả lại nghĩa trang quân đội và phải đổi lại các tên đường.

Chuyện đường phố Saigon, chuyện trời mưa, trời nắng, chuyện nhà cửa, phố xá còn nhiều. Tôi sẽ nói tới trong một bài khác. Bây giờ tôi xin nói về chuyện ăn uống ở Saigon.

Phở Hà Nội phở Saigon

Ở nước ngoài tôi vẫn thèm được ăn những món ngon Hà Thành, nhất là phở. Nên khi về Việt Nam lần đầu, đến Hà Nội là tôi đi kiếm hàng phở ngay. Tôi đã đi thử ăn phở vài, ba chỗ ở Hà Nội: phở trong tiệm có bảng hiệu để là "phở gia truyền," rất đông khách; phở rong bên lề đường, phở trong tiệm ăn loại cho du khách, chỗ ngồi lịch sự, sạch sẽ. Nhưng chỗ nào nước dùng phở cũng đầy bột ngọt, nhấp một thìa nước dùng là thấy mùi bột ngọt ngay. Có chỗ nhà hàng cho bột ngọt ngay trước mặt khách, không phải bằng đầu tăm mà bằng một cái thìa nhỏ. Người Hà Nội bây giờ ăn phở mà không thấy có bột ngọt thì không cho là ngon. Tôi đã thấy có người còn nài nhà hàng cho thêm bột ngọt. Tôi đâm sợ phở Hà Nội. Tôi bị thành kiến với ba chữ 'phở Hà Nội.' Vào Sài Gòn cứ thấy chỗ nào đề phở bắc Hà Nội là tôi tránh. Phở Sài

Gòn ngon và ít bột ngọt hơn so với Hà Nội. Tuy nhiên người ăn để ý thì vẫn thấy cái vị bột ngọt trội hơn vị nước dùng hầm với xương và thịt. Có nơi, tô phở vừa bưng lên đã thấy sực mùi hồi. Một bát phở ngon không thể có mùi gì khác hơn mùi thơm của nước dùng phở, của thịt nạm và của rau mùi. Ở hải ngoại, khi ăn phở ở tiệm không mấy khi ta được ăn tô phở chín nạm với mùi thơm của thịt nạm. Thịt thường được giữ lâu trong tủ lạnh nên mất hết mùi thơm của nó. Phở gà lại càng ít chỗ ngon. Tôi vẫn muốn được ăn tô phở trên quê hương mình để được thưởng thức tất cả cái hương vị, cái không khí đặc biệt trong tiệm phở. Tuy luộm thuộm, nhưng mọi thứ đều sạch sẽ, khô ráo. Cái không khí trong tiệm có chút gì thân mật. Khách ăn tuy không quen nhau nhưng hình như không xa lạ. Người ta ăn uống từ tốn hay vội vàng nhưng cũng không ồn ào quá. Trò chuyện vừa đủ nghe với nhau. Chỉ có tiếng người hầu bàn hô gọi phở cho các bàn và tiếng người làm phở kêu đem phở đi. Người ta không cần đưa thực đơn và giấy bút, vẫn biết bàn nào kêu cái gì và giá bao nhiêu. Nhưng tôi đã không gặp lại được cái không khí đó nữa. Điều đó cũng tự nhiên thôi. Có ai tắm hai lần trong một dòng sông đâu. Tôi bỗng nhớ phở gà Nam Xuyên trên đường Trương Tấn Bửu. Tôi chưa ăn phở gà ở đâu ngon như vậy. Bánh phở thái thật đều, nước dùng thật trong, không một chút lợn cợn. Miếng thịt gà vàng và thơm. Da gà, đầu cánh, phao câu béo ngậy mà dòn. Miếng chanh thái khéo. Muốn ăn tô phở phao câu, cánh gà thì phải là khách quen và phải đến sớm. Trễ là hết. Lần về đó tôi có đến chỗ tiệm phở Nam Xuyên cũ, nhưng tiệm không còn nữa.

Thấy tôi có vẻ "hoài cổ " quá, một anh bạn tôi đưa tôi trở lại phở Công Lý, (đường Công Lý bây giờ đã mang tên khác, nhưng tiệm phở trong cư xá công chức trước kia, đối diện với chùa Vĩnh Nghiêm, vẫn còn đó, không biết bây giờ người ta gọi nó tên gì, chúng tôi quen gọi và hiểu với nhau là phở "Công Lý" là đủ rồi) chúng tôi muốn tìm lại cái không khí, cái hương vị của phở và của cà phê ngày nào. Sau khi ăn, cả hai chúng tôi đều lấy làm tiếc. Từ hương vị phở đến thịt, đến cà phê và cách phục vụ đều đã theo thời của nó. Chỗ ngồi chật chội và ồn ào quá. Năm nay trở lại, tiệm đã khác trước, hình như đang phục hồi cái ấm cúng ngày xưa. Chỗ ăn cũng được mở rộng ra thêm. Nghe nói người chủ cũ, tuổi đã cao, giao cho con trông coi tiệm, lại trở ra trực tiếp trông nom. Tiệm bây giờ rộng rãi, sạch sẽ và ít ồn ào hơn. Cà phê không còn đặc keo, đặc quánh và quá nhiều đường, nhất là lại có sẵn bình nước sôi để khách pha chế tùy ý. Trước kia, muốn xin chút nước sôi phải đợi dài cổ ra. Ngoài ra lại thấy có một thùng để đổ rác, không có cảnh vất rác xuống đất như ở Hà Nội. Người Hà Nội có một thói quen, cả khách ăn lẫn nhà hàng, là vứt giấy lau dơ và vỏ tranh, rác rưới xuống đất. Bệnh này bây giờ đã lây vào đến Sài Gòn.

Phở Sài Gòn bây giờ đã khá hơn lần tôi về trước đây. Nhiều tiệm phở nhỏ được mở ra, trong các ngõ hẻm hoặc bên đường, cũng không kém hương vị. Lần về trước tôi đã bị đau bụng mất mấy ngày vì lỡ ăn rau thơm khi ăn hủ tíu. Nên lần này tôi luôn phải cảnh giác, không dám ăn rau thơm dù rất muốn. Tôi đã quá cẩn thận. Nhiều nơi nhà hàng đã để ý rửa rau sạch sẽ. Có hàng phở gần nhà cháu tôi, tuy là nhỏ, nhưng phở ngon lắm. Bà hàng phở lại khéo nhớ thói quen của khách. Lần đầu tiên cháu tôi dẫn đến ăn phở, tôi gọi phở chín nạm nước trong. Vợ tôi thì tái nhỏ, nước trong. Lần sau thấy chúng tôi đến là bà hàng làm đúng như ý. Chúng tôi vừa có ghế ngồi xuống là nghe bà hàng đã hô: chín nạm nước trong đi này! Sau khi tô phở đặt xuống là một đĩa vừa ngò gai vừa rau mùi rửa sạch sẽ cùng với một đĩa nhỏ mấy cọng hành trần, được đem đến ngay. Về hương vị thì phở Pát Tơ hay phở Hợp Lợi cũng thế thôi. Có khác chăng là chỗ ngồi và cái tiếng có sẵn, giá lại đắt gần gấp đôi. Tiệm phở này chỉ là mặt tiền của nhà được lợp mái thêm, chỗ ngồi nhỏ hẹp, có chừng bốn, năm cái bàn và ghế thấp. Chủ nhà ở phía trong. Tiệm ở trước một trường tiểu học, mỗi sáng phụ huynh đưa con đi học thường ghé ăn phở và cho con ăn. Rất đông khách, nên ngồi cả bên hè đường. Có một ông, tôi đoán là chủ nhà, phải đem bàn ghế, loại bằng nhựa, thấp, bày ra trước hè. Khách vừa đứng dậy ông chủ nhà vội bê bàn vào trong, chồng ghế lên nhau. Có khách đến thì lại bầy ra, hỏi ra thì mới hay Công an khu phố này cấm bầy ghế bán hàng ở vỉa hè. Ông chủ cứ phải lo chạy trước, sợ khi các ông ấy đến bất chợt. Đến mười giờ hơn hay mười một giờ là hết khách. Buổi chiều đóng cửa. Ngày đầu ngồi ăn phở ở đây tôi nghe tiếng loa trong trường, giọng một phụ nữ, oang oang nhắc học sinh là nhà tiểu học sinh đã có, các

em không được vào chỗ của thầy cô. Một lát sau lại nghe phóng thanh oang oang, cả xóm nghe thấy giọng đàn ông nhắc học sinh không được dùng toa lét của thầy cô. Ngày nào người trong xóm cũng nghe loa phóng thanh từ trường, không chuyện này thì chuyện nọ.

Saigon ăn uống

Ở Sài Gòn, chúng tôi có cái vui đoàn tụ họ hàng. Khi về VN tôi thường ở nhà một trong những người cháu gọi tôi bằng chú. Anh chị tôi đều đã qua đời, các con anh tôi đối với chúng tôi rất thân tình. Chúng đều đã lớn tuổi. Trước 75, tôi làm việc ở xa Sài Gòn, ít khi về thăm anh chị tôi nên không thấy các cháu tôi lớn lên. Khi miền nam sụp đổ, chúng tôi vượt biển ra nước ngoài, không liên lạc được với các cháu. Lúc biết tin thì chúng đã có gia đình và có con. Trước cởi trói, các cháu tôi phải sống rất vất vả, làm việc cực nhọc. Ăn uống thiếu bổ dưỡng đến bệnh hoạn, hai vợ chồng cũng cố thắt lưng buộc bụng cho con ăn học đến nơi đến chốn. Con cái chúng nó nay cũng lớn, có đứa đã lập gia đình, có đứa chưa. Đứa nào cũng có công ăn việc làm đàng hoàng. Chúng trưởng thành sớm. Nhanh nhẹn, tháo vát và khôn hơn bố mẹ, nhưng được cái biết thương bố mẹ. Có lẽ điều kiện sống ở xã hội đã khiến những đứa trẻ trưởng thành sớm hơn tuổi, nếu không hư hỏng.

Mấy đứa cháu rất rành những chỗ ăn ngon và sạch sẽ, đáng tin cậy. Mấy ngày mới về, chúng đưa tôi đi ăn ở những hàng ăn lớn, có tiếng, đông khách. Tại các nơi đó có nhiều món ăn lạ, vài món ăn quê hương bị biến chế, mất đi cái khẩu vị đặc biệt của nó, chúng tôi không thấy ngon. Khách phần lớn là những người nhậu, những người làm áp phe, hoặc những cô cậu con "nhà giầu mới" muốn tỏ ra là dân sang, sành sỏi.

Xe cộ vào giờ cao điểm ở Phú Nhuận

Việt Nam bây giờ, nhà hàng ăn uống ở khắp nơi, đủ loại sang hèn, chỗ nào cũng có. Nhiều nhà hàng tổ chức rất cầu kỳ, kiểu cách: nhân viên phục vụ mặc đồng phục, có phần khêu gợi và dị hợm, Tây không ra Tây, Việt không ra Việt; trang hoàng thì tỉnh không ra tỉnh quê không ra quê; dở Tầu, dở ta, dở Thái, dở Lào, dở đồng bào thiểu số. Tên món ăn thì đặt thật kêu, nhưng ăn thì không có gì đặc biệt. Tuy vậy, cũng có những cửa hàng chuyên về một loại đồ ăn, ngon đặc biệt như cháo và tiết canh vịt, hoặc lẩu dê... Có một loại nhà hàng, đang thịnh hành ở khắp các tỉnh miền nam bây giờ, gọi là "Làng Nướng." Phần lớn các món ăn đều nướng than. Thịt rừng nhiều thứ đã đành, đến cá sấu, bò cạp cũng là những món cung cấp cho dân nhậu. Có một món của " Làng Nướng " mà dân nhậu có vẻ thích lắm, đó là món khổ qua sống, thái mỏng ướp lạnh, ăn với ruốc. Tôi không phải là dân nhậu nên

không thấy thích. Ngoài ra tại một vài tỉnh gần biển, Làng Nướng cũng có món ăn đồ biển thật đặc sắc. Lại có những nhà hàng mở ra như một "Trung Tâm ăn uống," kiểu các chỗ ăn trong các shopping center, trong đó có nhiều bếp nấu một số các món ăn đặc biệt của các miền. Có lần chúng tôi đến ăn ở một một nhà hàng trên đường Công Lý, đó là một cái villa cổ do người Pháp để lại, khách ra vào nườm nượp. Cháu tôi phải gọi đặt chỗ trước từ trưa. Bên trong các bàn ăn bầy đầy trong nhà, ngoài sân. Nhà ngang là nơi đặt bếp. Nhà hàng có các món ăn miền bắc như canh bún, canh bánh đa, bún chả, bún riêu v.v. Chúng tôi muốn ăn một món ít có dịp ăn ở nước ngoài là món canh bún. Nhưng tiếc là món ăn đó đã bị biến chế đến độ không còn dấu vết gì của món canh bún cổ truyền nữa. Món bún riêu ở VN bây giờ nhiều nơi có cả huyết heo và ăn với giá sống.

Cô cháu gái tôi biết chúng tôi không thích đến những nhà hàng đông người ăn nhậu, nó đã không rành làm bếp lại đi làm suốt ngày, nên muốn chiều tính thích ăn quà vặt của bà trẻ, những buổi chiều, tối rảnh rỗi nó thường đưa chúng tôi đi ăn nghêu, sò, ốc, hến, hay bún vịt, cháo trắng... ở những nhà hàng trong các phố nhỏ, những ngõ hẻm. Có khi cao hứng, nó dẫn vợ chồng tôi đi quanh co nhiều đường phố và nhiều ngõ hẻm, tôi không sao nhớ được, để ăn một tô miến gà. Bà hàng bầy bán ngay ngoài cửa, nồi nước dùng bốc hơi, đĩa thịt gà vàng nườm. Trông thật hấp dẫn. Chưa ăn tôi đã có lòng tin là không dở. Vào trong, chỗ ngồi khoảng khoát, sạch. Thịt gà vừa tới độ, không nhão như gà công nghệ, cũng không quá cứng. Vừa đủ dai vừa thơm. Có khi đi làm về trễ, nó mang về mấy bọc nước mía, có khi thì mấy hộp cơm gà Hải Nam cho cả nhà, mua ở một nơi mà nó biết chắc chắn là sạch sẽ tin cậy được.

Tôi để ý thấy, trong các tiệm ăn mà tôi đã qua, từ Hà Tiên, Phú Quốc đến Sài Gòn, Đà Lạt, nơi nào món canh chua cũng trở thành "lẩu" hết. Gọi một bát canh chua là người ta mang lò ga, đặt một cái "lẩu" lên, rồi đốt và gọi là lẩu. Dĩ nhiên giá tiền trả cho lẩu bao giờ cũng đắt hơn canh. Người VN ai cũng biết canh khác, nhúng khác và lẩu khác. Cái nóng của canh khác cái nóng của lẩu. Nước canh trong chứ không đục. Chỉ có cá, tôm với vài thứ rau: bạc hà, giá, ngò ôm... Những thứ đó được nầu chín rồi thì múc ra, không thể nấu sùng sục trên lửa mãi được. Nó nhũn ra. Lẩu, là món ăn của người Hoa, thì nước dùng có nhiều gia vị hơn, nước đục hơn, lại có cá viên, thịt viên... nấu chín sẵn, còn các thứ khác như tôm, thịt bò, mực, các thứ rau cải, tần ô... miến đều để sống bên ngoài, người ăn tới đâu nhúng vào tới đó. Tái hay chín tới mức nào tùy thích từng người. Không phải cứ đem canh chua đổ vào cái lẩu, đốt trên lò, để lên bàn thì gọi là lẩu.

Các món ăn VN bây giờ khác trước nhiều lắm. Các món ăn mất đi cái tinh túy của nó. Nó cầu kỳ và nặng nề hơn. Có vẻ lai các cách nấu và gia vị của người Tàu. Các món ăn VN thường thanh hơn, ít mỡ, không ngọt như món ăn của người Tàu. Các bà nội trợ khéo nấu ăn, khi đọc các sách dạy nấu ăn xuất bản ở VN bây giờ đều phàn nàn về sách viết cẩu thả, không đúng. Lần về này tôi được gặp lại các bạn cũ. Họ đã có một đời sống kinh tế tốt hơn trước nhờ được tự do làm ăn hơn. Tôi được các bạn mời lại nhà ăn cơm, do các bà tự làm lấy món ăn. Ngoài cái vui gặp lại bạn bè, chúng còn thưởng thức các món ăn quê hương thực sự. Một bà bạn đã cho chúng tôi ăn món canh cua nấu rau dút đặc biệt của miền bắc. Mùi thơm và vị ngọt của canh cua nó thanh và dịu khác hẳn món canh riêu cua giả nấu bằng thịt và tôm. Lại thêm cái mùi thơm của rau dút. Cả mùi vị quê hương quện trong bát canh. Hèn chi mà người xưa đi làm quan xa cứ tơ tưởng món canh rau thuần cá lư quê nhà. Ở nhà người bạn khác chúng tôi được ăn chả giò, bún thang, nấu rất khéo.

Đời sống Sài Gòn là đời sống các đô thị thương mại, kỹ nghệ. Mặc dầu thương mại, kỹ nghệ chưa phát triển tới đâu cả, nhưng người dân phải làm ăn tất bật, vất vả. Gia đình nào cũng hai vợ chồng cùng phải đi làm. Những gia đình công chức quân nhân xưa, bị coi là ngụy, sau thời gian bị bắt vào các trại cải tạo và sau thời kỳ đánh tư bản mại bản thì đều khánh kiệt. Các bà vợ phải tìm cách sinh sống bằng buôn thúng bán bưng hay bán hàng quà, hàng cơm bên lề đường. Do đó khắp nơi chỗ nào cũng có quán ăn. Người đi làm ăn ở tiệm gần chỗ làm. Buổi chiều về nhiều khi quá trễ hay mệt mỏi thì người ta ghé tiệm mua thức ăn đem về. Cho xong một ngày. Các bà vợ trẻ ít muốn hoặc không biết nấu ăn. Cỗ bàn, tiệc tùng một cách tinh vi, kheo léo chỉ còn những bà của "thời xưa xa vắng " mà thôi.

Sài Gòn xe cộ

Nhờ lần trước về ở Hà Nội một tuần, tôi đã tập quen đi bộ qua đường, vào Sài Gòn tôi có thể qua đường giữa dòng xe cộ đông đúc hơn Hà Nội nhiều, không khó khăn lắm. Lúc đầu có hơi nhát, sau ít ngày quen rồi thì tôi tập lái xe. Cô em họ cho mượn cái xe 50 CC, mấy cậu em họ dẫn đến những con hẻm hay khúc đường ít xe ở Thủ Đức cho tôi tập trước. Tập vài ngày rồi thì tôi bắt đầu chạy ra đường lớn, đông xe, với cậu em ngồi đằng sau hướng dẫn. Có xe, tôi có thể chở vợ đi đây đi đó thăm họ hàng, bè bạn rồi ngược suôi hết chợ Bến Thành, chợ An Đông, cầu Chữ Y... sang đến chợ Thủ Đức. Ngày đầu tiên thấy tôi chạy xe chở vợ đến chơi, cô cháu họ tôi trợn tròn mắt sợ hãi: Chú dám chạy xe ở Saigon này hả? Trông chú lái xe chở thím cháu hãi quá. Rồi mấy đứa cháu chỉ dẫn thêm kinh nghiệm đi đường. Chạy xe mà nghe đằng sau có người bóp còi thì đừng có cuống mà tránh. Tránh là bị đụng. Người ta bóp còi báo cho mình biết sẽ vượt mặt. Cứ bình tĩnh chạy thẳng, họ sẽ tránh mình hay tùy cơ mà tránh. Tôi theo lời khuyên của mấy đứa cháu. Lúc đầu cũng run lắm, nhất là khi đến ngã tư. Ở ngã tư có đèn lưu thông hay không (hồi đó VN ít đèn lưu thông lắm, có chỗ chỉ có cột mà đèn không chạy) thiên hạ vẫn cứ quẹo trái, quẹo phải, không cần biết đèn xanh hay đỏ, mặc xe đằng trước đang chạy tới. Cứ thế, bên này lấn qua bên kia lấn lại mà đi. Đang chạy thẳng, muốn ghé sang nhà bên kia đường, ta cứ lấn dần sang, nếu cần thì chạy ngược chiều thẳng vào giữa dòng xe đang tới mà lách dần qua. Họ hàng, bè bạn thấy tôi cứ phoong phoong chạy đây, chạy đó, đi về rất an toàn, ai cũng phục lăn. Tôi hãnh diện lắm. Đi đâu cũng khoe mình đã lái xe hai bánh giữa Sài Gòn.

Lần này, biết tin tôi sẽ về thăm, một đứa cháu đã viết thư qua nói là sẽ để cái xe và điện thoại cầm tay của vợ nó cho tôi dùng, vì vợ nó đang có thai, không lái xe. Thế thì còn gì bằng. Tôi yên tâm sẽ có xe đi đây đi đó. Ngày về tới, cháu tôi chở tôi đi công việc của tôi, nó phóng xe, len, lách, vượt... ào ào. Chung quanh thì đủ mọi loại xe: taxi, vận tải, xe nhà, xe buýt... Xe gắn máy thì vô số kể, cứ chạy "thoải mái," len, lách, vượt... còi inh ỏi. Tôi ngồi sau xe của thằng cháu mà chóng cả mày cả mặt. Còn điều này nữa là xe bây giờ, cứ mỗi khi bật đèn lái và quẹo lại có tiếng còi hay có nhạc. Lúc đầu nghe cũng vui tai, nhưng đi một lúc rồi đâm khó chịu. Một người bạn tôi giải thích, đèn quẹo chưa đủ cho người ta để ý, phải có tiếng thì người ta mới biết mình xin quẹo. Sau khi đi với thằng cháu về tôi đâm nhát, không muốn lấy xe của nó nữa. Cậu em họ thì nhất định khuyến khích tôi lái xe. Cậu lôi tôi lên Thủ Đức, tìm những đường làng cho tôi tập lái. Sau khi chạy vài vòng cậu em khen tôi còn phong độ: sang số nhẹ nhàng, không thắng gấp, ra đường đông xe không run, nghe còi ô tô không cuống. Vậy là đủ tư cách chạy xe ở Sài Gòn rồi. Tôi cũng tự tin lắm, nhưng rồi tôi vẫn phải cảm ơn thằng cháu, không lấy xe của nó. Lý do? Xin xem đoạn dưới.

Sài Gòn bây giờ xe đông gấp năm gấp mười lần năm tôi về trước đây. Gia đình nào cũng có hai, ba cái xe gắn máy. Ngay nhà cậu em tôi, trước kia chỉ có một cái xe để đi làm và chở con đi học. Bây các con đã lớn, đứa học đại học, đứa đi làm, nhà phải có ít ra là hai cái xe, nếu không thể có ba. Người ta không đi xe 50 cc nữa. Ít lắm. Chỉ có mấy ông già như bạn tôi hay người nào không có tiền đổi xe mới phải đi xe 50. Bây giờ xe phải từ 70 cc trở lên. Mấy đứa cháu tôi chê xe 50 chạy lạch bạch như vịt, không dooṭ. Mà chạy xe 70 thì phải có bằng. Vào giờ cao điểm, đường phố đông nghẹt xe. Các ngã tư xe ùn lại, nhiều xe gắn máy leo cả lên lề mà chạy. Người đi bộ không có chỗ chen chân. Có một lần, từ nhà ở đường Trần Huy Liệu tôi định lấy xe ôm đến một tiệm sách ở đường Phan Đăng Lưu. Ra đường thấy xe đông quá , tôi nghĩ đi xe lúc này có lẽ còn chậm hơn đi bộ. Tôi cứ lững thững đi bộ đến đâu hay đó. Đến đường Nguyễn Trọng Tuyển, tôi đang nép vào lề đường mà đi, vì vỉa hè quá hẹp, lòng đường thì chật những xe, tôi bỗng bị một gáo nước đổ toẹt lên đầu. May mà tôi có đội mũ nên không bị ướt đầu, ướt mặt. Tức quá. Nhìn lên, thấy một ông còn trẻ tuổi, đứng trên lan can, bên mấy chậu cây, tay cầm một lon nước - cỡ thùng sơn - cúi xuống, toét miệng cười, nói: xin lỗi. Rồi bỏ vào nhà. Tức điên lên được. Nhưng biết làm gì bây giờ? Không lẽ xông vào nhà người ta mà chửi lộn. Nhà dưới thì cửa đóng im ỉm, có muốn chửi cũng khó. Thôi thì không được như ông Lão tử "lấy đức báo oán" thì cũng đành tha thứ, bỏ mà đi vậy. Hy vọng, lon nước đổ lên đầu mình chỉ là nước lã tưới cây. Cái chuyện người ta đổ nước từ trên lầu xuống

đường hay hất nước từ trong nhà ra cửa thì tôi thấy cũng nhiều. Đã có lần tôi bị một bà hất cả một chậu nước ra đường làm ướt hết một ống quần và giầy. Nhà cửa Sài Gòn bây giờ quá đông. Nhiều khu nhà, mặt trrước mở ra một đường phố, cửa sau mở ra một con hẻm. Hệ thống cống tháo nước lại không đủ thoát nước nên người ta thường đổ nước thải ra đường. Người đổ nước không để ý tới người đi đường vì người ta đi xe nhiều hơn đi bộ. Thế là người đi bộ như tôi lãnh đủ.

Bắt đầu từ tháng 9/ 2003 nhà nước có lệnh xét giấy xe gắt gao và phạt nặng xe vi phạm luật đi đường. Ngay tuần lễ đầu, tại các ngã tư, nhất là ở các trục lộ chính, đã có ba, bốn ông bà công an chặn xe xét giấy. Xe bị giữ đậu dài dài bên đường. Theo luật thì xe vi phạm luật đi đường như chạy quá vận tộc qui định hay vượt đèn đỏ sẽ bị giam và phạt nặng. Nhưng nếu có "bác Hồ" đưa ra thương thuyết dùm thì cũng dễ dàng thôi.

Người lái xe chở hàng và người đi chợ. Nhiều bà, cô ra ngoài đều trang bị kỹ lưỡng như cô này: nón, kính, khẩu trang và găng dài tay.

Có một hôm, cô cháu gái tôi đến chơi thăm chúng tôi, vừa vào nhà là cô đã oang oang: Hôm nay đến thăm chú thím, đi xe đáng năm, sáu ngàn cháu phải mất năm chục ngàn. Rồi không đợi ai hỏi lý do, cô kể: khi nào mấy đứa con cháu nó bận không chở cháu đi đâu được, cháu thường đi xe ôm của cậu học trò trong xóm. Vừa tiện việc mình vừa giúp người ta. Hôm nay cũng vậy. Cậu bé chở cháu đến ngã tư vừa lúc đèn đỏ. Cậu ta cẩn thận ngưng xe lại, trong khi có những cái khác cứ chạy đi thì không sao. Xe thắng gấp, cán lên vạch trắng, thế là bị công an chặn lại hỏi giấy. Chẳng may ông tướng lại không mang giấy xe theo. Công An nhất định đòi giam xe. Cháu thấy tội nghiệp: có cái vừa đi học vừa kiếm tiền, bị giam nhiều ngày thì có nước nhịn đói. Cháu đưa cho hai chục ngàn để xin CA bỏ qua. Chú biết sao không? Ông CA nói tỉnh khô: hai chục ngàn tiêu được gì. Ít ra thì cũng năm chục. Đã lỡ giúp người rồi thì đành phải giúp đến cùng thôi, cháu đành móc năm chục ngàn ra đưa ra cho nó lấy xe đi. Cậu ta hứa là chỉ mượn thôi rồi sẽ trả lại. Cháu cũng cứ ừ ào cho cậu ta yên tâm thôi, chứ cháu không nghĩ đến sẽ đòi lại. Tiền đưa rồi, dĩ nhiên không cần giấy phạt. Tôi ngạc nhiên hỏi: cán vạch trắng thôi mà, bắt người ta lùi lại là được rồi, cần gì phải làm khó. Ngưng xe lại đúng lúc đèn đỏ là có tinh thần tôn trọng luật lệ, là tốt rồi, đáng khen chứ. Mấy đứa cháu nhao nhao: mấy khi có dịp kiếm tiền. Cãi làm sao được với mấy ông ấy.

Làm khó người ta dân để đòi tiền là chuyện quá thường ở VN bây giờ. Báo chí kêu ca mãi, cũng không giải quyết gì được. Người ta đưa hối lộ, nhận hối lộ, thản nhiên, công khai , dễ dàng , như mua bán một món hàng.

Mấy ông tài xế lái xe vận tải trên các đường dài có người phải bỏ nghề vì không kiếm đủ tiền để cung cấp các ông Cảnh Sát Giao Thông trên các chặng đường phải đi qua. Không có tiền sẽ bị làm khó dễ đủ điều. Không phải nói đâu xa, ngay trung tâm Sài Gòn, nhiều chủ xe taxi bị Công an Phường Bến Nghé, Q.1 đòi đóng tiền bảo kê mới được đậu xe đón khách trong khu vực. Tiền nộp của mỗi người lên đến cả triệu mỗi tháng. Chưa hết, báo Pháp Luật ngày 13/10/03 mới đăng tin Thanh tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đang tiến hành kiểm tra về

vụ ông Trưởng Công An Phường Bến Thành, thiếu tá Lưu Văn Ớt, đã để cho nhân viên dưới quyền, gồm 18 Công An Khu Vực, đến các cơ sở thương mại xin tiền mà họ gọi là "hỗ trợ" hàng tháng. Họ đánh giá theo khả năng tài chính và quy mô kinh doanh rồi định giá tiền mà mỗi cơ sở phải đóng. Ít nhất là 500.000 đồng, như khách sạn Hải Vân Nam, nhiều hơn thì như nhà hàng Đêm Sài Gòn, đóng hai triệu. Khách sạn New World đóng bốn triệu. Cảnh Sát Khu Vực thu tiền giao cho thủ quỹ và được lãnh một phiếu thưởng. Phiếu đem trình trưởng Công An Phường Lưu Văn Ớt duyệt sẽ được lãnh 10% số tiền đã nộp. Cơ sở làm ăn nào không chịu nộp sẽ bị Cảnh Sát Khu Vực đến làm khó dễ đến không thể làm ăn. Báo chí Sài Gòn gọi đó là "hụi chết" đóng cho công an để được bảo vệ. Những nhà hàng, những khách sạn có đóng tiền để được bảo vệ, nghĩa là được cảnh sát làm ngơ cho tha hồ gây những chuyện lộn sộn, chứa gái mãi dâm v.v... Từ năm 2001, Công An Trật Tự quận 10 đã thâu tiền bảo kê hàng tháng của một số cửa hàng buôn bán và bãi giữ xe, để chia nhau. Ban Thanh Tra Công An Thành phố đã "làm rõ, đã kiến nghị xử lý kỷ luật nặng chỉ huy đội." Không biết nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa xử lý việc đã xẩy ra từ hai năm trước như thế nào mà cái tệ nạn thu "hụi chết" của Công An lại càng ngày càng nở lớn thêm ở những cơ quan cao hơn.

Đó là lý do vì sao tôi không dám lấy xe của cháu tôi đi. Mình từ hải ngoại về, có chuyện gì thì còn phiền hơn gấp bội. Cho nên tôi chọn di chuyển bằng xe ôm hay xe buýt, thỉnh thoảng cần lắm hay muốn tiêu sang thì đi taxi.

Mặc dầu nhà nào cũng có xe hai bánh, nhưng xe ôm vẫn ngày một nhiều. Ở các góc đường, trong các con hẻm, chỗ nào cũng có. Có người làm xe ôm chuyên nghiệp, vừa chở khách vừa kiếm mối làm ăn khác nữa. Có người đi làm bán thời, hay sinh viên, học sinh, có cái xe để di chuyển, cũng ra làm xe ôm để kiếm thêm tiền. Có một ông lái xe kể với tôi, con mới lên cấp hai, tiền học, tiền sách vở đắt quá. Ngoài ra còn nhiều chuyện linh tinh phải chi, không dự trước được. Không có cách nào kiếm thêm tiền thì không đủ cho con đi học. Chỉ còn cách đi lái xe ôm. Nếu đi đâu một mình, không mang theo gì quá nặng quá cồng kềnh, thì đi xe ôm rất tiện, rẻ mà nhanh. Xe xích lô bây giờ ít người đi lắm. Vì chậm và di chuyển khó khăn khi gặp khúc đường đông xe, phải quẹo trái. Nhìn những bác xích lô vắng khách, nằm ngủ trong xe hay ngồi nhìn khách bị xe ôm tranh mất, thấy thật tội. Nghe như để chuẩn bị đón du khách dự SEA Games, Sai Gòn sẽ có những con đường riêng cho xích lô chở du khách. Ở Hà Nội có tổ chức xích lô đưa đón du khách, làm ăn coi bộ rất khá. Phóng sự trên đài truyền hình cho thấy hình ảnh một ông xích lô ăn mặc tươm tất đi giầy bóng lộn.

Người Việt Nam ta lái xe hai bánh rất tài tình. Chở đồ thật nặng, thật cồng kềnh chạy trong thành phố đông xe cộ, dễ dàng như không. Có người đèo cả một cái thùng TV lớn đằng sau xe, một tay lái xe, một tay quài lại đằng sau nắm giây buộc.

Taxi bây giờ nhiều lắm, có tổ chức đàng hoàng. Nhưng cũng có những taxi độc lập, không thuộc hãng nào. Đi xe này thì phải thận trọng. Họ thường không mở taxi mét, chạy dài đường và bắt chẹt khách. Chúng tôi được khuyên nên để ý đi xe có mã số của những xe thuộc một công ty taxi nhất định. Có lần ăn cơm ở nhà một người bạn về, khoảng hơn mười giờ tối, không còn xe công cộng, chúng phải đón xe taxi. Bác tài không mở taxi mét. Nhắc thì bác ta tỏ ra bực dọc, mở taxi mét rồi chạy vào một trạm săng, gần ngay đó, làm như muốn đổ săng. Chúng tôi ngồi trong xe đợi. Nhưng không, ông ta cứ để xe nổ máy, xuống lấy điện thoại cầm tay ra đứng nói chuyện. Chúng tôi thấy như vậy là mình đã bị lừa nên xuống xe kiếm xe khác.

Xe buýt Sài Gòn cũng đã có nhiều tiến bộ. Xe mới hoặc tân trang. Có máy lạnh, ra đi ô, có xe có cả truyền hình. Ngồi trên xe có máy lạnh nghe hát cải lương hay nghe nhạc vàng, vui ra phết. Người bán vé và tài xế đều mặc đồng phục. Phục vụ tốt, vui vẻ. Có nhiều đường xe chạy khắp nơi. Điều đáng kể nhất là vé rất rẻ. Giá vé đồng loạt, bất kể đường xa hay gần, là một ngàn đồng. Đi suốt một tuyến đường dài từ Thủ Đức đến Chợ Lớn, hoặc từ chợ Bến Thành đến bến xe Bình Tây, hay chỉ hai, ba chặng đường từ Phú Nhuận đến Tân Định thì cũng chỉ phải trả một ngàn đồng. Các chuyến xe chạy Thủ Đức - Chợ lớn, Bình Thạnh - Bến Thành lúc nào cũng chật ních. Các học sinh, sinh viên nghèo ở quanh Thủ Đức có thể đi học ở Sài Gòn với giá rẻ. Bớt được nhiều khoản chi tiêu. Nhưng phải dậy đón xe từ rất sớm. Trên những đường xe quá đông, máy lạnh không đủ sức chịu, người ta phải mở cửa sổ

cho bớt ngột ngạt. Thế là tiếng xe chạy, tiếng còi xe, tiếng nhạc ở ra đi ô trong xe và tiếng người ta nói chuyện như hét vào tai tạo thành một thư âm thanh hỗn độn đến nhức đầu. Đã thế, bác tài có lúc nổi hứng chạy nhanh, thắng gấp khiến cho người đứng người ngồi xô cả vào nhau. Nghe nói là để giảm bớt xe cộ trong thành phố, nhà nước khuyến khích đi xe công cộng, nên đã tài trợ các hãng xe buýt để giá xe buýt được rẻ đặc biệt.

Con nhà giầu con nhà nghèo

Đường phố Sài Gòn đông đúc. Xe chạy suốt ngày. Từ sáng đến khuya lúc nào cũng ồn ào tiếng xe tiếng còi. Vậy mà vào tháng chín vừa qua, bẩy thằng trời đánh, con mấy ông nhà giầu mới, có quyền có thế, đã kéo nhau đem xe hơi ra đua trong thành phố. Xe nào cũng đắt tiền, cũng mới. Khi bị cảnh sát bắt thì có thằng khoe phó Công An thành phố là người nhà, có thằng đưa bốn trăm Mỹ kim hối lộ cảnh sát. Khi ra tòa thì mặt cứ nhơn nhơn , không coi ai ra gì. Viện Kiểm Sát và luật sư tranh cãi gay go, bàn đi, cãi lại: nào xử luật hình, nào xử phạt hành chánh, nào phạt tiền mười triệu, hai mươi triệu, nào phạt tù, nào giữ xe v.v... Cuối cùng thì quí tử chỉ phạt án treo và trả lại xe. Báo chí và dư luận dân chúng vô cùng phẫn nộ, bất mãn. Rồi cũng thôi.

Sao trong tòa này luật sư cãi hay thế. Còn những vụ án oan của người dân nghèo thì luật sư không làm được gì. Bao nhiêu dân nghèo bị oan, gần đây bao chí mới khui ra biết bao nhiêu vụ. Giải được oan thì đã không còn gì. Nhà mất, vợ con bỏ đi. Hàng xóm xa lánh, khinh khi.

Trong khi, mấy thằng trời đánh, con nhà giầu, học hành chẳng ra gì, chỉ biết phá của, thì có nhiều thanh niên hiếu học, vừa làm vừa học, kiếm không đủ tiền nuôi thân. Báo chí Sài Gòn đăng biết nhiêu chuyện những người học sinh giỏi, thì vào đại học đậu rồi mà không có tiền đi học. Năm sau lại thi lại đậu, vẫn không có đủ tiền vào đại học. Ở nhà quê không biết làm gì để nâng cao cuộc sống hơn, cha mẹ chỉ trông vào con đi học để thay đổi cuộc sống. Ngay ở Sài Gòn, có gia đình kia, có hai con, một trai một gái. Đứa con trai còn nhỏ. Đứa con gái lớn hơn, học khá hơn. Cha mẹ nghèo không có tiền cho cả hai con đi học, đã hy sinh để đứa con trai ở nhà giúp việc, cho đứa con gái đi học. Cô gái đành phải nhận "nghĩa vụ đi học" để sau này giúp gia đình và dạy em. Cô đi học về là phải ra giúp mẹ quét chợ. Tối về giúp việc nhà rồi mới học và làm bài đến khuya.

Anh tẩm quất

Khu tôi ở, tối thường có anh tẩm quất đấm lưng đi ngang. Có lần, phần thấy bải hoải mệt mỏi, phần tò mò, tôi muốn kiếm một anh tẩm quất, nhưng còn ngài ngại. Mấy đứa cháu khuyến khích ngay, nó gọi cho một anh tẩm quất vào đấm lưng cho tôi. Anh tẩm quất còn trẻ. Tay anh ta mạnh, và trai cứng một cách lạ lùng, không có vẻ chuyên nghiệp lắm. Trong lúc anh ta đấm lưng cho tôi vợ tôi tò mò gợi chuyện, hỏi thăm về gia đình. Anh ta kể: anh ở Hà Tây, có vợ, một con. Nghèo quá. Nghe nói trong nam dễ kiếm ăn, anh để vợ con ở quê, cùng vài người bạn vào Sài Gòn làm thợ hồ phụ. Công việc nặng nhọc mà kiếm không bao nhiêu. (*Cháu tôi trước kia từng làm thợ hồ ở các công trình xây cất, nên biết rõ. Nó đã từng kể với tôi là nhiều người bắc vào làm thợ phụ. Kiếm một ngày chừng ba chục ngàn. Nhiều khi thèm điếu thuốc, li bia mà không dám mua*). Năm sáu người ở chung nhà, có anh biết tẩm quất, tối về đấm lưng cho nhau, vì ban ngày làm quá mệt. Sau rồi dậy lẫn nhau để đấm lẫn cho nhau mà thành nghề. Ban ngày làm thợ hồ, ban đêm đi tẩm quất kiếm thêm tiền để dành. Cứ vậy làm ăn dành dụm cả năm, đến tết mới đi nhờ xe chở hàng, đem tiền về quê cho vợ con. Họ hẳn đã từng được đào tạo và tin tưởng vào Cách Mạng tiến lên thiên đường Xã Hội Chủ Nghĩa. Họ là giai cấp công nông đấy. Bây giờ thì sống khốn khổ như thế.

Sự bất công và chênh lệch giầu nghèo còn tệ hơn thời Pháp thuộc và thời quân chủ, phong kiến. Ở các thành phố, những ông nhà giầu mới tiêu xài hoang phí không thể tưởng được. Họ gửi con ra nước ngoài du học, mua nhà mua xe. Rồi tìm cách chuyển tiền ra nước ngoài. Trong nước đang có báo động về việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài bất hợp pháp.

(*) Thật ra Phan Xích Long không phải là một nhân vật như người tài xế tắc-xi nói. Phan Xích Long tên thật là Phan Phát Sanh, người ở Chợ Lớn, hoạt động cho chi hội của Phong trào suy tôn Cường Để. Năm 1916 tổ chức cuộc phá Khám Lớn Sài Gòn nhưng thất bại. Bị bắt tại Phan Thiết và bị Pháp chở đi đày ở Guyane với cái án khổ sai chung thân.
(Chú thích của *Thế Kỷ 21* - Theo Việt Nam Tự Điển của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ).

Sài Gòn trong màu cờ thể thao

NGUYỄN CHÍ KHAM

Thủ quân Phan Văn Mỹ, đội AJS đang trao cờ lưu niệm với đội Djugardens (Thụy Điển) trước trận đấu tại sân Bờ Rô (sau này là Tao Đàn) năm 1953

Trước 1975, Sài Gòn không chỉ là thủ đô của V.N.C.H mà còn là thành phố biểu tượng cho màu cờ của đất nước trên trường thể thao quốc tế. Trong 21 năm tồn tại của miền Nam, Sài Gòn luôn luôn đóng vai trò tiên phong trong phong trào thể thao toàn quốc, và đã không phụ lòng quốc dân khi đảm nhiệm vai trò đại diện quốc gia khi đón tiếp các đoàn thể thao quốc tế hay đem chuông đi đánh xứ người.

Năm 1958, lần đầu tiên đoàn thể thao Sài Gòn đại diện cho V.N.C.H đi dự Á Vận Hội tại Đông Kinh. Trong kỳ giải này, hai bộ môn được đặt nhiều kỳ vọng nhất là bóng tròn và bóng bàn. Về môn bóng tròn, đội tuyển Việt Nam đoạt huy chương đồng, còn bóng bàn, Việt Nam đã gây tiếng vang và làm cho cả thế giới sửng sốt khi đánh bại đội Nhật Bản đương kim vô địch thế giới với tỉ số 5-3. Khi chiến thắng này điện về Sài Gòn, các báo đều chạy những hàng chữ lớn trên trang nhất, như một sự xác nhận, đội bóng bàn Việt nam không chỉ vô địch Á Châu mà còn vô địch cả thế giới.

Trận chung kết diễn ra vô cùng gay cấn, nghẹt thở khi hai bên hoà nhau 3-3. Đội bóng bàn Việt Nam gồm có thủ quân Mai Văn Hoà, các đấu thủ là Lê Văn Tiết, Trần Cảnh Được, Nguyễn Văn Sáng và Trương văn Liễu. Phải nói, thủ quân Mai Văn Hoà là người hùng của trận đấu, người đem chiếc huy chương vàng toàn đội cho Việt Nam trong trận đấu cả đơn và đôi. Ở trận đơn, Mai Văn Hoà gặp đương kim vô địch thế giới Tanaka và đã thắng Tanaka trong một trận giao đấu thật hào hùng, quyết liệt. Ở trận đôi, Mai Văn Hoà đứng chung với Trần Cảnh Được, hai đấu thủ này rất ăn ý đã hạ dễ dàng hai đấu thủ xuất sắc của đội Nhật.

Năm 1960, giải bóng bàn thế giới được tổ chức tại Thụy Điển, kỳ này đội Nhật chiến thắng đoạt Cúp vô địch cả đơn và toàn đội. Tuy nhiên, trên đường ghé Pháp danh thủ Lê Văn Tiết đã hạ đương kim vô địch Murakami với tỉ số 3-2, đoạt chức vô địch bóng bàn quốc tế tại Pháp trong một trận đấu vào hạng nghẹt thở và dai dẳng nhất trong lịch sử bóng bàn.

Năm 1959, nước Thái Lan đứng ra tổ chức

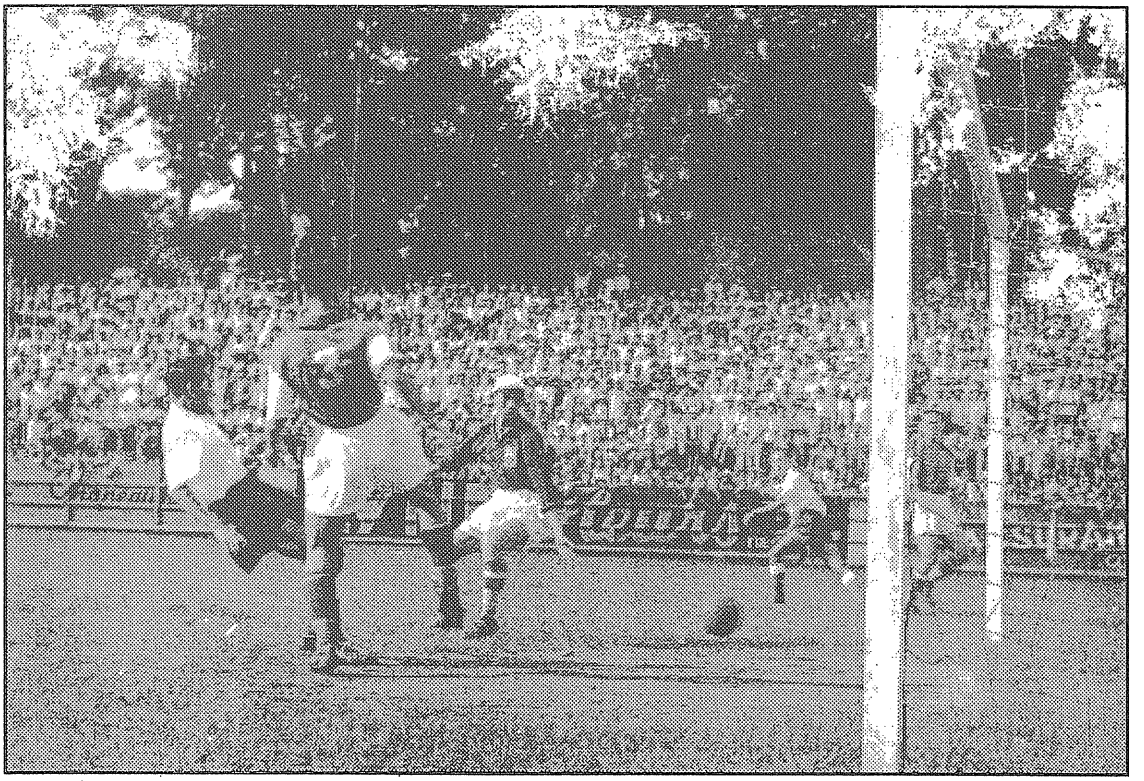

Đội tuyển Việt Nam đá lọt lưới đội Trung Hoa Quốc Gia - 1954

giải Đông Nam Á Vận Hội. Từ Sài Gòn, đoàn Việt Nam lên đường bằng hai chiếc xe ca lớn qua ngả Nam Vang đến Thái Lan. Và, trong kỳ vận hội này, trừ bộ môn bóng chuyền, tất cả các môn khác đoàn Việt Nam đều đoạt huy chương vàng. Ở môn quần vợt, Nguyễn Văn Thành, Lưu Đức Phương đoạt cả giải đơn và đôi. Ở môn xe đạp, tay đua Trần Gia Châu về nhất trong cuộc đua nước rút 200 thước. Ở bộ môn bóng bàn, ngoài vô địch toàn đội, hai anh em Lê Văn Tiết và Lê Văn Inh, đoạt giải vô địch cả đơn và đôi. Ngày chót của Đại Hội diễn ra trận chung kết bóng tròn giữa đội tuyển Việt Nam và đội chủ nhà Thái Lan, Việt Nam đã thắng 3-1 đoạt huy chương vàng.

Có thể nói, Sài Gòn là trung tâm của cả nước về mọi bộ môn thể thao, đặc biệt là môn bóng tròn. Cả nước chỉ có sân Tao Đàn và sân Cộng Hoà là hai sân quốc tế. Sân Tao Đàn, trước kia còn gọi là sân Bờ-Rô hoặc sân Ông Thượng, với sức chứa 20,000 khán giả, được sử dụng là nơi thi đấu chính thức của quốc gia cho đến năm 1960 là năm vận động trường Cộng Hoà xây xong. Ở sân Tao

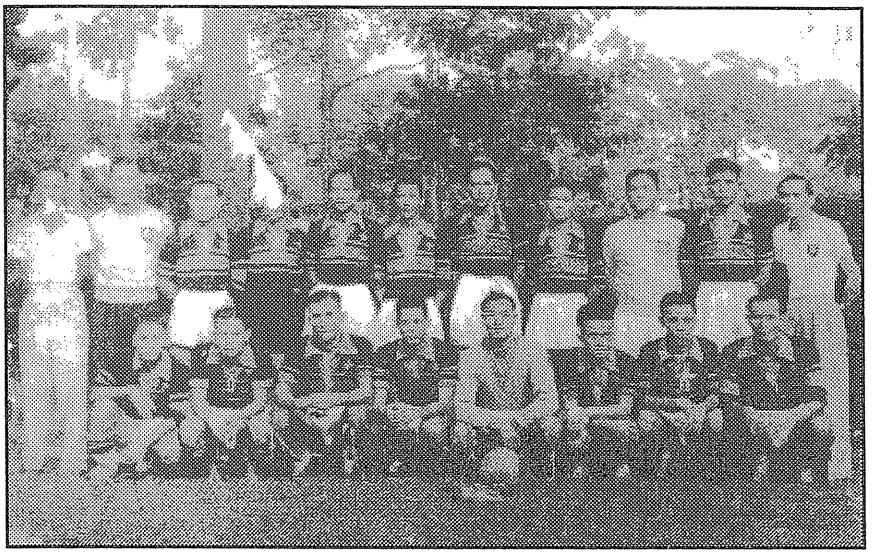

Đội Ngôi Sao Gia Định năm 1950

Đội AJS năm 1951. Hai người ngồi ghế là Mai Hữu Xuân (trái) và Nguyễn Văn Tôn.

Đàn, ngoài giải thi đấu trong thành phố diễn ra hàng tuần, hàng năm cũng đều tiếp đón những đội cầu quốc tế như Pháp, Thuỵ Điển, Áo, và các đội bóng Á Châu Đại Hàn, Mã Lai, Nam Dương, Tân Gia Ba, nhiều nhất là Hồng Kông với hai đội bóng quen thuộc tên tuổi là Ô Tô Buýt và Nam Hoa. Khi tiếp đón các đội cầu quốc tế, Sài Gòn đưa ra đội Tổng Tham Mưu, A.J.S và Cảnh Sát, vì ba đội này chính là nòng cốt của đội tuyển Việt Nam khi thi đấu quốc tế. Trong đội Tổng Tham Mưu có đệ nhất thủ môn Phạm Văn Rạng giữ khung thành, hàng phòng thủ có Tỉ hậu vệ, Thanh, trung ứng, hàng tiền đạo có Mành, Há, Ngầu, Hùng I, Hùng II. Đội A.J.S với màu áo trắng, quần xanh có Lâm Kinh, Pierre, Myo, Thách, Don (Kane), nhất là trung phong mang áo số 9 Phan Văn Mỹ luôn gây sóng gió trước khung thành đối phương. Đội Cảnh Sát áo màu xanh lá cây, Quí trong khung thành, hậu vệ Quới, Waico, tiền đạo có mũi tên vàng Tư, tả nội Lê Hữu Đức, và trung phong Được. Trên sân nhà, các đội Sài Gòn đá rất ngang ngửa với những đội cầu quốc tế Châu Âu, và trên chân rất nhiều đội cầu trong khu vực Châu Á.

Ngày Quốc Khánh 26 tháng 10 năm 1960, sân banh quốc tế Cộng Hoà được khánh thành. Đây là sân rộng, có sức chứa 35,000 khán giả, trở thành sân đấu quốc tế chính thức cho những kỳ giải về sau. Năm 1960, giải Quốc Khánh có ba đội Nam Dương, Mã Lai, Tân Gia Ba tham dự và đội tuyển Sài Gòn đã đoạt Cúp vô địch. Những năm tiếp theo, Tổng Cuộc Túc Cầu Việt Nam gởi thư mời các đội quốc tế đến thi đấu nhiều hơn. Những đội bóng tên tuổi của thế giới đã đến Sài Gòn có đội Pérou, đội Young Boy, đội Djugarden của Thuỵ Điển, đội Úc, và những đội cầu Á Châu như Nhật, Miến Điện, Trung Hoa Quốc Gia.

Ngày hôm nay chắc nhiều người vẫn còn nhớ đến tên tuổi các cầu thủ cũng như bao nhiêu chiến thắng oanh liệt của đội tuyển Sài Gòn thời kỳ đó. Trước tiên, xin nhắc đến trận đội tuyển Cảnh Sát Đô Thành đá bại đội Ô Tô Buýt Hồng Kông với tỉ số áp đảo 4-1. Trận đấu rất hay đẹp với nhiều pha bóng tấn công gây sóng gió trước khung thành. Người hùng tả nội Lê Hữu Đức, một mình ghi ba bàn thắng, còn một bàn kết thúc tỉ số chung cuộc là của mũi tên vàng Tư. Không chỉ riêng đội Ô Tô Buýt, mà đến cả đội vô địch Nam Hoa, và đội tuyển Trung Hoa Quốc Gia cũng phơi báo trước các đội A.J.S, Tổng Tham Mưu, và đội tuyển Sài Gòn. Năm 1962, trên đường đi tham dự giải bóng tròn thế giới, đội tuyển Trung Hoa Quốc Gia dưới sự dìu dắt của cầu vương Lý Huệ Đường đã ghé Sài Gòn đấu giao hữu với đội tuyển Sài Gòn. Đây là trận đấu rất sôi nổi và đẹp mắt. Trong đội tuyển Trung Hoa Quốc Gia có mặt Hương Cảng Chi Bảo Diêu Trác Nhiên, trung phong số I Trương Tử Đại, thủ môn Quách Thu Minh, và con trai của Lý Huệ Đường là Lý Dục Đức. Với một thành phần hùng hậu như thế, ai cũng nghĩ rằng đội Trung Hoa sẽ dành chiến

thắng dễ dàng. Nhưng, đội Sài Gòn có Rạng, Vinh, Rỏn, Tam Lang, Pierre, Há, trong một chiều ra quân xuất sắc đã đá bại đội cầu của Lý Huệ Đường với tỉ số 2-0.

Sau trận này, đội tuyển Sài Gòn được cầu vương Lý Huệ Đường khen ngợi, đánh giá là một trong những đội cầu mạnh của khu vực Á Châu. Cũng trong năm 1962, đội Sài Gòn đã tiếp đón đội quốc tế Pérou. Đây là đội tuyển quốc gia đã từng dự nhiều giải WORLD CUP. Đến Sài Gòn, đội Pérou thi đấu hai trận. Trận thứ nhất, đội Pérou đã thua đội Tổng Tham Mưu 1-2. Người hùng trong trận đấu này là thủ môn Đực II. Trong một chiều đầy phong độ, Đực II đã giữ vững khung thành trước sức tấn công ồ ạt của đội Pérou, và thật xuất sắc khi bay người phá bóng một quả phạt đền do thủ quân đội Pérou sút rất độc hiểm. Thua trận đầu, đội Pérou bị mất mặt, qua trận sau đấu với đội Sài Gòn, họ đá rất quyết liệt nhưng chỉ thắng được một bàn mỏng manh phục thù cho trận thua ngày đầu thôi.

Năm 1966, đội tuyển Sài Gòn được sự dẫn dắt của một huấn luyện viên nước ngoài, ông Weigang người Đức. Năm đó, Weigang dẫn đội cầu Sài Gòn đại diện cho V.N.C.H. đi dự giải túc cầu vô địch Á Châu Merdeka. Trước ngày giải khai mạc, các chuyên gia thể thao đều đánh giá đội Đại Hàn, hoặc đội chủ nhà Mã Lai sẽ đoạt Cúp. Nhưng mọi dự đoán đều sai, và hơn bất cứ huấn luyện viên nào trước đây, Weigang đã đem lại vinh dự cho nước V.N.C.H bằng chiến thắng của đội Sài Gòn trong trận chung kết hạ Miến Điện với tỉ số 1-0.

Một trang báo xưa: Đội tuyển Việt Nam năm 1954

Ngày hôm diễn ra trận chung kết, vận động trường Kuala Lampur với sức chưa hơn 50,000 khán giả không còn một chỗ trống. Khi được tin mừng đội Việt Nam vào chung kết, kiều bào Việt ở Mã Lai đã đi xem rất đông để cổ vũ. Phút thứ 25, tiền nội Đỗ Thới Vinh mở một đường bóng chính xác ngay tầm sút chân trái của Chiêu, trung phong số 1 của đội tuyển Việt Nam đã dứt điểm bóng tung mành lưới ghi bàn thắng trước sự reo hò của cả 50,000 khán giả có mặt ở trên sân. Từ trên các khán đài, kiều bào Việt hô to hai tiếng Việt Nam, gọi tên những cầu thủ Sài Gòn thân yêu đã để cho họ niềm hãnh diện về đất nước mình. Trong lễ trao Cúp, thủ quân Tam Lang bước lên bục khán đài danh dự, nhận chiếc Cúp vô địch Á Châu được trao từ tay của Vương quốc Mã Lai.

Những phút giây lúc đó đã thuộc về lịch sử. Riêng về thể thao, Sài Gòn đã đảm đương trọn vẹn vai trò của mình đối với đất nước, đem rất nhiều vinh dự về cho Việt Nam./.

NHỮNG BƯỚC LANG THANG TRÊN HÈ PHỐ SÀI GÒN

BÌNH NGUYÊN LỘC

HUI NHỊ TỲ I

Nếu bạn không tin dị đoan và không sợ rông trong tháng đầu năm thì tôi xin bạn... hui nhị tỳ với tôi chơi. Hui nhị tỳ là một động từ kinh khủng, kinh khủng cho đến nỗi người ta không dám nói tiếng Việt mà lại dùng tiếng Tàu để cho cái nghĩa bí ẩn của ngôn ngữ ngoại quốc giúp cho đỡ sợ.

Người chết bị bỏ quên! Cho đến cả người thân yêu của họ cũng bỏ quên họ: Bạn sẽ chết. Như thế bạn có tủi trước cho số kiếp bạn hay không? Nếu có thì nên đi thăm họ vậy.

Bước lên xe kiếng (1) đi viếng mả chồng
Cỏ non chưa mọc trong lòng thọ thai...

Hai câu ca dao Sài Gòn trên đây cho ta thấy cả cái chua xót của một người bị đời bắt an trí ở một xó nào đó để họ rảnh nợ mà trở vô guồng sống quay cuồng của họ.

Hui nhị tỳ buồn lắm. Để cho bạn khỏi thấy cảnh:

Sè sè nấm đất bên đàng...

mà mũi lòng rồi vạch da cây mà đề thơ cho ma nó hiện lên lôi thôi lắm, tôi xin đưa bạn đến một nhị tỳ vui.

Đó là nhị tỳ của các Hội đồng hương của các tỉnh miền Nam.

Đường đi Bà Quẹo. Khỏi cột dây thép gió một đỗi, bạn quẹo qua tay mặt để vào chùa Ông Tạ.

Qua khỏi chùa, cảnh như cảnh quê miền Đông với những con đường mòn núp bóng bờ tre, với các cây rơm phơi giữa đám gốc rạ. Rồi thì tới cửa nghĩa địa.

Bạn ở Sa Đéc trôi nổi lên đây làm ăn mà rủi có mạng hệ nào, bạn đừng lo bỏ thân nơi xứ người. Trong nghĩa địa, bạn sẽ gặp đủ mặt người đồng hương giữa một ô riêng dành cho tỉnh Sa Đéc.

Những đêm mưa dầm, ma ở đây chắc không lạnh bao nhiêu, vì quanh họ đông đúc những gương mặt thân yêu, tha hồ mà trò chuyện cho ấm lòng.

Tỉnh này muốn qua tỉnh kia thăm bạn, chỉ phải bước qua một hàng rào. Gần hai mươi tỉnh sát cách nhau để dựng lên một miền Nam trong cõi âm.

Người sống hay đòi thống nhất nhưng họ lại bắt người chết phân ly: Bắc Việt nghĩa trang, Trung Việt nghĩa trang và Nam Việt nghĩa trang này là ba thế giới riêng biệt không có đường xe lửa nối liền.

Riêng dân chết của Nam Việt họ tự trị mỗi tỉnh một ô riêng ngăn ranh giới bằng dây kẽm gai, ý chừng để ngừa xâm lăng.

Có một bà kia người Cần Thơ mà lấy chồng là dân Biên Hòa. Khi bà mãn phần, gia đình bà bối rối hết sức không biết đưa linh cữu của bà về xứ hay về quê chồng, mặc dầu hai nơi đó chỉ cách nhau có mấy mươi bước.

Rốt cuộc người ta kết luận: Cần Thơ và Biên Hòa xa nhau không tới một cắc tiền xe thì ai nằm xứ nấy.

Ngày sau hai vợ chồng ông này thăm nhau chắc tiện lắm.

*

Về tới nửa đường, bạn quẹo qua tay trái, theo đường Hai Mươi (Phan Thanh Giản) để vô vườn Bà Lớn!

Đây là nhị tỳ tư gia, nhưng đồ sộ không kém một nhị tỳ công cộng.

Trước chiến tranh, từ đường của họ Đỗ Hữu này nằm riêng biệt một nơi hẻo lánh, đứng trước cổng có thể ngắm mặt trời lặn trên cánh đồng hoang bên kia đường Hai Mươi.

Nghĩa địa này trước được một lũy tre dày mịt bao bọc lấy.

Nhưng vì chiến tranh ở thôn quê nên người sống đã tràn đến đây đốn rụi lũy tre xanh mà cả vườn xoài bên trong cũng không còn một cây để che mồ.

Những con đường trải sạn trắng trong nghĩa địa đã biến thành những lối mòn ngập đất bột

và cái ao sen ở giữa ngày xưa liễu rũ soi bóng dưới nước xanh lơ, bây giờ dùng làm hầm đổ rác.

Kẻ chết củng cố thành trì cẩn thận bằng dây kẽm gai nếu không, làn sóng người cứ xung phong vô mãi thì nguy mất. Tuy thế, đám đất giữa nhà mồ và những ngôi mộ chánh cũng đã bị người ta vun vồng để trồng hoa và người ta thả bò nghỉ mát.

Nơi đây là nơi mà các học sinh thi sĩ của trường P.Ký thời tiền chiến thường lui tới để tìm yên sĩ.

Ngày nay thơ ở đây vẫn còn, nhưng không phải là thơ tươi đẹp nữa, mà là những vần tuyệt vọng khóc cảnh điêu tàn.

Tôi đi vòng quanh đó để tìm ngôi mộ của cô V.T.L chết năm 18 tuổi. Hồi còn là nội trú trường P.Ký tôi đã nghịch về ngôi mả này khiến một số học sinh kinh hoảng và khiến có bạn đang duy vật bỗng ngã qua duy thần (2).

Tấm mộ bia vẫn còn tươi nét vàng nhưng nhiều tảng xi măng của ngôi mộ đã long ra, nằm lăn lóc trước đó.

Vô số là chó hoang chơi giỡn trước mộ của cô gái nửa chừng xuân gãy cành thiên hương ấy, còn ngôi mộ của ông phi công vị Pháp quốc vong xu là nơi trẻ quanh xóm xé rào vào đánh đáo.

Ai ôi, có lập nghĩa địa thì nên đoán trước sức bành trướng của thành phố trong vòng một trăm năm để khỏi bị đào hào đắp lũy mà vẫn bị xâm lăng như thường.

*

Về vụ người sống lấn người chết, cảnh rõ rệt nhứt là cảnh đất thánh của nhà thờ ở Cầu Kho.

Đất thánh ấy ở giữa trung tâm thành phố, bạn bước tới mà xem.

Những ngôi mộ bia bị giấu mất dưới những nếp nhà lá nhỏ như chiếc khăn mù xoa, rồi trong đó, đám người kẻ dương gian người âm cảnh, ngủ chung với nhau.

Nếu có ma thì ma ở đây rất sợ người ta, những người lì lợm, mả mới mả cũ gì họ cũng cất nhà chồng tới lên.

Nhiều nhà mồ biến thành trại mộc và có vài ngôi mộ có rào sắt, bị người ta dùng làm chuồng heo.

Ở đây dương thịnh mà âm suy, ông lang nào có muốn bốc thuốc hiệu nghiệm thì tôi xin mách một toa toàn vị bổ âm:

1)Đất trống vài mẫu

2) Cây lá vài trăm xe

3) Sở phí dọn nhà vài trăm ngàn

Mấy vị thuốc này uống vào thì âm hạ ngay cho dương thịnh trở lại. Toa gia truyền này là toa "giải tỏa và định cư". (3)

*

Các bạn có muốn xem một nhị tỳ tản cư hay không?

Các bạn cứ lên đất thánh Chà. Đất thánh ngày nay là trú xá của nhân viên Sở rác và là cái kho chứa xe của Sở rác.

Ở đây âm đã hoàn toàn suy kiệt và cõi âm đã trong sáng những ngôi nhà xinh xắn và những tiếng trẻ vui tươi.

Nhưng dấu vết âm vẫn còn ràng ràng. Một đống đá xanh, tấm nào cũng to gần bằng bộ ván chất cạnh câu lạc bộ giữa sở đất.

Đó là mộ bia nằm, theo lối Âu châu của những ngôi mộ bị bốc.

Tại sao lại kêu là đất thánh Chà?

Thật là bí mật. Tôi đã xem kỹ những tấm mộ bia ấy. Tấm nào cũng khắc tên Tây cả, những ông Tây bà đầm đã tới đây trong thời chinh phục.

Ngày nay họ tản cư về đâu không biết, ta hui nhị tỳ để thăm họ, họ dời nhà mà không để địa chỉ lại thì thôi vậy.

Từ đây âm dương đôi ngã, người chết ôi! Kẻ sống đã quen các người khi đọc bài này.

1957

(1) Một thứ xe bốn bánh do hai ngựa kéo, rất thạnh hành ở Sài Gòn ngày xưa.

(2) Câu chuyện đã kể rõ trong bài "Ma đề thơ" in thành sách trong quyển "Tân liêu trai".

(3) Nghĩa địa này đã gợi hứng cho tác giả viết truyện *Ba con cáo* (Ký thác) và ngày nay đã bị giải tỏa để làm phố Nguyễn Cư Trinh.

HUI NHỊ TỲ II

Đi trên vỉa hè phố Bùi Chu đến góc Bùi Chu – Bùi Thị Xuân bạn bỗng nghe một cảm giác là lạ dưới chơn. Vỉa hè đất thịt bằng phẳng bỗng gập ghềnh và làm cho tiếng giày của bạn vang lên.

Nhìn xuống, bạn mới nhận ra dấu vết của một mả vôi trám cả bề rộng khá lớn của vỉa

hè.

Ty kiều lộ chính đô thành phá ngôi mộ này, đã khổ sở trước sức kháng cự của chất ô đước nên thối chí không phá sát gốc. Nhờ thế ta mới biết được rằng thành phố của ta xây cất trên một bãi tha ma minh mông.

Ở đâu cũng có mồ mả hết, đó là chỉ nói đến những ngôi mả vôi ô đước kiên cố, chớ nếu kể thêm mả đất thì chắc không một thước vuông thổ cư nào mà ở dưới không nghỉ yên một bộ xương nhỏ.

Ở đâu cũng mả hết, nhứt là Ô Ma. Người ta nói Ô Ma tức là "Phía vũng lầy" (Aux mares) của tiếng Pháp.

Sao ta chôn xác người ở xóm vũng lầy? Thật là khó hiểu. Vì không cắt nghĩa trôi nên đồng bào miền Bắc đùa rằng Ô Ma tức là ngoại ô có nhiều ma, bằng cớ là mả mồ lểnh nghểnh ở đây.

Bạn nào có ở Sài Gòn lâu đều nhớ rằng thành ngã bảy, trường P.Ký, nhà thương Từ Dũ đều cất trên bãi tha ma đông hằng nghìn nấm mộ.

Mồ mả ở Sài Gòn thân mật quá chừng. Người ta sinh hoạt giữa mồ mả như quen biết với ma dữ lắm. Ở cổng xe lửa Mỹ, bên hông nhà thương Từ Dũ có hai ngôi mộ song hồn khá to. Trên mộ có cây mọc. Người ta treo võng dưới tàn cây vào những trưa hè, người ta đong đưa kẽo kẹt trông rất an nhàn. Ngộ nghĩnh nhất là tấm bảng hiệu "hớt tóc" cắm trên đó, cạnh chiếc võng. Khách hớt tóc cứ ra vào cái tiệm lộ thiên ấy mà không chút sợ sệt e dè.

Ma Sài Gòn hợp tác đắc lực với người. Trong chợ Cây Điệp, tại xóm vựa củi, có một ông đánh đề.

Ông ấy thua đậm đến cùng đường, nên một chiều kia ông ta ra quì trước nấm mộ đất cạnh nhà mà khấn vái. Lạ sao, đêm đó ông ta trúng to rồi tiếp tục trúng liên tiếp hàng tuần.

Ông ta đã cất nhà ngói hẳn hòi, sửa sang nấm mộ ấy và mãi đến ngày nay, sòng bạc đóng cửa đã lâu mà chiều nào ông ta cũng đem hương khói ra trước mồ để tạ lễ cả.

Ma không bỏ người, mà người cũng chẳng bạc nghĩa, cảm động thay!

Những nấm mộ đất hoang lạnh, lắm khi cũng gặp đại phúc. Thí dụ như một nấm mộ hoang kia ở Bàn Cờ. Mộ này được diễm phúc chùa Tam Tông Miếu cất chồng lên. Nó nằm ngay giữa sân trong cửa chùa.

Thế là mộ đất được phủ lên một lớp xi măng và hưởng hương khói suốt ngày, từ cái thuở mà đại lộ Cao Thắng còn là một con đường to bằng hai bàn tay xòe, mãi cho đến ngày nay mà chùa to thêm và đẹp thêm.

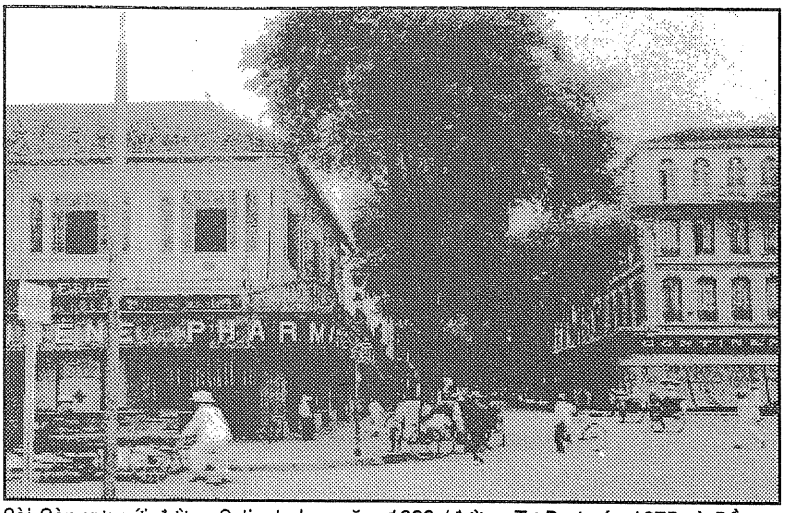

Sài Gòn xưa với đường Catinat chụp năm 1923 (đường Tự Do trước 1975 và Đồng Khởi ngày nay)

*

Tôi đã chứng kiến cuộc dời mồ của đại tướng Nguyễn Văn Học từ đường Cây Thị qua góc dinh hành chánh Gia Định và cứ lấy làm tiếc rằng tại sao người ta không bảo tồn "Lục lăng" như đã bảo tồn mộ của vị đại tướng kia.

Người Sài Gòn mình thường hay "thăng quan" bất kỳ ai. Mộ quan to họ dám gọi là lăng thì sáu cái lăng ở ngõ hẻm Lục Lăng bên hông thành Ô Ma chắc là sáu nhân vật quan trọng hơn đại tướng Nguyễn Văn Học nhiều lắm.

Ngày nay, sáu cái "lăng" ấy không để lại một dấu vết nào cả, không một nhà bác học kịp nghiên cứu lối kiến trúc đồ sộ của nó và bao nhiêu bảo vật chôn dưới mồ, bảo vật này thế nào cũng phải có, vì dưới mộ đại tướng Nguyễn Văn Học đã có kia mà.

Mộ Lái Gẩm ở góc phố Nguyễn Văn Tráng năm xưa cũng đã bị hoang phế nhưng giờ được sửa sang giữ gìn. Nhưng mộ này lại không cổ

như Lục Lăng!

*

Cuộc đập phá ngôi mộ được kiên cố cuối cùng có lẽ là công tác quật mồ lúc mở con đường Vĩnh Viễn.

Thấy dân phu của ty lộ chính hì hục không ai không tự hỏi tại sao các kỹ sư ta lại không phân chất mủ ô đước để rồi nhái theo thiên nhiên mà chế hợp chất giống ô đước. Hợp chất này sẽ là một thứ xi măng siêu phẩm được hoan nghinh trên thị trường quốc tế và rủ về nước không biết bao nhiêu là ngoại tệ cần thiết cho nền kinh tế của ta.

*

Thành Phiên An ngày xưa rất bé nhỏ, nhưng sao mồ mả của dân thành phố ấy lại chiếm hết đất Sài Gòn ngày nay? Đó là vì mả ấy gần sanh phần của trên mười thế hệ người. Người Việt ta đến Sài Gòn đã trên ba trăm năm rồi, bạn nhớ chớ?

Ba trăm năm! Họ đã cần cù, đau khổ, vui sướng khóc cười để tạo nên Sài Gòn của bạn ngày nay!

"Này ai ơi! Thử trèo bức tường đổ, trông quãng đồng xa, mồ con mả lớn, chỗ năm chỗ ba, chẳng quan thời dân, chẳng trẻ thời già, trước cũng người cả bây giờ đã ma! Nào tiền, nào của, nào cửa nào nhà, nào con nào vợ, nào lợn nào gà, nào câu đối đỏ, nào mành mành hoa, nào đâu đâu cả mà nay chỉ thấy sương mù nắng rãi với mưa sa!"

Đoạn văn biền ngẫu trên đây là của Tản Đà. Tôi xin mượn để ngậm ngùi thương những ngôi mả cũ bên đường, và nhất là ngậm ngùi thương trước những ông ở nhà lầu, đi xe hơi, có bốn cô vợ bé ngày nay.

Năm 1999, các ông cũng sẽ nằm xó nào trong đô thành, để cho con cháu chúng ta có dịp mà than thở.

1957

THẦN THÁNH SÀI GÒN

Trừ vài cái miễu đá có sẵn từ trước, như miếu Ngọc Hoàng ở Đất Hộ mà người ta quen gọi là chùa Ngọc Hoàng hay như cái miễu con con ở đường Ngô Tùng Châu, thì những nơi trú ẩn của thần thánh trong đô thành bị thu hẹp một cách thảm thương.

"Tiên đã chết!" Đó là tiếng kêu than của nhà văn thủ cựu Alphonse Daudet, trong một truyện ngắn cảm động.

Đọc Alphonse Daudet, người ta buồn cho vui vậy thôi, rồi người ta cứ việc quên tiên và thần thánh, vì cuộc vật lộn để sống đã trở nên quyết liệt, thảm khốc lắm rồi.

Trong cái đám phụ thần ấy, tuy nhiên cũng còn sót lại vài kẻ trung kiên kỳ lạ. Trong cuộc xô lấn của người sống, họ cố giành cho thần thánh một cái bến nho nhỏ gọi là tỏ chút tâm thành.

Thần thánh có ngự được giữa chốn ồn ào và ô trược này không thì không rõ nhưng chắc chắn là còn nguyên vẹn trong lòng của những người này cho đến lúc họ xuống mồ.

*

Cái miễu to hơn hết là cái miễu dưới gốc đa trong vườn Tao Đàn tại cửa Trương Công Định. To hơn hết nhưng hẹp hơn cái buồng nhỏ nhứt của bất cứ nhà nào ở các xóm lao động.

Bé thế mà xinh xắn lắm, chạm trổ tỉ mỉ và sơn son thếp vàng trông như đồ mả sắp được đốt xuống âm ti.

Khách thừa lương qua đó không ai mà không như nghe văng vẳng câu hát ru em:

Cây da trước miễu cây da tàn,
Bao nhiêu lá rụng thương nàng bấy nhiêu.

Thương nàng là phải. Lúc chưa mở con đường xuyên viên, chỗ này vắng vẻ. Nàng hay đứng đợi Chàng. Có lẽ Nàng đã chết rồi, hay đã đi lấy chồng mà gặp phải bến đục, nên Chàng nhìn chốn cũ mà ngậm ngùi.

Miễu này đã có vài năm trước chiến tranh, dưới một hình thức hết sức thô sơ.

Một bà lão từ sáng đến chiều cứ dập đầu lạy gốc đa. Thế rồi người ta bu lại khấn vái và cúng lễ, biến gốc đa thành cái miễu lộ thiên.

Một ông đô trưởng người Pháp, vừa là thi sĩ vừa là cáo già, trông thấy cảnh đó bèn cho hợp thức hóa cái miễu bất hợp pháp ấy.

Là thi sĩ, ông ta nhận thức được cái quyến rũ đối với du khách ngoại quốc của cảnh cúng lạy kia. Ngoại tệ sẽ vào xứ một phần nào nhờ vị thần ấy.

Là cáo già, ông ta làm thế để được lòng dân, tỏ ra ta đây kính nể tín ngưỡng của dân bản xứ lắm!

*

Bé hơn cái miễu cây da vườn Tao Đàn là cái

miễu bịnh viện Bình Dân.

Ai đi trên con đường Hai Mươi mà tò mò một chút là thấy ngay cái miễu kỳ dị ấy. Nó to chỉ bằng chiếc thùng thông đựng bốn mươi tám hộp sữa bò, nằm trên đầu của một cây trụ hàng rào nhà thương trông từa tựa như "Chùa một cột."

Miễu đúc bằng xi măng kiên cố thì tức là nhà thương đã chánh thức nhận cho nó nằm đó rồi.

Cảm động thay lòng tốt của nhà thương. Không biết được ông bác sĩ giám đốc bịnh viện tên gì để ghi vào sổ những kẻ có lòng.

Ở đây không có gốc đa, nhưng dưới chân trụ rào dân chúng quanh vùng cứ đem ông táo bể đầu, ông vôi mẻ miệng mà đắp lên cao ngồn ngộn khiến ta nhớ đến nỗi lo âu của dân Việt Nam ngày xưa kia nỗ lực đắp cho trụ đồng Mã Viện khỏi ngã hầu dân tộc ta khỏi bị diệt theo lời hăm dọa khắc trên trụ đó.

Cứ lâu lâu, cảnh sát đem xe đến hốt xác ông táo ông vôi một lần nhưng vài ngày sau là đâu vào đó cả, nghĩa là ông táo ông vôi khác lại đến. Hay là các ông này linh thiêng quá mà hiện trở lộn về?

Xác người cứ ra khỏi nhà thương bằng cửa sau, còn xác hai vị thần thì đi ra bằng cửa trước. Xác người đi vô nghĩa địa còn xác thần về đâu?

Chiều chiều những người bịnh nằm nhà thương ra đó thắp nhang khấn vái. Sáng sáng, những con bịnh đã khỏi, trước khi rời ngôi nhà cứu tinh này, cũng ra đó mà lễ tạ thánh thần đã phù hộ cho họ qua được cơn nguy. Nếu họ lành bịnh được là nhờ thánh thần, chứ bác sĩ làm gì cãi được mạng trời.

Sự sùng bái ấy đáng lý chạm lòng tự ái của các vị bác sĩ ở đây lắm. Nhưng lại không. Đáng phục thay! Chẳng những họ không ganh tỵ với thánh thần, họ còn cho phép xây miễu bằng xi măng (trước kia miễu ấy bằng gỗ).

Ông giám đốc bịnh viện này quả là một thi sĩ. Danh từ thi sĩ tôi gán cho ông đô trưởng người Pháp hồi nãy là nói mỉa mai đấy. Lần này tôi nghiêm trang và thành thật tin tưởng như thế.

Một người bạn bảo ông bác sĩ ấy duy thần. Tôi chỉ cười. Kết luận vội quá thường khi sai.

Điều chắc chắn là ông ta rất thi sĩ. Ông đã rung động trước lòng tin của những con bịnh bình dân của ông nên mới dung thứ và hơn thế khuyến khích sự cúng lạy ở một nơi mà người ta chỉ sợ có thế lực của các thứ thuốc trụ sinh và các lưỡi dao mổ.

Ông lại là tay sành tâm lý. Con bịnh họ tin khoa học hay tin thần thánh nào có quan trọng gì. Việc chính là họ phải có lòng tin mới chóng khỏi bịnh. Mà họ khỏi bịnh là điều đáng kể hơn hết.

Hoan hô bịnh viện Bình Dân!

*

Các bạn đi ngang qua rạp Thành Xương, có để ý đến cây vông nem, bên kia đường, ngay trước cửa rạp hay không? Đó là một cây vông rất hiếm hoi ở Sài Gòn mà nếu các bạn không thấy là điều đáng tiếc vì thỉnh thoảng nó rắc máu trên vỉa hè trông rất nên thơ.

Cây vông ấy, đặc biệt trên cháng hai của nó có gác một cái miễu con bằng gỗ, còn bé hơn cái miễu bịnh viện Bình Dân nhiều.

Sáng sáng, các bà các cô đi chợ hay khấn vái dưới miễu, chắc để cầu xin thần thánh níu

ĐỖ QUANG NGHĨA

Thánh Gióng

Mẹ mang thai
rồi sinh ra con,
vẫn còn là trinh nữ.
Điều đó người ta biết mà không ai nói.
Ba năm con không nói không cười
mẹ cũng làm sao mà cười mà nói.
Loạn tan con trở về trời - con thành thánh
Dùng sức để đuổi giặc còn là điều dễ nhất.
Mẹ không nhớ một ông Thánh Gióng
mẹ nhớ một thằng bé lên ba.
Không ai cúng thờ niềm thương nhớ ấy
Tre ngà, mây trắng, nắng miên man.

08.03.04

chân níu cẳng các ông đừng cho các ông đi đêm nữa.

Người ta bảo nhỏ rằng đào kép ở hai rạp gần đó cũng thường cầu khẩn dưới miễu, chắc để cầu tài. Tài đây là tài diễn xuất.

Nhưng đó là họ đồn bậy, chứ không phải tôi quả quyết như thế, xin anh chị em diễn viên đừng đính chánh mất công.

Đi trên vỉa hè đại lộ Trần Hưng Đạo, từ ga ra Nguyễn Văn Hảo ra hiệu kem Phi Điệp, nếu bạn ngước mặt lên trời thì bạn sẽ thấy một cái miễu con kia, cũng bằng gỗ, treo ở lan can bao lơn một dãy lầu, trông giống như một lồng bồ câu tí hon.

Ở đây lầu cao, đường rộng, xe hơi chạy dập dìu cái miễu ấy như buông một nốt nhạc ngang cung trong bản nhạc cuồng loạn của thành thị.

Thần thánh chắc bực mình lắm, vì bên này là tiệm nhảy Kim Sơn, bên kia cũng tiệm nhảy Văn Cảnh, ô trược quá đi mất.

Nhưng ngộ nghĩnh hơn hết là chiếc bàn thờ con trong tòa soạn nhựt báo Buổi Sáng. Bàn thờ treo trơ trơ trên vách tường, ngay sau lưng ông giám đốc chủ nhiệm.

Có lần tôi hỏi anh Tam Mộc:

- Thờ ông gì đó vậy đại ca?

Tam Mộc chỉ cười hà hà không đáp mà lại nói:

- Bàn thờ ông thần này đã nổi danh trên trường quốc tế. Nhiều ký giả ngoại quốc đã vào đây và không anh nào là không dòm nó một cái.

Có lẽ đó là bàn thờ ông Văn Xương, tổ của thợ nhà in.

CHÙA CHIỀN, ĐỀN MIẾU

Không hiểu vì lý do nào mà dân Sài Gòn lại gọi là "chùa" tất cả những đền thờ bất kỳ ông gì: thờ Ngọc Hoàng cũng chùa, thờ thần Vichnou cũng chùa.

Có lẽ vì họ thèm chùa quá hay chăng? Thèm chùa vì phải thú thật rằng ở Sài Gòn không có ngôi chùa nào xứng danh là chùa của thành đô cả.

Chùa Tam Tông Miếu chăng? Chùa Tam Tông Miếu đã được sửa chữa lại, phong độ cũng khá hùng vĩ đó.

Nhưng lối kiến trúc kỳ quặc của ngôi chùa này khiến con người bỡ ngỡ biết bao. Phía trước mặt tiền chùa có dáng Tàu cổ, nhưng phía sau, cái nóc tròn lại nhắc nhở đến lối kiến trúc Thổ Nhĩ Kỳ hay La Mã.

Chùa Kỳ Viên tự thì không khác nhà ở chỗ nào hết.

Chùa Xá Lợi mới cất, trông thật đồ sộ, nhưng trừ mái cong ra còn thì không thấy điểm nào đượm mùi thiền hết.

Chùa Linh Sơn ở Cầu Muối có được một tượng Phật ngồi dưới gốc bồ đề ở sân trước, nhưng cũng chỉ được có bao nhiêu đó thôi, còn thì các ngôi nhà đều hệt như nhà ở.

Đành là Phật ở trong lòng ta, và chùa đất có thể chứa Phật vàng, nhưng đây nào phải là chùa đất. Mỗi ngôi chùa xây cất tốn kém hàng triệu bạc thì tại làm sao không cho nó một cái dáng điệu chùa?

Vẻ ngoài rất có ảnh hưởng đến lòng tin tưởng của nhân dân, lại rất quan hệ đối với thẩm mỹ kiến thị thì tưởng đô thành cũng nên khó tánh mỗi khi cứu xét những đồ án xây cất chùa chiền.

Tôi đã được thấy người Mỹ xuống tận Định Tường viếng chùa Vĩnh Tràng và lên tận Bình Dương viếng chùa Hội Khánh thì đủ biết họ thất vọng chùa chiền ở đô thành lắm vậy.

Tại sao chùa tiểu thừa lại không cất theo kiến trúc Ấn Độ, chùa đại thừa theo kiến trúc người Trung Hoa mà cả hai đều giống nhà Tây cả?

Ta cứ xem gương bên Cơ đốc giáo. Một nhà thờ tạm ở một ngoại ô xa, chẳng hạn như nhà giảng của đạo Tin Lành trên Hòa Hưng, đường vào khám Chí Hòa. Chỉ có một căn phố ván, rộng hai thước năm thôi mà người ta cũng uốn cho căn nhà hẹp ấy biến theo kiến trúc La Mã được người ta mới nghe cho.

Sài Gòn của ta không có chùa ra hồn chùa về mặt kiến trúc, mà cho đến khía cạnh cổ kính của các ngôi chùa ta cũng không có tuốt.

Ngôi chùa cổ nhứt của ta có lẽ là ngôi "Chùa Y Tổ" bên Khánh Hội.

Nhưng nó lại không phải là chùa. Tại ta ưa gọi hỗn loạn như vậy đó thôi, chớ thật ra nó là cái miễu.

Trước miễu người ta cũng đã đề rõ là "Văn Miếu Y Tổ" kia mà!

Nhưng tại sao lại "Văn" thì thật khó hiểu.

Chùa này Tàu đặc vì lối kiến trúc và ngói ống lại được rêu phủ nên phảng phất cái phong vị của sự lâu đời.

Nhìn "Chùa Y Tổ" ta bùi ngùi nhớ đến ngôi chùa Cây Mai ngày xưa kia, trụ sở của văn phái

Bạch Mai.

Lặng lẽ chuông quen con bóng xế,
Tò le kèn lạ mặt trời chiều (*)

...

Thầm tiếc phải còn phong cảnh cũ
Văn nhân tài tử biết bao nhiêu (* *)

Trong Bà Chiểu có hai ngôi đền lạ mà người trong xóm gọi là "Chùa Bà đầm" và "Chùa Bắc."

"Chùa Bà đầm" không biết thờ ông gì mà chủ nhơn là một phụ nữ Ấn Độ lai gì không rõ. Chùa vắng vẻ chớ không náo nhiệt như "Chùa Bắc" ở đường Lò Heo cũ.

Nơi "Chùa Bắc" ngày nào cũng có con công đệ tử đến múa hát và đờn, kèn trống trổi lên nghe rất lạ tai.

Con công đệ tử mặc sắc phục rất đắt tiền. Xem ra họ mê say lắm, và bất giác ta nhớ ngay đến những bài văn trào lộng của báo Phong Hóa ngày xưa về các ông đồng và các con công đệ tử.

*

Dân tộc Việt Nam rất khoan hồng về tín ngưỡng. Không tôn giáo nào không có đền thờ ở Sài Gòn.

Cái đền thờ của Ấn Độ mà tục gọi là Chùa Bà Đen (sao lại bà chớ không ông?) ở đường Trương Công Định chẳng những được người Ấn mà đệ tử người Việt cũng lui tới đó cũng tấp nập.

Có cả năm ba ông thầy đoán xâm người mình, ngồi đó thường trực trong ấy. Còn đệ tử người mình tới đó vay tiền thì làm ăn cứ như là phát đạt lắm lắm.

*

Đi ngang qua chùa Bà La Môn giáo ở đường Tôn Thất Thiệp, nghe thứ nhạc mà viên kỹ sư trong tiểu thuyết *"Gió Mùa"* bảo phải nghe đến trăm năm mới hiểu được, nhìn mấy ông thầy tu cởi trần mặc khố múa men một cách miễn cưỡng, không ai là không để thần trí lộn ngược dòng năm tháng để lên tận nguồn thời gian mà tất cả nhân loại đều dã man trừ dân Ấn Độ với bộ kinh Huê Đà của Bà La Môn, huyền bí những bộ ba thần Brahma, Vichnou và Civa nặng trĩu ba bức tường ngăn cách bốn hạng dân trong nước ra.

Những con bò thần mập mạp thoáng thấy từ ngoài cửa làm ta nhớ đến một nước Ấn thiếu gạo vì công thần, khỉ thần và bò thần.

Nhưng bầy bồ cu đông nhứt trên lãnh thổ Việt Nam ở trong ngôi nhà chọc trời thu hình phía sau chùa, lại giúp cho ta quên tất cả cảm giác nặng nề vừa có.

*

Cũng là chùa của người Ấn, nhưng ngôi chùa đường Hồ Huấn Nghiệp lại nhắc nhở một nền văn minh khác hẳn. Lối kiến trúc ngôi chùa làm hiện lên thế giới kỳ ảo của Nghìn lẻ một đêm của vùng Cận Đông, Trung Đông.

Nhưng cái lối dập đầu về hướng Tây để khấn Allah lại gợi nhớ nền văn minh du mục của người Á-rập, gợi hình ảnh sa mạc mênh mông và hình ảnh những chàng kỵ mã áo rộng vải bay phất phới dưới gió nóng.

Có một ngôi chùa, hình ảnh trung thành của thời ấu trĩ của bất cứ tôn giáo nào. Đó là chùa của đạo Baha'i trên một căn lầu đường Lê Lợi.

Ngày kia chùa ấy sẽ trở nên đồ sộ như chùa Hồi Hồi hay sẽ mất cả dấu vết của một tôn giáo không bén rễ được?

1957

* Thơ của Tôn Thọ Tường.

** Thơ họa của Lê Quang Chiêu.

PHỐ CỦA THÀNH PHỐ

Đi trên đại lộ Hai Bà Trưng tôi bỗng sực nhớ lại một điều rồi tủi thân cho bọn đàn ông của ta. Là hễ đờn ông được danh vọng thì đàn bà cũng thơm lây, nhưng khi đàn bà nổi danh thì tên tuổi đàn ông càng chìm sâu thêm.

Đành rằng ông Thi Sách chỉ có mỗi một cái công nhỏ đối với nước nhà là bị viên thái thú Tàu giết thôi, nhưng quên mất ông ấy cũng tội.

Vậy nên tôi đã đi khắp Sài Gòn để tìm xem có con phố nào tên là phố Thi Sách hay không? Có. Hoan hô quý vị đặt tên đường đã nhớ dai hơn nhơn dân.

Nhưng mà tội quá, ông Thi Sách ở mãi bên kia nhà thương Đồn Đất, ở xóm ngoại nhân, không bao giờ có người Việt bước chân đến. Ông này đã chết vì tay ngoại nhân mà hương hồn ngày nay vẫn lẩn quẩn với ngoại nhân.

Ông Thi Sách và Hai Bà Trưng chạy song song với nhau cho tới mé nước, và không bao giờ gặp nhau cả, đó cũng là điểm đáng buồn cho cặp vợ chồng ấy.

Ông Nguyễn Thái Học mà còn ngậm cười được vì đã gặp Cô Giang, Cô Bắc ở hai ngã ba chợ Cầu Muối, đằng này ông chồng Bà Trưng chỉ nghe văng vẳng tiếng bà đâu đó thôi.

Bà Sương Nguyệt Ánh cũng không bao giờ đi thăm cha được, vì bà ở xóm Bùi Chu còn cụ đồ lại qui điền mãi tận trên Tân Định.

Vị nữ anh hùng thứ nhì của ta, Bà Triệu cũng bị ta quên mất vì bà cũng ở xóm ngoại nhân, trong Chợ Lớn.

Tuy nhiên cũng phải nhìn nhận rằng đô thành đặt tên rất khéo, Công Chúa Huyền Trân ở một căn phố buồn hiu, sau dinh Độc Lập, buồn như con đường thiên lý ngàn dặm băng rừng đưa công chúa từ Việt sang Chiêm.

Còn cái phố có nhiều tiệm mì, tiệm ăn và tửu lâu trong Chợ Lớn mà đặt tên là phố Tản Đà thì tuyệt diệu bởi vì Tản Đà không phải là thi sĩ mà thôi, lại còn là thực sĩ nữa.

Nếu đô thành có bất công chút ít, chẳng qua là vì quên đó thôi. Chẳng hạn như ông Phan Huy Chú được nêu danh trong Chợ Lớn mà ông Phan Huy Vịnh lại không.

Đô thành lại trọng văn nghệ lắm. Không có nhà văn nhà thơ nào ngày xưa mà không được lấy tên đặt tên phố cả, khiến lũ văn nhân thi sĩ hậu sanh là ta đây cũng nức lòng muốn cố để gắng có thể được biệt đãi như thế về sau.

Chỉ phiền văn nhân thi sĩ của thế hệ ta đông quá, mà đường phố chỉ có hạn thôi, dễ gì tìm được một "chỗ mần."

Có một điều đáng chú ý là họ Nguyễn chiếm đa số trong các phố Sài Gòn. Dân tộc ta họ Nguyễn cũng như dân tộc Pháp họ Dupont vậy mà!

Một người Pháp quen biết kể chuyện rằng thuở Đức chiếm đóng nước Pháp, một khi kia quân đội Đức bố ráp ở một ngoại ô nhỏ tại Ba Lê để bắt ông Dupont nào đó. Cuộc bố ráp thi hành xong thì chúng bắt được tất cả tám trăm mười bảy ông Dupont, vừa già vừa trẻ, đó là chúng đã loại trừ những cậu Dupont oắt con ra rồi đó.

Một cựu thông ngôn nhà binh Pháp ở đây cũng kể rằng một khi kia Pháp ruồng bố ở làng nọ để bắt Nguyễn Thị Hai nào đó. Chỉ một làng ấy thôi, mà họ đã bắt đến bốn mươi tám Nguyễn Thị Hai chẵn chòi.

Vậy thì họ Nguyễn chiếm đến 55 con phố ở Sài Gòn – Chợ Lớn không phải là chuyện lạ. Đó là chưa kể những bà Sương Nguyệt Ánh v.v... cũng là họ Nguyễn mà không nêu họ ra. Bà Đoàn Thị Điểm cũng có người bảo thật ra là Nguyễn Thị Điểm và biết đâu cô Giang cô Bắc lại không là họ Nguyễn.

Họ Nguyễn được ưu đãi như thế, còn họ Tô không biết vì sao lại bị ra rìa. Năm kia trên Hòa Hưng có con phố tên là Tô Hiến Thành. Năm nay không thấy tên phố đó nữa.

Ngoại nhân có công với dân tộc cũng được nêu danh, cho công bằng. Nhưng không hiểu ông J.J Rousseau có công trực tiếp gì với dân tộc ta. Còn ba ngoại nhân khác rất có công là Tích Quang, Nhâm Diên và Sĩ Nhiếp lại vắng bóng.

Sài Gòn có một con phố cong queo một cách rất ngộ nghĩnh, được đặt tên là phố Cống Quỳnh. Thật là khéo, vì cách lập luận và hành động của ông Cống Quỳnh cũng cong cong quèo quẹo như con phố kỳ dị ấy.

Tiếc rằng Cống Quỳnh có lẽ chỉ là một nhân vật tưởng tượng thôi.

Sài Gòn đặc biệt vì có phố không vỉa hè, thí dụ đoạn phố Đề Thám trước dãy nhà cũ đối diện với hông nhà thờ Tin Lành.

Thật ra thì có một vỉa hè rộng độ tám tấc, nhưng đã lì xuống bằng với mặt đường, ô tô tha hồ leo lên và người đi bộ rất lắm khi phải nhảy vào nhà người ta để thoát chết.

Lại có vỉa hè mà người đi bộ không được sử dụng, thí dụ vỉa hè Cô Giang tại chợ Cầu Muối.

Người đi bộ ở đoạn này hễ xuống đường thì bị xe cán, còn lên lề thì bị mấy chị bạn hàng đuổi, vì mấy chị mướn vỉa hè có đóng tiền chỗ đàng hoàng.

Thành ra qua đoạn đường đó y như là qua cầu đoạn trường, lên lề thì đoạn tâm còn xuống phố thì đoạn cẳng.

Có lắm vỉa hè công khai dùng làm ga ra, nói công khai vì xe để trên ấy nằm đó năm này qua năm khác mà không sao cả. Thế nên chỉ mướn một căn phố bé nhỏ thôi mà người ta có thể mở ga ra to là nhờ vậy.

Nói đến vỉa hè không thể không chú ý đến những vỉa hè mức độ khác nhau, khách đang đi bỗng sụp chơn suýt ngã. Ấy, nhà bên này xây cao một tấc năm, nhà bên kia chỉ xây một tấc thôi mà. Vì mạnh ai nấy xây vỉa hè nên vỉa hè lại mang đủ màu sắc có quãng xanh, quãng vàng, quãng xám và lại kiến thiết bằng đủ cả vật liệu: gạch, xi măng, xi măng tráng, gạch thẻ, gạch Tàu, nhựa, đá ong. Sợ nhứt là vỉa hè đá ong trên đường Thủ Khoa Huân. Đá ong lổm chổm khiến bộ hành không lọi chân cũng trặc cẳng.

Nếu đô thành tự làm lấy vỉa hè rồi bắt người ta trả tiền thì tình trạng này đã không có.

1957

NGÀY MỸ, ĐÊM VIỆT

VÕ ĐÌNH

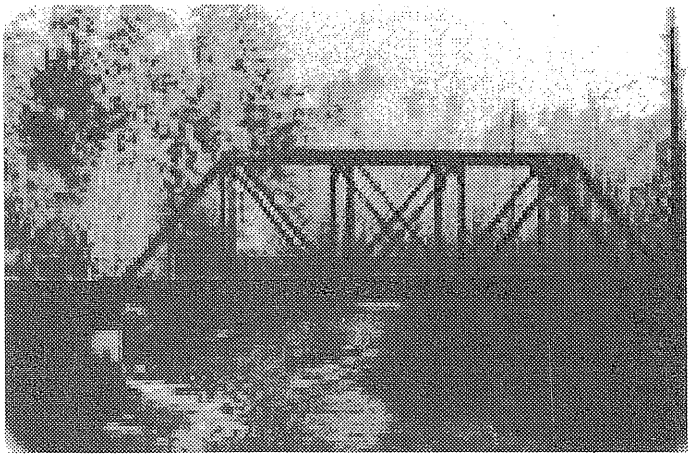

Ở tiểu bang Washington, tây-bắc Hoa kỳ, trong vùng Puget Sound, dưới Issaquah chừng 15 dặm, phía đông- nam, có một thị xã nhỏ mang cái tên rất gợi cảm: *Maple Valley.* Tiếng Anh *maple* là cây phong; *valley* có nghĩa là thung lũng. Chẳng biết có phải trước kia *Maple Valley* là một thung lũng trồng nhiều phong không. Chỉ biết thị trấn chính là một thung lũng, nhưng chỉ thưa thớt đó đây vài cây phong. Đà tiến bộ, tân trang thành phố, đã triệt hạ đi nhiều thứ cây đẹp. Phong là cây xứ lạnh xa xôi, nhưng gợi nên trong tâm tưởng người Việt nhiều cảm xúc gần gũi: *Người lên ngựa, kẻ chia bào/ Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san (...)* "Thung lũng Cây Phong" ít phong, nhưng lại có một cư dân rất đặc biệt. Một người kỳ cục.

Cứ chiều chiều, khoảng 3, 4 giờ, thấy ông già Á đông đứng ở góc Oak và Birch, gần trạm xe buýt. Ông đội cái mũ *baseball* đen, cũ, tóc bạc lòi ra hai bên tai, mắt hí như hai vết nứt trên khuôn mặt gầy, nhăn nheo, lơ thơ vài sợi râu mép và cằm. Lưng đeo cái túi nhỏ, áo quần lùi xùi nhưng nom tươm tất, ông không có vẻ là một kẻ vô gia cư. Ông già có dáng dấp một người thực hành câu "đói cho sạch, rách cho thơm." Nếu ông trút bỏ cái áo gió cũ kỹ, cái mũ *baseball* , cái quần vải thô, và đôi giày thể thao đi mà mặc vào một bộ bà ba trắng, thì chúng ta có một "ông ngoại" tha thẩn nơi vườn trước, chăm sóc mấy chậu cây cảnh! "Kỳ cục," không phải vì ông mặc "Tây." Mà vì cái vái của ông. Đứng ở góc đường đó, kẻ qua người lại không nhiều, nhưng mỗi lần thấy ai bước tới là ông chắp hai tay vái dài. Người được vái khựng lại một tích tắc, rồi tiếp tục bước đi. Lại có người khác bước tới. Ông già lại chắp tay vái. Có lẽ người ta đã quen rồi với những chuyện kỳ lạ hằng ngày xảy ra trên đường phố hay là người ta chỉ tự nhủ đó chỉ là một người có bệnh "tâm thần". Nên không ai làm lớn chuyện. Ông già chỉ vái người lạ trên đường. Hoàn toàn vô hại. Ông vái rất nghiêm chỉnh. Không trì kéo ai. Không khóc. Không cười. Ông chỉ vái. Chiều nào ông già ấy cũng đứng ở góc *Oak* và *Birch*, vái người trên hè phố.

Bà già đã từng thấy tận mắt ông già Á đông đứng ở góc đường, vái dài người qua kẻ lại ấy. Thấy ông đằng xa, bà tò mò. Đến gần hơn, bà định né ông, băng qua đường ngay. Nhưng xe cộ chạy vùn vụt làm bà ngại, chần chừ. Rồi không kịp đổi hướng đi nữa, bà đã đến trước mặt ông già. Trong một thoáng, hai người Á đông nhận diện nhau. Ông già chắp hai tay, vái dài. Lúc ấy, bà già đã bước quá chỗ ông đứng rồi. Nghĩ lại, bà tiếc. Tự nhủ, phải chi mình tỉnh trí, khi được vái như vậy, mình đứng lại, vái đáp lễ thì hay biết mấy. Bà tiếc mà bà cũng buồn cười cái cảnh hai ông bà già Á đông vái lẫn nhau ngoài đường! Như những người đi bộ khác, khi được ông già vái dài như vậy, đột ngột quá, bà không kịp suy nghĩ. Chỉ vội bước đi. Được một quãng, bà ngoảnh lại. Thì ra ông già đứng nhìn theo, thấy bà quay mặt lại, vội chắp hai tay vái dài. Bà lúng túng không biết làm sao, bèn tiếp tục bước đi. Đâu ngờ, chừng mười lăm năm sau, bà già lại thấy mình lẩn thẩn sinh ra một chứng lạ. Đêm nào, bà cũng nằm mơ bà ở Việt Nam.

Ban ngày bà ở Mỹ. Ban đêm bà ở Việt Nam. Không, bà không bị chứng mất ngủ, đêm nằm trằn trọc, tưởng tượng mình đang ở Việt Nam,

rồi nhầm lẫn tưởng tượng với thực tại. Không, bà không hoang tưởng. Bà già còn tinh anh, sáng suốt lắm. Ban ngày, ở Mỹ, bà siêng năng chuyện vườn tược, nhổ cỏ, bỏ phân, chăm sóc cây cối. Ban đêm, bà là người ngủ ngon giấc. Có điều, đêm nào, ngủ, bà cũng nằm mơ là mình đang ở Việt Nam. Tỉnh giấc, bà *biết* là mình đang nằm trong phòng ngủ, nhà riêng, ở Mỹ quốc. Bà lắng nghe tiếng gà gáy xa xa và buồn cười thấy rằng gà giống gì, ở đâu, cũng gáy sáng như nhau! Rồi bà nghe tiếng con chim chèo bẻo hót lảnh lót ở đầu hồi. Bà ôn lại giấc mơ. Bà gặp người quen, bước đi trên những con đường quen thuộc, v. v... Chuyện lạ! Ban ngày bà không phải là người loay hoay lấn bấn với chuyện trở về quê hương đất nước. Ngoại trừ ông cụ thân sinh ra bà, mất đã lâu, an táng ở Việt Nam, còn tất cả anh chị em, con cháu, đều cư ngụ nước ngoài, hoặc ở Mỹ quốc, hoặc ở Âu châu. Mẹ bà được các con đem qua Mỹ, mất ở Mỹ, chôn cất ở Mỹ. Một người em trai bà, lúc sinh thời, có lẽ là người gần gũi bà nhất, về Việt Nam công tác cho hãng, mất ở Việt Nam, thi hài được chuyển về Mỹ, hỏa thiêu ở Mỹ. Nói tóm lại, những người thân thiết, máu mủ ruột rà nhất của bà đã ra cư ngụ nước ngoài, không còn ai ở quê hương để bà phải đớn đau, thắc mắc, đêm ngủ, mơ về nước.

Không như nhiều vị cao niên, thường lo ngại phải sống và chết nơi "đất khách quê người," ao ước về nước "dưỡng già," rồi khi lìa trần, được gửi "nắm xương tàn" nơi "chôn nhau cắt rốn." Bà già là người nhiều tình cảm, nhưng bà không thiết tha với những ý nghĩ đó. Bà quan niệm rằng trên hành tinh này, "nắm xương tàn" gửi vào đâu mà chẳng được! Bà nghĩ thiền sư Thường Chiếu đời Lý nhìn thật xa, nghĩ thật rộng: *"Đạo vốn không nhan sắc/ Mà ngày càng gấm hoa/ Trong ba ngàn cõi ấy/ Đâu chẳng phải là nhà."* Bài kệ để lại từ ngàn năm trước, ngày nay, thế kỷ 21,

KHÁNH HÀ

Sài Gòn Những Con Đường

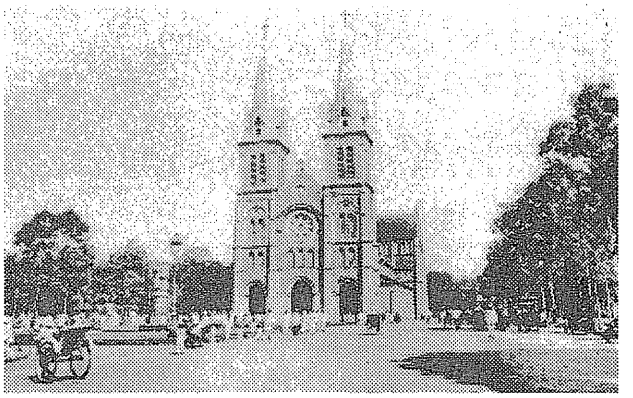

Thành phố Sài gòn mở ra trước mặt
Tấm bảng đồ ngang dọc những con đường
Đường dài đường cụt
Tên lạ tên quen

Hai mươi lăm năm xa cách
Ôi con đường nào
Buổi sáng mặt trời lấp lánh
Vòm lá me xanh
Buổi chiều cơn mưa bất chợt
Hương ngọc lan ngan ngát
Quán sách cũ đầu đường
Gánh hàng quà cuối ngõ
Đâu rồi đường Phan Thanh Giản
Những tà áo trắng vờn bay
Đâu rồi đường Duy Tân
Giảng đường thư viện
Dấu chân ai sớm tối đi về
Nước mắt nụ cười vương vất
Ôi những con đường xưa đã mất

Những con đường nào nằm đây
Ngỡ ngàng trong ký ức
Phạm Ngọc Thạch Nguyễn Thị Minh Khai
Những cái tên không gợi nhớ mảy may
Hai mươi lăm năm Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Hai mươi lăm năm Đồng Khởi
Trái tim Sài Gòn vĩnh viễn còn là
Công Lý Tự Do.

là lúc phải xướng lên. "Ba ngàn cõi ấy" mênh mông vô tận, vô thỉ vô chung. Trái đất này, hành tinh xanh này, chỉ là một hạt bụi trong "cõi" ấy kia mà!

Trên thực tế, không phải là người buôn bán, năm mười năm bà mới về thăm Việt Nam một lần. Lần nào, bà cũng "cảnh giác" tối đa. Bà tìm hiểu, nhìn rõ, đâu là quê hương, đâu là chế độ, đâu là người dân quèn, đâu là giới cầm quyền, đâu là thực trạng đất nước, và đâu là những tô hồng chuốt lục...

Tháng 4 năm 1975, cũng xém 30 năm rồi, di tản sang Mỹ quốc, đã để lại một vết hằn sâu đậm trong lòng bà. Bà đã phải cắn răng rời bỏ căn nhà cũ mến yêu, vĩnh biệt bao nhiêu bạn bè, người thân... Vết hằn đó, sau ba thập niên, vẫn còn nhức nhối, nhưng nó không khiến bà trở nên một người "lẩm cẩm," ngồi ở Mỹ quốc mà mằn mò, vuốt ve quá khứ ở Việt Nam. *Bà không hoang tưởng: sống trong thực tại này mà yên trí rằng mình đang hiện hữu một nơi khác.* Bà chỉ nằm mơ. Ngày, thức, bà ở Mỹ quốc, và biết là mình đang ở Mỹ quốc. Đêm, ngủ, bà nằm mơ bà ở Việt Nam. Tỉnh giấc, bà biết rằng mình đã nằm mơ. Thoạt đầu, bà nghiệm rằng có lẽ mình còn vướng víu cái gì đó, nuối tiếc cái gì đó ở quê hương, cho nên cứ nằm mơ quay về chốn cũ. Nhưng rồi bà lại suy rằng không phải vậy. Vướng víu, nuối tiếc, trời ơi, nhất định là có. Bà biết nhiều người cùng mang tâm trạng đó. Bà cho rằng nghiệm như thế là sai vì trong những giấc mơ của bà không có yếu tố nào chứng tỏ sự hiện diện của nỗi nuối tiếc, vướng víu đó. Chẳng hạn, một đêm, bà nằm mơ về Việt Nam, gặp lại hai người cộng sự viên cũ (trong thực tại, một người hiện ở Mỹ quốc, người kia cư ngụ Hòa Lan). Cả ba bà bạn cùng nhau *rời* Việt nam đi Nhật Bản, tham quan một thành phố cổ! Bà không nhớ có phải đó là Kyoto không, chỉ ghi nhận là hai người kia mặc kimono sặc sỡ, mặt bôi phấn trắng xóa...

Giả dụ bà nằm mơ, đang ở Việt Nam, đi thăm mộ ông cụ trên núi, gặp được cụ và cụ, hoặc than thở, hoặc rầy rà rằng trẻ già lớn bé ai cũng bỏ đi cả, chẳng ai chịu gắn bó ở lại quê cũ, sớm hôm nhang khói cho cụ, v. v... Một giấc mơ như vậy, nếu có xảy ra, bà sẽ giải thích dễ dàng. Đằng này, đang ở Việt Nam lại đi du lịch Nhật Bản! Trong những giấc mơ, bà cư xử, ở Việt Nam, một cách bình thường như thể bà đang ở Mỹ quốc. Ba bà bạn cùng nhau đi du lịch, vậy thôi. Cười, nói, ăn uống bình thường.

Bà già tiếp tục nằm mơ. Ban ngày, thức, bà cư ngụ Mỹ quốc. Ban đêm, ngủ, bà cư ngụ Việt Nam. Chuyện này, ít người biết. Nếu nhiều người biết, có lẽ bà sẽ được mang một hỗn danh. Bà A mê hột xoàn, được gọi là "Bà A-Hột-Xoàn", bà B bán cháo cá được gọi là "Bà B-Cháo-Cá"; có lẽ bà này sẽ được gọi là "Bà- Ngày Mỹ –Đêm Việt"!

Đã từ nhiều năm bà "Ngày Mỹ- Đêm Việt" không còn cư ngụ "Thung lũng Cây Phong" nữa. Nhưng thỉnh thoảng bà vẫn nhớ đến ông già Á đông đứng ở góc đường, vái dài người qua kẻ lại. Cái ông già tức cười! Vái thật dài, thật nghiêm chỉnh. Người được vái, ai cũng lúng túng. Bà già tự hỏi, khi ông già ấy vái người ta, ông biết là mình đang ở Mỹ quốc, hay ông tưởng là mình đang đứng ở một góc đường đâu đó bên Á đông. Dù ông có tưởng là mình đang ở nơi xa xôi ấy, tại sao ông lại vái dài người không quen biết? Tại sao ông vái nghiêm chỉnh như thế những khách qua đường? Bà già tự hỏi như vậy, và đến nay vẫn chưa có câu trả lời. Bà chưa có câu trả lời nhưng bà nghĩ rằng ông già ấy có thể đã qua đời.

Còn sống hay đã chết, trong "ba ngàn cõi ấy", chắc là ông vẫn đứng ở góc đường, vái dài người qua kẻ lại.

2004

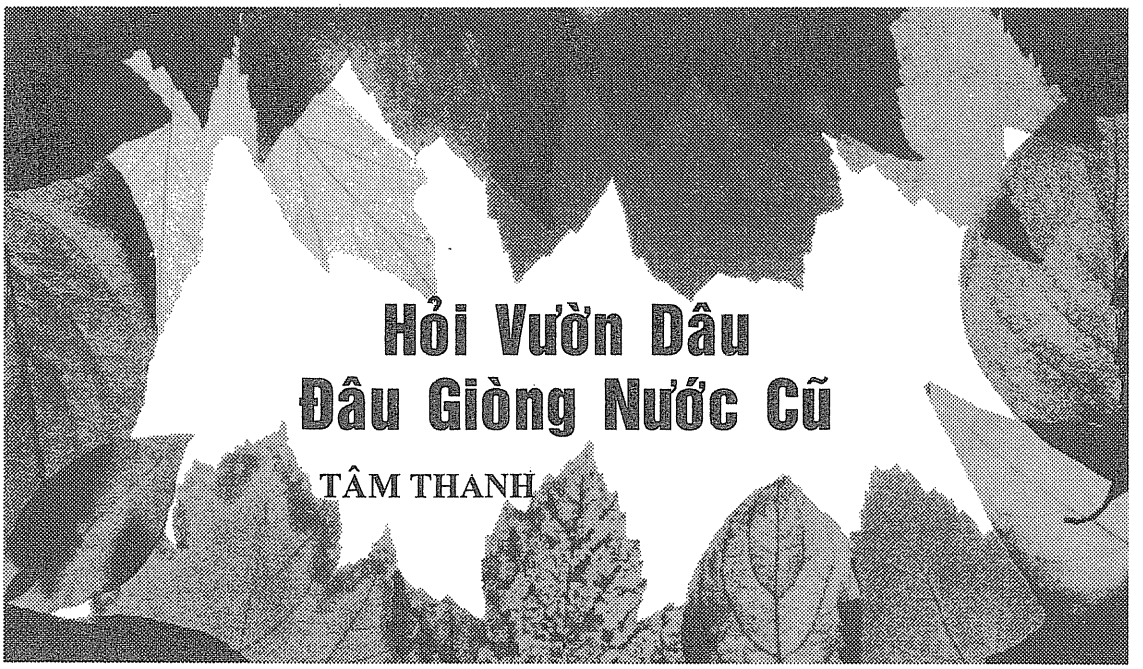

Hỏi Vườn Dâu Đâu Giòng Nước Cũ

TÂM THANH

Lấy gốc cây làm nhà.- Thành phố Hồ Chí Minh – Một người đàn bà sống gần hai chục năm bên một gốc cây... Bà Đinh Thị Thanh Thủy kể: "Hồi tôi mới cắm lều ở đây, cây điệp chỉ cao bằng đầu người, bây giờ đã thành cổ thụ..."

Tôi giật mình, khi đọc mẩu tin trên đây trong một tờ báo cũ, báo Tuổi Trẻ, gói mấy trái cóc chín bán ở tiệm Việt Nam. Giật mình không phải vì chuyện khổ hay chuyện lạ; mà giật mình vì ngờ rằng người đàn bà kia chính là Thủy của tôi...

Mưa to. Bọn trẻ lối xóm ùa ra tắm mưa trên cái sân gần nhà tôi như một bầy vịt. Phần đông từ xóm Nghĩa Hòa sang, có một vài đứa nhà ở đây – Cư Xá Bắc Hải. Tôi đứng trong nhà dòm qua cửa sổ nhìn lũ trẻ nô đùa dưới mưa, thèm thuồng mà... sợ trúng mưa. Tôi cũng sợ không làm được như tụi nó – chạy lấy đà rồi quăng người sõng soài trên sân xi-măng láng; thèm nhất là thấy thằng Hùng nó nằm sấp trượt một cú từ đầu sân tới cuối sân, như con cá lóc.

Con Thủy đứng ngay bên cửa sổ hồi nào tôi không hay.

"Mày vô lối nào vậy? Không sợ chó cắn à?"

"Sợ chi. Chó nhà mày con nào cũng làm biếng, trời mưa không dám ra. Mày cũng vậy, làm biếng."

Hai chữ *làm biếng* đối với tôi nghe đỡ 'tự ái' hơn tiếng *chết nhát*. Tôi trả lời:

"Tao không thích."

"Mày thử tắm với tao, thích lắm!"

Tôi nhìn xuống, bỗng thấy con Thủy hôm nay khác lạ. Cái áo thung đen ướt dính lên da có lẽ làm cho nó lạ. Ngực nó không giống ngực con trai xẹp lép, cũng không giống ngực cô giáo phồng lên quá cỡ, mà nó u lên hai cục bằng hai trái chanh. Hèn gì nó không cởi trần như tụi con trai. Con Thủy là đứa thường phải bao tôi ăn kẹo kéo mỗi lần tôi cho nó cóp bài tính đố, vì nó ham chơi đá banh với bọn con trai, không kịp làm bài. Có lần nó cóp bài tập làm văn, tôi tả con gà trống, nó sửa thành con gà mái, đem nộp. Kỳ trả bài, cô hỏi sao cô cho tả con gà trống mà em tả con gà mái. Nó trả lời nhà nó chỉ có một con gà mái. Cô nói ừ như vậy cũng chấp nhận tạm, nhưng tại sao con gà mái của em biết gáy? Nó cả quyết rằng nó có nghe gà mái gáy rồi. Từ đó trong lớp chúng nó hay nghêu ngao câu hát 'Nhà ai có con gà mái gáy...' Có điều lạ là Thủy luôn bênh vực tôi, đứa nào bắt nạt tôi là nó đục liền. Vì thế khi nó rủ rê thì tôi cảm thấy dễ xiêu lòng. Vả lại hôm nay may mắn, ba má tôi đi vắng hết.

"Khó không?" tôi còn hơi do dự.

"Thiệt tình thằng con nhà giầu! Tắm mà khó!"

Tôi định nói 'trườn cá lóc' kìa. Nhưng kệ nó hiểu lầm, tôi cởi áo, theo nó chuồn ra ngoài. Trước hết tôi há miệng hứng một ngụm nước mưa uống vào 'cho khỏi cảm' như lời người lớn nói, lại uống thêm vài ngụm nữa vì nước ngọt lịm.

"Đã không?" con Thủy hỏi.

"Đã!" tôi trả lời.

Tắm mưa sướng thiệt. Quen nước quen cái một hồi, tôi cũng muốn trườn như tụi nó. Con Thủy nắm tay tôi nói:

"Chạy! Một, hai, ba! Thả đít xuống trước! Pi pi pi....."

Tôi phệt mông xuống rồi nằm ngửa ra, trườn phăng phăng, tay nắm chặt tay con Thủy. Ba lần như vậy, tôi bắt đầu thích trườn, thích cả việc cầm tay con Thủy. Nó lại nói:

"Giỏi rồi đó! Mày trườn một mình coi!"

Tôi trườn một mình, lần đầu ỳ một chỗ, nhưng lần thứ hai lấy đà xa hơn thì trườn khá xa. Khi không còn phải bận tâm tới cái mông hay cái đầu thì tôi lại để ý cái áo con Thủy bị nước dính sát vào da. Trườn ngửa chán, tôi trườn sấp và đầu tôi nghĩ tới hai trái chanh của con Thủy và một cảm giác kỳ lạ chạy rần rần trong người. Đó là lần đầu tiên tôi có cảm giác đã như vậy trong đời con trai.

Ba má tôi chắc bị mắc mưa đâu đó, về trễ và không hay biết gì về việc tôi cả gan tắm mưa, và chơi với bọn Nghĩa Hòa. Tôi chẳng bị cảm cúm gì như má tôi lo. Có điều đêm hôm đó tôi mơ nằm trên người con Thủy mà trườn, hai tay nắm chặt hai trái chanh...

Bẵng đi nhiều năm. Lệ Trung, một quận nhỏ bé của Pleiku và buồn gấp bội Pleiku. Tôi đi lính và đóng ở đó ngót ba năm trời, nơi không phải là *'đi dăm phút đã về chốn cũ'*, mà đi dăm bước đã hết chỗ đặt chân. Bởi vậy mỗi lần nghỉ phép về Sài Gòn là tôi cuống lên như con ngựa non xổ chuồng, không biết lồng về hướng nào để vơ lấy hạnh phúc ngắn ngủi. Nhưng rồi cũng có một lần về phép buồn. Tôi thay thường phục, lấy xe chạy vội vã qua Lê Văn Duyệt, xuống Kỳ Đồng, qua nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế, quẹo phải vào Bà Huyện Thanh Quan và dừng trước cái biệt thự thơm hoa ngọc lan, để gặp Vân Hương. Em gái nàng ra tiếp, cho biết chị đã đi Tân-tây-lan du học, chỉ để lại lá thư. Thư không gởi lên Lệ Trung cho tôi mà để lại nhà, để *nếu* tôi tới thì nhận được lời giã từ và phân giải, không tới thì thôi. Tôi hiểu cái lộ trình tình cảm như vậy, và nhủ thầm thế cũng là lịch sự chán. Tôi hạ cái Lambretta xuống – cái xe bỗng dưng nặng nề làm sao, đẩy hai lần nó mới chịu đứng xuống đường! Vừa tới trường Gia-Long thì trời đổ mưa. Đám nữ sinh cậy đàn, chọc ghẹo, tôi nghe được ba cái mồm to nhất "Cho em quá giang mí!" "Anh còn phải đi chở chị Hai, mày ơi!" và một câu rất 'cá nhân': "Ê! Sao đen vậy?" Rồi cả bọn cười khanh khách. Toàn là nhóc mới lớn cả. Trang lứa Vân Hương đã đi hết rồi, cô lên đại học, cô đi lấy chồng... tôi cảm thấy mình thuộc lớp tiền bối. Tôi tấp xe vào chùa Xá Lợi trú mưa. Mưa cao nguyên buồn, làm người ta nhão ra, lịm đi. Mưa Sài Gòn khua động rộn ràng – làm người ta tỉnh táo, cả lúc đang... thất tình. Một cô gái Gia Long chậm chân đang co ro đứng dưới hiên chùa, vừa sợ ướt áo vừa sợ người đàn ông đứng bên cạnh là tôi. Đấy! Đứng một mình thì như thỏ mà đứng trong đàn thì như tiểu yêu. Tôi muốn trả đũa cô bé bằng một câu mà các bạn của cô vừa chọc tôi, nhưng trước cổng chùa cũng nên động lòng từ bi. Vả lại, tôi nhớ tôi cũng làm quen với Vân Hương ở đây, dưới hiên chùa này, phía trong. Hôm đó ngày Rằm... nhưng thôi, quên đi! Tôi thấy mưa càng lúc càng nặng hột, nổi bong bóng nổi, một dấu hiệu sẽ mưa giai lắm. Cô bé lộ vẻ bồn chồn rõ rệt. Tôi thương hại hỏi:

"Em quên mang nón à?"

Cô bé ngước nhìn, chắc thấy mặt mũi tôi lương thiện sao đó, nên ngoan ngoãn trả lời:

"Dạ, em quên. Hôm nay lại có bài kiểm mới khổ chớ!"

"Em học lớp mấy?"

"Dạ, lớp mười hai."

Bỗng tôi nghĩ ra, trong *'cốp'* xe Lambretta tôi còn cây dù đàn bà luôn mang theo dành cho Vân Hương ngồi sau che nắng che mưa. Tôi ra xe lấy cây dù, giương lên và đưa cho cô gái, nói:

"Cho em mượn nè. Mau vô làm bài kẻo trễ!"

Cô gái ngạc nhiên, nhưng không giấu được sự cảm động, và không khách sáo, cô cầm lấy cây dù:

"Em cám ơn anh. Nhưng làm sao em trả lại dù được?"

"Không cần."

"Anh không cần, nhưng em phải trả."

Giằng co mãi sẽ mất giờ của cô gái, tôi nói.

"Nhà em ở đâu tôi tới lấy. Tôi chạy xe tiện hơn."

"Dạ, nhà em ở Hồng Thập Tự, cạnh tiệm Anh Đào."

Nhìn cây dù quen thuộc dưới mưa, tôi chạnh lòng buồn bã.

Tôi không đi lấy dù ngay, sợ bị hiểu lầm là

bần tiện có tí cũng đòi. Nhưng chắc có ngày cũng phải tới... đòi, kẻo cô bé áy náy. Kỳ phép sau tôi thả từ Lê Văn Duyệt xuống Hồng Thập Tự, rẽ tay phải, nơi bàn ghế được bày ra lề đường để đánh vẹc-ni, xông mùi dầu cay cay ngọt ngọt.

Cánh cửa sắt rên siết rồi một người đàn bà trung niên thò đầu ra. Tôi hỏi:

"Xin lỗi, ở đây có một cô học Gia Long, lớp mười hai, phải không?"

"Cô Tư ơi! Có ông nào hỏi nè!" người đàn bà gọi to vào trong nhà. Tôi đoán bà là người làm hoặc quản gia. Bà hạ giọng nói với tôi: "Chắc thầy là thầy giáo? Cô Tư bị khiển trách, hả thầy?"

"Dạ không. Tôi tới xin lại cây dù thôi."

"Cô Tư ơi! Có người xin cây dù!"

Cô bé Gia Long lật đật chạy ra, tay vén tóc, rối rít:

"Dạ thưa anh!" Rồi cô nói với bà người làm "Thím Bẩy lấy nước giùm con." Thím Bảy đi vào trong, cô bé hạ giọng: "Anh tên chi vậy?"

"Sung," tôi đáp, rồi cũng bắt chước hạ giọng: "Em tên chi vậy?"

"Em tên Thanh Giang. Dạ mời anh Sung vô nhà chơi."

Trong bộ đồ bà ba, Thanh Giang xinh đẹp hẳn lên và chững chạc. Cũng có thể vì hôm nay không có mưa. Tôi tưởng tượng nếu một người con gái như thế này rớt xuống tiền đồn Lệ Trung thì rừng núi trên đó chắc xôn xao lắm.

"Sao, hôm đó em làm bài được không?"

"Dạ, cám ơn anh, em được mười bốn điểm."

"Môn gì đó?"

"Dạ, triết."

"Chà! Triết gia non!"

"Anh ngạo em cụ non! Còn anh? Hôm đó đi thăm chùa hay...?" Giang bỏ lửng câu nói, cười hóm hỉnh.

"Hay gì?"

"Kiếm mấy em Gia Long..."

"Nếu muốn kiếm thì đâu có xa xôi gì... Cô ấy đứng ngay bên cạnh."

Nói xong câu đùa, tôi thấy Giang không cười mà cúi đầu làm thinh, tôi hơi ân hận, bèn sửa giọng chân thật:

"Đi xa Sài Gòn rồi, anh nhớ nhất cái gì, em biết không? Những buổi đứng trú mưa dưới mái hiên nhà."

"Tại sao vậy?"

"Cảm giác an toàn tạm nè. Thời buổi này được tạm an toàn là anh hài lòng rồi. Nếu cùng đứng dưới hiên mưa với người yêu lại càng thích hơn. Mưa dai mấy năm cũng kệ. Còn nếu chưa có người yêu thì biết đâu màn mưa và hiên hẹp chẳng tạo ra những mối duyên ướt át."

Giang cười dòn, bắt đầu bạo dạn hơn.

"Anh có ướt át chưa?"

Tôi chưa kịp trả lời thì một người mở cửa vào. Tôi quay lại thấy một cô gái.

"Chị Hai em về," Giang nói và đứng lên, như là ngại chị Hai thấy mình ngồi nói chuyện với đàn ông lạ. Cô giới thiệu: "Chị Hai, đây là anh Sung, người cho em mượn dù ở chùa Xá Lợi. Đây là chị Thủy!"

Chính cái tên Sung và tên Thủy làm cho chúng tôi cùng đăm đăm nhìn nhau, thăm dò từng nét trên mặt nhau, và cùng hân hoan.

"Thủy! Thanh Thủy! Lớn quá vậy?!"

"Trời ơi! Sung cũng... lớn quá rồi!"

Thủy đã thành một cô gái đẹp lộng lẫy, nhưng dáng thể thao vẫn còn.

"Thủy còn đá banh không?" tôi cười hỏi.

"Banh bung gì nữa, Sung ơi!" Thủy đáp, rồi sờ nắn cánh tay tôi, khen: "Khá rồi! Không bệu như ngày xưa nữa. Đen vậy? Đi lính phải không?"

Thanh Giang lúc đầu hứng thú vì tình cờ chị cô cũng quen tôi, sau thấy chúng tôi rối rít ôn lại chuyện xưa một cách thân mật đầm ấm, trong đó cô không dự phần gì cả, cô từ ngượng ngập chuyển sang thất vọng trông thấy. Sau này nghĩ lại tôi thấy mình hơi vô tình. Nhưng lúc này tôi mừng quá đỗi. Đám trẻ tắm mưa năm nào tản mát, cũng như đàn vịt. Chỉ có thằng Hùng là tôi nhìn thấy nó cùng lớn lên, cùng đi lính, nó chết trận. Hồi đó Thủy là đứa con gái duy nhất đã có trái chanh mà còn chơi với con trai, ngoài ra toàn 'con nít' nhãi ranh cả.

Nàng ướn ngực hỏi:

"Sao? Vợ con gì chưa, Sung?"

"Chưa, vẫn đang chờ sung rụng. Còn Thủy chồng con gì chưa?"

"Ai thèm lấy!"

Tay Thủy không đeo nhẫn. Nhưng một người con gái đẹp, linh hoạt như Thủy mà giờ này còn tự do thì hiếm lắm. Tôi có cách trắc nghiệm đơn giản:

"Thủy đi chơi với anh nghe?"

"Đi thì đi, nhưng lên chức anh hồi nào vậy?"

Nơi đầu tiên chúng tôi thăm là cái sân tắm mưa tại Cư Xá Bắc Hải.

HỒNG KHẮC KIM MAI

Tháng tư đen

Chim một lần quên mất câu hót
Nắng một thời bỏ hết hè xưa
Ai một lần xa quê mất nước
Tôi nửa đời lệ ướt đêm mưa

Tôi có vòng tay ôi gai góc
Ôm nổi chìm một sớm hai trưa
Anh có buồn chi buồn lên mốc
Gánh cơ cầu hai thúng thiệt thua

Ba mươi năm,
Tuyết mùa đông riết rồi cũng quen
Gió heo may đà buốt trái tim
Năm tháng ngỡ vùi cơn ác mộng
Ngờ đâu còn đọng nhát thâm đen

Dẫu lưỡi liềm đang in trang sách
Trăng cũ vẫn là cốt nhục ta
Dẫu tháng tư chia bờ ngăn cách
Con thơ vẫn dạy sử quê nhà

Tháng tư đen thắp một nén nhang
Trầm hương thơm mẹ, mẹ Việt Nam

Tôi chỉ căn nhà xưa của tôi, nói:

"Nhà này thuộc về chủ khác rồi. Bố Sung đi làm tỉnh trưởng ở miền Trung. Cả nhà theo ra. Được bốn năm thì ông chết, chết trận. Mẹ và Sung trở về Sài Gòn, bà buồn sinh bệnh đi theo ông luôn. Cũng được gần bảy năm rồi. Mau quá!"

"Anh con một, cha tử sĩ. Lẽ ra được miễn dịch, tại sao anh đi lính?"

"Chạy trốn..."

Chúng tôi đứng yên nhìn cái sân xi-măng hừng hực nắng. Tôi ước mưa đổ xuống lúc này, rửa sạch bớt phiền muộn. Và tôi nhỏ bé lại, nắm tay Thủy trườn nước mưa.

Một bàn tay đàn bà mềm mại nắm tay tôi.

Khi trở lên Lệ Trung, dù nắng đỏ hay mưa lầy tôi để lòng ở Sài Gòn – bên Thủy, trong những cơn mưa. Và nôn nao chờ những ngày phép vàng son, mà tôi gọi đùa là *'Vacances Romaines'*, theo cái phim Thủy và tôi coi đi coi lại năm lần. Gregory Peck chở Audrey Heburn đi du dương trong thành Roma bằng xe Vespa, còn tôi chở Thủy lang thang Sài Gòn bằng xe Lambretta. Khi mua xe scooter, tôi chọn Lambretta là có ý tứ hẳn hoi. Thời đó bọn tôi thằng nào muốn tôn cặp giò của bồ mặc minijupe thì đi Vespa, thằng nào thích sự khăng khít trên công lộ thì đi Lambretta yên liền. Thủy bao giờ cũng dán toàn thân vào lưng tôi, cánh tay phải vắt qua ngực lên vai trái tôi. Tay trái nàng cầm dù, nắng che nắng, mưa che mưa. Nếu mưa gió quá thì cụp dù luôn. Từ ngày gặp lại nhau, không bao giờ chúng tôi dừng xe để trú mưa. Nếu có mang áo mưa thì chúng tôi ngừng lại mặc áo mưa (xỏ ngược, trước ra sau) và tiếp tục đi. Nếu không, chúng tôi cứ để vậy mà chạy. Tôi hào hứng nói:

"Đã không?"

"Anh nói gì? Gió tạt em không nghe!"

Tôi nhắc lại câu nói, hét to trong tiếng gió. Thủy luồn tay vào trong áo sơ-mi vuốt ve ngực tôi. Tôi hét:

"Coi chừng! Hai đứa lăn cù ra đường trườn cá lóc bây giờ?"

Thủy cắn vào vai tôi tê dại.

"Mai anh đi rồi, phải không?" Thủy hỏi.

Tôi gật đầu. Lúc đó là cuối tháng 2-1975, tình hình chiến sự đã căng thẳng lắm rồi. Tôi nói:

"Ừ, và có lẽ lâu lắm mới về."

"Cho em về với anh đêm nay đi!"

Chúng tôi quên bẵng cái hẹn với Giang tối nay đi ăn cháo lòng, ở cái quán gần nhà, bên kia đường. Hôm sau tôi vừa trở ra Pleiku thì có lệnh cấm trại và mấy ngày sau thì lệnh triệt thoái cao nguyên. Lạ lắm, cuộc triệt thoái kinh hoàng đó, tôi lại chóng quên hơn những cơn mưa và những hiên mưa Sài Gòn. Cám ơn cái

trật tự riêng của ký ức.

Tôi vào Vũng Tầu, lên tầu ra Phú Quốc rồi vượt biên, được tầu Na-uy vớt và định cư tại Na-uy từ năm 1975. Tôi viết nhiều thư về Hồng Thập Tự, không có hồi âm trong nhiều năm. Năm 1985 tôi lấy vợ. Thế nào rồi cũng có ngày tôi phải về thăm Việt Nam, cho vợ tôi biết quê chồng, cho con biết quê cha. Nhưng cái tin tình cờ về Thủy khiến tôi thu xếp chuyến đi sớm hơn. Trở lại Sài Gòn sau hai mươi năm xa cách, tôi hoàn toàn lạc lõng. Không họ hàng đón tiếp, lại đi với bà vợ Na-uy và một đứa con không biết tiếng Việt, tôi cảm thấy mình là một Việt kiều bệ rạc. Việc đầu tiên sau khi ổn định chỗ ở là tôi đi tìm thuê cái xe Lambretta. Nhưng Lambretta chả có mà Vespa cũng không. Scooter loại khác thì gần khách sạn không có. Thằng con trai, Geir, hơi thất vọng, nhưng Solveig vợ tôi cười nhẹ nhõm:

"Tạ ơn Chúa đã không để bố con tự tử!"

Mà thật vậy, chúng tôi đứng ở chỗ đèn xanh đèn đỏ gần khách sạn đúng một nửa giờ mà không dám thò bàn chân xuống lòng đường (nơi có lằn trắng dành cho người đi bộ đàng hoàng). Cuối cùng phải thuê hai chiếc xe xích-lô để qua đường. Thằng Geir xuýt chết vì nó thấy bác xích-lô cứ đưa thân nó ra làm cái 'parasốc' càn bừa về phía đằng trước, nó hoảng quá nhảy xuống đường. Nhưng nhờ cái thử nghiệm đó mà hai hôm sau Geir qua đường giỏi hơn cả tôi, một cựu trung úy bộ binh có Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu. Vợ tôi thì nói "Dân chúng can đảm và xông pha như thế này hèn gì đánh thắng Mỹ!"

Chỉ còn một vài dấu tích xưa – nhà thờ Đức Bà, Bưu Điện, Dinh Độc Lập – ngoài ra đã thay đổi hết rồi. Tôi nói chú tài xế taxi cho tới đường Hồng Thập Tự. Chú cũng biết là đường nào, nhưng dạy tôi tên mới là Xô-viết Nghệ Tĩnh. Tôi nhận ra khu bàn ghế, nhưng không thấy tiệm Anh Đào đâu cả, tôi xin chú tài vòng lại. Chú vui vẻ lái lên một chút, tôi nhìn không thấy tiệm cháo lòng, nhưng thấy một cao ốc; chú vòng lại. Ở chỗ tôi độ chừng là tiệm gỗ Anh Đào và nhà Thủy, bây giờ là một thương xá rất hiện đại. Tôi nghĩ hỏi thăm vô ích, chẳng khác gì hỏi ruộng dâu giòng nước năm xưa đâu. Tôi chợt nhớ tới cây điệp, nhìn quanh, không thấy cây điệp 'đã vừa người ôm' nào cả. Tôi bấm chuông một căn nhà cũ gần đó. Không ai biết Thủy hay Giang là ai cả. Người trả lời có một giọng Bắc khác hẳn giọng Bắc của nữ ký giả Lê Phan trên đài BBC, của nữ sĩ Bùi Bích Hà trong những băng cassette chuyện gia đình, và của nhà văn Nguyễn Thị Vinh, người đồng lưu dân của tôi. Tôi lại nhờ bác taxi chở tới Cư Xá Bắc Hải. Tôi làm tài khôn:

"Bác chạy Lê Văn Duyệt qua Nghĩa Trang Đô Thành thì queo trái."

"Lê Văn Duyệt đã đổi thành Cách Mạng Tháng 8. Còn Nghĩa Trang Đô Thành đã thành Công Viên Lê Thị Riêng, ông ạ."

"Đổi tên lạ vậy, bác?"

"Không phải đổi tên, mà xây dựng lại."

"À, ra vậy. Lê Thị Riêng là ai ạ?

"Không biết."

Tôi đoán đó là một chiến sĩ cách mạng biết biến những sự buồn bã thành vui tươi. Và những người như thế rất cần cho đất nước tôi, ít nhất là hữu dụng hơn tôi, kẻ đang đi tìm kỷ niệm. Nếu còn cái nghĩa trang chắc tôi có thể ghé thăm mộ Thanh Nga, người giống hệt Thanh Thủy của tôi. Cư Xá Bắc Hải không đổi tên, điều làm cho tôi cảm thấy an ủi. Tim tôi đập mạnh khi bước xuống taxi để chỉ cho vợ con ngôi nhà thời niên thiếu của tôi. Nhờ còn nhớ thuộc lòng địa chỉ, tôi tìm ra ngôi nhà. Nó còn gần nguyên như cũ. Solveig nhìn thấy rõ bàn tay tôi run run khi mở bao máy ảnh, mắt nàng cũng ngấn lệ. Nàng chụp một tấm hình tôi đứng một mình, một tấm đứng với con trai. Một người đàn ông có dáng một ông tướng hồi hưu đứng trên ban công nhìn thờ ơ, chắc ông cũng đoán tại sao tôi chụp hình, nhưng tôi mong ông đừng đoán xa quá, như đòi nhà chẳng hạn. Có cái gì trên đời thực sự của mình đâu mà đòi.

Tiếc là tôi không tìm lại được cái sân xi-măng. Trước đây tôi không hề thắc mắc tại sao lại có cái sân xi-măng ở gần nhà tôi, ai xây, để làm gì. Bây giờ tôi không biết nó biến đi đâu, tại sao. Gần như một điều huyền bí.

Sáng hôm sau lúc vợ con còn ngủ, tôi tới tòa soạn báo Tuổi Trẻ. Không ai nhớ chính xác về chuyện người đàn bà sống bên gốc cây. Họ hứa sẽ hỏi người đã viết bản tin lạ đó khi anh ta đi Hà Nội về. Tôi không chờ được, nên nhờ một cậu honda ôm làm thám tử. Cậu ta truy ra được mười một cái 'ponchot-bên-gốc-cây-điệp-mà-chủ-nhân-là-bà-già', tới ca thứ mười hai thì gặp tất cả các 'yêu cầu' đó cộng với tên Thủy.

Người đàn bà tên Thủy bị cậu honda ôm đánh thức, dụi mắt nhìn tôi trừng trừng. Tôi không tìm được trên khuôn mặt nhăn nheo đen đúa nét nào của Thủy. Tang thương này tôi không thể tưởng tượng mà cũng không chấp nhận được. Những người tôi quen từ hồi trẻ, dù bây giờ tàn tạ hay phát tướng thế nào chăng nữa, cứ nói tên và nhìn mặt một phút là nhận ra ngay. Còn người đàn bà này? Tôi dè dặt:

"Chào bà."

Bà không đáp lại mà hỏi:

"Hỏi ai?"

"Dạ tôi hỏi bà Đinh Thị Thanh Thủy."

"Thằng ban nãy hỏi rồi. Bà đây! Có việc gì? Đuổi ông đéo đi đâu nhé!"

Chết rồi, đây không phải là giọng của Thủy, dù Thủy về già. Nhưng tôi cố:

"Xin lỗi, bà có nhớ một người tên Sung, Trần Văn Sung không?"

Tôi ngồi chồm hổm xuống chờ đợi và cố ý chường mặt ra cho bà nhận diện. Nhưng bà không nhìn nữa, bà đã nhìn tôi từ đầu rồi. Bà quơ chai nước mở nắp tu. Trả lời:

"Sung nào?"

"Sung *nhà ai có con gà mái gáy*. Sung *trườn cá lóc*. Sung *đường mưa*..." Tôi định nói nhiều nữa, những mật mã của Thủy và tôi, nhưng thấy nét mặt vô cảm của người đối thoại, tôi ngưng lại. Tôi bối rối, thất vọng, thương xót, ngờ vực. Hay là tôi nên quên trò chơi này đi? Dù đây là Thủy thiệt mà đã không tự nhận ra mình, cũng không nhận ra tôi thì tôi nên quên đi, tôi nghĩ và đứng lên.

"Thôi cám ơn bà."

Bà chỉ chờ có thế, lại nằm xuống, lầu bầu.

Nhưng tiếc công đi tìm, tôi lại ngồi xuống, hỏi:

"Xin lỗi, bà có quen một người tên Đinh Thị Thanh Giang không ạ?"

Tôi nhắc lại câu hỏi, to hơn. Bà hơi có vẻ quan tâm tới câu chuyện:

"Giang?"

"Dạ vâng, Giang."

"Biết!"

"Thiệt không? Bà biết Đinh Thị Thanh Giang?"

Bà già lại ngồi dậy, một con ruồi bám vào mép bà, mép động đậy nó cũng không bay.

"Cũng đến đây hỏi Thủy thiếc gì đấy!"

Tôi mừng rỡ, đuổi con ruồi trên mép bà già, hỏi:

"Bà biết Giang bây giờ ở đâu không?"

"Ai biết! Tự dưng đến hỏi, thấy không phải người thì cắp đít đi thôi, việc gì phải khai địa chỉ."

"Nhưng Giang, vì cớ gì... tại tại sao lại hỏi về Thủy."

"Chị em gì đó, nghe báo đăng..."

Thế là tôi có chút hy vọng rồi. Tôi cám ơn bà già và đứng lên. Bà kêu lại, nói:

"Giả nhời khô cả họng rồi ông Việt kiều phủi đít đi à?"

Tôi hiểu ý, móc túi lấy mấy tờ giấy mười ngàn đưa cho bà, cám ơn một lần nữa.

Thấy tôi về mồ hôi nhễ nhại, Solveig hỏi:

"Thấy bà ấy không?"

"Không. Người đàn bà ở bên gốc cây mà tờ báo nói chỉ là người trùng tên với Thủy."

"Trùng hợp là thường trên đời này."

Tôi định nói rằng còn nhiều trùng hợp kỳ dị hơn nữa: cô em của Thủy cũng đọc mẩu tin mà tôi đọc, và cũng tới tìm chị. Nhưng bỗng nhiên cái cảm giác chơi với vô vọng trước thời gian xâm chiếm tôi. Cảm giác trên đường Hồng Thập Tự – đứng trên bãi dâu mà hỏi đâu giòng nước cũ – trở lại; mãnh liệt hơn.

Tôi nói với Solveig:

"Mai mình đi Cần Thơ, nghe em. Chẳng còn bao ngày giờ."

TẬP SAN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

PHẬT VIỆT

Số một ra đầu Mùa Xuân tháng Ba 2004

TRUNG TÂM PHÁT HUY VĂN HÓA PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI XUẤT BẢN

VIẾT VỀ SÀI GÒN:
Còn Đó Nỗi Buồn

Tạp ghi, PHẠM ĐỖ CHÍ

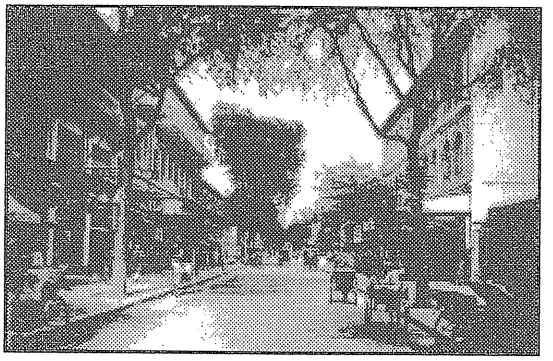

Tôi phải trở về Sài Gòn nhiều lần, trong bốn năm qua, mới chợt tìm thấy một lúc muốn ngồi xuống, bình tâm viết lại vài xúc cảm về thành phố đã ôm ấp bao kỷ niệm đẹp của tuổi mới lớn và hoài bão lý tưởng cho cuộc đời sau này.

Vốn sinh ra ở Hà Nội, thời trung học tôi nâng niu những quyển sách Tự Lực Văn Đoàn của các nhà văn chỉ kể chuyện về đất Thăng Long. Những năm gần đây nhất, đọc bao tùy bút và hồi ký ở hải ngoại phần lớn nói về Hà Nội, tôi cũng tưởng mình sẽ chỉ muốn viết về thành phố huyền thoại ấy. Nhưng sau nhiều chuyến công tác ngắn ghé thăm Việt Nam, tuy Hà Nội có quyến rũ, thơ mộng nhưng tôi chợt nhận ra sự gần gũi còn tìm thấy ở Sài Gòn. Đó mới là "thành phố của tôi," trở về mà không phải cần bản đồ để tìm đường, không phải nhờ người hướng dẫn du lịch, chỉ chỗ xem phong cảnh hay vài chỗ ăn uống nổi tiếng. Những con đường quen thuộc, chỉ đổi tên mới, vẫn còn đó. Những hàng me ướt lá sau cơn mưa chiều vẫn còn nguyên vẹn nét trữ tình, chờ đợi... Mái tóc kẻ bộ hành bây giờ đã ngả dần sang hai mầu, khác xa những ngày tháng cũ thuở trung học tóc còn mướt đen ướt đẫm vì chạy vội dưới cơn mưa rào, hay mơ mộng thả bộ đón nhận những hạt mưa bụi bay nhẹ theo lối về một trường nữ quen thuộc sắp đến giờ tan học.

Lần đầu tiên trở về trong niềm xôn xao khó tả trong lòng, từ lúc phi cơ đáp xuống Tân Sơn Nhất, thấy những ngôi nhà cũ, các hầm trú bê tông cho máy bay từ thời chiến tranh, đến lúc ở giữa dòng giao thông đông đúc chạy theo con đường Công Lý (cũ). Rồi rẽ trái Dinh Độc Lập ra đường Thống Nhất, qua khu nhà thờ Đức Bà về khách sạn Caravelle ở trung tâm thành phố gồm những địa danh cũ: toà nhà Quốc Hội, rạp ciné Rex, khách sạn Continental, hiệu kem Givral góc đường Tự Do và Lê Lợi, đường Nguyễn Huệ tráng lệ chạy dài từ Toà Đô Chính ra đến bến Bạch Đằng gồm những kiosques bán hoa, băng nhạc, rửa phim, mứt rượu Đà Lạt và nhiều thứ hàng tạp hoá. (Bây giờ những quán này đã được gỡ bỏ, làm cho con đường trở thành sạch rộng hơn trước nhiều). Cái nóng oi bức, bụi khói của những chiếc xe Honda vẫn là bức tranh khó quên của đường phố Sài Gòn dạo trước. Sau hơn hai mươi năm với dân số tăng gần gấp ba, số nhà cửa, xe cộ làm thành phố chật hẹp lại nhiều và lộ rõ áp lực nạn nhân mãn của các đô thị Á Châu bây giờ. Tuy nhiên khu vực công trường ở trước nhà bưu điện chính bao quanh nhà thờ Đức Bà vẫn còn vẻ đẹp uy nghi, giữ lại nét diễm lệ của nơi vẫn được mệnh danh là Hòn Ngọc Viễn Đông.

Ngày xưa mỗi chủ nhật tôi vẫn thường phóng mobylette đến khu vực này để tìm mua những ổ bánh mì Bưu Điện ngon, bọc sạch sẽ trong giấy màu trắng ngà. Bây giờ không còn tìm thấy những quán đó nữa và hình như những ổ bánh mì hấp dẫn cũng thất truyền luôn, làm buồn những chuyến xe ra Vũng Tầu muốn ngồi nhấm nháp một cái gì trên đường đi!

Những ngày trở lại Sài Gòn tuy ngắn ngủi, nhưng tôi đã bỏ khá nhiều thì giờ tản bộ trên những hè phố quanh khu trung tâm Tự Do - Nguyễn Huệ - Lê Lợi. Đặc biệt mỗi sáng sớm tôi có thói quen đi dạo từ khu khách sạn "mini" ở đường Tự Do xuống nhà thờ Đức Bà, qua công trường "con Rùa" nơi có viện Đại Học. Rồi trở lại đường Duy Tân, tôi qua trường Luật

tìm ngôi nhà cũ của mình ở góc Hiền Vương - Duy Tân. Con đường cây dài bóng mát ngày xưa bây giờ đã khác đi nhiều vì mất bớt cây cối và chật hẹp bẩn hơn vì những hàng ăn bỏ túi la liệt hai bên vỉa hè. Ngày xưa con đường này chỉ toàn những nhà ở, bây giờ mở những cửa hiệu nhỏ, hay được đập đi thành những nhà khang trang cho người ngoại quốc thuê làm văn phòng đại diện. Dừng lại trước địa chỉ cũ của ngôi nhà dấu yêu, nơi tôi đã sống những ngày thơ ấu, tôi bàng hoàng khi thấy căn nhà đó biến mất và được thay thế bằng cao ốc sáu tầng, trụ sở của một hãng thuốc Thụy Sĩ. Cảm xúc vì tiếc nuối, ngỡ ngàng dâng lên mãnh liệt, nhắc nhở thực tại Từ Thức về chốn cũ. Tôi bắt đầu những ngày ở Sài Gòn chỉ đi tìm về những nơi hay lui tới dạo trước, cố quay lại những khúc phim cũ trong ký ức để so sánh với những cái mình thấy bây giờ.

Một nơi khác mà tôi cũng cố tìm tới ngay là khu nhà thờ Ngã Sáu ở Minh Mạng thăm lại toà nhà của ngôi trường Chu Văn An cũ, tôi bước vào lớp học cũ, nhìn lại từng dãy xe đạp, tôi bâng khuâng hoài niệm những khuôn mặt thầy bạn của một thời làm báo và văn nghệ học trò, của những mối tình si nhẹ nhàng lúc bỏ sang Trưng Vương thả hồn theo các tà áo trắng trên đường Nguyễn Bỉnh Khiêm. Tìm mãi mà tôi không nhận ra đâu là khu nhà nhỏ của Bác Ba Bí Tất, người gác gian nổi tiếng của trường, nơi vẫn bán xôi lạp xưởng và chè đậu đen đầy kỷ niệm cho hàng bao thế hệ Chu Văn An. Tôi chỉ còn nhớ căn buồng dùng làm khu sinh hoạt học đường trong dãy nhà ngoài cùng nơi vẫn đến tập múa hát hay hội họp làm báo. Ba năm trung học với những kỷ niệm hoạt động học đường, lo lắng thi cử, những tình yêu học trò chợt đến chợt đi. Vài mộng mị lý tưởng cho tuổi mới lớn khi tình yêu quê hương vừa hình thành một cách đứng đắn, đan kết bởi những dằn vặt suy tư của một thế hệ lớn lên trong bối cảnh chiến tranh thời đó!

Ra khỏi cổng trường cũ, tôi tìm về Ngã Sáu lúc trước có những hàng bán nghêu đầy dẫy dọc đường. Những chiếc ghế gỗ thấp cập kễnh trên lớp vỏ nghêu bên lề đường. Khách gọi từng thau nghêu ra húp với nước mắm dấm ớt tỏi và những chai bia con cọp xếp thành hàng dài. Khu đó bây giờ cũng biến mất, làm trôi thêm một kỷ niệm học trò. Dọc theo con đường Phan Thanh Giản, vẫn còn thấy ngôi nhà cũ của trường Phan Sào Nam. Rồi rạp Long Vân nơi đóng đô của những giờ buồn ngủ "cúp cua" học ra ngồi xem ciné sau khi ghé mua vài cây kem Lan Hương (hiệu có hai cô bán hàng xinh xinh!). Đi tiếp xuống Phan Thanh Giản, qua bệnh viện Saint Paul, gặp ngôi trường Gia Long cũ, vẫn những tà áo trắng, nhưng các cô bé nữ sinh trung học nhỏ hẳn đi như chỉ đang ở tiểu học. Cắt ngang là đường Bà Huyện Thanh Quan êm đềm với chùa Xá Lợi giờ đây trông nhỏ bé quạnh hiu. Khác với chùa Xá lợi, chùa Vĩnh Nghiêm ở đường Công Lý trông bề thế, nhộn nhịp hơn, lúc nào cũng khói hương nghi ngút với số người đi lễ đông gần như thường trực. Chùa Vĩnh Nghiêm và Vương Cung Thánh Đường gần như là hai "thắng cảnh" đặc biệt cho những người ở xa về. Nhưng tôi xúc cảm nhiều hơn lúc đi theo đường Trương Minh Giảng, vượt qua cầu và ngôi chợ nhỏ. Tìm đến ngôi chùa Sư Nữ rất nhỏ đặt nén hương cho những người thân có ảnh và bình tro thờ nằm đó trong bình yên vĩnh cửu. Người đàn ông tứ tuần chợt thấy hai mắt nhạt nhoà trước hai khung ảnh gắn trên bình tro của bà nội tôi và ba tôi. Bao người xưa đã nằm xuống, một số khác đã đi ngoại quốc, bạn bè thân đã vội bỏ mình hay tản mát nơi đâu sau mấy chục năm?

Tôi quay về đây chợt thấy lạc lõng dù đó là thành phố mộng tưởng của các năm dài sống ở bên Mỹ. Những ngày ở khách sạn Sài Gòn, ba buổi đi tìm hiệu ăn. Thiếu vắng một bữa cơm nóng đơn giản trong một ngôi nhà quen thuộc đã làm cho tôi nhận rõ cảm tưởng chua chát mình chỉ là khách du lịch ngay trên quê hương dù vài người thân họ hàng vẫn niềm nở tiếp đãi. Không khí ngày Tết hay Giáng Sinh có nhộn nhịp chào đón và gợi cảnh cũ, tôi vẫn thấy mình đếm rõ từng bước cô đơn trên các hè phố cũ quen thuộc. Trong ánh mắt nhìn của đa số họ hàng, bạn bè vẫn còn chút tò mò tìm hiểu kẻ lạ trước mặt là tôi. Và dù muốn tự dối mình, tôi cũng không thể hiện diện như những người bình thường trong cuộc sống hàng ngày ở đây. Tôi vẫn là "người lạ," càng cố làm ra vẻ tự nhiên hoà đồng lại càng thấy ngượng nghịu, có chút tính chất "kịch" trong đó. Ở vài nơi tiếp xúc chính thức do công tác, tôi càng nhận ra điều đó. Tôi đã được đào tạo trong môi trường khác, với cách nghĩ và hoàn toàn xa lạ với những anh em đồng nghiệp chung quanh. Nếu tôi đến họ với tư cách doanh nhân hay đại diện một cơ quan nước ngoài, công việc có phần thuận lợi hơn trong cách cư xử. Nhưng nếu tôi muốn trở

về "nhập cuộc" trong một cơ sở Việt Nam như một nhân viên bản xứ, sự hội nhập sẽ khó khăn và gần như không tưởng. Hiệu năng làm việc chắc sẽ rất khiêm tốn vì những hàng rào ngăn cách trong công việc và giao tế. Tôi ngỡ ngàng khi nhận ra điểm đó sau vài chuyến về nhà. Nếu tôi còn bị xa lạ như thế sau khi đã trưởng thành ở Việt Nam và không bị khó khăn về ngôn ngữ đối thoại, làm sao các thế hệ đàn em trẻ có cơ hội trở về khi họ chỉ bập bẹ tiếng Việt, đọc chữ không thông, đừng nói gì đến quay về sống và làm việc. Liệu quê hương có còn là một địa danh du lịch hấp dẫn trong tâm tưởng nhóm đàn em ở hải ngoại này không?

Những ý nghĩ trên càng đi sâu vào trong tâm tưởng tôi như một nỗi buồn gậm nhấm trong các chuyến về kế tiếp. Tôi vẫn tâm tưởng đến những quán cơm Việt. Tôi cũng mê say đến hiệu phở Hoà khu đường Pasteur, phở Tàu Bay Lý Thái Tổ, hay phở Tương Lai Nguyễn Tri Phương, dù vị phở có phần kém ngày trước có lẽ vì khẩu vị mình đã hoàn toàn thay đổi. Tuy nhiên tôi vẫn hay ra ăn ở Givral có chỗ ngồi thi vị. Chỉ nhớ tiếc những cốc cà phê sữa nóng bốc khói với vị bơ thơm lừng của Pôle Nord, hay bánh ngọt của Brodard và Givral ngày xưa. Buổi trưa hay chiều đến những tiệm cơm "bình dân" (dù giá bắt đầu lên khá đắt cho mức sinh hoạt của người dân ở nhà!) ở đường Ngô Đức Kế có các tiệm mới như Hoàng Yến, Hiệu 13, Cây Dù Vàng đang có tiếng, nhắc nhở đến hiệu ăn Bà Cả Đọi với các món Bắc trong gia đình như thịt đông, dưa giá, đậu kho, cá rán v.v... Sang hơn nữa cho cơm Việt Nam là nhà hàng Thanh Niên (đường Nguyễn Văn Chiêm, gần nhà thờ Đức Bà) với những món miền Nam hấp dẫn, có bàn ăn trong vườn sạch và lịch sự, mỗi tối thêm phần nhạc phụ diễn và khung cảnh thơ mộng. Khách cũng có thể tìm ăn cơm Tây bình dân ở chợ Cũ nhưng vẫn tiếc nhớ món soupe bouillabaisse hay thỏ nấu rượu vang ở Chez Albert (Đa Kao) hay Vọng Nguyệt, món bí- tết Choeng Nam, crème de vollaille chợ Cũ. Các hiệu Tầu danh tiếng ngày xưa như Á Đông, Động Phát, Ngọc Lan Đình thì đã đóng cửa hay đổi tên và bây giờ không còn hiệu nào đặc biệt. Mấy hiệu Tầu trong vài khách sạn năm sao mới mở là máy chém mà ăn không ngon lắm, chỉ được cái sang! Các món Tầu bình dân như trong các hiệu mì phần lớn dọn lên khu Đinh Tiên Hoàng ở Đa Kao. Tiệm mì Cây Nhãn cũ ở khu Đinh Tiên Hoàng không biết dọn đi đâu?

Các món nhậu lai rai của "dân chơi" năm xưa, được vang danh qua Tám Lọ, Bảy Hổ, nay rải rác ở nhiều khu (Lê Văn Duyệt, Nguyễn Tri Phương) và thay đổi nhiều theo thời gian. Các nơi bán quà vặt trứ danh như bún ốc Casino Sài Gòn, thịt bò khô chùa Chà (khu nước mía Viễn Đông), bún chả Bà Ba Bủng, bánh cuốn Nguyễn Thiện Thuật, thịt bò viên Đại Đồng hình như đều đã đổi chỗ. Kẻ đi xa tìm lại những chốn ăn vặt cũ này, chỉ còn biết ngơ ngẩn , không thấy hàng xưa đâu! Sau nhiều năm, chắc các người bán hàng cũ cũng đã vắng mặt theo luật tạo hóa! Quá nửa cuộc đời, đầu đã điểm bạc, vẫn còn muốn đi ăn quà vặt như thuở mài đũng quần trên ghế nhà trường. Đó có phải là tâm sự kẻ tha hương trở về cố quốc?

Những chuyện ẩm thực ở trên hơi dài dòng vì người viết vẫn chịu ảnh hưởng mạnh của tiền nhân. Thạch Lam tả kỹ lưỡng và đầy thi vị các hiệu hay món ăn ngon của ba mươi sáu phố phường Hà Nội hay Nguyễn Tuân với cách ăn uống cầu kỳ ở miền Bắc ngày xưa. Về lại Sài Gòn trong những chuyến ngắn ngủi, đầu óc bị méo mó bởi những tiêu chuẩn "vệ sinh" kiểu Mỹ, tôi ít dám lê la đến các hàng quán nhỏ ở lề đường, các quán nhậu "bình dân" và hơi ngại đụng đũa vào các đĩa rau sống (thi vị của các món ăn Việt Nam). Do đó, cuối cùng phải thú nhận mình không đủ thẩm quyền để nhận xét trung thực về các món ăn uống ngoài đường phố Sài Gòn đã là một thú lớn in đậm trong ký ức thơ ấu!

Mỗi lần trở về Mỹ, tôi ít có dịp kể lại đầy đủ các chuyện trên cho bạn bè nhất là nếu chưa đủ thân thiết, vì đa số những lập luận hay câu chuyện đều hướng về công việc làm ăn hay những dự định tậu nhà, mua xe mới cho đời sống "bên này." "Bên kia" chỉ nên được coi như là thiên đường đã mất hay trong trí tưởng. Lý luận của bạn bè hay họ hàng chắc nịch như vậy nên tôi cả nể thường im lặng, chỉ kể qua loa về nét sống ở Sài Gòn sau những chuyến công tác hay thăm viếng ngắn. Tôi chỉ quyết định gửi xin đăng lại những dòng viết này về Sài Gòn sau khi đọc rất nhiều sách báo về Hà Nội (như báo *Thế Kỷ 21* mới đây số 173), và cảm thấy ẩn nhẫn bất công cho Sài Gòn, nơi đã cho tôi bao kỷ niệm đẹp thơ ấu và còn cho tôi sự quen thuộc gần gũi mỗi lần trở về, dù phần lớn chỉ để hoài niệm những ngày tháng đã qua trong thành phố thân yêu ấy!

Xây Chừng

PHAN THANH TÂM

Cứ mỗi lần cầm tờ báo đọc mục thời tiết, tôi đều tò mò xem thử Saigon mấy độ, dù chưa có ý định về thăm lại. Ra đi từ sáng tinh mơ ngày 7/3/1976 để vượt biên, cũng đã gần 30 năm nhưng tôi thấy như thể mới cách xa Saigon không bao lâu. Chẳng những thế, thỉnh thoảng lại nằm mơ thấy đang đi giữa phố hay đang chơi đá banh với lũ trẻ trong xóm trên đường Nguyễn Thái Học hoặc ngồi đọc báo cọp với ly xây chừng ở quán hủ tiếu khu Ngã tư quốc tế.

Trong hơn 20 năm sống tại Saigon tôi đã lần lượt ngụ ở nhiều nơi như: xóm đạo nhà thờ Huyện Sĩ, xóm chiếu Khánh Hội, xóm Bùi Viện, khu thương cảng Tân Thuận, Khu Hồng Thập Tư Lê Văn Duyệt, Khu Cư Xá Lê Đại Hành, Khu Cư Xá Nông Tín Cuộc Trương Minh Giảng gần đường rầy xe lửa. Duy có một nơi tôi nhớ nhiều nhất, đó là xóm Bùi Viện.

Lý do? Tại vì kỷ niệm thời niên thiếu. Xóm này gần Ngã tư quốc tế. Sinh hoạt ở đây rất đa dạng, nhiều màu sắc, nhiều mùi vị. Nó là *Saigon Tạp Pín Lù*, như tựa một cuốn sách của cụ Vương Hồng Sển mô tả. Saigon thập cẩm, Saigon tào lao, Saigon ba lăng nhăng; gồm đủ cả các món ngon: mề gà, lòng heo, ruột già, dồi trường, chín hay sống sượng; ngốn nghiến chàm ngoàm với rau sống, rượu cay.

Ai khai sinh ra tên ngã tư quốc tế? Tôi chẳng biết. Tôi biết chắc một điều là nơi này sớm tối đều có đủ dân tứ chiếng giang hồ, thượng vàng hạ cám. Nó nằm ở ngã tư Bùi Viện, Đề Thám, sau rạp hát Nguyễn văn Hảo, gần dãy nhà lầu Tháp Ngà (Tour d'Ivoire), trên đường Trần Hưng Đạo. Trước 1954 Trần Hưng Đạo có tên là Galliéni; Đề Thám tên là Dismud; Nguyễn Thái Học là Kitchener còn Phạm Ngũ Lão tên cũ là Colonel Grimauld.

Đủ món ăn chơi

Về đêm khu này đèn đuốc sáng trưng cho đến hơn nửa khuya như Ngã Sáu Saigon. Buôn bán tấp nập, vui nhộn. Hàng quà vỉa hè bày chật cả lối đi. Đủ cả: nem nướng, bánh mì thịt, bò bía, bò viên, bò khô đu đủ, chả giò, cháo lòng, cháo huyết, cháo gà, cháo vịt, cháo dứa hột vịt muối, bánh canh, hột vịt lộn, mì, hủ tiếu... Mùi thức ăn bay cả một góc. Xe mía, xe sinh tố, xe đẩy đồ ngọt của người Tàu có táo soạn, đậu đỏ, đậu đen, bo bo, chí mà phủ (mè đen), hột sen, bạch quả, táo đỏ, phổ tai, nhãn nhục, đá bào...

Buổi sáng cũng nhộn nhịp không kém. Cái lạ là các tiệm ăn bên đường chẳng phiền hà gì với các hàng gánh bán rong lưu động. Miễn là có kêu một ly cà phê rồi tự ý kêu món ăn sáng trong tiệm hay ngoài tiệm. Bánh cuốn, bánh xèo, xôi vò, xôi rượu nếp, xôi bắp, xôi đậu đen, khoai mì, khoai lang, bánh mì thịt, hủ tiếu Nam Vang, hủ tiếu Mỹ Tho, phở, cơm tấm bì, sữa đậu nành, đậu hũ, bánh khúc... Chợ ăn sáng này lúi húi kéo dài tới gần trưa mới thưa người.

Nhà tôi ở thụt trong đường hẻm, số 12B. Sau lưng là đường Phạm Ngũ Lão; bên hông là đường Nguyễn Thái Học. Giới nghệ sĩ cải lương, đào kép thượng thặng, quần áo lượt là, sang trọng, ký giả kịch trường và dân anh chị thường tụ năm tụ ba, ăn uống giải khát ở mấy quán hủ tiếu quanh Ngã tư Quốc tế. Tôi dọn về địa chỉ này khi học lớp nhì trường nam tiểu học Trương Minh Ký, cạnh rạp Đại Nam. Đối diện bên kia đường là trường nữ tiểu học Tôn Thọ Tường.

Địa linh

Chợ Cầu Muối, chợ Cầu Ông Lãnh, Khu Dân Sinh cách đó không bao xa chỉ độ mươi mười lăm phút đi bộ dọc theo đường Nguyễn Thái Học. Ở một chỗ "địa linh" như vậy thì làm sao quên được? Tôi ở đó cho tới hết lớp đệ tứ. Rồi về Huế học tiếp ở trường Quốc Học (sau ba năm trở lại Saigon). Lúc nào, giờ giấc nào chúng tôi, lũ con nít trong xóm cũng có nhiều trò chơi hay rủ nhau đi phá phách khu xóm.

Trong các trò chơi, đá banh là trò tôi ham nhất. Sân banh là khúc đường Nguyễn Thái Học bên hông trường Tôn Thọ Tường. Xe cộ chạy thì mặc kệ xe, chúng tôi cứ lừa, cứ đá ngay giữa lộ. Khi nào cảnh sát tới thì ù té chạy; hay tản lên lề làm như mình vô can; chỉ đứng ngó "mấy thằng nhỏ mất dạy làm cản trở lưu thông."

Nếu hôm nào không tụm năm tụm ba quậy phá thì tôi mò tới mấy sạp báo góc ngã tư Đề Thám Bùi Viện hay ngã năm Bùi Viện, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Thái Học hoặc vào tiệm sách Yểm Yểm Thư Trang ở gần đó đọc sách báo cọp. Giờ đọc báo cọp thích hợp nhất là buổi trưa nắng gắt; nóng đổ lửa; nhựa đường cũng phải chảy. Còn đọc sách cọp là lúc tan trường về. Thi vô Petrus

Ký rớt nên tôi học trường tư Lê Tấn Thành, nằm trong đường hẻm cạnh tiệm sách.

Khu ngã tư quốc tế vào buổi xế trưa khác hẳn buổi sáng và buổi tối. Quán hàng có vẻ thưa thớt. Sinh hoạt chậm lại, uể oải. Hàng quà vỉa hè dọn đi đâu chỉ còn lại năm ba gánh. Vì tôi hay luẩn quẩn cạnh sạp báo, trước tiệm hủ tiếu, có lẽ thấy mặt mủi tôi không có vẻ loại đá cá lăn dưa lắm nên bà bán báo nhiều khi nhờ tôi coi hộ. Bà đi đâu cả giờ, giao sạp báo và quầy bán thuốc lẻ cho tôi. Cái thú ngồi quán nước bên ly cà phê đắng bắt đầu từ đấy.

Hồn Ma Cũ

Mười hai mười ba tuổi đầu làm gì có tiền để ngồi quán; nhưng nhờ hay lân la đọc báo cọp, nên chủ quán quen mặt không xua đuổi khi tôi kéo ghế ngồi xề bên cái bàn kê ở phía bên ngoài tiệm hủ tiếu. Hôm nào có tí tiền tôi bắc chước mấy người khách kêu một ly xây chừng (ly cà phê đen nhỏ). Chỉ là một cái cớ để có thể ngồi trầm ngâm dài lâu, nếu không thì tẻ nhạt, vô duyên. Cũng tại đây, tôi bắt gặp được một cách uống cà phê rất độc đáo của ông Năm Đen, người quen của bà bán báo.

Cứ vào khoảng một giờ hơn là ông Năm Đen rề rề đẩy chiếc xích lô vào bóng mát; vào quán kêu một ly tài phế (cà phê đen lớn). Một chân co lên ghế, một chân duỗi dài, ông ngồi dựa vào tường nhìn ra lộ. Ông bận quần cụt nên hòn dái lòi ra nhưng vẫn tỉnh bơ. Pha đường, nhấm nháp cái muỗng; đổ cà phê ra dĩa; ông đưa dĩa lên miệng vừa thổi vừa uống. Ông ngồi tư lự một lúc, trả tiền rồi ra lấy chiếc xích lô, chậm rãi đạp về hướng chợ Thái Bình, tên cũ là chợ Arras.

Lớn lên có dịp ngồi nhiều quán cà phê khác nhau từ Sài Gòn ra Huế, lên Pleiku, Kontum, Đà Lạt, Cần Thơ, rồi đến các thành phố lớn của Mỹ và cả nhiều nước ở Âu châu, tôi không hề thấy ai có lối uống cà phê như kiểu ông Năm Đen. Nhưng mới đây, anh bạn nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp, chủ biên tạp chí Phố Văn cho tôi hay là lối uống cà phê dĩa không phải chỉ mình ông Năm Đen uống thôi, mà có một nhân vật trong *Hồn Ma Cũ* của nhà văn Bình Nguyên Lộc cũng có lối uống đó. "*...Người cha đứa bé rót cà phê ra dĩa cho mau nguội, rồi nâng dĩa lên mà uống.*" A, té ra lối uống đó đã có nói trong văn học rồi.

Từ thuở ở đường Bùi Viện đến nay có hơn nửa thế kỷ, cái đám nhỏ ngày xưa trong xóm bây giờ ở đâu? Đường đời vạn nẻo; lại thêm lớn lên vào thời *đại bác đêm đêm dội về thành phố,* thế hệ bất hạnh chúng tôi đã phải rời bỏ Sài Gòn, tứ tán khắp nơi. Cách đây không lâu, tôi có dịp thấy lại *Saigon Năm Xưa* cùng các con đường trong xóm cũ khi tôi gặp và nói chuyện với hai bạn cùng lứa hồi nhỏ vui chơi với nhau: Lê Tấn Huỳnh Long, và Tăng Quang. Bạn xưa, nhắc cảnh cũ. Âu đó cũng là một cái khoái khi sống ở nước ngoài vì nó gợi nhớ một khoảng đời đã mất.

Nhân tình thế thái

Tôi được gửi đi theo ông anh họ Phan Thanh Hy, mới qua đời đầu năm nay, từ Huế vào Sài Gòn bằng phi cơ hai cánh quạt của hãng Cosara hồi đầu thập niên 50 để về ở với bà chị. Lúc bấy giờ tôi hãy còn nhỏ mới học lớp ba. Như những người phương xa mới đến vùng đất hứa của Việt Nam, chỗ ở đầu tiên thường là trong các ngõ hẽm. Nếu làm ăn khá mới dần dần dọn vào trung tâm thủ đô. Sau này có dịp cư ngụ trong nhiều khu xóm khác nhau, tôi thấy rằng muốn biết Sài Gòn muôn mặt, từng được gọi là Hòn Ngọc Viễn Đông, thì phải có một thời sống trong những xóm nghèo, lầy lội, chật chội vì nó có có đủ hạng người, đủ sự tình, đủ cảnh ngộ.

Chính từ những căn nhà nằm trong những con hẻm sau dãy nhà lầu, sâu hun hút, ngoằn nghèo, như một bàn cờ, mình mới được nghe hết các tiếng chửi tục, các lời ăn tiếng nói bạt mạng, các cuộc tranh cãi, đánh vợ, đánh con, chửi chồng, các trận đánh ghen, các lời ru con, các điệu nhạc, các câu vọng cổ, các giọng ngâm thơ, tiếng trẻ học bài, tiếng khóc rấm rức, tức tưởi của người quả phụ, tiếng khóc của trẻ thơ, tiếng gà gáy, tiếng chó sủa; tiếng xe gắn máy, tiếng rao hàng lúc khàn, lúc trầm, lúc thánh thót, tiếng lốc cốc, lách cách, cắt cụp, cụp cắt của mấy xe mì vế khuya... Và cả tiếng lặng thinh, bất chợt của buổi sáng, ban trưa. Qua âm thanh này ta có thể đoán được bước chân của thời gian, và chiêm nghiệm được thêm nhiều về nhân tình thế thái.

Ngày nay Sài Gòn đã đổi tên. Cảnh cũ, người xưa chắc hẳn không còn nữa.

Ba mươi năm thừa để một đứa bé thành một người trưởng thành, huống hồ một thành phố. Thế nhưng, tôi vẫn thấy Sài Gòn đâu đây, ngoài những kỷ niệm ở khu Bùi Viện còn có con đường Duy Tân cây dài bóng mát; những hàng me về đêm rũ lá; các tiệm cà phê Givral, La Pagode, Brodard, Thanh Thế, Kim Sơn; những buổi trưa lang thang dưới nắng nung người; những khuôn mặt thân quen; những trái cóc xanh chua, ly nước dừa mát rượi và dư âm bản nhạc Sài Gòn đẹp lắm, Sài Gòn ơi, Sài Gòn ơi, nghe lúc nào cũng hay, cũng gợi nhớ.

03/04

CHUYẾN TÀU TRONG ĐÊM

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Tôi đi vào giấc ngủ chập chờn. Trong giấc mơ có những ánh đèn lồng dài dặc. Rồi một lúc nào đó của giấc mơ những đóm đèn lồng biến thành đàn đom đóm bay la đà chớp tắt trên những ngôi mả thuộc nghĩa trang dòng họ ở Hội An. Nói là giấc mơ thì không hẳn. Phải nói là đêm hôm đó đêm 27 tháng Tư năm 2001 trên chuyến xe lửa đi từ Sài Gòn ra Hội An là hỗn độn của rất nhiều mảnh hồi ức, của những giấc mơ ngắn và cũng là của thực tại. Chúng hòa trộn vào nhau hầu như không tách rời ra được. Bởi ngay cả trong giấc mơ hay những lúc đắm mình trong hồi tưởng tôi luôn luôn nghe rùng rình tiếng nghiến bất tận của con tàu trong đêm và cái cảm giác bay trôi như con tàu không di chuyển theo hướng của con đường sắt mà cứ tịnh tiến ngang ngang như xê dịch của loài cua. Về đêm toa tàu ướp lạnh như một ngăn đá khổng lồ. Cái lạnh khiến tôi nhiều lần thức giấc kéo cái chăn bông lên cằm và qua hành động đó tôi thấy lóe sáng ánh đèn duy nhất còn bật trong căn phòng tối. Dưới ánh đèn đó Jean-Francois Bernardet miệt mài ngồi viết trong đêm. Rồi hình ảnh Bernardet nhòe lẫn hình ảnh một đêm nào ở Đà Lạt, lạnh lẽo và xa xôi, tôi sực thức giấc nửa đêm mơ màng kéo cái chăn bông lên cằm và qua tấm màn tuyn tôi thấy bóng mờ của bố tôi đang cặm cụi ngồi viết văn trong đêm khuya khoắt dưới ánh sáng vàng của ngọn đèn chụp.

Tôi tỉnh dậy trong tiếng rung chuyển loàng xoàng của con tàu đi qua một cây cầu sắt. Có tiếng gõ cửa rồi một ánh đèn pin lua vào trong ca-bin tối. Giường bên cạnh Thái Vân bật đèn ở đầu giường. Nàng xòe bàn tay chắn nguồn sáng chiếu thẳng vào mắt. Một người đàn ông cao to đứng chắn ở cửa. Ông ta bận đồng phục xanh đầu đội nón cát-két. Tôi nhận ra ông ta là kiểm soát viên của con tàu Euro-Train. Bằng tiếng Anh ông ta xin lỗi phải đánh thức chúng tôi dậy trong đêm vì con tàu vừa đi vào địa phận của nước Áo và theo luật ông ta buộc phải kiểm soát vé vào lúc này. Thái Vân mở bóp lấy ra hai xấp Euro-Passes mà chúng tôi đã mua từ bên Mỹ. Ông ta xem xét kỹ rồi nói: "Vé của ông bà có hiệu lực trong bốn quốc gia: Pháp, Ý, Thụy Sĩ và Đức. Không có nước Áo. Bây giờ ông bà đang trên lãnh địa Áo. Vì vậy nên ông bà phải trả tiền vé mỗi người là 18 đô-la. Chúng tôi chỉ nhận tiền mặt, không nhận Visa." Thái Vân cự lại: "Nhưng chúng tôi không có ý định đi thăm nước Áo. Tại sao chúng tôi lại phải trả tiền nhỉ?" Ông ta trả lời: "Tôi biết. Ông bà không có ý định đi Áo. Nhưng chuyến tàu hỏa Geneva-Munchen đi từ Thụy Sĩ sang Đức lại băng qua một dải ở phía cực tây của Áo quốc." Rồi ông ta mỉm cười: "Cũng may cho ông bà lắm đấy! Dải đất này chỉ rộng có sáu cây số. Nếu không thì ông bà phải trả một số tiền lớn hơn nhiều vì chúng tôi tính tiền vé theo số ki-lô-mét." Tôi hậm hực móc ví trả 36 đô-la. Ông ta nói cảm ơn rồi vội vã sang toa bên cạnh. Cái mửng này chắc sẽ được lập lại ở các ca-bin khác. Mỗi đêm nước Áo chắc thụ được bộn bạc. Tiếc tiền vợ chồng tôi chúi mũi nhìn qua cửa kính hy vọng nhìn thấy một dải của dòng Danube cho đỡ nhớ nhung *những cô em tươi môi, ngồi giặt yếm yên vui... Đời là khúc nhạc... Đời là tiếng thơ...* Bên ngoài con tầu ầm ầm đi vào ruột của khu rừng ngập đầy bóng tối.

Trên sân ga thành phố Hồ Chí Minh đường Kỳ Đồng con tàu tốc hành xuyên Việt dài thượt sơn màu đỏ ké có kẻ hai đường viền dài màu kem đã được "nâng cấp" cho xứng với số tiền khá cao mà năm chúng tôi bỏ ra cho vé toa "cút-xép" có máy lạnh. Chúng tôi theo đám hành khách

ngoại quốc đi lần về phía đầu tàu. Khi tôi bước lên toa tôi có cảm tưởng như năm chúng tôi là những người Việt Nam duy nhất lên toa tàu ấy. Qua cửa sổ bên hông một hành lang hẹp tôi thoáng thấy chị Đạt đứng trên sân ke lẫn trong đám đông người đưa tiễn. Bốn người cùng đi với tôi chiếm trọn một phòng. Còn tôi ở buồng bên cạnh. Tôi kéo ngang cánh cửa đôi. Bên trong hai chiếc giường sắt hai từng ở hai bên giữa là lối hẹp nhìn ra cửa sổ. Một người ngoại quốc cao quá khổ xây lưng về phía tôi đang đẩy cái ba-lô và hành lý lỉnh kỉnh lên góc chiếc giường trên cao mé trái. Ông ta xoay người toan sổ một chân lên cái khoen kền để lấy thế đu lên. Tôi nói: *Hi!* Anh ta đáp lại giọng vui vẻ: *Hello!* Mặt anh ta nom trẻ măng. Tôi cúi người xếp hành lý lên giường phía bên phải từng dưới. Phòng ngủ nhỏ nhưng ngăn nắp sạch sẽ. Giường nệm trải drap trắng, gối cũng trắng được bọc trong bao nylon và một chăn bông xếp gọn ghẽ dầy cộm. *Chăn bông?* Trời này mà chăn bông? Tôi nhìn đồng hồ tay. Còn 15 phút nữa tàu mới chạy. Tàu chưa chạy thì cái máy lạnh cũng nghỉ thoải mái. Không khí trong toa cứ hầm lên thôi. Bên ngoài hành lang hành khách ngoại quốc lũ lượt đi qua kéo theo những chiếc va ly có bánh xe.

Bỗng có hai người Việt bước vào phòng gần như cùng một lúc nhưng xem ra họ có vẻ không liên hệ với nhau. Một người đàn ông đứng tuổi tóc hoa râm và một cô gái ăn mặc trẻ trung, trẻ quá không tương xứng với gương mặt đã thoáng lộ nét răn ở đuôi con mắt. Người đàn ông hành lý không có gì ngoài một mớ báo chí Việt ngữ cầm tay, ông ta ngồi xuống chiếc giường dưới mé trái, né tránh một cái chân thò xuống từ giường trên của anh ngoại kiều quá khổ. Anh này bận quần đùi lộ cái chân bị thương có băng vải thô ở bắp vế, phần không vải che thì lại rậm rịt những lông chân. Người hành khách Việt liếc nhìn cái chân nhíu mày lộ vẻ khó chịu. Còn cô gái nhìn tấm vé nhìn số giường và sau khi biết là giường của cô ở từng trên thì lộ vẻ thất vọng. Cái va ly của cô to trông lại rất nặng nề. Cô ta lưỡng lự nhìn cái va ly như thể không biết cách nào đẩy nó lên từng trên mà đút nó dưới sàn thì không yên tâm. Sau cùng cô ta nhìn tôi nở một nụ cười ngoại giao: "Anh là người Việt Nam hả?" Tôi gật. "Anh làm phước đổi chỗ cho tôi được không? Cái va ly của tôi nặng quá mà xem bộ cái giường cao tôi cũng khó mà leo lên được." – "Tôi sẵn sàng đổi giường cho chị. Chị có thể đút cái va ly xuống đây. Tha lên giường làm gì cho nặng."

Tôi ra ngoài hành lang. Từ cửa sổ con tàu nhìn ra sân ga Hòa Hưng tôi không biết từ lúc nào con tàu đã nhẹ nhàng chuyển bánh. Tôi thấy chị Đạt lùi xa lùi xa. Người chị nghiêng nghiêng, chị giơ tay vẫy vẫy, bóng chị nhỏ dần lẫn vào đám đông. Chị Đạt là con dâu của bác cả Chi, anh ruột mẹ tôi. Bác Cả có hai con trai. Anh Độ và anh Đạt. Trong gia đình cứ gọi là anh Độ chứ tên trên giấy tờ của anh là Ngọc, Phạm Kim Ngọc. Chị Đạt là người miền Nam. Ba chục năm trước tôi đến nhà bác Cả ăn giỗ, bên cạnh một anh Độ, lúc đó là Tổng trưởng Kinh Tế của miền Nam Việt Nam lạnh lùng và xa cách, một chị Đạt hiền dịu nhỏ nhẹ vồn vã. Giọng nói của chị thuần miền Nam nghe lạ tai trong một đại gia đình Bắc Kỳ chúng tôi. Ba mươi năm sau từ Mỹ trở về thành phố cũ bây giờ đã đổi tên, tôi đến thăm chị, chị ở một mình nơi căn nhà cao rộng của bác Cả, đường Phan Thanh Giản, bây giờ mang tên Điện Biên Phủ, nhìn sang nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi, bây giờ biến thành công viên thành phố. Cả hai bác Cả và anh Đạt đã qua đời. Anh chị Ngọc sang ở bên Mỹ từ những ngày cuối cùng của cuộc chiến. Chị dẫn tôi lên lầu tư rồi lên sân thượng. Một căn buồng nhỏ xinh xắn nằm ở một góc sân. Từ cửa sổ căn phòng nhỏ nhìn ra là ngang tầm với ngọn cây, công viên Mạc Đĩnh Chi nhấp nhô lá xanh. Bốn mươi mốt năm về trước, một ngày trước cuộc binh biến 11-11-1960 ở Sài Gòn, bố tôi bất thần trở về căn gác chợ An Đông, ông nhìn tôi nói nghiêm nghị: "Ngày mai con có đi chơi đâu thì không được lảng vảng gần khu Dinh Độc Lập." Cuộc đảo chính thất bại. Tôi nghe nói bố tôi sau đó đã lẩn trốn ở nhiều nơi trong thành phố mà một nơi ông ở lâu là nhà bác Cả. Tôi còn biết là chính chị Đạt là người lo cơm nước và là liên lạc viên trong thời gian mấy tháng ông lẩn trốn ở đây. Ba mươi năm sau từ nước Mỹ trở về đến thăm chị lần đầu tiên tôi bước lên cái sân thượng ấy. Căn buồng nhỏ bây giờ dùng làm gian thờ phượng nom cũ kỹ tiều tụy. Chị Đạt chỉ vào cái bàn nhỏ siêu vẹo. Cái bàn ấy chú Tam vẫn ngồi viết. Tôi nhìn lên mảnh trời này của Sài Gòn tự hỏi phải chăng bố tôi đã ngồi đây bên chiếc bàn này trong suốt sáu mươi đêm ngày miệt mài viết bản chúc thư văn học và phải chăng bàu trời kia bên trên nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi *"sương đã tan hết, trời cao và rộng bao la. Hai người cùng yên lặng nhìn màu xanh của nền trời không vẩn một đám mây, ngơ ngác như lấy làm lạ rằng còn được trông thấy ánh sáng của thế gian"* (Giòng Sông Thanh Thủy - Nhất Linh). Tôi giơ tay vẫy lại chị

Đạt mặc dù tôi biết chắc chị chẳng thể nào nhìn thấy tôi. Nước mắt dàn dụa tối qua chị Đạt trao cho tôi một gói bảo vật mà chị đã trân quí gìn giữ từ hơn 40 năm qua xem đó như một phần của thân thể mình: "Đây là trọn bộ 11 quyển Văn Hóa Ngày Nay mà chú Tam đã tặng anh chị. Đây là những bức tranh do chính chú Tam vẽ. Đây là bản thảo viết dang dở. Đây là những tài liệu mà chú đã tín nhiệm giao cho chị giữ, trong đó có cả bức thư từ chức của chú Tam gửi cụ Hồ Chủ Tịch. Chị bây giờ già rồi, chị giao tất cả lại cho em vì chú Tam có lần nói với chị là chú thương em nhất, bây giờ chị trao cho em mà lòng chị xót xa như phải cắt bỏ một phần khúc ruột của mình." Nói xong chị cúi gập người xuống. Chị Đạt ở cái tuổi về chiều của cuộc đời. Nhìn chị dẫm lạch bạch hai chân xuống sàn nhà và khóc như một đứa trẻ nít mất tôi cũng đẫm ướt theo chị.

Tôi trở vào buồng. Cô gái ngửng lên nhìn tôi bắt chuyện: "Trông anh như Việt Kiều về nước. Anh ở nước nào vậy hả?" – "Tôi ở Mỹ. Tiểu bang Washington." – "Anh ở Đi Xi hả? Em cũng có mấy người bà con ở đó! Còn em ở Ca-Li..." (Cô ta chuyển xưng em ngọt sớt). Tôi cười: "Không phải DC Thủ Đô đâu. Tôi ở ngay trên đầu của cô. Thành phố Seattle." Tôi nắm thanh kền nhún người đu lên giường. Nằm ngược đầu tựa lưng vào ba-lô tôi nhìn nhà cửa cây cối vùn vụt chạy qua. Ở giường bên kia anh chàng thanh niên ngoại quốc cũng tựa lưng trên ba-lô đang hí hoáy viết. Trong tư thế nửa nằm nửa ngồi anh ta viết trên một quyển sách bìa cứng. Cái chân bị thương của anh ta vẫn bỏ thõng xuống ngang tầm chiếc giường trống. Ông tóc hoa râm không biết bỏ đi đâu. Lát sau, cửa buồng mở. Ông tóc hoa râm bước vào, theo sau là một bà mặc đồng phục quần tây xanh dương, áo trắng cộc tay túi áo có đeo phù hiệu nhân viên hỏa xa. Bà ta nói mấy câu với ông khách. Tôi hiểu ra là ông ta muốn đổi phòng nhưng lại không có giường nào trống trong toa cút-xét này. Khi bà soát vé đi ra thì có một thanh niên vào phòng chuyển cái va-ly nhỏ và cái cặp da cho ông ta rồi anh ta thối lui dáng điệu lễ phép gần như cung kính. Bên ngoài trời về chiều. Con tàu ầm ầm chạy qua cầu sắt. Ánh nắng dịu đi trên thành cầu Bình Lợi. Dưới cầu con sông nước đục một chiếc phà đen đi qua. Dừa nước mênh mông. Từ hành lang hai cô gái đẩy cái tủ thấp có bánh xe mang khay thức ăn vào phòng. Thức ăn còn nóng trông sạch sẽ. Giường bên kia thoáng cái, khay của anh ngoại kiều đã sạch nhẵn. Ăn xong anh ta ngửng nhìn tôi, mắt anh ta ánh một tia vui. Hình như anh ta đang nghĩ về một cái gì vui lắm. Cũng có thể là anh ta hài lòng về khay thức ăn được anh ta "quản lý" rất gọn. *Not bad?* Tôi nói, chỉ vào thức ăn. *Not at all !* Anh ta vui vẻ trả lời đồng thời nhoài

TRẦN YÊN HÒA

Em, Sài Gòn

Sài Gòn của tôi những năm sáu mươi
Những hàng me xanh ở khu trường Luật
Lá rụng bay đầy hồn tôi xanh tươi
Như màu xanh áo em đang mặc

Sài Gòn của tôi là những hẻm sâu
Xe đạp chạy qua hàng cây trứng cá
Hẻm Lê Văn Duyệt, hẻm Thoại Ngọc Hầu
Đi dạy kèm trả đời cơm áo

Sài Gòn là những Bastos xanh
Quán cóc cà phê bên góc giảng đường
Khói thuốc lăn tròn, đời ta lăn lóc
Em đứng xa nhìn như một bức tranh

Sài Gòn những năm sáu mươi bảy mươi
Ra đường áo bay rợp trời mùa hạ
Phố khuya đi về hồn tôi lãng du
Ứ đầy trong lòng mộng xanh ươm quả

Sài Gòn ra đường với trăm nhân vật
Mai Thảo thân quen, Nguyễn Đình Toàn khách lạ
Dáng ai trên đường cũng nghĩ là em
Hóa thân ta là nhân vật đó

Ly nước mía ngon môi em khẽ hát
Trả lại em yêu, một thuở quen người
Ơi dáng em xa như tranh cổ tích
Sài Gòn mưa, Sài Gòn nắng biết không?

Tôi và Sài Gòn một thời mới lớn
Tôi và Sài Gòn một thời biết yêu
Sài Gòn và tôi một thời lính tráng
Dù trăm ngàn năm, tôi vẫn yêu người.

người qua giường tôi bắt tay: "Tôi là Jean. Jean Francois Bernardet. Tôi đến từ nước Pháp." Tôi ngạc nhiên: "Ông người Pháp? Tôi ngỡ ông người Mỹ. Ông nói tiếng Anh đúng giọng lắm..." – "Thì cũng nghề nghiệp thôi! Nghề của tôi cần thông thạo nhiều thứ tiếng. Tôi đang học cả tiếng Việt Nam đây... Còn ông?" – "Tôi người Việt Nam. Nhưng tôi sống ở Mỹ." – "A , ông là *Việt kiều*." (Anh ta nói hai tiếng Việt kiều rất sõi).

Theo đám Việt kiều và người ngoại quốc tôi tiến về phía khung kính rộng của phi trường Tân Sơn Nhất. Đám đông bên ngoài thân nhân đứng nghển cổ ngó vào phía trong. Những tấm bảng carton nhô cao khỏi đầu người, những cái tên viết bằng đủ loại tuồng chữ: Tạ v. Bửu, Nguyễn v. Chí, Lê Huỳnh, John Smith... Không có tên tôi. Lần cuối gặp đã 26 năm trước nhưng đứa em vợ ra đón không thể nào không nhận ra tôi. Chúng tôi vẫn gửi hình về đều. Lúc tôi bước ra ngoài phi trường, như thể vừa mở một cái lò hấp, cơn nóng tháng Tư của Sài Gòn chụp xuống hừng hực. Nắng chói lòa. Không khí như bốc khói rung rinh trên nền xi-măng những chiếc tắc-xi hai màu xanh vàng nối đuôi nhau. Không thấy bóng thằng Hùng đâu. Tôi bắt đầu cảm giác những giọt mồ hôi đọng lại lăn dọc sống lưng. Bỗng một chiếc tắc-xi đâm vào chỗ tôi đứng. Thằng Hùng mở cửa, nó khẽ gật đầu chào rồi vội vàng đỡ lấy va-li của tôi chất phía sau xe. Ngồi băng trước nó bảo tài xế lái đến Khánh Hội. Xe chạy. Thằng Sinh, đứa em cột chèo, quặt chiếc xe máy rồ ga chạy theo chiếc tắc-xi. Tôi nhìn hai bên nhìn xung quanh. Tôi dáo dác lạc hướng. Hoàn toàn tôi không nhận ra chốn cũ. Bên ngoài phi trường chỗ này xưa kia là mảnh trời rộng, là những khoảng trống, là màu xanh hàng cây phi lao của Bắc Việt Nghĩa Trang, là cánh đồng cỏ mướt rộng mà hồi bé chúng tôi vẫn đến hóng mát thả diều. Tất cả vụt mất. Tất cả khoảng trống màu xanh lấp đầy bằng nhà cửa xây san sát hỗn độn. Đến một ngã ba chiếc tắc-xi queo trái qua một con đường rộng đông xe. Ngay chỗ rẽ ở mé trái là cổng của một trại lính. Tôi đọc hàng chữ đỏ. Doanh trại Quân Đội Nhân Dân. Tôi ngờ ngợ. Rồi chợt nhớ ra. Cái cổng hùng tráng ở đó đã biến mất. Cái cổng của Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH. Tôi lặng người. Hai mươi sáu năm trước, cũng tháng Tư này, lúc tờ mờ sáng ngày 30, từ trong cổng ấy một chiếc xe jeep lách qua hai vòng kẽm gai chạy vọt khỏi cổng trại. Trên xe có bốn quân nhân. Người lái là một Đại Tá. Phía trước bên cạnh một Trung Tá. Ngồi băng phía sau hai Trung Úy... Tôi rợn lên ở sống lưng.

Lúc xe vượt qua cổng ấy tôi có cảm giác như có nhiều mũi súng đang hướng phía sau. Như trong một cuốn phim câm đen trắng được quay rất chậm chiếc xe jeep trong hồi tưởng của tôi lặng êm chạy qua cổng trại của Bộ Tổng Tham Mưu. Lúc đó là 5 giờ sáng ngày 30 tháng Tư năm 1975. Cánh cổng hùng vĩ vắng hoe. Chiếc jeep lăn trên đường Công Lý. Trời còn mờ tối. Phố xá vắng. Chốc chốc vọng tiếng nổ ỳ ầm ở xa. Có xen lẫn những tiếng súng nhỏ. Chân trời lóe sáng từng chập. Ngồi băng sau là hai Trung Úy. Hùng và tôi. Xe chạy về hướng trung tâm thành phố. Trời đã tỏ rạng hơn. Hai bên đường vắng xe đám đông người đi bộ gương mặt thất thần xao xác đi tất tả đi xuôi đi ngược đi vất vưởng đi không định hướng như những thân xác không hồn. Cảm giác của tôi lúc đó thật lạ. Không âu lo. Không sợ hãi. Không kinh hoảng. Chỉ thuần một sự mê lịm. Chúng tôi hoàn toàn phó thác số phận mình vào tay người lái xe. Đại tá Nguyễn Tiến Lộc. Đại Tá là anh ruột Trung Tá Lạc. Cả hai là anh rể của Nguyễn Đình Hùng, thằng bạn rất thân của tôi . Xe jeep đi qua đường Trần Quốc Toản rẽ vào trong sân rất rộng của trụ sở Ủy Ban Liên Hợp Quân Sự. Trong sân một số đông người đã tụ ở đó. Ai nấy đứng ngửa cổ ngóng lên trời cao nhìn vài chiếc phi cơ cuối cùng rời khỏi thành phố bay về hướng biển. Trong đám đông có vài ánh lóe tuyệt vọng của những chiếc gương nhấp nháy làm hiệu lên bầu trời. Sau khoảng 15 phút đứng chờ ở đó tôi nghe tiếng Đại Tá Lộc nói: "Không xong rồi !" Đại Tá ra lệnh chúng tôi thay đồ dân sự. Chúng tôi vứt bỏ đồ trận và súng ống ở trong sân của trụ sở rồi leo lên chiếc jeep. Phía trước tôi nghe mẩu đối thoại khẽ, ngắn. Trung tá Lạc: "Mình đi đâu?" Đại tá Lộc: "Tôi tìm đường xuống Gò Công." Trung tá Lạc: "Không nên. Không kịp. Tụi nó đã vào sát Sài Gòn. Đi Nhà Bè. Gần nhất." Xe chạy qua đường Thống Nhất, tôi nhìn lại lần cuối Tổng Cục CTCT, đơn vị cuối cùng tôi phục vụ trước khi được biệt phái về giáo chức. Bên cạnh Tổng Cục tôi chứng kiến cảnh dân chúng trèo tường vào trong Tòa Đại Sứ Mỹ. Trên hè rộng trước Toà Đại Sứ la liệt đồ đạc do dân chúng tràn vào hôi của bỏ lại. Xe qua Khánh Hội. Một cảnh tượng tương tự xẩy ra ở Kho 5. Dân chúng tràn vào kho hôi của hoặc tìm đường ra tàu thoát thân. Đu trên hàng rào mắt cáo của kho 5 bầy người đông nghẹt chen nhau hỗn loạn. Trên đường Trịnh Minh Thế dẫn đến nhà Bè có rất nhiều vòng kẽm gai chắn ngang đường. Trung Tá Lạc chốc chốc lại xuống xe kéo vòng gai để chiếc jeep lách qua chạy tiếp.

Gần đến Nhà Bè một cảnh tượng tôi không bao giờ quên được. Một toán lính Địa Phương Quân khoảng vài chục người đi nghênh ngang giữa lộ. Đám lính không súng ống, không giầy trận tơi tả đi về hướng Sài Gòn. Vừa đi vừa lột vứt áo trận xuống đường. Đến Nhà Bè ngang một bến tàu là kịch đường. Tuyệt lộ. Chiếc jeep đỗ khựng. Chúng tôi nhìn quanh. Bến tàu vắng hoe. Giữa lòng sông Sài Gòn những chiếc tàu đủ loại lướt qua mang theo những đợt người di tản sau cùng của thành phố. Bốn chúng tôi nhìn đoàn tàu hối hả đi ngang trên lòng sông rộng, nghĩ tới vợ con tất cả đã rời khỏi nước bằng máy bay của cơ quan DAO từ hai hôm trước mà lòng não nùng tuyệt vọng. Đúng lúc ấy một người đàn ông không biết từ đâu chạy tới nói nhỏ: "Các ông di tản?" Chúng tôi gật đầu. Ông ta bèn "mách nước": "Ở mé kia có một cái xuồng máy vừa cặp bến. Họ đang lấy xăng. Các ông có thể xin quá giang qua tàu lớn đậu ở ngoài sông." Mách xong ông ta ngửa tay xin Đại Tá Lộc cái chìa khoá xe jeep. Trong nỗi tuyệt vọng và cơn mê hoảng chúng tôi lúc ấy không ai nghĩ đến việc ông ta có thể lừa chúng tôi để lấy xe. Cầm chìa khóa trong tay ông ta biến mất. Chúng tôi chạy vội đến chỗ ông ta chỉ thì quả nhiên có chiếc xuồng máy đậu. Trên xuồng có dăm ba người lính. May mắn tột cùng làm sao một người lính trên xuồng vừa mới vượt thoát từ Đà Nẵng về nhận ra ngay Đại Tá Lộc khi ông còn phục vụ ở ngoài Quân Đoàn I mấy năm trước. Bốn chúng tôi sau đó xuống xuồng máy chạy ra giữa dòng và được chuyển qua một con tàu lớn đi ra cửa biển. Con tàu mang tên Tourane 3. Cùng thời gian ấy cách 10 cây số về hướng tây nơi trung tâm thành phố bây giờ mang tên Hồ Chí Minh chiếc xe tăng đầu tiên của phía bên kia từ hướng Thị Nghè đang tiến trên đường Thống Nhất hướng về Dinh Độc Lập.

Giường bên cạnh từng dưới ông tóc hoa râm ngồi bó gối xỉa răng. Lát sau ông ta đứng cạnh giường vươn vai rồi kéo ngang cánh cửa đôi bước ra ngoài hành lang. Tôi móc trong ba lô lấy ra bao thuốc lá. Bao thuốc màu xanh. Tôi đã bỏ thuốc lá từ lâu. Tôi mua bao thuốc này cho bố tôi. Ngày mai khi tàu đến Hội An di cốt của bố mẹ tôi và chị Thư, người chị cả, sẽ được chôn cất ở nghĩa trang riêng của dòng họ Nguyễn Tường. Bố tôi chỉ ghiền một loại thuốc Bastos xanh mà tôi bây giờ không thể kiếm đâu ra. Tôi vào một nhà hàng Pháp ở Sài Gòn mua gói Gaulois thay thế vì bố tôi có lần nói hồi ông ở Paris ông hút Gaulois có hương vị đậm và màu xanh bao thuốc cũng giống giống màu bao Bastos. Thay vì đốt nhang tôi châm điếu thuốc. Giống như ba mươi năm trước tôi đốt điếu thuốc đúng "gu" trên mộ những thằng bạn thân đã ra đi trong cuộc chiến. Điếu Ruby cho thằng bạn thiết Trịnh Kim Đồng chết ở Bình Định, điếu Capstan cho đứa anh vợ Nguyễn Thái Hòa chết ở An Lộc, điếu Pall Mall cho ông anh họ Nguyễn Tường Hướng chết ở Cà Mâu, mặc dù anh Hướng chả biết hút thuốc. Theo hành lang tôi đến cuối toa. Tôi mở cửa bước ra chỗ tiếp nối giữa hai toa tàu. Gió lồng lộng. Ông tóc hoa râm đứng vịn lan can nhìn ra rừng cây cao su. Những hàng cây thẳng tắp liên tiếp xoay qua vụt vụt như rẽ quạt. Nhìn rừng cao su tôi liên tưởng đến truyện Dọc Đường của Thanh Tâm Tuyền tôi đã đọc mấy chục năm trước mà tôi rất thích xem như một trong những truyện ngắn hay nhất của văn học miền Nam. Những cây cao su tôi nhìn thấy bây giờ dường như xơ xác ốm o hơn cây cao su trong ký ức tôi và những vệt sữa trắng rịn ra ở những nhát cắt xéo hình như cũng mỏng hơn. Một lát sau ông tóc hoa râm móc túi lấy ra hộp thiếc Craven "A", mở hộp nhón một điếu, gõ gõ đầu thuốc vào hộp rồi ông ta xoay người dí đầu vào thành cửa, bật tách một cái bật lửa mạ vàng châm thuốc. Rít điếu thuốc ông ta ngửng lên thấy tôi. Cặp mắt ông ta sắc và lạnh. Tôi bóc bao Gaulois xin ông ta mồi lửa châm điếu thuốc. Hai người đứng yên lặng hồi lâu trong tiếng động rùng rình của con tàu đi vào rừng lá. Tôi toan tìm một câu mở đầu để khơi chuyện nhưng tôi bỗng có linh cảm rất lạ rằng ông ta không những sẽ không bắt chuyện mà dường như lại còn ác cảm với tôi. Bỏ giở điếu thuốc tôi trở vào trong toa. Thay vì về phòng tôi mở cửa buồng bên cạnh. Trong phòng bốn người đã ăn xong đang nằm đọc báo. Anh Việt và chị Thoa tôi chiếm chiếc giường đôi mé phải, bên trái là giường anh chị Ninh. Anh Ninh cùng họ Nguyễn Tường chúng tôi, nhưng anh thuộc chi miền Trung. Anh chị sinh sống ở Đà Lạt. Trong chuyến về Việt Nam của ba anh chị em tôi, anh chị Ninh đã từ Đà Lạt xuống Sài Gòn cùng đi với chúng tôi ra Hội An. Việc di chuyển di cốt và chôn cất cần nhiều thủ tục mà chỉ những người ở địa phương như anh Ninh mới am tường. Nói chuyện một lát, trước khi tôi về phòng, anh Việt giao tôi một cái va ly nhỏ màu đen và nói: "Thiết mang ít hành lý hơn anh. Cho anh gửi cái va ly này sang bên đó." Rồi anh nháy mắt với tôi: "Tối nay cho cậu út ngủ chung với cậu mợ. Thích nhé!"

(Còn tiếp)

SÀI GÒN CÁCH ĐÂY MỘT THẾ KỶ

SƠN NAM

(Trích một số đoạn từ cuốn Bến Nghé Xưa. Tên bài và tiểu tựa do Tòa soạn đặt)

Tiện nghi điện nước, giao thông

(*Chợ Bến Thành cất xong năm 1914, nhưng trước mặt còn ao vũng sình lầy*).

Giữa Sài Gòn và Chợ Lớn phía đất thấp, chưa có dự kiến nên nối liền, còn ruộng lúa với người cày, ao nuôi vịt, ngọn rạch cạn, đợi tới năm 1916 mới bắt đầu đắp đường, trải đá ong (đường Trần Hưng Đạo).

Xe lửa nối liền ra ngoại ô còn dùng hơi nước, đến 1913 mới cải tiến chạy với sức điện. Từ 1888, xuất hiện xe kéo. Năm 1892, người Nhật tên Tokamath xin khai thác độc quyền xe kéo, cho "cu-li" mướn, hắn chịu thuế nhưng không được chấp thuận. Nhà đèn có từ cuối thế kỷ trước (*thế kỷ 19 – Ts*) tại đường nay là Hai Bà Trưng (ngay phía sau nhà hát lớn) rồi dời về Chợ Quán với qui mô to hơn, chạy hơi nước. Năm 1909, Sài Gòn và Chợ Lớn thiết bị tạm xong hệ thống đèn điện ở ngoài đường.

Về nước uống, sau nhiều lần bàn cãi, thăm dò, đến 1882 mới xây một hồ cao ở đầu đường Duy Tân (quảng trường chiến sĩ cũ) để lọc mạch nước ngầm từ lòng đất Phú Thọ chảy về, trước đó Sài Gòn chỉ dùng giếng cá nhân. Xe hơi (ô tô) là phát minh mới của Châu Âu, vài chiếc được nhập cảng sớm dùng chuyên chở công văn và thư từ trên mấy tuyến đường Sài Gòn – Tây Ninh, Sài Gòn – Biên Hòa do người Pháp lãnh thầu. Xe hơi nhập cảng thêm, từ sau năm 1903. Năm 1906, tại vườn Bờ-rô (nay là Tao Đàn) nhơn ngày lễ Chánh chung kỷ niệm thành lập chánh thể Cộng Hòa bày cuộc thi lái xe hơi, cho xe chạy quanh quẹo; bên đường dựng hình nộm (hình lính mã tà, vú em bồng con, người Ấn Độ gác cửa...) hễ không đụng ngã là được giải. Dịp này lại thi chạy xe đạp, đua xe kéo.

Về mặt hành chánh, đô thành Sài Gòn lần lần nới rộng, bao gồm vùng bên này Cầu Bông, Tân Định, rồi Khánh Hội, Chánh Hưng. Diện tích thành phố Sài Gòn (không có Chợ Lớn) vào năm 1907 là 1.674 héc-ta. Tuy thêm nhà cửa, dinh thự những khu vực náo nhiệt vẫn chưa phát triển ra khỏi đường nay là Cách Mạng Tháng Tám, đường Nguyễn Thái Học. Giữa Sài Gòn và Chợ Lớn, ở phần đất cao còn nhiều chòm tre, cây đa, mồ mả to xen vào những đám rẫy trồng rau cải và bông hoa, những xóm nhà ổ chuột; bầy bò bầy dê đi lang thang ăn cỏ. Phương tiện xê dịch thông dụng là xe kiếng khi đổ mưa, người đánh xe mặc áo tơi bằng lá giống như áo tơi của

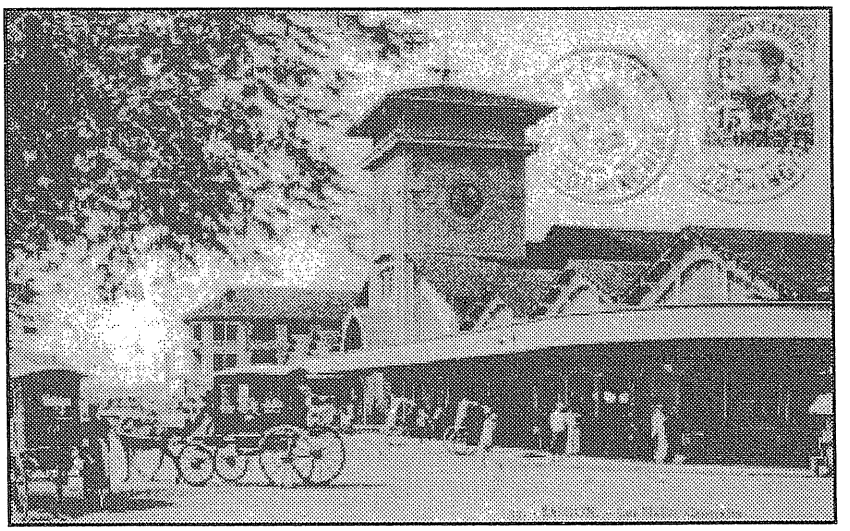

Chợ Bến Thành

nông dân vậy thôi. Chở chuyên hàng hóa thì dùng xe bò.

Cây cao su

Người Anh đem cây cao su từ Bra-xin (Brésil) đến đảo Tích Lan rồi gây giống đưa qua Singa-po năm 1888, phổ biến ở Mã Lai. Người Pháp lấy giống cây cao su từ Guy-an (Guyane, Trung Mỹ Châu) đem về cảng Mạc-xây, gởi qua Sài Gòn năm 1897, phân phối cho Sở ương cây ở Ông Yệm (Thủ Dầu Một), ở Nha Trang và vài nhà trồng tỉa.

Vườn cao su đầu tiên thành lập năm 1907 tại ngoại ô Sài Gòn (khu vực sân "gôn", Ngã tư Phú Nhuận đi Ngã Năm) diện tích 45 héc-ta hột giống đem từ đảo Tích Lan, chủ nhân là Cảnh sát trưởng Sài Gòn, tên Ben-lăn, vì vậy gọi vườn Ben-lăn (Belland). Vài năm sau, với phần lớn hột giống nói trên cung cấp, thêm nhiều Sở cao su thành hình.

- Công ty Xa-trạch: 1907, khai thác 9 héc-ta.

1919, khai thác xong 1.030 héc-ta.

- Công ty cao su Đông Dương: 1911 trồng 87.711 cây, năm 1920 trồng tất cả 676.661 cây nhưng diện tích trưng khẩn rộng đến 10.300 héc-ta, có dân phu năm 1920 là 1.700.

- Công ty cao su Tây Ninh: 1908 bắt đầu khai thác 27 héc-ta.

1917, khai thác tất cả 1.377 héc-ta.

Hầu hết các công ty lớn đều đặt trụ sở chánh ở Pháp, trụ sở thường trực ở Sài Gòn. Rừng đất đỏ, đất xám rộn rịp với thị trấn mới lập. Nào đường sá, nhà chợ, trường học, bịnh viện, nhà thờ, khu nhà của phu cao su, của "cặp rằng" lại còn dinh thự đầy đủ tiện nghi dành cho bọn chủ Pháp. Bịnh rét rừng là "định mạng" dành cho dân phu đa số mộ từ Bắc kỳ. (1)

Sài Gòn phát triển mạnh, định hình. Một thành phố bao gồm ba thành phố: đầu não về hành chính của Nam Kỳ, thương cảng và trung tâm công nghiệp.

Thương Cảng Sài Gòn mỗi năm càng tấp nập:

Năm 1861 tàu vào cảng là 251 chiếc, chở 81.595 tô-nô.

Năm 1864, tàu vào cảng là 295 chiếc, chở 110.000 tô-nô

Năm 1913, tàu vào cảng là 785 chiếc, chở 1.364.428 tô-nô.

Ngoài tàu buôn Pháp, còn tàu của Anh, Na-

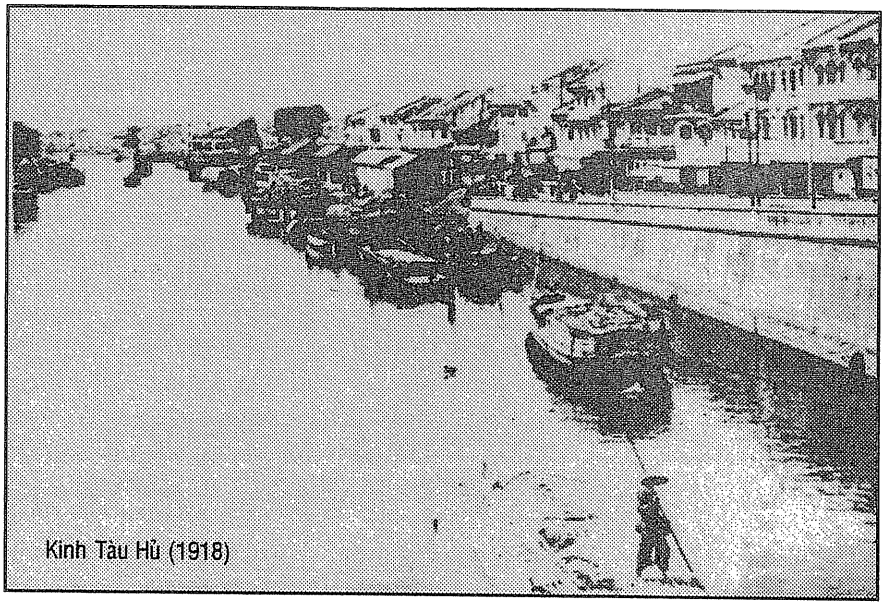

Kinh Tàu Hủ (1918)

Uy, Đan Mạch, Nhựt, Hòa Lan, Đức, Mỹ, Trung Quốc... Cảng Sài Gòn lãnh những dịch vụ bán gạo, cao su, trâu bò và mua vào nguyên liệu, hàng hóa chế biến cho nước Cam-pu-chia; con số khá to về hàng hóa ra vào mà thống kê của thực dân nêu cho cảng Sài Gòn tuy rằng phần lớn của Nam Bộ, nhưng nên kể một phần của nước láng giềng mà thực dân đã vơ vét tối đa.

Dân số Nam bộ còn quá ít. Năm 1905, có 2.876.417 người kể cả trẻ con trên 15 tuổi. Dân số Sài Gòn tăng nhanh, không hẳn vì sanh đẻ nhiều. Người Việt từ Bắc bộ, Trung bộ vào. Người Hoa từ tỉnh Quảng Đông, tỉnh Phước Kiến qua dồn dập. Thêm người từ Lục tỉnh đến tìm sanh kế.

Năm 1911, ta có những con số:

Sài Gòn: 8514 người Pháp; 41.452 người Việt, 16.806 Hoa kiều; 967 linh tinh, cộng là

67.739.

Chợ Lớn: 302 người Pháp, 96.350 người Việt; 85.090 Hoa kiều, cộng là 181.742.

Sài Gòn và Chợ Lớn: 249.481.

Đến năm 1940, Sài Gòn Chợ Lớn lên đến 459.153 người (2).

Từ 1915 trở về trước, người Hoa ít hơn người Việt ở khu vực Chợ Lớn, từ năm 1916, người Hoa đông đảo hơn. Người Pháp ở Sài Gòn gồm đa số quân nhân. Năm 1909, Sài Gòn có 465 Ấn kiều, toàn Nam bộ kể luôn nam nữ trên 15 tuổi là 2.975.838.

Sinh hoạt văn hóa

Ở Sài Gòn ra thật sự hai tờ báo Pháp, ba tờ khác xuất hiện rồi chết sớm.Về báo Việt, thấy hai tờ *Nông Cổ mín đàm* và *Lục Tỉnh Tân Văn*. Trong những năm 1907-1908, hai tờ này khá tiến bộ nhờ nhóm Trần Chánh Chiếu đứng ra chủ trương, về sau, trở thành báo ủng hộ thực dân, với nhóm khác báo tuần với bài bình luận về phong tục, về quan hệ xã hội, bấy giờ gọi tiểu thuyết. Tin trong nước đến chậm, phương tiện còn là tàu thủy và xe ngựa khó kiểm soát hư thực. Về tình hình thế giới, báo chữ Pháp dùng bản tin vắn tắt của thông tấn Ha-va (Havas), báo chữ Việt chú trọng vào báo mua từ Hương Cảng dịch lại. Thơ bát cú với những bài họa vận đăng quá nhiều trên báo Việt, hoặc truyện tàu dịch lại. Lý do là thiếu tin tức.

Có năm sáu nhà in hoạt động: nhà in Sài Gòn (Imprimerie Saigonnaise), nhà in Phát Toán, J. Viết chuyên xuất bản loại thơ, tuồng, truyện tích. Thơ lục bát kể chuyện có đầu có đuôi như Lục Vân Tiên, Bạch Viên Tôn Các, Lâm Sanh Xuân Nương, Phạm Công Cúa Hoa, Trần Minh Khố Chuối... Tuồng hát bội, năm 1909 đã thấy bản Kim Thạch kỳ duyên, Đinh Lưu Tú, tuồng Ô Thước, Phó hội Giang Đông, Kim Long – Xích Phụng... Truyện tàu, sớm nhứt là bản dịch Tam Quốc, Đông Châu Liệt Quốc, Tái Sinh Duyên, Chung Vô Diệm. Lại có sách mỏng, loại bình dân dạy chữ nho như Huân tử cách ngôn. Ngoài ra còn sách linh tinh dạy xem tướng, xem gà nòi (gà chọi), dạy đờn kìm, truyện đời xưa Á Rập, Tiếu lâm, Tiếu đàm, hò xay lúa, câu hát huê tình. Người mù ăn xin đờn độc huyền, nói thơ Vân Tiên ở chợ, dốc cầu, bến đò. Thơ văn Doan, thơ thầy thông Chánh một thời lưu hành với nội dung tích cực, chống phong kiến, thực dân, về sau bị cấm.

... Bấy giờ, chưa có trường trung học Pétrus Ký, chưa có trường nữ trung học Áo Tím (sau gọi Gia Long) công chức hạng nghèo thuở ấy mặc áo dài đen, ai ở xa thì ăn cơm trưa tại chợ. Trường máy, nay gọi Cao Thắng, lập năm 1906, ban đầu ở góc Phùng Khắc Khoan – Xô Viết Nghệ Tĩnh, năm 1908 đến vị trí hiện nay. Viện Pax-tơ (Pasteur) về cơ sở mới từ 1908. Giới công nhân và lao động chịu hớt tóc ngắn nhưng còn giữ búi tóc, bịt khăn đầu rìu hoặc ở trần, đi chân đất không phải ít. Quán ăn uống mọc đầy, với đủ khung cảnh, dành cho mọi túi tiền. Mỗi chiều, mỗi tối, tụ họp lại quán để nói những chuyện dồn dập xảy ra trong sinh hoạt; cốt chuyện hấp dẫn, dùng lời lẽ đơn sơ, hơi thô cũng hấp dẫn người nghe. Ngồi quán để trả ơn, giải quyết thắc mắc với bạn bè, cùng nhau tìm sáng kiến, trong sinh kế, trong dịch vụ là thói quen đã có cơ sở qua vài thế hệ từ hồi chúa Nguyễn, khi cảng Bến Thành vừa thành hình, bế quan tỏa cảng với Tây phương nhưng tàu bè các nước Đông Nam Á thì tấp nập ra vào. Thực dân cho mở thương cảng từ 1860, Sài Gòn nhờ vị trí địa lý tốt nên phát triển, liên lạc với nhiều nước tận Bắc châu Âu, tận châu Úc, châu Mỹ. Sài Gòn còn liên lạc thẳng với Cam-pu-chia. Đường sắt nối Sài Gòn ra Nha Trang đã khánh thành. Con mắt của người ở hải cảng là con mắt có chân trời rộng, luôn luôn xao xuyến: cuộc sống không diễn ra quanh quẩn giữa ao tù, như ở thôn quê với bờ tre, cây đa đình làng hoặc nơi ngả ba, ngả tư sông cái. Người từ Bắc, từ Trung vào tuy sống được nhưng vợ con cha mẹ chưa đủ điều kiện đoàn tụ, ai đã tạm ổn định thì nghĩ tới chuyện về thăm quê xứ. Người từ đồng bằng sông Cửu Long đến nếu tìm nơi nương tựa xong thì củng cố thêm; ai còn bềnh bồng thì tìm cách bám víu vào một trong hàng trăm cơ hội tốt xấu đang nhảy nhót trước mắt. Kẻ thiếu công ăn việc làm chưa đến đỗi thất vọng. Nhiều hãng xưởng, hiệu buôn, nhà vựa lớn nhỏ đang mở thâu hút bao nhiêu dịch vụ, đòi hỏi từ lao động phức tạp đến lao động đơn thuần. *"Gạo Ba-thắc, nước phông-tên,"* bạn bè xa lạ dễ gặp nhau, hiếu khách, chơi với nhau không cần biết quá khứ của nhau. *"Lên xe nhường chỗ bạn ngồi, nhường nơi bạn dựa, nhường lời bạn phân."* Nhưng rồi lại khó tánh, đồng tiền trở thành quan trọng. *"Trai đường Mới xem tường không mới, gái Bến Thành xét lại không thành. Ngày ngày qua lại em anh, có xu*

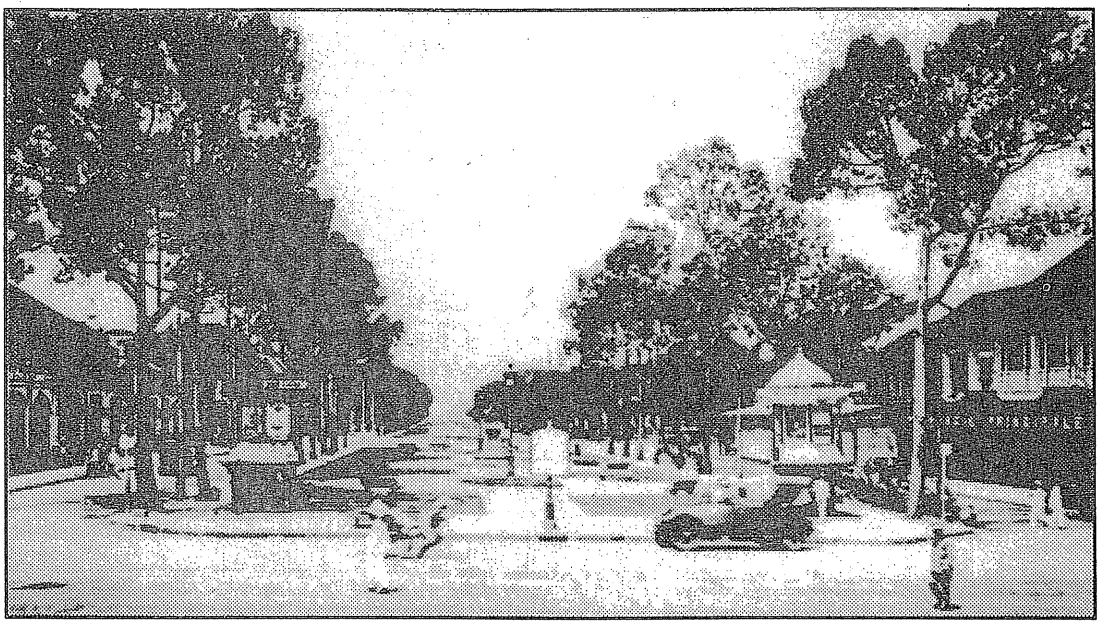

Sài Gòn - Đại lộ Bonnard chụp năm 1920 (Lê Lợi ngày nay)

có lúi mới đành ngõi nhân." Đường mới là tên con đường mới mở thêm, nay Huỳnh Tịnh Của, ở Tân Định, xưa tụ tập du đãng. *"Mười giờ, ông Chánh về Tây. Cô Ba ở lại lấy thầy thông ngôn."*

... Cây cầu nối liền Chợ Cũ qua bến Nhà Rồng (gọi Cầu Quay) mỗi ngày vào khoảng 8 giờ sáng quay ngang thớt cầu cho ghe thuyền vào Chợ Lớn. Bấy giờ, kinh đôi (bến Phạm Thế Hiển và Nguyễn Duy) nối Bình Đông ra cầu Chữ Y chưa đào, chỉ mới đào xong kinh Tẻ (1905) từ khoảng cầu chữ Y ra Tân Thuận để chở lúa gạo ra cảng dễ dàng; cầu Quay bắc một lượt với thời gian đào kinh này. Chi nhánh Sài Gòn của công ty Nhà Rồng đóng ở ngôi nhà nay hãy còn nhưng hai con rồng gắn trên nóc day đầu vào chầu chực cái phù hiệu.

Nguyễn Liên Phong (*Nam kỳ phong tục diễn ca*) mô tả khung cảnh vàm rạch này năm 1909, ở gần cầu Khánh Hội, tức là Cầu Quay:

Ngày nay phong cảnh tốt đều
Tàu ghe lớn nhỏ đậu bèo hai bên
Đò dọc rước mối xuống lên,
Giành nhau xâu xé rền vang cả ngày.
Ghe bầu sắp lớp đậu ngay,
Trong cầu Khánh Hội nối dài đỏi giây
Cầu mống khen ai khéo xây,
Mấy năm trải đã mấy rày xuân quang.
Có ba sở hãng cũng sang,
Nghiệp làm đồ sắt ở ngang đầu cầu.
Chuyên nghề sửa máy, đóng tàu,
Lại đi chịu giá chợ, cầu các nơi.
Xứ xa tàu mới tới nơi,
Hư đâu mướn sửa thảnh thơi lẹ làng.
Các loài kẽm sắt đồng gang
Máy kia máy nọ nhảy tràn biết bao.
Thường nghe đập sắt ào ào,
An nam, các chú ra vào tiếng vang.
Cột cờ thủ ngữ nghiêm trang,
Có nhà đánh thuế hóa hàng bán buôn...

...Sài Gòn là thương cảng thành hình muộn so với Thăng Long, Phố Hiến, Hội An. Ở Nam bộ, mức sung túc của Sài Gòn vẫn trễ nãi, sau Biên Hòa (cù lao Phố), Hà Tiên hoặc Bãi Xàu (Sóc Trăng, gần sông cửa Hậu) thời các chúa Nguyễn.

Từ vị trí khiêm tốn của một đồn lũy gọi là Đồn Dinh, gìn giữ vùng đất mới khẩn hoang, lần hồi nhờ sự phát triển về nông nghiệp ở đồng bằng Đồng Nai rồi đồng bằng Cửu Long, lại thêm những tiến bộ kỹ thuật về hàng hải và hàng không, Sài Gòn trở thành nơi giao lưu quốc tế quan trọng...

Chú thích (của tác giả):

(1) Phát triển lên miền Đông Nam nước Cam-pu-chia, lần hồi ở vùng Chúp có vườn cao su lớn nhứt thế giới trong một mảng rộng đến 19 000 héc-ta; ở xứ khác cao su nhiều nhưng trồng mảng nhỏ hơn.

(2) Tham khảo André Baudrit. *Guide historique des rues de Saigon*, SILI Saigon, 1943 với bảng thống kê dân số từ 1907 đến 1941.

CHUYỆN SÀI GÒN NGÀY NAY

LIÊU TÚ

NGƯỜI VIỆT CAO QUÝ

Ở thị trường sách báo tại Sài Gòn, sau 30-4-1975, xuất hiện một cuốn sách: Người Việt Cao Quý, của A. Pazi, nhà văn Vũ Hạnh dịch. Một bạn cà phê vỉa hè của chúng tôi đã đọc cuốn sách này, nói:

"Ông Vũ Hạnh mượn danh ma để viết cuốn sách này, tuyên truyền cho những đức tính của người Việt mà ông ấy tưởng tượng. Tôi đã cất công tìm kiếm khắp sách báo phương Tây, chả thấy tác giả A chấm Pazi ở đâu hết."

"Chắc cũng giống tác giả Trần Dân Tiên thôi. Chỉ khác ông A chấm Pazi đóng vai người Ý, i...i...a...a, rất có vẻ người Ý, còn ông Trần Dân Tiên, viết về vị cha già dân tộc, hiển nhiên là... người Việt cao quý."

"Mượn danh ma cũng được thôi, miễn là được việc. Nhưng tôi thấy những đức tính của người Việt trong Người Việt Cao Quý giống những đức tính mà, khi hỏi cảm tưởng của một khách du lịch nước ngoài mới đặt chân trên đất Việt Nam, họ cũng nói y như vậy. Lời nói chả mất tiền mua. Người phương Tây lại thừa lịch sự".

"Nói gì thì nói, cứ khi nào nghe một ông Tây, bà đầm khen: Người Việt Nam rất hiếu khách, vui vẻ cởi mở, nhã nhặn, khiêm tốn, sẵn sàng giúp đỡ, giản dị, hồn nhiên, thái độ đầy văn hoá, tôi thấy mắc cỡ quá."

"Nghe bạn nói, tôi thấy bạn bi quan quá. Và không có dân-tộc-tính, không yêu xứ sở dân tộc gì cả. Với lại, bạn phải giả thiết rằng, ông A chấm Pazi cứ khen bạn tốt mãi, khiến bạn trở nên tốt thật!"

"Chỉ lạc quan tếu mới cho là tôi bi quan. Tôi chỉ đưa ra nhận xét, chứ không quan niệm gì cả. Tất nhiên là nhận xét chung. Về buôn bán, 30%, hay ít ra 20% người Việt Nam, tất nhiên là tôi chỉ nhận xét những gì tôi thấy ở Sài Gòn yêu quý của chúng ta, buôn bán không có hậu. Nghĩa là, lúc chưa đắt hàng, thì chiều khách, buôn bán tử tế. Khi đắt khách rồi, trở mặt liền.

Cụ thể, gia đình tôi vẫn mua giày dép ở hiệu Hồng Thạnh, đường Nguyễn Đình Chiểu (đường Phan Đình Phùng cũ), một hiệu giày dép đắt khách nhất Sài Gòn bây giờ. Bữa hôm qua tôi tới đổi đôi giày mới mua bữa trước đó, họ không cho đổi, lấy lý do tôi đã đi vào chân một ngày rồi, trong khi trên tường hiệu giày còn tấm bảng: Cho đổi, nếu giày dép không bị trầy xước.

Người Việt chả nhã nhặn khiêm tốn giản dị hồn nhiên một ly nào cả. Cụ thể một chi tiết này nhé: "Tôi đi từ nhà ở quận 11 tới đây, thấy hàng trăm phụ nữ ngồi trên xe hai bánh. Hễ cô nào, bà nào phục sức theo mode, nghĩa là quần jeans đũng cực ngắn, áo hở bụng, y như rằng các cô các bà ấy lộn cái mác quần lót lên phía trên, lộ hẳn trên lưng quần. Nghĩa là khoe cái quần lót hàng hiệu. Nghĩa là khoe có nhiều tiền, mua cái quần lót vài trăm ngàn! Đầy văn hoá, khiêm tốn nhã nhặn như vậy đấy."

Nhận xét tới cái quần lót phụ nữ của người bạn hùng biện, đủ để cả bọn trầm ngâm uống cà phê trên vỉa hè Sài Gòn.

MỘT CHÚT MẶT TRỜI...

"Một chút mặt trời... trong nước lạnh!" vừa uống ngụm cà phê đầu tiên buổi sáng, một người bạn trầm giọng nói.

"A! Bạn muốn nói tới một tác phẩm cuả Francoise Sagan, Un peu de soleil dans l'eau froide?", một bạn hỏi.

"Tôi muốn nói tới chút nồng ấm của Sài Gòn hôm nay, trong dòng nước lạnh lùng của cả một thời hiện tại. Đấy, chúng ta đang nghe chương trình âm nhạc của đài truyền hình... bài hát này có phải là bài Bóng Chiều Xưa của Dương Thiệu Tước không nhỉ?"

Đúng như vậy, tiếng hát từ chiếc ti-vi trong quán. Bài "Bóng Chiều Xưa" vừa dứt, tiếp đến là một nhạc phẩm của Phạm Đình Chương, bài "Mộng Dưới Hoa", nhạc sĩ họ Phạm tài hoa xấu số phổ thơ Đinh Hùng, thi sĩ tài hoa mệnh yểu.

"Phải thừa nhận, từ thời gian trước Tết Giáp Thân 2004 tới nay, chúng ta thấy được chút nồng

ấm của Sài Gòn, qua tiếng hát. Chỉ từ ấy, mình mới được nghe lại, nghe một cách công khai biết bao nhạc phẩm tiền chiến, những nhạc phẩm đã làm rung động tâm hồn người nghe từ bao nhiêu năm mà bặt đi bao nhiêu năm không được nghe nữa, qua đài phát thanh, đài truyền hình...

Bây giờ đã an ủi được rằng, nếu các cô, các cậu choai choai cứ ưa nghe nhạc giật, nhạc hét, bọn mình có tiếng hát đích thực để nghe rồi. Chứ trước đây, hầu như chỉ có thứ nhạc giật nhạc hét, vang vọng ồn náo khắp nơi, tràn lấp luôn cả nhạc cách-mạng, như thể nhà nước mị dân choai choai, "nhân-bất-học-cũng-trở-thành-tỉ-phú ấy."

"Không chỉ riêng các nhạc phẩm tiền chiến, những nhạc phẩm trước năm 1975 mà nhà nước cách-mạng gọi là nhạc vàng, cấm hát, từ nay cũng được hát lại nhiều, như những nhạc phẩm của Phạm Đình Chương, Hoàng Trọng, Y Vân... Bữa tôi nghe trên đài truyền hình bài "Ai Lên Xứ Hoa Đào," sao mà cảm động. Bài hát về Đà Lạt, không có bài nào hay bằng bài ấy. Mới đây, trong chương trình Nhịp Cầu Âm Nhạc của đài truyền hình, có giao lưu với nhạc sĩ Quốc Dũng, tác giả một số nhạc phẩm khá hay, truyền cảm. Quốc Dũng sáng tác ít, chủ yếu hòa âm phối khí, nhưng khi sáng tác, nhạc phẩm của Quốc Dũng có sức truyền cảm, không vô hồn như đa số nhạc phẩm của các ông nhạc sĩ hiện tại của Sài Gòn."

Một bạn trẻ, hỏi người bạn phát ngôn về dân choai choai, những fan của nhạc giật, nhạc hét:

"Ờ mà sao anh gọi dân choai choai là nhân-bất-học-cũng-trở-thành-tỉ-phú?"

Người bạn cười rất vui, nghĩa là không có ác ý gì, nói:

"Hồi trước Giải Phóng, có thành ngữ "Nhân-bất-học-bất-tri-lý, bé-không-học-lớn-vẫn-làm-đại-uý." Bây giờ cậu thấy không, các tiếp thị cho diễn viên điện ảnh, siêu người mẫu làm call girl, tiếp thị nhà đất, tiếp thị chạy án, các công tử cậu ấm con quan cán bộ, các doanh nhân hàng gian hàng dỏm, hàng trốn thuế, tiếp thị ma tuý, làm biên cá độ bóng đá, vân vân, chả học hành gì sất, nhưng hiển nhiên là tỉ phú đó."

Phát ngôn viên của Sài Gòn dòng nước lạnh nói tới đây là hết ý!

LUÂN HOÁN

một sớm mai tháng 8-2002, Sài Gòn

chờ hoài không thấy bóng chim
cành cây thiếu gió nằm thiêm thiếp buồn
lá xanh thèm những mùi hương
không gian thiếu chỗ tiếng chuông tìm vào
tôi, chợt thừa như vì sao
vừa rơi chạm mạch chiêm bao đầu ngày

chợt nghe trên nhánh lông mày
nở ra một đóa hương đầy bóng xưa
vẫn tôi, không thiếu không thừa
vẫn tôi, thượng đế bốn mùa nhớ nhung
yêu và yêu chẳng hạn chừng
trái tim bồ tát sống cùng với thơ

mười tám năm, thật bất ngờ
được làm thơ ngoài giấc mơ hàng ngày
ngồi ở đây, thở ở đây
Sài Gòn từng phút từng giây đến gần
chưa xòe tay đã như cầm
tiếng ai thoáng gọi, trong ngần sớm mai.

Ký Sự:

TỪ QUÁN BAR ĐẾN GÁI BÁN BAR Ở SÀI GÒN

QUỲNH THOA

Ba giờ sáng, chiếc cầu thang gỗ trong căn nhà trọ rung lên bần bật bởi những bước chân loạng choạng, có tiếng ngã đánh "thình" một cái, rồi tiếng cười khúc khích, nhừa nhựa men cay trong đêm nghe rõ mồn một khiến mọi người giật mình tỉnh giấc, rồi nhắm mắt ngủ tiếp sau khi lầm bầm: "Đồ thứ con gái... bán bar!"

Chuyện ở quán bar

Chuyện này do M.Q. kể tôi nghe. Anh chàng này quê ở Đà Nẵng, sau khi tốt nghiệp Khoa Báo chí của Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM cách đây hai năm. Do chỉ có tài viết báo "thường thường bậc trung" nên hiện nay M.Q. cũng chỉ là phóng viên tập sự. Thế nhưng vì tờ báo của M.Q. có doanh thu cao, nên chí ít trong bóp lúc nào cũng "trữ" vài "vé" (100 đô la), cùng một xấp 50,000 đồng tiền mới, đủ tự tin để phục vụ cho thú mê vào quán bar của mình. Mặc khác, do là "láng giềng" chung vách với ba cô gái bán bar trong căn nhà trọ, nên Q. biết khá nhiều chuyện về họ. Biết tôi muốn "diện kiến dung nhan" mấy em bán bar, Q. đập vai tôi bảo: "Hậu... sinh nhật tui, mời ông, sẵn giúp ông lấy tư liệu viết bài!"

Tám giờ tối, bar Trùng Dương bắt đầu bước vào giờ cao điểm, nên khi vừa đặt chân vào tiếng nhạc dance mở hết volume như muốn hất ngược tôi bay trở ra ngoài đường. Q. khéo léo dẫn tôi lách người qua hai tay vệ sĩ đứng chàng hảng, tay chắp sau lưng dáng vẻ chuyên nghiệp đang đứng chắn ngay lối vào, lướt qua những dãy bàn đầy những cô cậu choai choai - kẻ trầm ngâm như đang vắt đầu suy ngẫm về sự đời, kẻ thì đang lắc tung đầu tóc nhuộm xanh, nhuộm vàng như muốn văng cả óc ra... Nếu tôi không lầm thì quán bar này là tụ điểm nổi tiếng của giới học sinh cấp 3 (trung học).

Hình ảnh đặc trưng của quán lúc ban ngày là mấy cô nữ sinh " cúp cua" vạt áo dài được buộc túm lại phía trước, thái độ phản kháng sự răn dạy của người lớn, ngồi vắt vẻo trên những chiếc ghế cao gần gấp đôi mình, ngửa cổ tu bia... Tôi thoáng lạnh người khi nhớ đến cái cảnh một gã du côn trẻ chỉ vì vài câu đôi co với chủ quán bar Trùng Dương này đã không ngần ngại rút con dao Thái Lan dấu sẵn trong người xỉa ngọt đến độ khiến ông chủ trẻ ấy phải lìa đời...

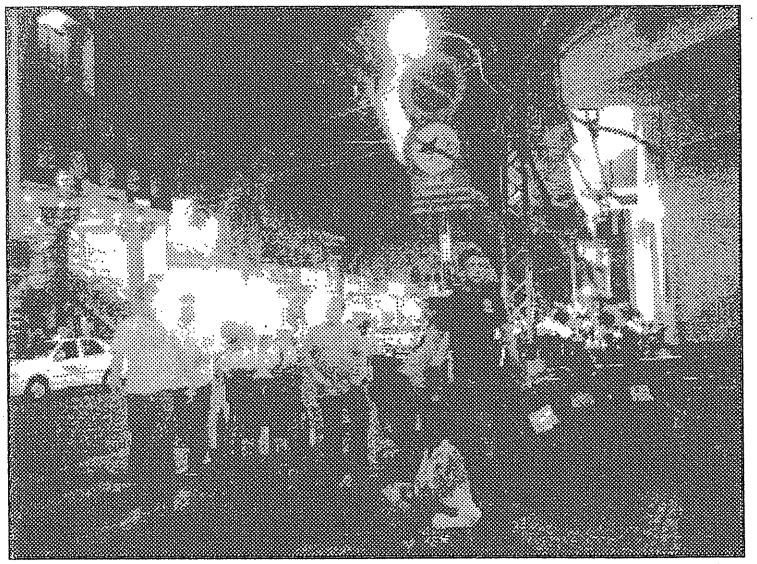

Phố Tây Ba Lô (đường Đề Thám) là nơi có mật độ các quán Bar dày đặc nhất Sài Gòn (Hình: Quỳnh Thoa)

Sau khi thờ ơ cụng ly 50/50 với cô bé phục vụ đứng bên trong quầy, Q. cố gào cho át tiếng nhạc giải thích bar này "bèo" lắm, khách phần lớn chỉ uống bia, nên mấy em phục vụ chẳng có gì đặc biệt cả, nghĩa là không có cảnh mấy em xinh đẹp cung cách phục vụ chuyên

nghiệp - như rót rượu không rớt một hột - hay tự mình và cho phép khách choàng vai bá cổ cốt sao chai rượu của khách vơi đi càng nhanh càng tốt... không có phòng VIP với những "em bưng bê" ngoại hình tuyệt hảo, luôn trong tư thế móc túi khách - cả trong và ngoài quán bar - một cách quí phái nhất... vân vân và vân vân...

Rồi Q. tặc lưỡi: "Nhưng dù sao,ông cũng cần vào đây để... "ô nhiễm" không khí trước để dễ hình dung. Tôi còn nửa chai rượu gửi bên Bar 126 hôm khác mình sẽ qua đó..." Tôi gật đầu ra chiều đồng tình, nhưng ngầm hiểu rằng, sau ba buổi tiệc sinh nhật liên tiếp để khao nào "đồng nghiệp," nào "bạn học," nào "người yêu cùng những cô bạn thân của người yêu"... nên hôm nay bóp của Q. đã xẹp đi đáng kể, không đủ để vào những nơi đình đám hơn, tuy nhiên nét hỉ hả trên gương mặt Q. vẫn chưa phai hết...

Để quên đi việc "chẳng đặng đừng" phải ngồi ở bar "hạ cấp" này, Q. hào hứng hồi tưởng về hệ thống quán bar Number one nằm rải rác ở đường Nguyễn Văn Trỗi (Công Lý cũ), Lê Thánh Tôn... đang được giới trẻ giàu có ghiền ngồi bar ưa chuộng hiện nay. Sau khi nhà nước ngăn cấm việc mấy cô cậu vũ công "nhảy mồi," thì các quán bar sẵn lòng bỏ ra mỗi tháng không dưới 1,000 đô la để mời những D.J. nổi tiếng đứng thế vào "sàn"... còn dân nhảy mồi xuống đứng lẫn vào khách nhún nhảy tạo không khí, mỏi chân thì bày trò đánh tù xì với khách để kiếm bia rượu uống chùa...

Bản thân tôi cũng đã từng vào một quán Number one và khá ấn tượng với bầu không khí nơi này. Với khoảng cách 5 mét là một vệ sĩ, lối đi dẫn tới một sân khấu bài trí rất dữ dằn, cứ sau độ 10 phút mở nhạc là ban nhạc S.B. với chàng ca sĩ kiêm nhạc sĩ T.T. lên "dập" nhạc rốc tơi bời, trong khi đó các màn hình trong quán đồng loạt chiếu những pha thể thao mạo hiểm, những cảnh rủi ro chết người... khiến lượng cholesterol của hàng trăm khách trong bar nhất loạt gia tăng, người lắc lư, ào ào nâng ly cùng mấy em tiếp thị, mấy em phục vụ bar với tửu lượng như... "thùng không đáy"...

Khi thấy khách Việt, khách Tây (người ngoại quốc) bắt đầu thay nhau ra vô toilet "trút bầu tâm sự" hay "cho chó ăn chè"... thì bầu không khí chuyển tông sang những màn hài kịch của nam nữ diễn danh hài M.S. và U.T. mà mọi người vẫn rủa là "hài mất vệ sinh," thế nhưng lại được khán giả ở đây cổ vũ hết sức nồng nhiệt...

Tóm lại, thế giới bar Sài Gòn hiện nay mỗi ngày mỗi phức tạp, ẩn chứa trong đó không thiếu thứ gì, từ chuyện một khách đang ngồi nhâm nhi bỗng dưng bật ngửa ra... chết tại chỗ do chạm mạch điện hở cho đến thời khắc những cô cậu nhóc đánh dấu bước trượt không phanh cuộc đời bằng việc nếm thử chất kích thích hay những chàng đồng tính lén lút rủ nhau vào nhà vệ sinh "giải quyết nhu cầu"...

Chuyện về những gái bán bar

Hà "ưu tư", Thảo " hư hỏng" và Linda "khó ưa"... là tên của các cô gái bán bar ở phòng kế bên với nhân vật Q. kể trên...

Chuyện của Hà "ưu tư"

Một bữa, Hà đi làm rồi đi chơi đâu đó tới sáng hôm sau mới về. Gặp Q. đang đánh răng rửa mặt, cô nói: "Anh mở nhạc nghe nhé!" Phòng giáp vách, phía trên có khoảng trống, thi thoảng mấy cô vẫn vọng nói qua như thế và Q sẵn lòng vui vẻ đáp ứng cho "vui nhà vui cửa." Nhưng hôm ấy, có điều lạ là Hà không cần xin phép, đi thẳng đến chiếc máy CD và ngồi lỳ ở đó, cô nói: "Anh tắt nhạc, em sẽ ói ngay!" Rồi cô đưa tay chĩa thẳng lên trần nhà, mái tóc nhuộm nâu lắc lư liên hồi bắt đầu rối tung lên...

Đến lúc này, Q. mới té ngửa, thì ra những cô hàng xóm của mình bấy lâu nay chẳng phải có tâm hồn yêu nhạc như chàng ta lầm tưởng... "Âm nhạc" của Q. giúp cho các cô âm thầm giải quyết nốt lượng thuốc lắc còn sót trong người. Nhờ việc hôm nay Hà đánh mất chìa khóa phòng, Q. mới được... lâm vào tình thế không biết khóc hay cười thế này, vì biết đâu cô người yêu của Q. đột ngột ghé đến thăm lúc này thì biết giải thích thế nào đây.

Chuyện của Thảo

Bốn giờ ba mươi phút chiều, trước khi bước xuống cầu thang đi đến bar, mấy cô hàng xóm gõ cửa phòng Q.: "Anh ở nhà coi giùm con Thảo!"

Thảo chưa tròn 18 tuổi, người Cần Thơ. Khi mới đến trọ, Thảo thường qua phòng tâm sự với Q.. Cô ngồi nép một góc, tay ôm chiếc gối, trên má lúc nào cũng phớt màu hồng hồng của những cô gái bắt đầu lớn. Những lời tâm sự của Thảo dù không nhắm cụ thể đến đề tài gì, nhưng Q thừa hiểu được cô đang day dứt vì đang phải đứng trước một quyết định mà bất kỳ cô

gái mới bước vào nghề bán bar nào cũng phải gặp: sống cặp bồ với ai hoặc với những ai đó. Muốn không mất việc, muốn có nhiều tiền boa, muốn hưởng được nhiều phần trăm tiền rượu... Những cô gái còn trẻ, xinh đẹp như Thảo luôn tranh thủ tận dụng cơ hội kiếm tiền trước khi bị những cô gái trẻ trung hơn, hấp dẫn và cả dễ dãi hơn giành mất "khách mối," "khách sộp" của mình...

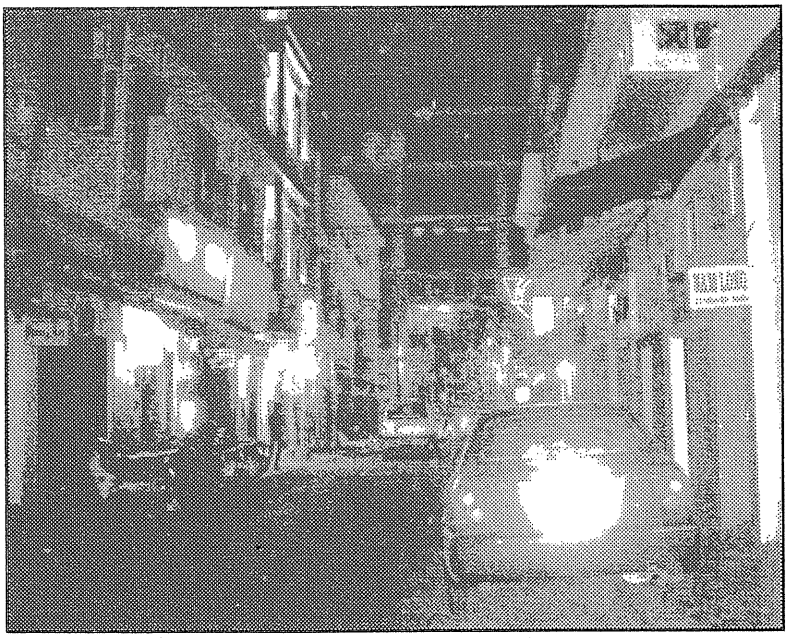
Một "xóm" Bar ở khu vực trung tâm Sài Gòn (Hình: Quỳnh Thoa)

12 giờ đêm hôm qua, sau khi quán bar đóng cửa, Thảo không về nhà mà theo một khách quen (cũng có thể là bồ ruột) đi xe hơi xuống thẳng Vũng Tàu chơi... Không hiểu cả hai giận hờn nhau chuyện gì, mà giờ đây Thảo chỉ khóc, khóc không thành tiếng, cay đắng đập đầu thình thịch xuống sàn gỗ của phòng trọ, khiến mấy cô bạn chung phòng, bà chủ nhà và cả Q. nữa không thể đứng yên mà nhìn được...

Sau hồi thấy căn gác trọ yên ắng hẳn, Q. yên tâm ra ngoài ăn cơm. Có lẽ Thảo đã khóc đến lả người giờ ngủ thiếp đi... Thế nhưng khi quay về phòng, tiếng thình thịch bên phòng cạnh bên lại vang lên, Q. bực bội nghĩ: "Dại thì chết, ráng chịu!" Nhưng rồi tiếng động mỗi lúc càng lớn, càng mạnh hơn khiến Q. không thể bàng quang nữa, vội vã bước ra gõ cửa gọi "Thảo ơi, Thảo hỡi"... Mất một lúc sau, Thảo mới hé cửa thò mái tóc bù xù ra ngoài và... Q. giật bắn cả người khi thoáng nhận ra trong phòng còn có một gã đàn ông với hình xăm con rồng quấn dọc theo cánh tay. .. khiến Q. phải rối rít xin lỗi...

Chuyện của Linda

Trong phòng, Linda có vẻ là người khấm khá nhất, Cô là người duy nhất sắm được xe máy - xe Nhật đàng hoàng chứ không phải xe Wave Trung Quốc, điện thoại di động thì thay đổi liên tục. Trước đây, có thể tên gọi của cô là Gái hay Lượm gì đó, nhà ở xứ nuôi ngựa Đức Hòa, Long An. Từ lúc cặp bồ với một chàng Việt Kiều, cô đổi tên thành Linda, trên chứng minh, trên giấy tờ tạm trú... cũng là Linda, như vậy có thể cô đã kết hôn với chàng Việt Kiều kia rồi cũng nên...

Q. không ưa Linda, vì cô gái này sống bất cần biết đến người xung quanh. Dù có 3 giờ sáng hay 1 giờ trưa, cô vẫn mở nhạc, phim oang oang... chuông điện thoại mở lớn, có thể ré lên bất cứ lúc nào. (Q. lý giải làm trong bar, nhạc mở lớn nên Linda bị... điếc). Nếu va chạm với bất kỳ người nào trong nhà trọ, dù già trẻ gái trai thế nào, cô cũng sẵn sàng văng tục chửi thề. Có lần Linda vừa õng ẹo nói chuyện với chàng Việt kiều (tất nhiên là Q. nghe rõ mồn một): "Anh ơi, mùa đông bên đó lạnh lắm phải hả, tuyết rơi có nhiều không? Chừng nào anh về với em"... Thì ngay sau đó, cô lại hớn hở chát với một chàng khác: "Anh đang ngứa lắm hả? Chờ em chút nghe, ra liền!"... Tóm lại, mỗi khi giáp mặt Linda ở chân cầu thang, hay nghe cô ta trò chuyện là Q. bị stress liền.

Q. kết chuyện bằng cái thở phào: "Cả ba cô vừa dọn nhà đi nơi khác rồi." Bây giờ thì Q. yên tâm ngủ ngon, không bị giật mình vì những bước chân loạng choạng, những tiếng cười lè nhè men rượu của ba cô, cũng như không phải thỉnh thoảng phải giáp mặt với những gã cô hồn, dân chơi lạ hoắc xuất hiện đâu đó trong nhà nữa rồi...

Sài Gòn tháng 3/2004

HÌNH ẢNH SÀI GÒN XƯA QUA THƠ VĂN

THẾ KỶ 21

Sài Gòn là đất mới, lại trải qua một lịch sử luôn luôn sôi động từ ngày thành lập, nên đã được ghi nhận, mô tả qua văn thơ thuộc nhiều thế hệ, từ văn chương bình dân truyền khẩu đến chữ nghĩa bác học, từ chữ Hán đến chữ Nôm, rồi quốc ngữ. Chúng tôi xin ghi lại một số văn, thơ phản ảnh cảnh trí, địa dư, phong tục, sinh hoạt... của một Sài Gòn xưa, hầu hết thuộc thế kỷ 19, một số vào đầu thế kỷ 20. Tài liệu văn thơ được trích sau đây phần lớn đều dựa vào cuốn *Sài Gòn Gia Định qua Thơ Văn xưa* do Nguyễn Thị Thanh Xuân, Nguyễn Khuê và Trần Khuê biên soạn.

VỀ CHÈO GHE Ở SÀI GÒN

Kể từ chợ Sỏi trở về
Xóm Lá là chợ, Thị Đô là cầu
Đi vô vừa tới xóm Dầu
Tới giếng Hàng Xén, đâu đâu cũng nhìn
Đây là Chợ Lớn, chợ Dinh
Kìa là Huyện cũ, nọ đình Bình Tây
Rạch Lèo, Rạch Lũng là đây
Ruột Ngựa, Rạch Cát gió day thổi bền
Từ đây đã tới nước lên
Ngã Tư có trạm ở bên bến đò
Vô đây thôi chẳng còn lo
Xuôi vào Ba Cụm thì cho nghỉ chèo
Khúc sông Rạch Rít rất eo
Cây Trôm vàm ấy thì chèo ra kinh.

VỀ THỦ HUỒNG

(Nguồn gốc địa danh Nhà Bè)

Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* tập thượng, Lục tỉnh Nam Việt, có ghi: "Ở sông Tam Kỳ, huyện Bình Dương, tương truyền lúc xưa dân cư xa cách, nước sông mặn, ghe thuyền qua lại có khi phải chịu đói khát, có ông Võ Thủ Hoằng phát tâm cứu tế, bèn đục cột tre làm bè, rồi làm nhà lên trên, trong nhà sắm đủ nồi bếp, củi cây, nước ngọt và đồ hỏa thực đầy đủ các vật để cho người đi trên thuyền dùng, khi hết ông lại tiếp tế đến, làm như vậy đã lâu năm, tài lực khánh kiệt, nhưng ông không hối tâm, đến nay cửa sông Tam Kỳ gọi là sông Nhà Bè."

Trong dân gian còn truyền miệng câu chuyện Thủ Huồng tóm tắt như sau:

Thủ Huồng là một điền chủ lớn ở Gia Định, vàng bạc có cả ngàn muôn, nhưng tính tình keo kiệt độc ác khét tiếng một vùng. Vợ chồng không có con. Người vợ buồn vì chồng thất đức, ốm đau rồi chết. Thủ Huồng buồn bã đi lang thang, đến chợ Mạch Ma gặp vợ và được hồn vợ dắt đi xem âm phủ. Huồng ngạc nhiên thấy ở đó có treo một cái gông rất to. Hỏi ngục quan được biết gông đó đã đề sẵn tên Thủ Huồng. Huồng thất kinh than khóc. Ngục quan cho biết nếu tu nhân tích đức thì gông đó sẽ nhỏ lại và tiêu đi. Trở về nhà, Thủ Huồng tỉnh ngộ, lo làm việc phúc đức, kết tre nứa làm nhà bè ở ngã ba sông Đồng Nai – Sài Gòn, để sẵn cả gạo củi mắm muối... để giúp người qua lại. Lần sau xuống âm phủ, Huồng thấy gông nhỏ lại còn chín phần. Trở về, Huồng tiếp tục làm phúc để chuộc lỗi xưa...

Câu chuyện Thủ Huồng sau được Nguyễn Liên Phong soạn thành một bài vè dài 140 câu lục bát trích đăng trong báo *Nông Cổ Mín Đàm* số 38 năm 1882.

Sau đây là một số đoạn:

Đoạn đầu, về thân thế ông Thủ Huồng:

Gia Định có ông Thủ Huồng
Nhà nhiều vàng bạc cả muôn cả ngàn
Gốc xưa thơ lại từ hàn
Tánh người thâm hiểm xóm làng đều ghê
Tiếng vang đồn khắp tư bề
Dân cao dân chỉ thu về một tay
Giàu sang nội xứ ác tày
Không con trai gái nối rày tông môn

Sau khi xuống âm phủ thấy cái gông lớn dành cho mình và được ngục quan cho biết nếu tu nhân tích đức gông sẽ tiêu mòn đi, ông Thủ Huồng bèn:

Xét mình biết mấy oan ương
Hồi tâm thống cải mỗi đường tiền phi
Lúa tiền rao hết bố thi
Dân nghèo tới lãnh lớp đi lớp về
Tế nguy phò hiểm tư bề
Tu kiều bồi lộ chẳng hề đơn sai

Xuống âm phủ lần hai, thấy "mười phần gông nhỏ chín phần" Thủ Huồng trở về lại tiếp tục làm việc nhân đức:

Giã bà ông lại hồi quy
Trở về Gia Định một khi liệu bề
Giữa sông cất cái nhà bè
Mua đồ thập vật bộn bề chở ra
Những đồ gia dụng trong nhà
Đủ no mọi món trữ mà đầy ngay
Rao cùng ai nấy đều hay
Của ông bố thí ở nay nhà bè.

(Trích Nông Cổ Mín Đàm, số 38)

GIA ĐỊNH THÀNH THÔNG CHÍ

TRỊNH HOÀI ĐỨC *(1765-1825)*

(Trích đoạn, bản dịch của Nguyễn Tạo)

Gò Cây Mai

Cách trấn mười ba dặm rưỡi về phía nam, gò đất nổi cao, có nhiều nam mai, thân già cỗi, nhưng khi hoa nở không có tuyết, chỉ có lá che chở hương thơm mà thôi. Hoa bẩm linh khí sinh ra, không đem trồng nơi khác được. Trên gò có chùa Ân Tông, đêm tụng kinh Phật, tối đánh chuông lớn, thanh âm vang rền trong mây khói, giống như thế giới núi Thứu Lĩnh. Suối trong chảy quanh chân gò, chiều mát các cô gái chống thuyền hái sen. Gặp lúc trời tốt tiết đẹp, văn nhân thi sĩ mang bầu rượu theo từng bậc đi lên gò ngâm vịnh dưới hoa, câu thơ phảng phất mùi hương, thật là một thắng cảnh cho khách du lãm.

Gò này xưa là chùa tháp của Cao Miên, nền móng còn nhận rõ. Năm Bính Tý, Gia Long thứ 15 (1816), có nhà sư nhân sửa chùa đào được nhiều tấm ngói gạch lớn và hai tấm vàng lá hình vuông mỗi cạnh một tấc, mỗi tấm nặng ba đồng cân, trên mặt có chạm hình phật xưa cưỡi voi, có lẽ đây là vật trấn tháp của nhà sư Miên chăng?

(Sơn xuyên chí)

Phong tục trấn Phiên An

Kẻ sĩ ở trấn Phiên An trọng danh tiết, tục chuộng xa hoa, văn vật, nhà cửa, đồ dùng phần nhiều giống phong tục Trung Quốc. Tại hai huyện Bình Dương và Tân Long dân cư trù mật, phố chợ liên lạc, nhà cột nhà ngói liên tiếp nhau. Có nhiều tiếng nói như Phước Kiến, Quảng Đông, Triều Châu, Hải Nam và các thứ tiếng phương tây, Xiêm La. Tàu biển đến buôn bán qua lại, cột buồm liên tiếp, tụ tập cả trăm thức hàng hóa, là một nơi đô hội lớn ở Gia Định, cả nước không đâu sánh bằng. Quen nghề buôn bán, chợ búa nhiều dân du đãng, có người ở ghe thuyền gọi là dân giang hồ, có người từ xa tới tụ họp gọi là dân tứ chánh (chiếng). Chợ Bình An gọi là ổ trộm cắp. Tại hai huyện Phước Lộc và Thuận An trong mười nhà thì hết chín nhà làm nghề nông, chỉ một nhà buôn bán, nên tập tục chất phác như thời xưa.

(Phong tục chí)

Chợ Sài Gòn

Cách phía nam trấn 12 dặm, nằm hai bên quan lộ, là đường phố lớn, ba đường xuyên thẳng qua giáp bến sông, một con đường chạy ngang ở giữa và một con đường chạy dọc theo bờ sông. Các con đường ấy giao nhau như hình chữ điền. Phố xá liên tiếp sát mái nhau, người Hoa và người Việt ở chung lộn dài chừng ba dặm. Hàng hóa bày bán có gấm đoạn, đồ sứ, giấy má, châu báu, sách vở, thuốc thang, trà, bột. Những sản vật nam bắc theo đường sông đường biển chở tới không thiếu món nào. Đường lớn đầu phía bắc có miếu Quan Thánh và ba hội quán Phước Châu, Quảng Đông, Triều Châu ở hai bên tả hữu. Phía tây đường lớn ở giữa có miếu Thiên Hậu, gần phía tây có hội quán Ôn Lăng. Phía tây đường lớn ở đầu phía nam có hội quán Chương Châu. Hễ gặp tiết đẹp, đêm trăng, các ngày tam nguyên, sóc vọng thì treo đèn đặt bàn, đua tranh kỹ xảo, trông như cây lửa cầu sao, thành gấm vóc, hội quỳnh dao, trống kèn huyên náo, trai gái dập dìu. Đó là một nơi phố thị lớn đô hội náo nhiệt. Đường phố lớn ở giữa có giếng xưa, nước ngọt đầy suốt bốn mùa không cạn. Đường ngang có sông nhỏ, cầu ván lớn bắc qua, hai bên xây phố ngói, ở trên treo màn che nắng, đường đi êm mát như đi dưới mái nhà cao. Phía đông đường lớn giữa phố có chợ Bình An đủ sản vật quý báu ở núi, biển và thổ sản các nơi, đến đêm còn thắp đèn mua bán.

(Thành trì chí)

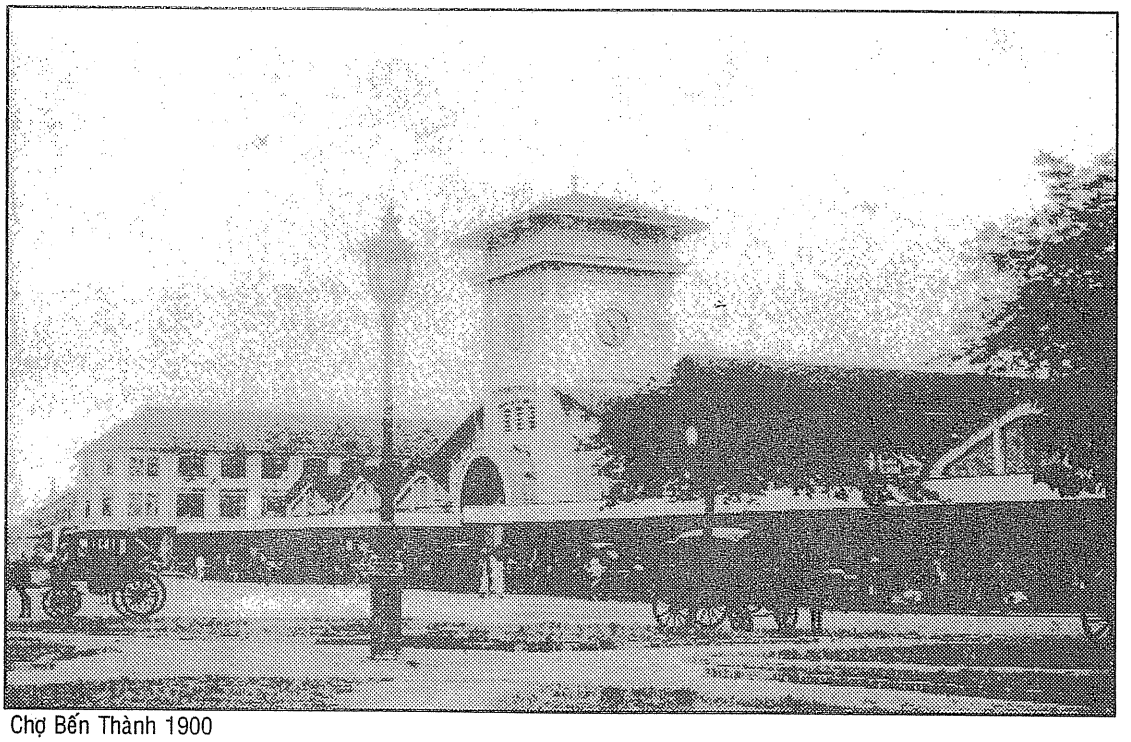

Chợ Bến Thành 1900

TÂY HÀNH NHẬT KÝ

PHẠM PHÚ THỨ *(1820-1880)*

(Tây Hành Nhật Ký ghi chép mọi sự việc của sứ bộ Phan Thanh Giản sang Pháp năm 1863 để chuộc lại ba tỉnh miền đông Nam Kỳ. Phái đoàn xuống tàu của Pháp từ cửa Thuận An, Thừa Thiên, vào Sài Gòn ở lại một thời gian trước khi lên đường sang Pháp. Đoạn trích sau đây là một số ghi nhận về soái phủ của Pháp tại Sài Gòn thời ấy).

Bến Thành năm 1863

Ngày mồng mười, giờ tỵ, thuyền vào cửa Cần Giờ. Giờ thân đến Bến Nghé tỉnh Gia Định (tục gọi là Bến Thành) thả neo.

Chúng tôi lên bờ thăm xem quán khách. Quán này ở gần bến sông, địa điểm vốn thuộc thôn Tân Khai trước kia dân ở, nay làm nhà gạch ba gian và hai buồng chái. Gian giữa, phía trước làm phòng khách, phía sau cùng với hai mái làm phòng ngủ của chánh phó và bồi sứ. Ở đây có đủ các thứ giường sắt, màn vải, gối và đệm. Hai gian hai bên trải chiếu hoa, làm nơi ngồi nằm cho những quan viên đi theo sứ bộ. Ngoài ra còn có một viên lệ mục và năm tên lính lệ của phủ Tân Bình luôn luôn ở đấy. Phàm từ củi, nước, dầu, đèn cho đến các bữa ăn từng ngày và bánh tráng cá thịt cũng đều do phủ này nhận lo sắm.

(...) Dinh soái phủ gồm bốn dãy nhà dài xếp hàng song song với nhau, mỗi dãy có chín gian với tám cửa lớn. Gian giữa của dãy nhà thứ nhất làm cổng trong. Ở trên gác của bốn gian phía tây dọn làm phòng ở cho vị soái Tây, bốn gian phía đông là bàn giấy.

Bỏ dãy nhà này, đi qua một cái nhà ngang thì đến dãy nhà thứ hai, đó là nơi tiếp khách và hội họp để bàn việc. (...) Dãy nhà này sơn quét sáng sủa đẹp đẽ và nối liền với dãy nhà thứ ba là nơi thết đãi yến tiệc. Chính giữa đặt một cái bàn ăn hình thuẫn, phía đông bàn này đặt một bàn trà, một cái bàn dài đặt kề tường, trên bàn xếp dồn tất cả cốc chén dao nĩa...

Bên trái và bên phải của của dinh soái phủ là hai buồng gác của lính gác cổng, thường có lính điểu thương đứng đối diện, bồng súng canh gác, cứ mỗi phiên hai người. (...) Trước dinh soái phủ, bên kia đường đi là nơi làm việc của tham biện. Bên phải cách vài trăm trượng, xây sở xem xét khí hậu. Bên trái là nhà ở của quan tham tán và lãnh binh. Tiếp theo đó là kho thuốc súng. Cách chừng một dặm ở phía trước và bên trái là bãi tập bắn súng tay.

(...) Phía đông Bến Nghé là kho gồm hơn mười dãy nhà lợp bằng lá, chứa gỗ sắt và mọi vật liệu cồng kềnh. Tiếp theo là trại lính và xưởng sửa chữa thuyền sắt, và tiếp theo nữa là

kho chứa than đá. Phía tây Bến Nghé là nhà ở của các quan bố chánh, án sát Tây và nhà ở của Sở giữ cảng. Ngoài chỗ ở của quan quân ra, tùy theo vùng đất, người ta chia ra từng khu, nơi này thì xây dựng phố xá, nhà tầng cho những người buôn bán ở, và nơi kia thì vét cửa đào mương hoặc làm đường đắp lộ. Các thứ cơ xảo của phương Tây như máy luyện thép, máy xay bột, máy điện lôi để truyền tin đều đã được dùng.

(*Trích THNK, quyển thượng*)

Đặng Uyển dịch

NHỮNG QUÁN CÀ PHÊ ĐẦU TIÊN CỦA SÀI GÒN

PHẠM XUÂN ĐÀI

(Trích từ tạp chí Thế Kỷ 21)

... Tôi tự nhủ thôi hãy ngưng nghĩ về Việt Nam, hãy kể chuyện bên Tây thôi, thì một người bạn đến chơi, ném cho tôi một tờ báo: "Thấy ông đang viết về quán cà phê, tôi mang cho ông tờ báo này." Một tờ báo Xuân năm nay (Đinh Sửu, 1997) từ Việt Nam, trong đó có bài *Các quán cà phê đầu tiên của Sài Gòn*. Một tài liệu rất thú vị, liên quan mật thiết đến đề tài tôi đang viết. Xin trích vài đoạn:

Có hai quán cà phê mà tên hiệu và địa chỉ được nói đến trong các tờ Courrier de Saigon *(Người đưa tin Sài Gòn),* Illustration *(Báo ảnh), và trong* Annuaire de la Cochinchine *(Niên giám Nam Kỳ), tất cả đều ra trong năm 1864. Đó là quán cà phê Lyon (Café Lyonnais) và quán cà phê Paris (Café de Paris). Hai quán cà phê này tất phải có lâu trước năm 1864 (...).*

Quán Café Lyonnais, theo tờ Illustration ra ngày 23.4.1864 thì nằm tại đường "Gouvernement" gần ụ chiếc chiến hạm Primauguet. (...) Quán cà phê này không còn thấy ghi trong tập Thời sự cẩm nang Vade mecum 1905. *Có lẽ nó được thay thế bởi quán cà phê* Café de Marine *(Cà phê Hải quân) dễ lui tới hơn và cũng ở gần đó tại số 3-5 Công trường Rigault de Genouilly (Công viên Du lịch bến Bạch Đằng ngày nay).*

Còn về quán Café de Paris, *theo "Niên giám Nam Kỳ," năm 1864, trong đó có Câu lạc bộ Thương mại (Cercle Commercial), ở tại bến sông, góc đường số 16 (Catinat = Tự Do = Đồng Khởi) mà chủ nhân là Ô. Bonnerieux. Theo tờ "Courrier de Saigon" ra tháng 3, năm 1864, thì sứ bộ Phan Thanh Giản có ghé Sài Gòn trước khi về Huế để trình lên vua Tự Đức kết quả chuyến đi Pháp năm 1863 trong sứ mạng thương thuyết xin chuộc lại ba tỉnh miền Đông đã nhượng cho Pháp và khi đó vào ngày 19, "Phan Thanh Giản và hai vị đồng sự không có lọng che và tiền hô hậu ủng như nghi lễ đã quá bộ đến thăm quán* Café de Paris, *nơi đây họ có dịp gặp lại một số sĩ quan Pháp, một cách thăm viếng tế nhị những người mà họ còn chưa gặp..."*

(Anthologie franco-indochinoise, VI, 4:19)

Quán cà phê này còn lưu lại dấu vết mãi đến năm 1905, ở tại đường Paul Blanchy (Hai Bà Trưng), số 83, chủ nhân tên là Vital (Theo Thời sự cẩm nang 1905).

(Trích báo Văn Hóa Xuân Đinh Sửu, Sài Gòn, trang 51).

Thì ra Sài Gòn có quán cà phê sớm đến thế! Dĩ nhiên những quán cà phê sớm sủa này chỉ là nơi lui tới của các "ông tây bà đầm" chứ chưa dính dáng gì đến quần chúng Việt Nam thời ấy có lẽ chưa được phép đặt chân đến những chốn này, và chắc cũng chưa biết uống cà phê cũng như quen với sinh hoạt theo lối tây phương. Nhưng hương cà phê đã bay trong không khí Việt Nam, và các quán *Café Lyonnais, Café de Paris* đã như là những cánh tay nối dài của Paris tới đây, đi tiên phong làm đại diện cho nền văn nghệ nước Pháp đến đất Việt Nam, trước khi tiểu thuyết, ca nhạc, hội họa, sân khấu... được chính thức đem đến giới thiệu tại đây. Vô tình những quán ấy đã đóng vai trò sứ giả văn hóa, đến rất sớm để đặt nền móng trên đất nước này về một sinh hoạt mà xem chừng nhiều thế hệ Việt Nam về sau, cho mãi đến tận bây giờ, đã tỏ ra thích thú, thậm chí ghiền, là cái việc uống cà phê. Hậu duệ các quán cà phê đầu tiên này tại Sài Gòn mang cung cách Paris còn thấy tới thời điểm 1975 là *La Pagode* (được Việt hóa thành Cái Chùa), *Givral, Impérial* (Hoàng Gia), *Brodard*, đều nằm trên đường Tự Do. Đó là các quán hạng sang, ly tách muỗng nĩa đều sáng trưng theo kiểu Pháp, cung cách "xẹt via" phần nào theo tiêu chuẩn quốc tế, và cái "gu" cà phê cũng khác với những quán cà phê theo lối Việt Nam.

Sự việc ba vị sứ thần của sứ bộ Phan Thanh Giản "đi uống cà phê" tại quán *Café de Paris* của Sài Gòn năm 1864 thì thật là một tài liệu lý thú và cảm động. Rõ ràng đó là một hoạt động ngoại giao, quán được chọn để một số

nhân vật Pháp Nam được gặp nhau, "một cách thăm viếng tế nhị những người mà họ còn chưa gặp." Đó là một cuộc gặp gỡ thuần túy xã giao, hay có vấn đề gì cần được thảo luận thêm, một cách không chính thức? Dù sao thì chắc chắn ba vị Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ và Ngụy Khắc Đản là những ông quan cao cấp đầu tiên của triều đình Việt Nam đi vào một quán cà phê trên đất Việt Nam, mở đầu cho một sinh hoạt mà bao nhiêu thần dân đất nước của quý vị sẽ say mê tiếp tục trong suốt một trăm mấy chục năm sau. Thời gian ở Pháp trong năm 1863, các vị có được người Pháp mời đi đến các quán cà phê Paris hay không? Điều này không thấy nói tới trong Tây Hành Nhật Ký của Phạm Phú Thứ, mặc dù trong tác phẩm ấy cụ Phạm ghi rất kỹ những chuyến thăm viếng tại kinh thành Paris.

(Từ bài Đi Tây, tạp chí Thế Kỷ 21 số 101, tháng Chín 1997)

NAM KỲ PHONG TỤC NHƠN VẬT DIỄN CA (Cuốn thứ nhứt, Sài Gòn, 1906)

NGUYỄN LIÊN PHONG

(...) Sài Gòn kinh kỷ phong cương,
Quan quân đô hội cầu đường lịch xinh
Nguyên xưa Gia Định tỉnh thành
Biển dâu đổi cuộc nay thành phiền ba
Nhứt là đường Ca-ti-na (Catinat)
Hai bên lầu các phố nhà phân minh
Bực thềm lót đá sạch tinh
Các cửa hàng bán lịch thanh tốt đều.
Máy may mấy chỗ quá nhiều
Các tiệm tủ ghế dập dều phô trương.
Đồ sành đồ cẩn đồ đương,
Đồ thêu đồ chạm trữ thường thiếu chi.
Những đồ Đại Pháp, Hoa Kỳ,
An-lê, Nhựt Bổn, món gì cũng sang.
Hàng tây các sắp nhảy tràn,
Xiêm, Miên, Bắc thảo đồ đoàn bố vi.
Chực đường có trẻ cu-li (coolie)
Kêu đâu sẵn đó đem đi lẹ làng.
Lớp thời xuống bến Nam Vang,
Lớp qua Khánh Hội, lớp sang Nhà Rồng
Lớp xe về lối ngoài trong
Lớp đi theo dõi mấy ông dọn nhà.
Nhà in, nhà thuốc, nhà chà
Nhà hàng ăn ngủ với nhà Lạc-xon (l'auction).
(...)
Thứ năm, thứ bảy, thứ ba
Với đêm chúa nhựt hát nhà hát tây.
Nước nào tục ấy cũng hay,
Tiếng đờn tiếng hát nghe say tánh tình.
Nhà hát cất giữa Châu thành,
Họa đồ lấy kiểu bên thành Ba-ri (Paris).
Nửa năm hát tại Nam Kỳ,
Nửa năm về xứ Ba-ri của mình.
Tháng năm cất gánh quy trình

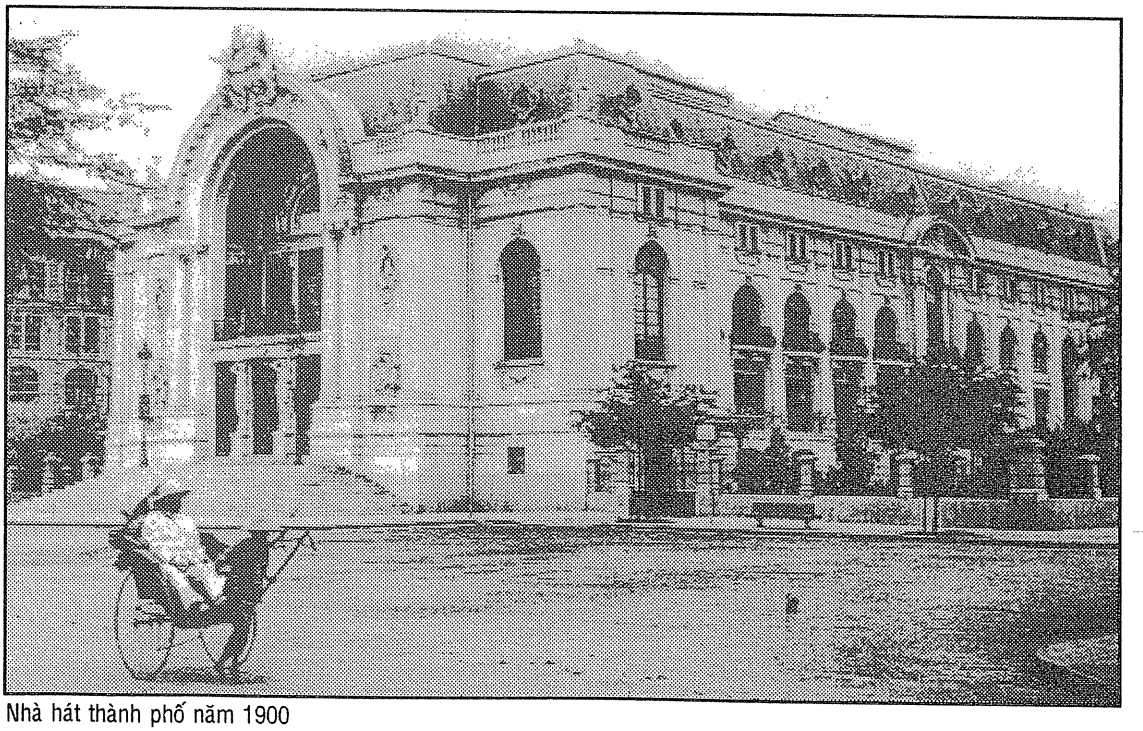

Nhà hát thành phố năm 1900

Tháng mười thời lại nam hành một khi...

TẾT NĂM MẬU THÌN (1868) Ở SÀI GÒN

KHUÔNG VIỆT

Lời bá cáo:

"Quan phó thủy sư đô đốc, toàn quyền thống lãnh quân đội,

Sức rằng:

Dân bổn xứ và người Tàu được phép nghỉ việc ba ngày, từ 25 Janvier tới 28, trong dịp sang năm mới theo âm lịch."

Sài Gòn ngày 18 Janvier 1868

Phó thủy sư đô đốc, toàn quyền thống lãnh quân đội

De la Grandière ký

Lịnh trên truyền ra, dân chúng rộn rịp lo sắm tết. Châu thành Sài Gòn trở nên náo nhiệt khác thường. Trên các nẻo đường trải đá đỏ người quê kẻ chợ nao nức bán buôn. Tại xóm "Cầu Ông Lãnh", chạy dài theo rạch Bến Nghé (arroyo chinois) thương thuyền đậu chen chúc nhau chở đầy thổ sản của "Lục tỉnh". Từ nhà công lợp ngói đến nhà tranh vách đất, nhà nào cũng được dọn dẹp sạch sẽ, vén khéo, có liễn đỏ chữ đen dán cột, câu đối hoành phi treo tường.

Tuy nhiên, riêng những người hữu tâm và một số đông nhơn dân ở ba tỉnh phía tây Nam Kỳ là Vĩnh Long, An Giang (Châu Đốc) và Hà Tiên, thì không còn lòng dạ nào vui vẻ đón xuân về. Nguyên nhơn là họ chưa hết ngạc nhiên về sự quân đội Pháp chiếm cứ thình lình ba tỉnh ấy trong những ngày 20, 21, 22 và 24 Juin 1867, và cái tang Phan Kinh lược tử tiết còn ràng ràng trong trí óc họ (mồng năm tháng bảy năm Đinh Mão, 4 Aout 1867).

Đã vậy, mới bảy tháng trước đây, họ còn an sống với những phép tắc, luật lệ của Nam triều, nay đột ngột cả chánh thể đều bị thay đổi, bảo sao không tránh khỏi lo âu vì bỡ ngỡ? (...)

Tri Tân số xuân Quý mùi 1943

NHẬT KÝ HÀNH TRÌNH

JOHN WHITE

Sài Gòn năm 1824

(...) Sông Sài Gòn rộng bằng sông nước Xiêm, nhưng dường như lưu lượng nó mạnh hơn. Tàu bè mọi cỡ đều lưu thông được. Nó ít uốn khúc hơn nhiều con sông khác và nước của nó ít đục hơn. (...)

Khi đến gần thành phố, chúng tôi ngạc nhiên thấy nó rộng đến như thế. Thành phố được xây cất trên hữu ngạn con sông. Vượt qua nhiều dặm là chúng tôi đã tới gần giữa thành phố. Nhà cửa to lớn, rất rộng rãi và rất thích hợp với khí hậu. Mái nhà bằng ngói được đỡ bởi những cây cột to bằng gỗ đen, nặng và bền, gọi là "cây sao." Tường bằng khung tre tô đất phết vôi. Sàn nhà bằng ván, cao trên mặt đất vài cước (khoảng ba tấc ruỗi). Nhà cửa nối tiếp nhau dàn dọc theo những con đường rộng rất thoáng khí, hay bên bờ rạch.

Người ta dẫn chúng tôi đến một căn nhà được bài trí để tiếp chúng tôi. Nhiều ngàn người, ngoài đội bảo vệ đông đảo với binh sĩ võ trang bằng giáo, chờ đón chúng tôi ở đó. Đám đông tỏ ra lịch sự, có trật tự, đứng đắn và lễ phép, nên đối với chúng tôi rất đẹp mắt cũng như bất ngờ. Những người này đều có y phục, số lớn rất đàng hoàng, với chúng tôi tất cả có vẻ nhỏ thó khác thường, mặt tròn, tính linh hoạt và nét mặt của họ đặc biệt nổi bật. (...)

30 tháng Tám (1824)

Một cuộc viếng thăm chợ buổi sáng xác nhận những điều quan sát của tôi về phong tục của người dân xứ này. Theo ý kiến tôi, người ta không thể nào xem, theo bất cứ quan điểm nào, người Nam kỳ như là một con người xinh đẹp. Tuy nhiên, nhiều phụ nữ đẹp rất đúng mực và có nước da đặc biệt tươi sáng, cử chỉ của họ rất quyến rũ và không có chút gì thiếu đứng đắn, mà theo các bài tường thuật của các nhà du hành, là điểm nổi bật ở dân tộc này. (...)

Khắp nơi, ở chợ, người ta tìm thấy vô số những vật mà người bản xứ dùng. Có lẽ chẳng có nước nào sản xuất nhiều trầu, cau hơn. Cá khô hay tươi, gạo, khoai lang, với phẩm chất tuyệt hảo; ngô, mụt măng luộc, mạ, đường thô, chuối, cam, bưởi, lê, lựu, thuốc lá ê hề. Người ta bán thịt lợn tại tất cả các chợ. Thịt cá sấu rất được ưa thích; người Hoa thông dịch của chúng tôi cũng nói là người ta bán thịt chó nữa.

(...) Chúng tôi đã trải qua nhiều giờ để viếng nhiều nơi trong thành phố và trở về bản doanh của chúng tôi vào chiều tối, rất thỏa mãn về tất cả những gì chúng tôi đã thấy, mang theo cảm tưởng thuận lợi nhất về phong tục và tính tình của dân chúng. Những sự ân cần, lòng tốt, sự hiếu khách mà chúng tôi đã thấy đã vượt quá xa tất cả những gì chúng tôi đã quan sát đến nay ở các quốc gia châu Á...

(Trích dịch từ *A voyage to Cochinchina*, London 1824.)

Dịch đánh số đề ở Sài Gòn

Dịch cúm, dịch sốt rét, dịch tả v.v.. có ngày sẽ hết. Nhưng dịch "ghiền" đánh đề như một loại bệnh dịch có bùng phát mà không có lúc tắt. Nó là thứ dịch có từ nhiều chục năm qua, đeo đẳng rất nhiều người. Bởi không phải ai cũng đủ sáng suốt để nhận biết một khi lao vào đấy là được ít thua nhiều. Ở các khu phố bình dân tại Sài Gòn, tệ nạn này biến hóa thiên hình vạn trạng, để rồi vỗ béo các tay đầu nậu ghi đề, theo một ký sự của tờ Người Lao Động.

GHI ĐỀ MỌI KIỂU

Tôi (ký giả tờ Lao Động) và Quang "mèo" - biệt hiệu của bạn tôi - vào quán cà phê bà Loan lúc sòng tứ sắc đang sôi nổi. Chỉ chốc lát, bà Loan buông bài, phán: "Thôi nghỉ, để tôi còn làm ăn." Các bà hàng xóm ra về.

Thảo - con gái bà Loan, cầm ra một xấp giấy ghi đề, nháy mắt với Quang "mèo": "Bữa nay anh ghi chơi chút ít?" Quang "mèo" gật đầu, "bao lô" số 21. Cô gái cười rúc rích, tôi cũng cười, bởi con số 21, theo dân chơi đề, là số... gái điếm. Xong, Thảo quay sang mời tôi. Tôi bảo đêm qua mơ thấy con trâu. Thảo giải thích: Con trâu nhỏ số 09, trâu lớn vừa số 49, trâu "cộ" số 89. Tôi ghi 10,000 đ, lấy "đầu đuôi" 49. Chúng tôi bỏ túi hai tờ biên nhận nhỏ xíu ghi ngoằn ngoèo mấy con số, tán cô chủ quán vài câu rồi về.

Quán cà phê nơi chúng tôi ghi đề nằm cùng con hẻm Quang "mèo" ở trọ - một con hẻm nhiều tệ nạn ở quận 10. Khu này có ít nhất sáu điểm ghi số đề mà Quang "mèo" biết rõ. Nhiều lần lê la "học hỏi", tôi mới biết nghề chơi số đề bây giờ phát triển mạnh với lắm chiêu kỳ quặc.

Ngày trước, tôi chỉ biết đánh đề là "số đầu, số đuôi," nghĩa là lấy hai con số của lô trúng giải xổ số kiến thiết nhỏ nhất làm "số đầu", 2 con số cuối của lô trúng giải độc đắc làm "số đuôi." Giờ đây mới biết sự "sáng tạo" của dân cờ bạc là không giới hạn. Thế này nhé: Bạn có thể chọn lối đánh "bao lô" hai con, nếu hai con số bạn chọn ứng vào hai con số cuối bất kỳ nào trong toàn bộ các lô xổ số, bạn sẽ trúng.

Đánh "xỉu chủ" - cái từ lạ lùng này có lẽ xuất hiện từ giới cờ bạc người Hoa Chợ Lớn - là ghi ba con số, ứng với lô xổ số hàng thứ hai và ba số cuối lô độc đắc. Rồi thì có lối đánh "đảo xỉu chủ", đánh ba con "bao lô", bốn con "bao lô" v.v.. Mỗi lối đánh có một tỉ lệ trúng thưởng riêng. Cứ 1,000 đ bỏ ra đánh số đầu hoặc số đuôi, người đánh trúng được trả 75,000 đ, đánh "xỉu chủ" trúng 650,000đ... Nếu tính xác suất trúng của đánh "đầu đuôi" là một phần trăm, của "xỉu chủ" là một phần ngàn, bạn sẽ thấy các trùm đề luôn luôn nắm cán và người chơi đề nắm đằng lưỡi. Những kẻ "nghiện" đề sớm hay muộn cũng trở thành "bác thằng bần" mà thôi.

"THIÊU THÂN"

Cạnh nhà trọ của Quang "mèo" là gia đình bà Hoa, đông lúc nhúc, làm đủ nghề, người làm thuê, kẻ buôn gánh bán bưng. Nhưng cả nhà họ đều là những "cao thủ" trong làng đánh đề. Bất cứ thứ gì gặp phải trong ngày hoặc mơ thấy khi ngủ, họ đều "giải" ra thành con số để sau đó cóp nhặt tiền đem đánh đề. Buổi sáng, bà Hoa ra ngõ thấy có người đi ngang, tay xách một con gà hiếm hoi còn lại sau dịch cúm. Bà sẽ về phổ biến để cả nhà bàn bạc, đoán số: Con gà nhỏ đánh số 28, gà lớn số 68.

Thường thì giờ cao điểm để ghi đề là từ 3-4 giờ chiều, đấy là giờ mà bà Hoa và các "đồng nghiệp" cùng nhau "giải mã" những điều mơ thấy trong giấc ngủ trưa. Có hôm tôi ghé lại, cả nhà đang "đói số" vì chẳng ai gặp điềm báo, bà Hoa hỏi Quang "mèo" xem tôi tuổi con gì, sau đó chạy ngay đi đánh số 35 - số của con dê. Nếu có khách đến nhà mà không tiện hỏi tuổi thì cứ lấy... số xe ra đánh. "Đối với dân ghiền đánh đề thì cái gì cũng biến thành số đề được hết" - Quang "mèo" khẳng định, tôi thấy đúng.

Chẳng biết làm "cao thủ" trong các làng ăn chơi khác thì số phận ra sao, chứ như bà Hoa cứ nhà cửa xập xệ, nợ nần quanh năm. Bà Hằng - một "đồng nghiệp" ở cùng hẻm, nay đã cầm nhà để "nướng" vào các con số. Có hôm rảnh rỗi, tôi và Quang "mèo" rủ hai thanh niên hàng xóm là Quy, Hạnh đi uống bia, hỏi chuyện ăn chơi. Cả hai làm phục vụ kiêm bảo vệ (có mã tấu) bàn bi da, mỗi ngày lương 60,000 đ. Có bao nhiêu chi hết vào cờ bạc và số đề. Đến giờ này thì Quy nợ ông Vinh - một tay ghi đề trong xóm, trên 6 triệu đồng, Hạnh nợ trên 3 triệu đồng. Trong những người góp phần "vỗ béo" các trùm đề nhiều nhất phải kể đến bà Nụ, mới về ở xóm này cách đây hai năm, sau khi đã bán căn nhà trên đường Lê Hồng Phong trên 100 cây vàng để trả nợ đề.

NHỮNG KẺ "NẮM ĐẰNG CÁN"

Trong số sáu tay ghi đề trong xóm mà Quang "mèo" biết mặt kể tên thì ông Vinh là người có nhiều "khách hàng" nhất. Đấy là một người khoảng 50 tuổi, đa nghi như Tào Tháo, đã cùng tôi bù khú bia bọt vài lần nhưng nhắc đến chuyện đề thì cạy miệng không ra. Quang "mèo" trước đây từng ở trọ nhà ông Vinh nên rành hết mọi chuyện.

Hai vợ chồng ông Vinh vừa ghi đề vừa cho vay nặng lãi - hai nghề này thường đi đôi. Mỗi ngày, ông Vinh ghi được 3-4 triệu đồng, có hôm "trúng đậm" được 6-7 triệu. Khách hàng hết tiền cho ghi chịu thoải mái, nhưng chớ hòng giật nợ, sẽ bị thanh toán kiểu xã hội đen. Nhưng ông Vinh, cũng như bà Loan chủ quán cà phê, đều là "tay em" chứ không phải trùm đề. Ghi được bao nhiêu, cứ đến 4 giờ chiều họ phải khóa sổ, đem "phơi" đi nộp cho trùm. "Phơi" là bản liệt kê số đề và khoản tiền thu trong ngày, trùm giữ một bản và "tay em" giữ một bản, đến tối họ lại gặp nhau để thanh toán.

Với mức hoa hồng 10% nhận của trùm đề và khoản tiền ăn của người trúng đề - cứ trúng 75,000 đ phải "nhả" lại 2,000 đ - vợ chồng ông Vinh sống phè phỡn. Khổ nỗi ông Vinh cũng ghiền đánh đề, thỉnh thoảng còn đi xem bói để xin số. Hết tiền, ông lại lén ghi "khống" vào bản "phơi", bà vợ cứ tưởng số của khách hàng. Nếu trúng, ông lãnh tiền đi nhậu, trật thì vợ móc tiền trả và lại chửi nhau. Những khi công an mở đợt truy quét, ông Vinh nhạy mũi biết trước, không giữ "phơi" trong nhà mà đem gửi Quang "mèo".

Tay trùm đề bao thầu cho cả xóm này và còn nhiều khu vực khác là H., nhà ở Tân Bình, rất giàu có. H không bao giờ ra mặt tiếp xúc khách hàng, sử dụng phòng có máy lạnh của một quán nhậu trên đường Lý Thường Kiệt làm "tổng hành dinh" để giao dịch với các "tay em." Trong làng số đề, các tay trùm trụ được lâu năm như H. phải dày dạn chiến trường. Thỉnh thoảng giữa các trùm vẫn xảy ra những cuộc chiến giành "lãnh địa" và các trùm nhỏ mới nổi lên dễ dàng bị bóp chết bằng số "ti dô". Số "ti dô" là từ lóng để chỉ những số bị lộ trước ngày xổ số. Đây mới là chiêu độc của trùm lớn. Họ cho đàn em đến "đại lý" của trùm nhỏ ghi số "ti dô" vài lần là đủ phá sản. Nhưng làm cách nào trùm đề biết trước kết quả xổ số kiến thiết của một Cty nào đó, không ai hiểu được. Vụ tai tiếng ở Cty xổ số kiến thiết Long An cho thấy các trùm đề có thể làm nhiều chuyện chọc trời khuấy nước.

KHI CÁC "THẦY" VÀO CUỘC

Lần đầu tiên trong đời tôi đi xem bói vì muốn xem dân ghiền đề mê tín đến mức nào. Bà "thầy" này vốn nổi tiếng ở quận 4. Quang "mèo" từng theo ông Vinh, quen mặt nên bọn ma cô gác hẻm cho vào. Bà "thầy" còn trẻ, trông cũng "ngon cơm" - như cách dùng từ của Quang "mèo". Sau khi đốt nhang bàn thờ "cô Na" ở trên căn gác, "thầy" vuốt tóc, rùng mình vài cái rồi phán: "Xác cô Na" đã về, cần gì hỏi mau, cô giúp." Đang hỏi vận đỏ đen để xin số đề thì chồng của "thầy" đi nhậu về tới, đứng dưới nhà chửi thề om sòm: "Coi bói kiếm tiền đưa tao đi nhậu tiếp, không thì đánh bỏ mẹ!" Vậy mà hơn chục khách hàng ngồi đợi "thầy" dưới sân vẫn một mực thành kính chứ không ai bỏ về.

Ra khỏi hẻm, tôi cười rũ rượi. Quang "mèo" kể: "Có lần tao với ông Quy xem bói ở Chánh Hưng- quận 8, bà "thầy" ngậm nước phun phèo phèo vào mặt. Tao bảo mất vệ sinh quá, vậy mà ông Quy vẫn một mực tin tưởng." Máu mê cờ bạc cứ làm con người ta mê muội đi, và trong làng số đề vẫn có vô số những con thiêu thân tự lao vào lửa mà không hay mình đang chết cháy.

Tìm đọc:

VIỆT SỬ ĐẠI CƯƠNG

Tập I

của TRẦN GIA PHỤNG

Đây là tập đầu tiên của
một bộ Việt Sử đầy đủ gồm năm cuốn.
Soạn giả đã cố gắng tìm tòi và đưa ra
những tài liệu mới và dựa trên văn bản
tài liệu gốc để tìm lại ý nghĩa của sự kiện.

Sách dày 398 trang. Giá $20.00

Liên lạc: **Trần Gia Phụng**
P.O. Box 63015
1655 Dufferin Street
Toronto, ON M6H – 4H8
Canada

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Biết vọng không theo *Đối cảnh vô tâm*
Không kẹt hai bên *Hằng sống với lẽ thật*

Là phương pháp tu do Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt sáng lập để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo pháp môn Thiền Tông Việt Nam cuối Thế Kỷ 20, đầu Thế Kỷ 21.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang.

Xin liên lạc **Tâm An:** *(714) 891-6742*

9455 Bolsa # E, Westminster, CA 92683

hay **www.TrucLamThienVien.com**

Web Site: ThienTongVietNam.HuongSen.com

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim